

QUỐC TRIỀU
HÌNH LUẬT

LUẬT HÌNH TRIỀU LÊ
LUẬT HỒNG ĐỨC

國朝刑律

QUỐC TRIỀU
HÌNH LUẬT 國朝刑律

010.28.0001

NHA XUẤT BẢN THANH PHỐ

ỜI NHÀ XUẤT BẢN

QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT (*Luật hình triều Lê*)
là một bộ luật hình chính thống và quan trọng nhất
của triều đại nhà Lê (1428 - 1788). Bộ luật này trong
lịch sử gian nước ta đã có thời kỳ gọi theo cách giản
tục : **LUẬT HỒNG ĐỨC**.

QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT nguyên bản bằng chữ
 Hán được lưu trữ tại Viện nghiên cứu Hán Nôm (Hà
 Nội). Có ba bản **QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT** in ván
 khắc mang các ký hiệu : A.341, A.1995, A.2754. Bản
QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT mang ký hiệu A.341
được coi là bản có giá trị nhất vì là bản in ván khắc
 hoàn chỉnh hơn cả.

Ở nước ta, **QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT** được dịch
 sang quốc ngữ lần đầu tiên năm 1956 nhằm phục vụ
 giảng dạy và nghiên cứu của trường Luật khoa đại
 học Sài Gòn do Lương Thân Cao Nãi Quang phiên
 âm, dịch nghĩa, Nguyễn Sĩ Giác nhuận sắc và Vũ Văn
 Mẫu viết lời tựa. Vì các văn bản gốc của bộ luật này

được lưu trữ tại Hà Nội nên các dịch giả phải dựa vào bản chụp của Trường Viễn Đông Bác Cổ. Tại Hà Nội, QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT chưa được dịch trọn vẹn, người đọc chỉ được biết thông qua bản dịch trong sách Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí phần Hi Luật Chí do Viện Sử học xuất bản năm 1961 mà Phan Huy Chú công bố nhưng còn thiếu 143 điều luật trong số 722 điều luật.

Nhằm cung cấp cho bạn đọc một bản dịch hoàn chỉnh QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT, qua đó giới thiệu một trong những thành tựu tiêu biểu của nền văn hóa dân tộc nước nhà cho những ai muốn tìm hiểu lịch sử và pháp luật nước ta, nhóm các nhà chuyên môn gồm các ông Dương Trung Quốc, Tổng thư ký Hội Khoa học lịch sử Việt Nam điều hành chung, ông Vũ Huy Phúc, chuyên viên Viện Sử học khảo cứu văn bản và các ông Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Nhuận và Tiến sĩ Nguyễn Tá Nhí tổ chức dịch từ bản QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT chữ Hán mang ký hiệu A.341 và có đối chiếu tham khảo các văn bản khác dịch ra quốc ngữ.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬT HÌNH TRIỀU LÊ

*

Bản dịch quốc ngữ

QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT

Người dịch :

TS. NGUYỄN NGỌC NHUẬN
TS. NGUYỄN TÁ NHÍ

LUẬT HÌNH TRIỀU LÊ

ĐỒ GIẢI 5 HẠNG ĐỂ TANG

1. **Trảm thời** : Để tang 3 năm, có chống gậy, áo may bằng vải sô xấu, buồng gấu.

2. **Tự thời**, có 4 bậc : Để tang 1 năm có chống gậy, 1 năm không chống gậy, 5 tháng, 3 tháng, áo may bằng vải sô, viền gấu.

3 **Đại công** : Để tang 9 tháng, áo may bằng vải thô.

4. **Tiểu công** : Để tang 5 tháng, áo may bằng vải thô.

5. **Ty ma** : Để tang 3 tháng, áo may bằng vải thường.

BIỂU ĐỒ ĐỂ TANG 9 BẬC HỌ NỘI

1. Kỵ tổ ông kỵ tổ bà : Để tang **Tự thời** 3 tháng.

2. Cụ tổ ông cụ tổ bà : Để tang **Tự thời** 5 tháng.

Cụ tổ ông cụ tổ bà họ : Để tang **Ty ma**.

Cụ tổ cô : ở nhà để tang **Ty ma**, lấy chồng thì không để tang.

3. Ông bà : Để tang **Tự thời** 1 năm, không chống gậy (1)

(1) *Tự thời*, để tang ông bà 1 năm, nếu cha mẹ còn thì không chống gậy, nếu cha mẹ mất thì có chống gậy (*Thọ mai gia lễ*)

Ông bà hàng anh em ông : Để tang **Tiểu công**.

Ông bà hàng anh em ông họ : Để tang **Ty ma**.

Bà cô : ở nhà để tang **Tiểu công**, lấy chồng thì để tang **Ty ma**.

Bà cô họ : ở nhà để tang **Ty ma**, lấy chồng thì không để tang.

4. Cha mẹ : Để tang **Trảm thời** 3 năm, có chống gậy.

Chú bác thím : Để tang **Cơ niên**(1)

Chú bác thím họ : Để tang **Đại công**.

Chú bác thím họ xa : Để tang **Ty ma**.

Cô : ở nhà thì để tang **Cơ niên**, lấy chồng thì **Đại công**.

Cô họ : ở nhà thì để tang **Tiểu công**, lấy chồng thì để tang **Ty ma**.

Cô họ xa : ở nhà thì để tang **Ty ma**, lấy chồng thì không để tang.

5. Hàng ngang vai với bản thân :

Anh em ruột : Để tang **Cơ niên**.

Chị em dâu : Để tang **Đại công**.

Anh em con chú con bác : Để tang **Đại công**.

Chị em dâu con chú bác : Để tang **Ty ma**.

Anh em con chú bác họ : Để tang **Tiểu công**.

Chị em dâu con chú bác họ : Để tang **Ty ma**.

Anh em con chú bác họ xa : Để tang **Ty ma**.

(1) *Cơ niên* : tròn 1 năm.

Chị em dâu con chú bác họ xa : Không để tang.

Chị em ruột : ở nhà để tang **Cơ niên**, lấy chồng thì để tang **Đại công**.

Chị em con chú con bác : ở nhà để tang **Đại công**, lấy chồng thì để tang **Tiểu công**.

Chị em con chú bác họ : ở nhà thì để tang **Tiểu công**, lấy chồng thì để tang **Ty ma**.

Chị em con chú bác họ xa : ở nhà thì để tang **Ty ma**, lấy chồng thì không để tang.

6. Con trai trưởng(*) : Để tang **Cơ niên**.

Con dâu trưởng : Để tang **Cơ niên**.

Con trai thứ : Để tang **Cơ niên**.

Con dâu thứ : Để tang **Đại công**.

Con gái (*) : Ở nhà để tang **Cơ niên**, lấy chồng thì để tang **Đại công**.

Con rể (*) : Để tang **Ty ma**.

Cháu gọi bằng chú bác : Để tang **Đại công**.

Cháu dâu gọi bằng chú bác : Để tang **Tiểu công**.

Cháu gọi bằng chú bác họ : Để tang **Tiểu công**.

Cháu dâu gọi bằng chú bác họ : Để tang **Ty ma**.

Cháu gái gọi bằng chú bác : Ở nhà để tang **Đại công**, lấy chồng thì để tang **Tiểu công**.

Cháu gái gọi bằng chú bác họ : Ở nhà thì để tang **Tiểu công** lấy chồng thì để tang **Ty ma**.

Cháu gái gọi bằng chú bác họ xa : Ở nhà để tang **Ty ma** lấy chồng thì không để tang.

7. Cháu nội đích (*) : Để tang **Cơ niên**.

Cháu dâu đích : Để tang **Tiểu công**.

Cháu nội thứ : Để tang **Đại công**.

Cháu dâu thứ : Để tang **Ty ma**.

Cháu gái(*) : Ở nhà để tang **Đại công**, lấy chồng thì để tang **Tiểu công**.

Cháu gọi bằng ông chú ông bác : Để tang **Tiểu công**.

Cháu dâu gọi bằng ông chú ông bác : Để tang **Ty ma**.

Cháu gọi bằng ông chú ông bác họ : Để tang **Ty ma**.

Cháu dâu gọi bằng ông chú ông bác họ : Không để tang.

Cháu gái gọi bằng ông chú ông bác : Ở nhà để tang **Tiểu công**, lấy chồng thì để tang **Ty ma**.

Cháu gái gọi bằng ông chú ông bác họ : Ở nhà để tang **Ty ma**, lấy chồng thì không để tang.

8. Chắt nội(*) : Để tang **Tiểu công**.

Chắt dâu(*) : Không để tang.

Chắt gọi bằng cụ chú, cụ bác : Để tang **Ty ma**.

Chắt dâu gọi bằng cụ chú cụ bác : Không để tang.

(*) Ở trang 26, 27 và 28 những chỗ có dấu hoa văn (*) là chỗ ở nguyên bản bị rách nát, chúng tôi căn cứ theo THỌ MAI GIA LỄ để bổ sung vào.

Chất gái gọi bằng cụ chú cụ bác : Ở nhà để tang Ty ma, lấy chồng thì không để tang.

9. Chít nội(*) : Để tang Ty ma.

Chít dâu(*) : Không để tang.

ĐỒ HÌNH CỤ

ROI

Đầu lớn 3 phân, đầu nhỏ 1 phân 5 ly, dài 3 thước 5 tấc, làm bằng cây song, róc bỏ những mấu mắt.

TRƯỢNG

Đầu lớn 5 phân, đầu nhỏ 2 phân 5 ly, dài 3 thước 5 tấc, làm bằng cây song lớn, không róc bỏ những mấu mắt.

TRƯỢNG ĐỂ TRA TẤN

Đầu lớn 6 phân, đầu nhỏ 3 phân 5 ly, dài 3 thước 5 tấc, làm bằng cây song lớn.

GÔNG

Dài 1 thước 7 tấc, rộng 5 tấc.

DÂY SẮT

Dài một trượng làm bằng sắt.

QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT

MỤC LỤC

QUYỂN I :

- Chương Danh lệ, gồm 49 điều.
- Chương Cấm vệ, gồm 47 điều.

QUYỂN II :

- Chương Vi chế, gồm 144 điều.
- Chương Quân chính, gồm 43 điều.

QUYỂN III :

- Chương Hộ hôn, gồm 58 điều.
- Chương Điền sản gồm 32 điều, mới thêm 14 điều (1).
- Chương Thông gian, gồm 10 điều.

QUYỂN IV :

- Chương Đạo tặc, gồm 54 điều.
- Chương Đấu tụng, gồm 50 điều.

QUYỂN V :

- Chương Trá nguy, gồm 38 điều.
- Chương Tạt luật, gồm 92 điều.

QUYỂN VI :

- Chương Bộ vong, gồm 12 điều (2).
- Chương Đoán ngục, gồm 65 điều.

(1) Cuối chương Điền sản còn 13 điều luật ruộng đất hương hỏa, ở bản mục lục này không ghi, nên toàn chương Điền sản phải gồm 59 điều.

(2) Mục lục ghi 12 điều, nhưng trong chính văn ghi là 13 điều.

QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT

QUYỂN I

Chương DANH LỆ (Tên gọi luật lệ) (Gồm 49 điều)

1. [Điều 1] - Năm hình phạt.

I. Xuy hình (Đánh roi) có năm bậc :

Từ 10 đến 50 roi, chia làm 5 bậc : 10 roi, 20 roi, 30 roi, 40 roi, 50 roi, tùy theo tội mà thêm bớt. Xử tội này có thể kèm theo *phạt tiền*, *biếm chức*⁽¹⁾, hoặc chỉ xử riêng tội này. Đàn ông, đàn bà đều phải chịu. Về tội *đổ*⁽²⁾, *lưu*⁽³⁾ chỉ đàn bà phải chịu.

II. Trượng hình (Đánh trượng), có năm bậc :

Từ 60 đến 100 trượng, chia làm 5 bậc : 60 trượng, 70 trượng, 80 trượng, 90 trượng, 100 trượng, tùy theo

- (1) *Biếm chức* : giáng chức quan.
- (2) *Đổ* : *đổ hình*, tội giam cầm bắt làm việc khổ sai.
- (3) *Lưu* : *Lưu phóng*, đày người có tội đi nơi xa.

tội mà thêm bớt. Xử tội này có thể cùng với tội *lưu*, *tội đổ*, *biếm chức*, hoặc xử riêng, chỉ đàn ông phải chịu.

III. Đồ hình, có ba bậc :

Từ *thuộc đình*⁽¹⁾ đến *khao đình*⁽²⁾ *thứ phụ*⁽³⁾ đến *tang thất phụ*⁽⁴⁾ là một bậc.

Từ *tượng phường binh*⁽⁵⁾ đến *xuy thất tỳ*⁽⁶⁾ là một bậc.

Từ *chủng điền binh*⁽⁷⁾ đến *thung thất tỳ*⁽⁸⁾ là một bậc.

Theo tội mà thêm bớt.

1. *Dịch đình* (*thuộc đình*, *quân đình*, *xã đình*⁽⁹⁾, *khao đình*); *Dịch phụ* (*thứ phụ*, *viên phụ*⁽¹⁰⁾, *tang thất phụ*).

Đàn ông phạm tội nhẹ thì đánh 80 *trượng*, có quan chức thì *đổ* làm *thuộc đình* các viện, hay *quân*

- (1) *Thuộc đình* : kẻ bị đày đi làm những việc phục dịch.
- (2) *Khao đình* : kẻ bị *đổ* đi phục dịch trong quân đội. "Khao" nghĩa là thưởng, ý nói thưởng cho quân đội dùng để sai khiến.
- (3) *Thứ phụ* : phụ nữ phục dịch mọi công việc ở làng. "Thứ" nghĩa là hạng dưới.
- (4) *Tang thất phụ* : đàn bà bị đày vào phục dịch nhà nuôi tằm.
- (5) *Tượng phường binh* : binh lính phục dịch ở chuồng voi.
- (6) *Xuy thất tỳ* : nô tỳ phục dịch ở nhà bếp.
- (7) *Chủng điền binh* : binh lính phục dịch làm ruộng.
- (8) *Thung thất tỳ* : nô tỳ phục dịch nhà xay lúa, giã gạo.
- (9) *Xã đình* : đàn ông phục dịch mọi công việc ở làng xã.
- (10) *Viên phụ* : đàn bà phục dịch làm vườn.

đinh ở bản sảnh; dân thì đồ làm xā đinh ở bản xã; phạm tội nặng thì đánh 80 trượng, đồ làm dịch đinh bắt phải làm việc. Dân bà phạm tội nhẹ thì đánh 50 roi, dân thì đồ làm thứ phụ ở làng, vợ các viên chức thì đồ làm viên phụ; phạm tội nặng thì đánh 50 roi, đồ làm tưng thất phụ, bắt phải làm việc.

2. Tượng phường binh; xuy thất tỳ.

Đàn ông thì đánh 80 trượng, thích vào cổ 2 chữ, đồ làm tượng phường binh, bắt phải làm việc. Dân bà thì đánh 50 roi, thích vào cổ 2 chữ, đồ làm xuy thất tỳ, bắt phải làm việc.

3. Chủng điền binh; thung thất tỳ.

Đàn ông thì đánh 80 trượng, thích vào cổ 4 chữ, đồ làm chủng điền binh, bắt đeo xiềng, dày vào làm việc ở Điền Châu. Dân bà thì đánh 50 roi thích vào cổ 4 chữ, đồ làm thung thất tỳ, bắt phải làm việc.

IV. Lưu hình, có ba bậc :

Từ châu gần đến châu xa, chia làm ba bậc, tùy theo tội mà tăng giảm.

1. Châu gần :

Đàn ông đánh 90 trượng, thích vào mặt 6 chữ, bắt đeo xiềng, dày đi làm việc ở các nơi Nghệ An, Hà Hoa. Dân bà đánh 50 roi, thích vào mặt 6 chữ, không phải đeo xiềng, bắt phải làm việc. Các tội dưới đây cũng theo như thế.

2. Châu ngoài :

Đánh 90 trượng, thích vào mặt 8 chữ, bắt đeo xiềng hai vòng, dày đi làm việc ở những xứ Bồ chính.⁽¹⁾

3. Châu xa :

Đánh 100 trượng thích vào mặt 10 chữ, bắt đeo xiềng ba vòng, dày đi làm việc ở các xứ Cao Bằng.

V. Tử hình, có ba bậc :

Từ tội thất cổ (giảo); chém, đến tội lãng trì⁽²⁾, chia làm ba bậc : thất cổ, chém, là một bậc; chém bêu đầu (khiêu) là một bậc; lãng trì là một bậc, tùy theo tội mà tăng giảm :

1. Thất cổ, chém;
2. Chém bêu đầu;
3. Lãng trì.

2. [Điều 2] - Mười tội ác (Thập ác).

1. Mưu phản, là mưu mô làm nguy đến xã tắc.
2. Mưu đại nghịch, là mưu phá hủy tông miếu, lăng tẩm và cung điện nhà vua.
3. Mưu chống đối, là mưu phản nước theo giặc.

(1) Nay là Quảng Bình.

(2) Lãng trì : loại hình phạt tàn khốc thời phong kiến. phạm nhân phạm trọng tội bị mang ra pháp trường, trước tiên cắt tay chân, rồi xẻo thịt dần cho đến chết.

4. *Ác nghịch*, là đánh và mưu giết ông bà, cha mẹ, bác, chú, thím, cô, anh, chị, em, ông bà ngoại, ông bà cha mẹ chồng.

5. *Bất đạo*, là giết một nhà ba người không đáng tội chết, giết người chặt thây ra từng mảnh, bỏ thuốc độc bùa mê.

6. *Đại bất kính*, là ăn trộm đồ thờ trong lăng miếu, đồ ngự dụng (1); làm giả ấn tín của vua; chế thuốc ngự không theo đúng phương thuốc, bao gói dễ lấm; nếu ngự thiện phạm vào những món ăn cấm; không giữ gìn thuyền ngự cho được chắc chắn; chỉ trích nhà vua và đối với sứ giả nhà vua không đúng lễ bầy tôi.

7. *Bất hiếu*, là tố cáo, rủa mắng ông bà, cha mẹ, trái lời cha mẹ dạy bảo; nuôi nấng thiếu thốn, có tang cha mẹ mà lấy vợ lấy chồng, vui chơi ăn mặc như thường; nghe thấy tang ông bà cha mẹ mà giấu, không cử ai(2); nói dối là ông bà cha mẹ chết.

8. *Bất mục*, là giết hay đem bán những người trong họ từ hàng phải để tang 3 tháng trở lên, đánh đập và tố cáo chồng, cùng những họ hàng từ *tiểu công*(3) trở lên.

(1) *Ngự dụng* : đồ dùng của nhà vua. Để miêu tả các hoạt động của vua, thường đặt thêm từ "ngự" ở trước.

(2) *Cử ai* : tố chức tang lễ.

(3) *Tiểu công* : họ hàng phải để tang 5 tháng.

9. *Bất nghĩa*, là giết quan bản phủ và các quan đương chức tại nhiệm; giết thầy học; nghe thấy tin chồng chết không cử ai lại vui chơi ăn mặc như thường, cùng là cải giá(1).

10. *Nội loạn*, là gian dâm với người trong họ từ hàng *tiểu công* trở lên, cùng nàng hầu của ông cha.

3. [Điều 3] - Tám điều được nghị xét giảm tội (*Bát nghị*).

1. *Nghị thân*, là họ tôn thất từ hàng *dân miếu*(2) trở lên; họ hoàng thái hậu từ hàng phải để tang *ty ma*(3); họ hoàng hậu từ *tiểu công* trở lên.

2. *Nghị cố*, là những người cố cựu(4).

3. *Nghị hiền*, là những người có đức hạnh lớn.

4. *Nghị năng*, là những người có tài năng lớn.

5. *Nghị công*, là những người có công huân lớn.

6. *Nghị quý*, là những quan viên có chức sự từ tam phẩm trở lên, những quan viên *tân chức*(5) hay có tước từ nhị phẩm trở lên.

(1) *Cải giá* : đi bước nữa, lấy chồng một lần nữa.

(2) *Dân miếu* : họ hàng nhà vua trong 5 thế hệ.

(3) *Ty ma* : hạng để tang 3 tháng.

(4) Chỉ những người cũ, đã theo giúp vua lâu ngày, hoặc những người giúp việc từ triều trước.

(5) *Tân chức* : chức quan nhân tân, như những chức học quan, hàn lâm.

7. *Nghị cần*, là những người cần cù chăm chỉ.

8. *Nghị tân*, là những con cháu các triều trước.

4. [Điều 4] - Phạm những người thuộc vào tám điều nghị xét giảm tội trên này, mà phạm vào *tử tội*, thì các quan nghị án phải khai rõ tội trạng và hình phạt nên xử thế nào, làm thành bản tâu, dâng lên vua để vua xét định (cơ quan nghị án chỉ xét tình nghị tội cho đúng với pháp luật mà không được quyết định). Từ tội *lưu* trở xuống thì được giảm một bậc, nếu phạm tội *thập ác* thì không theo *luật* này.

5. [Điều 5] - Những họ bà phi của hoàng thái tử từ *dại công*(1) trở lên mà phạm *tử tội*, thì cũng phải làm thành bản tâu dâng lên vua xét định, từ tội *lưu* trở xuống được giảm một bậc, nếu tội *thập ác*, giết người, gian dâm, trộm cắp trong cung cấm, ăn hối lộ làm sai pháp, thì không theo *luật* này.

6. [Điều 6] - Những người thuộc về *nghị thân* mà phạm tội thì họ tôn thất, họ hoàng thái hậu đều được miễn những tội đánh roi, đánh trượng, thích mặt; họ hoàng hậu thì được chuộc bằng tiền.

7. [Điều 7] - Những đàn bà vì chồng làm quan có phẩm trật mà phạm tội thì cho theo phẩm trật mà *nhị giảm*. Nếu phạm đến ông bà cha mẹ chồng

(1) *Dại công*: họ hàng phải để tang 9 tháng, áo may bằng vải thô.

cùng người họ từ *dại công* trở lên thì không theo *luật* này.

8. [Điều 8] - Một người phạm tội mà được hưởng nhiều điều *luật* được giảm, thì chỉ được giảm theo điều *luật* nào giảm nhiều nhất chứ không được giảm cả.

9. [Điều 9] - Về những người phải tội *đồ*, *lưu thích* chữ vào mặt, tội *đồ* thì thích vào cổ, *tượng phương binh* thích hai chữ, *chúng điền binh* 4 chữ; tội *lưu* thì thích ở mặt, *châu gần* thích 6 chữ, *châu ngoài* 8 chữ, *châu xa* 10 chữ. Về khổ chữ thì quan lại mà phạm tội thì thích chữ lớn 3 phân, *tạp phạm* 5 phân, trộm cướp 7 phân, *ác nghịch* 10 phân hoặc không hạn định phân. Quan lại có chức vụ từ ngũ phẩm trở lên, *tân quan* và tước từ tam phẩm trở lên, thì số chữ xét cho giảm bớt.

10. [Điều 10] - Những tội nhân phải đưa đến các nơi *đồ lưu*, nếu là bậc cự thân có công huân (như những người trước sau ở núi Chí Linh mà chưa từng bỏ trốn) từ ngũ phẩm trở lên thì được miễn đi phục dịch, ngoài ra không cho ai được như thế.

11. [Điều 11] - Những kẻ phạm tội *ác nghịch* thì dẫu có dịp ân xá cũng không được ân xá.

12. [Điều 12] - Con cháu những bậc được dự vào *nghị công* mà có tội, thì được theo *lệ ảm* của ông bà cha mẹ mà *nghị giảm*.

13. [Điều 13] - Những người thôi làm quan vì lẽ chính đáng, thì cũng được coi như các quan đương tại chức; những quan chức được phong tặng và trưng dụng làm quan cũng coi như quan có nhậm chức. Lê ấm cho con cháu, dù bản quan còn sống hay đã mất cũng như nhau.

14. [Điều 14] - Những quan viên quân dân phạm tội nếu vì sự sơ xuất lầm lỗi, từ tội *lưu* trở xuống thì cho chuộc bằng tiền. Những ai phạm tội từ khi chưa làm quan, đến khi làm quan (từ lục phẩm trở lên) việc mới phát giác, thì đều giảm tội một bậc, nếu phạm vào tội *thập ác*, cùng gian tham lừa dối thì không theo *luật* này.

15. [Điều 15] - Những người bị tội *đồ*, *lưu*, còn đương đi giữa đường mà gặp dịp ân xá, thì cũng được ân xá theo *luật*, kẻ nào trốn thì không được ân xá.

16. [Điều 16] - Những người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống cùng những người bị phế tật, phạm từ tội *lưu* trở xuống đều cho chuộc bằng tiền, phạm tội *thập ác* thì không theo *luật* này. Từ 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống cùng những người bị ác tật, phạm tội *phản nghịch*, giết người đáng phải tội chết thì cũng phải tâu để vua xét định, ăn trộm và đánh người bị thương thì cho chuộc, còn ngoài ra thì không bắt tội. Từ 90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống đều có bị tội

chết cũng không hành hình, nếu có kẻ nào xui xiểm thì bắt tội kẻ xui xiểm, nếu ăn trộm có tang vật thì kẻ nào chứa chấp tang vật ấy phải bồi thường. Nếu ai xét ra tình trạng đáng thương, hay tài năng đáng tiếc thì đặc cách cho được khỏi phải thích mặt.

17. [Điều 17] - Khi phạm tội chưa già cả tàn tật, đến khi già cả tàn tật việc mới phát giác, thì xử tội theo luật già cả tàn tật. Khi ở nơi bị *đồ* mà già cả tàn tật, thì cũng thế. Khi còn bé nhỏ phạm tội, đến khi lớn mới phát giác, thì xử tội theo *luật* khi còn nhỏ.

18. [Điều 18] - Phạm phạm tội chưa bị phát giác mà tự thú trước, thì được tha tội. Phạm tội *thập ác* và *giết* người thì không theo *luật* này. Phạm tội nhẹ đã bị phát giác mà lại thú cả tội nặng nữa, nhân hỏi về tội đương xét mà thú thêm các tội khác nữa, thì được tha cả mọi tội. Phạm tội *thập ác* và *giết* người thì không theo *luật* này. Còn nhờ người thú thay, thì không được tha tội. Tự thú mà không thú thật hay thú không hết, thì chỉ cho giảm tội một bậc. Về tang vật mà không thú hết thì theo chỗ thú không hết mà xử tội. Biết người sắp tố giác mình, mà mình mới tự thú thì cũng cho giảm tội một bậc. Phạm tội cùng đi trốn, mà biết bắt nhau đem nộp quan thì cũng được tha tội.

19. [Điều 19] - Phạm ăn trộm tài vật của người mà sau lại tự thú với người mất của, thì cũng coi như là thú ở cửa quan.

20. [Điều 20] - Phạm làm công việc có sai sót mà biết tự thú thì được miễn tội. Những người bị liên quan, mà một người biết tự thú cáo giác, thì cả mọi người đều được giảm tội một bậc. Xử án sai sót mà án đã thi hành rồi thì không được theo *luật* này.

21. [Điều 21] - Tiền chuộc bị xử đánh trượng - Mỗi trượng, quan tam phẩm thì phải chuộc 5 tiền; tứ phẩm 4 tiền; ngũ phẩm, lục phẩm 3 tiền; thất phẩm, bát phẩm 2 tiền; cửu phẩm thứ dân 1 tiền.

22. [Điều 22] - Tiền thuộc tội *biếm* mỗi hạng, quan nhất phẩm phải chuộc 100 quan, nhị phẩm 75 quan, tam phẩm 50 quan, tứ phẩm 30 quan, ngũ phẩm 25 quan, lục thất phẩm 20 quan, bát cửu phẩm 15 quan, dân đinh, nô tỳ 10 quan. Còn các quan viên được *tập ấm* mà chưa có tước phẩm gì, thì cũng được *ấm lệ* mà giảm một bậc. Những kẻ hiện bị tội bắt làm *khao đình, tang thất phu* mà trước đã *đồ* làm nô tỳ thì phạt tiền 30 quan, tiền chuộc cũng thế. Bị tội bắt làm *tượng phượng bình* chuộc 60 quan, *chủng điền bình* 100 quan, bị *đày đi châu gần* 130 quan, *châu ngoài* 200 quan, *châu xa* 230 quan, *tử tội* 330 quan (đàn bà phạm tội thì tiền chuộc cũng vậy).

23. [Điều 23] - Tiền công thuê mỗi ngày 30 đồng (nô tỳ trốn tránh không ứng dịch thì phải nộp). Tiền

phú dịch⁽¹⁾ mỗi năm 3 quan (quân dân trốn tránh không ứng dịch⁽²⁾ thì phải nộp). Tiền thiếu các phiên phu dịch, khi bình thời mỗi phiên 7 tiền hoặc 5 tiền (vệ quân 7 tiền, trấn quân 5 tiền). Nếu khi nào có kỳ tập hợp quân đội lớn mà vắng mặt thì theo việc nặng nhẹ mà tính thêm.

24. [Điều 24] - Tiền chuộc bị thích chữ vào mặt (vào cổ cũng vậy) mỗi chữ, tam phẩm chuộc 2 quan, tứ phẩm 1 quan 5 tiền, ngũ phẩm một quan, lục phẩm 7 tiền, thất phẩm 6 tiền, bát cửu phẩm 5 tiền (thứ nhân cũng thế).

25. [Điều 25] - Những người tố cáo việc *muu phản, muu đại nghịch* cùng tiết lộ những việc lớn của nhà nước, thì được thưởng tước, 3 tư trở lên (người bắt được những kẻ phạm tội trên cũng vậy). Tố cáo việc phạm cấm lớn (như việc *đúc lậu tiền đồng*) thì thưởng tước 2 tư (hoặc có bản cho tiền của ruộng đất thì theo chiếu chỉ lúc bấy giờ, người bắt được kẻ phạm tội cũng vậy). Tố cáo việc phạm cấm hoặc *muu giết người, trộm cắp*, thì thưởng tiền từ 100 quan trở xuống; tiền ấy lấy ở kẻ phạm tội (tiền thưởng khác cũng vậy). Tố cáo việc *giấu giếm ruộng, đất, bãi bồi* thì được thưởng một phần mười những ruộng đất bãi bồi ấy, được cày cấy mà ăn một đời (nếu không có

(1) *Phú dịch* : thuế khóa phú dịch.

(2) *Ứng dịch* : đi làm phu dịch.

con thì cho vợ, cải giá thì không cho). Bắt được kẻ cướp, trộm cắp thì được thưởng tước một tư và tiền chùng 1 phần 10 tang vật, lấy ở số tiền tang vật ra. Nếu có chiếu chỉ định thưởng thế nào thì theo chiếu chỉ.

26. [Điều 26] - Những tội xử phạt tiền gồm có 3 bậc, bậc nhất từ 300 quan đến 500 quan, bậc nhì từ 60 đến 200 quan, bậc 3 từ 5 đến 50 quan.

27. [Điều 27] - Những tội xử *biếm* tước thì định ra các bậc : 1 tư, 2 tư, 3 tư, 4 tư, 5 tư.

28. [Điều 28] - Tiền bồi thường tang vật chia làm 2 bậc : bồi thường 2 lần (về tang vật của công) bồi thường 1 lần (về những tang vật các tội lặt vặt). Tội nặng thì bồi thường thêm 5 lần, 9 lần (nếu cố ý tái phạm) cộng với nguyên tang vật tịch thu vào nhau mà cùng phải tội, hay không có chủ, thì tịch thu vào nhà nước, còn thì trả lại người chủ. Phần bồi trả lại người chủ chia làm 10 phần, trả chủ 8 phần, cho quan ty 2 phần, 2 phần này lại chia làm 10 phần, *hình quan*⁽¹⁾ được 6 phần, *ngục quan*⁽²⁾ được 3 phần, nha lại lính tráng được 1 phần.

29. [Điều 29] - Tiền đền mạng - Nhất phẩm, tòng nhất phẩm được đền 15.000 quan, nhị phẩm, tòng nhị phẩm 9.000 quan, tam phẩm tòng tam phẩm 7.000

(1) *Hình quan* : quan xử án kiện ở bộ Hình.

(2) *Ngục quan* : quan coi ngục xử kiện.

quan, tứ phẩm tòng tứ phẩm 5.000 quan, ngũ phẩm tòng ngũ phẩm 2.000 quan, lục phẩm tòng lục phẩm 1.000 quan, thất phẩm tòng thất phẩm 500 quan, bát phẩm đến cửu phẩm 300 quan, thứ nhân trở xuống 150 quan.

30. [Điều 30] - Về việc hoàn lại các vật mua bán. Tiền làm văn tự thì tính một phần mười giá tiền của vật lấy lại được.

31. [Điều 31] - Tiền tạ theo *luật* đền mạng mà giảm, phạm gian thì 10 phần giảm 5 phần, đánh nhau giảm 8 phần, chửi nhau giảm 9 phần rưỡi, nếu đánh chửi nhau ít thì được giảm tội.

32. [Điều 32] - Tiền tẩy thích chữ - Mỗi chữ 3 quan, quan lại phạm pháp thì mỗi chữ 15 quan.

33. [Điều 33] - Tiền trai lễ thất tuần 20 quan, tiền cúng Phật lễ Vu-lan-bồn⁽¹⁾ 5 quan, tiền đám ma 10 quan, nơi quan sang thì tính khác.

34. [Điều 34] - Hạn phúc tấu - Việc kiện trong nội nhiệm thì hạn 5 ngày (không kể ngày phán quyết, ngoại nhiệm thì không kể ngày phúc tấu). Việc kiện ở ngoại nhiệm như : 3 lộ Quốc Oai, 3 lộ Bắc Giang, các lộ Tam Đới, Lý Nhân, Khoái, Hồng Thượng hạn 8 ngày. Các lộ Thiên Trường, Kiến Hưng, Kiến Xương, Tân

(1) *Vu-lan-bồn* : lễ cầu cho vong linh ngày rằm tháng 7 âm lịch.

Hung Thượng, Trường An hạn 10 ngày. Các lộ Nam Sách Thượng Hạ, Tân Hưng Hạ, Hồng Hạ hạn 13 ngày. Các lộ Quy Hóa, Tuyên Quang, Đà Giang, Lạng Giang hạn 15 ngày; Lạng Sơn, Thái Nguyên, An Bang, Thanh Hóa, Diễn Châu hạn 30 ngày; Nghệ An hạn 40 ngày. Các lộ Tân Bình, Thuận Hóa hạn 50 ngày, nếu xa giá ngự đi tuần ở đâu, thì theo đường xa gần mà tính ngày.

35. [Điều 35] - Nhiều người cùng phạm một tội, thì lấy người *khởi xướng* làm đầu, người *a tông* được giảm một bậc. Nếu tất cả người trong một nhà cùng phạm tội, chỉ bắt tội người *tôn trưởng*.

36. [Điều 36] - Nhiều người cùng phạm một tội mà có người trốn tránh, hiện còn người bắt được *xung* ra người đang trốn đứng đầu, mà không đủ người làm chứng, thì *định tội* người bị bắt là *a tông*. Khi bắt được người trốn, *xung* ra người bị bắt trước là đứng đầu, tra hỏi đúng thực, thì *định tội* người bị bắt trước là đứng đầu.

37. [Điều 37] - Người nào phạm hai tội trở lên cùng phát hiện ra một lúc, thì theo tội nặng mà *định tội*, còn tội nhẹ hơn giảm một bậc. Nếu tội phát hiện trước chưa *định*, mà tội sau lại phát hiện ra thì cứ theo hai tội cùng phát hiện mà xử án, kể tang vật mà *định tội*. Nếu phạm tội nhiều lần thì tính gồm tang vật lại mà *định tội*.

38. [Điều 38] - Con cháu thay thế cha mẹ hay ông bà chịu tội đánh roi hoặc tội đánh trượng, đều được giảm một bậc.

39. [Điều 39] Người thân phải để tang *đại công*, (chịu tang 9 tháng) trở lên, ông bà ngoại, cháu ngoại, vợ cháu nội, anh em chồng, vợ anh em, cùng giấu tội cho nhau, đày tớ trai gái giấu tội cho chủ nhà, đều không phải tội. Nếu phạm tội *muu phản* trở lên thì không theo luật này.

40. [Điều 40] - Những người *miền thượng du*⁽¹⁾ cùng phạm tội với nhau thì theo phong tục xứ ấy mà *định tội*. Những người *thượng du* phạm tội với người *trung châu*⁽²⁾ thì theo luật mà *định tội*.

41. [Điều 41] - Khi *định tội* mà không có điều luật chính đáng như đáng giảm tội thì dù tội nặng cũng có thể cho là tội nhẹ (như cho phạm tội vì lầm lỡ), nếu đáng thêm tội thì dù tội nhẹ cũng có thể cho là tội nặng (như cố ý).

42. [Điều 42] - Chịu tang ông bà với cụ kỵ giống nhau, chịu tang cháu chắt chót giống nhau, cháu đích tôn thay cha mẹ mà để tang ông bà cũng như chịu tang cha mẹ, con chịu tang đích mẫu, kế mẫu, từ mẫu

(1) *Thượng du* : miền núi, miền đồng bào dân tộc ít người cư trú.

(2) *Trung châu* : Chỉ miền trung du và miền đồng bằng.

nuôi mình, cũng như chịu tang người thân sinh ra mình. Gọi là con thì trai gái giống nhau.

43. [Điều 43] - [Trong luật] gọi là *Giám lâm* là những người trông coi cả việc xét án, khám nghiệm (thống nhiếp án nghiêm), gọi là *chủ thủ*, là những người nhận việc và giữ việc (cung thân bảo điển). Tuy chức không phải là quan chánh (thống điển) nhưng tạm thời coi việc (giám chủ) cũng là quan chánh.

44. [Điều 44] - [Trong luật] cứ 100 khắc gọi là ngày, tính một công người làm thuê [một ngày], là từ sáng đến tối; 360 ngày gọi là năm, kể tuổi người thì theo số đĩnh. Từ ba người trở lên gọi là chúng, từ hai người trở lên gọi là mutu.

45. [Điều 45] - [Trong luật] gọi là đạo sĩ hay nữ quan⁽¹⁾ thì dù là sư tăng hay ni cô cũng đều như nhau. Đối với thầy học cũng như với chú bác, cha mẹ. Đối với học trò cũng như con anh em.

46. [Điều 46] - Những người phải tội đánh *trượng* : *biếm* một tư thì miễn *tội trượng* hoặc đánh 50 roi. *Biếm* hai tư thì đánh 60 *trượng*. *Biếm* ba tư thì đánh 70 *trượng*. Tội *đồ* thì đánh 80 *trượng*. Tội *liu* đầy đến châu gần thì đánh 90 *trượng*. Tội *liu* đến châu xa, thì đánh 100 *trượng*.

(1) *Đạo sĩ, nữ quan* : đàn ông và đàn bà chuyên theo đạo giáo như ông đồng bà cốt.

47. [Điều 47] - Những người phạm tội, tuy tên gọi tội giống nhau, nhưng phải phân biệt sự phạm tội vì lầm lỡ hay cố ý, phải xét tội nặng nhẹ mà thêm bớt, không nên câu nệ để hợp với ý nghĩa việc xét xử *hình án* : "Tha người lầm lỡ không kể tội nặng, bắt tội người cố ý không kể tội nhẹ".

48. [Điều 48] - Lượng xét những tội *biếm, phạt, đồ, liu, xử tử* mà thêm bớt tùy theo sự can phạm (như việc giấu giếm nô tỳ, nên xét những kẻ được giấu ấy nếu đã phạm tội là vợ con kẻ *đại nghịch* thì luận theo tội giấu vợ con kẻ *đại nghịch*. Ngoài ra thì xét tội xử riêng. Các trường hợp khác đều theo như thế).

49. [Điều 49] - Nếu các quan (sánh, viện) tâu lên vua duyệt mà có chỗ thêm bớt bỏ đi hay nhập vào, thì cứ theo việc thêm bớt sự tình nặng nhẹ mà *định tội*.

Chương
VỆ CẤM
(Canh giữ bảo vệ)
(Gồm 47 điều)

50. [Điều 1] - Người không có chức phận gì mà tự tiện vào xung quanh thái miếu (1) và vào cửa sơn lăng triều vực (2) thì phải tội *đồ* làm *khao đình*. Vượt qua tường thì phải tội *đồ* làm *tượng phượng bình*. Vào nhà thái miếu thì phải tội *đồ* làm *chủng diên bình*. Người canh giữ không biết phải *biếm* hai tư; các quan lệnh, chính (3) đều phải *biếm* một tư. Người giữ cửa cố ý để cho người khác vào thì xử tội như người đi vào. Quan lệnh, chính và quan thái xā (4) đều được giảm một bậc. (Những điều luật khác có nói đến quân thú vệ hay giữ cửa, đều theo như điều này).

51. [Điều 2] - Người tự tiện vào cửa hoàng thành(5), bị tội *trượng* hoặc *biếm*; vào cửa cấm phải tội *đồ* làm *khao đình*; vào cửa thứ nhất trong điện phải tội *đồ*

(1) *Thái miếu* : nơi thờ các vua triều trước.

(2) *Triều vực* : mộ vua.

(3) *Quan lệnh, chính* : Những chức quan phụ trách một cơ quan nhỏ, ví như Tư thiên lệnh phụ trách Tư thiên giám, cung chính phụ trách Thiên hóa cung, nói chung để chỉ các chức quan phụ trách coi miếu, coi lăng; quan lệnh to hơn quan chính.

(4) *Quan thái xā* : quan trông coi miếu thờ thần xā Tắc.

(5) *Hoàng thành* : thành xung quanh cung điện nhà vua.

làm *chủng diên bình*; vào cửa thứ hai phải tội *liu* đầy đến châu gần; vào cửa cung môn thì phải chém. Nếu mang gươm cấm trượng thì tội nặng thêm hai bậc và tài sản phải tịch thu sung công.

Người coi ty tự tiện vào nơi vua nằm và nơi vua ở, cũng bị tội như thế; người dẫn kẻ gian vào cũng bị xử cùng một tội. Nếu người được phép vào mà mang gươm cấm trượng, thì tội nặng hơn người tự tiện vào một bậc. Người giữ cửa không biết thì giảm tội hai bậc. Quan canh phòng được giảm tội ba bậc. Nếu cố ý để cho kẻ gian vào cũng xử tội như đối với kẻ gian. Người tự tiện vào nơi sắc thuốc và nơi nấu ăn của vua, thì phải đầy đi châu xa (quan thường trực chỉ được đến ngoài cửa các nơi này, nếu vào lầm, thì phải tội *biếm* hay *đồ*). Người vào vườn cấm (1) phải *đồ* làm *khao đình*.

52. [Điều 3] - Người trèo qua tường điện bị xử tội chém, trèo qua tường cấm xử tội *giảo*, trèo qua hoàng thành phải đầy đi châu xa; trèo qua kinh thành (2) xử tội *đồ* làm *khao đình*. Người theo cống rãnh ra vào và cuộc phát trong nội cấm thì tội cũng như người trèo qua thành.

(1) *Vườn cấm* : vườn của nhà vua.

(2) *Kinh thành* : thành bao bọc kinh đô, tức là thành Đại La.

53. [Điều 4] - Những quân túc vệ (1) lấy người không phải là quân túc vệ đội tên thay cho mình, cũng là kẻ đi thay ấy vào trong cung điện, trong cung, đều phải chém; vào cửa cấm tội giảm một bậc; vào cửa hoàng thành lại được giảm một bậc. Quan chủ ty (2) không biết việc ấy *biếm* ba tư; nếu biết mà làm ngơ thì phải tội *liu*. Người đội trưởng thường trực phiên canh phải tội nặng hơn quan chủ ty hai bậc. Nếu mướn lính túc vệ khác không phải phiên canh đi canh thay thì người mướn cùng người canh thay, nếu là lính canh ở trong phải tội đánh trượng, biếm hai tư; nếu là lính canh ở ngoài thì cũng phải tội giống như người ngoài tự tiện vào cung; quan chủ ty phải tội *trượng*, hoặc *biếm*; người đội trưởng thường trực phải tội *đó*. Canh thay ở cửa cấm viên giảm tội một bậc; canh thay ở cửa hoàng thành lại giảm một bậc.

54. [Điều 5] - Những người vì công việc được vào cung điện mà ngủ đêm lại và những người dung túng cho ngủ lại, đều bị xử tội *liu* đày đi châu xa. Những tướng lĩnh đem người vào cung điện khuân dọn làm việc, nếu người giữ cửa chưa nhận được giáp phép mà để cho vào, hay số người vào nhiều hơn số đã định

(1) *Túc vệ* : binh sĩ canh giữ các cung điện trong hoàng thành.

(2) *Quan chủ ty* : quan phụ trách việc trông coi thành, cung điện, lăng, miếu.

trong giấy phép thì phải tội chết hay tội *liu* đi châu xa, như tội người tự tiện vào cung. Quan chủ ty biết việc ấy mà cố ý dung túng thì phải tội cũng như người tự tiện vào cung, nếu không biết được giảm tội ba bậc. Người biết thì cũng được giảm hai bậc, không biết thì được miễn tội.

55. [Điều 6] - Những người vào trong cung điện làm việc hết giờ mà không ra khỏi khu vực ngoại điện thì xử tội *liu*, ở lại trong cung bị xử tội *giáo*, ở lại nơi vua nằm xử tội chém. Nếu người không biết mà lầm lỡ, phải tâu lên để vua định đoạt. Quan chủ ty biết mà để cho ở lại như vậy, tội giảm một bậc, nếu thật không biết tội giảm hai bậc.

56. [Điều 7] - Các quan vào chầu vua, các sắc dịch đi làm việc và lính tráng đầy tớ ra vào hoàng thành, nếu không phải người túc trực và người được phép ở trong thành thì chiều tối phải ra ngoài thành, không được ở lại trong cung cấm. Khi trên thành có tiếng trống cầm canh, cửa thành đã khóa, thì quan đốc sát, quan canh tuần (Hoàng thành thì dùng thuộc viên bốn đạo, Cung cấm thì dùng thuộc viên Viện nội mật) phải khám xét khắp nơi trong thành, nếu thấy người ẩn nấp phải bắt giữ để tâu vua xét. Người ẩn nấp len lút bị xử tội *liu* hoặc tội *xử tử*. Nếu là đầy tớ nhà nào thì chủ nhà cũng phải tội. Nếu quan đốc sát, quan tuần canh kiểm soát không chặt chẽ, thì tội nhẹ hơn

người trốn tránh hai bậc, nếu cố ý dung túng thì xử tội như đối với người trốn tránh.

57. [Điều 8] - Khi xe vua đi chơi qua, người đã được lính bảo tránh, mà còn ẩn nấp không chịu ra thì phải tội *đồ* làm *chủng diên binh*; nếu cầm gậy thì xử tội *lưu* đi châu gần; cầm mác nhọn xử tội *giáo*; quan chủ sự tìm xét người không hết phải tội giảm một bậc; vô ý không biết được giảm hai bậc, nếu khám xét mà bỏ sót đồ binh khí, bị xử tội *biếm* một tư.

58. [Điều 9] - Vào cung điện cấm không được hát *dâm thanh* (1) hòa *dâm nhạc* (2), người trong cung không được đánh trống hát, nếu trái bị tội *xuy* đánh 50 roi và đốt hết nhạc cụ; người giữ cửa không biết phải đánh 60 *trượng*, người dung túng phải *biếm* một tư.

59. [Điều 10] - Nếu người không có phận sự gì mà trèo lên cao trọng ngang vào trong cung điện nhà vua thì bị xử tội *đồ*.

60. [Điều 11] - Những người đã bị xóa tên trong sổ, phải ra khỏi cung điện, mà lưu lại không ra, hay đã có công văn cấm không cho vào mà cứ vào, đều xử tội tự tiện vào cung.

(1) *Dâm thanh* : lời ca tiếng hát bữa bãi, không hợp với giáo hóa.

(2) *Dâm nhạc* : nhạc điệu dâm loạn.

61. [Điều 12] - Những người vào cung điện, tự tiện nói chuyện với cung tần và đưa thư tín cùng áo quần đồ vật thì phải tội chém.

62. [Điều 13] - Những quan phụng sắc (1) ban đêm khóa các cửa hoàng thành, cung điện, và trong nội cấm khi đóng cửa rồi phải dăng lại chìa khóa; nếu không dăng hay để chậm, xử tội *biếm* và *trượng*. Nếu không phụng sắc mà tự tiện mở cửa thì bị xử *lưu* đi châu xa, tội nặng phải *xử tử*.

63. [Điều 14] - Người có chức phận được ra vào cửa cung điện, đều không được ra vào ban đêm, mà nếu ra vào trong ban đêm thì xử tội *đồ*. Người không được phép ra vào mà tự tiện ra vào thì phải *xử tử*.

64. [Điều 15] - Người đem cung nỏ bắn vào trong cung điện thì bị tội *đồ* làm *tượng phượng binh*; bắn vào trong cung thì bị tội *đồ* làm *chủng diên binh*; bắn vào nơi vua ở thì bị chém; bắn đạn (2) và ném gạch đá thì tội giảm hai bậc. Nếu làm chết người và làm người bị thương thì phải tội cố ý. Lính túc vệ tại nơi vua ở lỡ rút dao ra thì bị chém; người đứng hầu hai bên vua không bắt ngay người rút dao ấy thì phải tội *lưu* đi châu xa.

(1) *Phụng sắc* : vâng theo sắc chỉ của nhà vua.

(2) *Bắn đạn* : như là thổi ống đồng, không nguy hiểm bằng bắn tên nên tội được giảm đi.

65. [Điều 16] - Khi xa giá vua đi, người nào xông thẳng vào trong quân đội hầu vua thì bị tội *đổ* làm *khao đình*, xông thẳng vào gần kiệu vua thì bị chém, người lầm lỡ được giảm một bậc. Người canh gác không phòng bị để cho gống súc vật chạy đến gần kiệu vua thì bị *biếm* một tư, để xông vào cửa điện thì bị *biếm* ba tư.

66. [Điều 17] - Các đội túc vệ, nếu số người phải canh đêm ở các nơi, cùng số vũ khí bị thiếu không đủ như phép, gặp lúc khẩn cấp thì sẽ bị xử theo *quân luật*, không phải lúc khẩn cấp thì bị tội *biếm*, hay *phạt*.

67. [Điều 18] - Những lính tuần đi tuần trong đô thành, không đến đúng giờ nơi mình tuần phòng và không đủ thuốc gậy về việc phòng bị cùng là dụng cụ đi tuần, và ngăn cấm hay cho người ra vào không đúng phép (buổi tối hễ dứt tiếng trống thu canh (1) cấm người đi lại, buổi sớm nổi tiếng trống tan canh, mới cho người đi lại) thì quan chủ ty thường trực bị phạt tiền 5 quan, người lính thường trực bị đánh 80 *trượng*.

68. [Điều 19] - Trong ban đêm, những người ở trong kinh thành không phải vì việc công và người

(1) *Trống thu canh* : tiếng trống báo hiệu bắt đầu buổi tối.

dân đi tìm thấy thuốc, bà đỡ hay tìm anh em mà không cầm đèn đuốc phải bị bắt đưa đến tòa đồ sánh. Nếu là quan lục phẩm trở lên phải phạt tiền 5 quan, quan thất phẩm trở xuống phải tội *xuy* đánh 50 roi, người dân phải đánh 60 *trượng*. Nếu người mang dao hay cầm gậy bị tội *đổ* làm *chủng điền binh*. Quan thường trực không biết thì bị *phạt*, nếu biết mà cố ý tha thì tội nhẹ hơn phạm nhân một bậc. Nếu quan thường trực bắt giữ người đi đường mà vu cho người ấy là phạm cấm đi đêm, thì bị đánh 60 *trượng*, nếu cưỡng bách lấy tiền hay đồ vật của người ta thì bị ghép vào tội nạt người lấy của. Nếu người đi đêm chống cự lại bằng tay không thì phạt 80 *trượng*, nếu có dao hay gậy thì bị *lưu* đi châu gần, nếu đánh lính bị thương tội nặng thêm một bậc.

69. [Điều 20] - Ban đêm những dân ở trong kinh thành đánh trống la hò (như đồng bóng bắt ma) bị *biếm* một tư. Nếu ban đêm người mở trò vui mà không xin phép quan trong phường cùng là quan coi lính tuần thường trực, thì bị tội đánh roi hay *phạt*. Con trai con gái ở phường khác đến xem mà không cầm đèn đuốc thì bị phạt theo luật cầm đèn (những học trò con gái trong phường ấy thì được miễn).

70. [Điều 21] - Người bắn vào trong miếu xã hay vườn cấm, cùng là phóng đạn, ném đá làm người chết

hay bị thương thì ghép vào tội đánh chết người hay làm người bị thương.

71. [Điều 22] - Người trốn qua cửa quan ra khỏi biên giới đi sang nước khác thì bị chém (theo thuyền buôn nước ngoài mà ra nước ngoài cũng bị tội này) người giữ cửa quan (người coi xét cửa bể cũng thế) không biết thì bị *lưu* đi châu gần, biết mà cố ý cho đi thì cùng một tội với người trốn đi nước ngoài, người chủ tướng bị *biếm* hai tư. Nếu kết vợ chồng với người nước ngoài phải *lưu* đi châu xa, đời vợ chồng ấy phải ly dị và bắt trở về nước. Người giữ cửa quan không phát giác bị xử tội *đồ* làm *chủng điền binh*; người chủ tướng bị *biếm* một tư.

72. [Điều 23] - Những người giữ cửa quan thấy người đem đồ cấm qua cửa quan mà không bắt giữ lại, nếu là lính bị tội *đồ* làm *khao đình*; người ở trấn (1) tội giảm một bậc. Nếu chiếu giấy phép xét ra có mang thừa cấm vật gì, mà không giữ lại, thì lính và quan trấn thủ đều được giảm tội một bậc. Nếu lính canh hay quan trấn thủ cố ý dung túng, cùng là tự mình phạm vào tội nói trên (tội đem cấm vật qua cửa quan) thì đều phải xử nặng hơn tội đem cấm vật ra ngoài

(1) *Người ở trấn* : dân địa phương ở trấn hạt đó. Ý nói nếu dân mang đồ vật cấm đi qua cửa quan mà người giữ cửa không biết thì người giữ cửa quan bị tội nhẹ hơn, so với bỏ sót người lính đem cấm vật đi.

một bậc. Nếu khách buôn cùng dân Man Liêu (1) qua cửa quan, mà sách nhiễu tiền lễ lạt, thì bị *biếm* hai tư, và bắt bồi thường gấp hai số tiền ăn lễ cho kẻ mất tiền.

73. [Điều 24] - Những người giữ cửa quan mượn người khác giữ thay thì người giữ cửa và người giữ thay đều phải *biếm* một tư; nếu thuê mượn bằng tiền thì tội thêm một bậc; người chủ tướng không biết việc ấy bị phạt tiền 15 quan, biết mà làm ngơ phạt tiền 50 quan.

74. [Điều 25] - Những người bán ruộng đất ở bờ cõi cho người nước ngoài thì bị tội chém. Những người bán nô tỳ và voi ngựa cho người nước ngoài, thì bị tội chém. Quan phường xã biết mà không phát giác, thì tội giảm một bậc. Quan lộ, huyện, trấn cố ý dung túng, thì cùng một tội, vô tình không biết thì bị xử *biếm* hay *phạt*.

75. [Điều 26] - Những người đem binh khí và các thứ thuốc có thể chế hỏa pháo, hỏa tiễn bán cho nước ngoài hay tiết lộ việc quân cơ ra nước ngoài đều phải tội chém. Nếu bán binh khí không đến 10 cái, thuốc súng không đến 10 cân, thì bị xử *lưu* đi châu xa, bán đồng và sắt thì bị xử *lưu* đi châu gần. Bán da trâu,

(1) *Man Liêu* : đồng bào dân tộc ít người.

các thứ gân, các thứ sừng để làm quân khí, kể số vật giá đáng 10 quan thì *lưu* đi châu ngoài, nếu tang vật nhiều, tội tăng thêm một bậc. Quan phường xã biết mà không phát giác, tội giảm một bậc; quan lộ, huyện, trấn, cố ý tha đều cùng một tội. Nếu không biết thì bị *biếm* hay *phạt*.

76. [Điều 27] - Những người đem mắm muối bán ra nước ngoài, thì bị xử *lưu* đi châu xa; cho đến kẻ chuyển vận trộm muối mắm, cùng các vật cấm có thể tạo ra binh khí, lén lút đưa ra cửa quan, tuy còn ở trong cương giới, cũng bị xử *lưu* đi châu xa; nếu tang vật không đủ một cân cũng bị xử *lưu* đi châu gần. Nếu đem gỗ lim, vàng sống, vỏ quế, trân châu, ngà voi bán cho thuyền buôn nước ngoài, thì bị tội *biếm* ba tư. Quan phường, xã biết mà không phát giác tội giảm một bậc; các quan lộ, huyện, và trấn cố ý dung túng cùng bị một tội, nếu vì vô tình mà không biết, thì bị tội *biếm* hay *phạt*.

77. [Điều 28] - Những thuyền đi đến cửa sông, thì phải dừng lại, chờ khi nào quan đồn khám xét xong, mới được đi lại; nếu trái, thì bị xử *biếm* hay *đốt*; chỉ thuyền riêng của những quan đại thần huân quý, hàm nhị phẩm trở lên thì không phải khám xét; thuyền đi theo hầu cũng phải khám xét, theo phép. Nếu cậy sức mà chống cự không cho khám xét, thì cũng bị xử tội

biếm hoặc *đốt*; chủ thuyền bị phạt theo trường hợp nhẹ hay nặng. Quan giữ đồn nhất sợ, để cho kẻ gian trốn thoát, cùng là do sự khám xét mà làm khó dễ cản trở đi lại, thì cũng phải tội *biếm* hay *đốt*; nếu sách nhiễu tiền của thì phải tội *đốt*. Những người bày biện các khí giới trong các thuyền, và người đuổi bắt, khám xét không theo đúng phép, cũng bị tội *biếm*. Những nơi gần đồn thủy hay bộ có trộm cướp mà không lùng bắt để được yên ổn đều bị xử tội *đốt*. Các thuyền đi trong sông cùng là cư dân hai bên bờ, thấy thuyền của đồn truy hô lên mà không ra sức cùng bắt quân gian, đều bị tội như là cố ý dung túng giặc theo trường hợp nặng nhẹ. Nếu góp sức mà bắt được quân gian thì đều được thưởng. Những thuyền của các quan coi giữ lãng, miếu, đều không được khám xét, trái *luật* này thì phải tội *đốt*.

78. [Điều 29] - Các vương hầu, quan liêu xuống đến dân thường cấm chứa trong nhà những đồ binh khí, (là các thứ súng, kích, giáo, gậy, ống hỏa hổ, nỏ và tên, áo giáp, mộc, cùng những thứ có mũi nhọn. Dao và gươm thì không cấm, cung tên để luyện tập cũng không cấm) cùng là chế tạo riêng những đồ nói trên, và cầm binh khí đi lại ngoài đường. Những người tướng hiệu được lệnh sửa chữa binh khí thì không theo *luật* này. Quan quân phải cất để những đồ binh

khí trong kho hoàng thành. Các quan tướng và chánh phó lãnh binh cùng là quân ra đóng ở các trấn thì đồ binh khí phải cất ở các kho tàng. Các quan giữ các sảnh, quan giữ cửa bể, quan giữ cửa quan, và các đội lính phải cất binh khí ở kho tàng. Quan liêu các đạo cất binh khí ở kho nơi mình làm quan, nhân dân thì phải thu mà cất vào kho của quan ở bản hạt; nếu có việc thì xin chỉ vua lấy ra mà dùng, nếu không có việc thì không được dùng càn. Những lính túc vệ tập luyện và lính đóng đồn tập luyện đều được phép mang cầm binh khí đúng phép, nhưng không được đem ra địa hạt khác; nếu trái thì sẽ chiếu theo sự tình nặng nhẹ mà bắt tội *biếm*, *đồ* hay *lưu*.

79. [Điều 30] - Sứ thần đi sứ ra nước ngoài, hay sứ thần nước ngoài vào trong nước, mà trò chuyện riêng (nhân dân dọc đường mà thông đồng riêng tư cũng đồng tội) hoặc lấy của hối lộ mà tiết lộ công việc nước nhà thì đều phải tội chém, các vị chánh phó sứ cùng các nhân viên cùng đi, biết mà cố ý dung túng thì cũng cùng một tội, nếu không biết thì được giảm tội.

80. [Điều 31] - Những người có quan chức vào hoàng thành mà không đội khăn thì xử *biếm* một tư, người chủ thủ⁽¹⁾ phải phạt 60 *trượng*.

(1) *Chủ thủ* : người trông giữ việc canh gác.

81. [Điều 32] - Ở trong hoàng thành thì những người thợ thuyền buôn bán không được mở cửa hàng; những trâu ngựa của dân không được thả chăn, trái lệnh thì phải phạt 80 *trượng*, người chủ thủ phải *biếm* một tư, người chủ ty⁽¹⁾ biết mà không xét thì phải phạt 10 quan, dung túng mà không cấm thì phải phạt 30 quan.

82. [Điều 33] - Những người được vào hoàng thành, theo lệ phải xuống ngựa, kiêu quá chỗ giới hạn mà không xuống thì phải phạt tiền 50 quan, người chủ ty dung túng không cấm thì phải phạt tiền 5 quan, người chủ thủ phải phạt 50 roi.

83. [Điều 34] - Những cận thân⁽²⁾ không được giao du và quà cáp với người bên ngoài, trái lệnh thì cận thân và người ngoài đều phải tội *đồ* hay *lưu*, nặng thì xử tăng thêm tội.

84. [Điều 35] - Các chủ ty thấy cung điện, cửa thành hư hỏng hay là đường xe vua đi, cầu cống đổ nát mà không tâu trình, khi có chiếu chỉ vua sai sửa chữa mà lại không sửa cho được bền chắc, thì đều phải *biếm* một tư và *bãi chức*; để tổn hại đến xa giá thì xử nặng thêm hai bậc.

(1) *Chủ ty* : người phụ trách việc trông coi thành, cung điện, lăng miếu.

(2) *Cận thân* : bề tôi bên cạnh nhà vua, chỉ quan nội giám, thị vệ.

85. [Điều 36] - Những người chặt tre, cây gỗ và đào đất ở các lăng tẩm thì bị xử *lưu* đi châu ngoài. Các quan lệnh chính phải phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư, quan chính *biếm* một tư, người chủ thủ thì phải *đồ* làm *tượng phượng bình*.

86. [Điều 37] - Những kẻ hái củi cắt cỏ trong lăng tẩm thì phải tội *đồ* làm *chủng điền bình*, các quan lệnh, chính và chủ thủ đều bị xử nhẹ hơn tội trước một bậc.

87. [Điều 38] - Trong lăng mộ vua mà người nào đánh cháy thì phải tội *lưu* đi châu gần, cháy lan ra cây cối thì xử nặng hơn một bậc, và phải bồi thường sự thiệt hại; quan lệnh thì phải phạt 70 *trượng*, *biếm* ba tư, quan chính thì *biếm* hai tư, chủ thủ thì phải tội *đồ* làm *tượng phượng bình*, nếu lửa ở ngoài cháy lan vào thì đều giảm một bậc.

88. [Điều 39] - Những người dẫn tre, chặt gỗ ở nơi quan ải thì xử tội *đồ*, quan trông coi thì xử tội *biếm*; ít thì phạt tiền 30 quan, quan giám đương phải nộp một phần ba. Dẫn chặt hay khai khẩn những núi rừng cấm thì cũng xử như thế. Người cáo giác được thưởng tùy theo việc lớn nhỏ.

89. [Điều 40] - Trước sau ngày hoàng đế lên ngôi một tháng, cấm các nhà ở trong kinh thành cử hành việc tang, người nào phạm thì phạt 50 roi, *biếm* một tư.

90. [Điều 41] - Làm đàn chay và cư trú ở các chùa chiền trong cấm nội thì phải *biếm* một tư, quan giám đương biết mà dung túng không tâu trình thì cũng đồng tội, không biết thì xử tội *phạt*.

91. [Điều 42] - Ở trong hoàng thành mà cãi nhau thì phạt 60 *trượng*, đánh nhau thì *biếm* một tư. Tiếng ồn ào thâu đến ngự tọa thì *biếm* hai tư. Đánh nhau bằng gươm giáo thì xử tội *lưu*. Đánh nhau ở trong cung điện thì xử tội nặng thêm một bậc, trọng thương thì xử nặng hơn tội đánh nhau bị thương 2 bậc.

92. [Điều 43] - Giữ cửa hoàng thành mà khiếm khuyết thì tướng hiệu phải tội *biếm*, quân lính phải tội *trượng*, giữ từ cấm môn trở vào trong tội bị xử nặng hơn.

93. [Điều 44] - Quân lính đi tuần ban đêm bắt được kẻ đi đêm phạm điều cấm mà tự ý tha thì cũng phải tội như kẻ phạm cấm; bắt được trộm cướp mà ăn hối lộ thì cũng phải tội như trộm cướp.

94. [Điều 45] - Những người túc trực đêm ở các cửa hoàng thành, sau khi đã khởi canh⁽¹⁾, thấy xa giá ngự trở về (đông cung⁽²⁾ cũng vậy) đã gần đến nơi, được đèn sáng rực, người tướng giữ cửa khi nhận được

(1) *Khởi canh* : báo hiệu bắt đầu vào buổi tối.

(2) *Đông cung* : thái tử.

chiếu chỉ mới được mở cửa. Nếu xa giá còn ở xa, mới trông thấy nghi trượng⁽¹⁾ đã vội mở cửa thì phải tội *biếm, bãi, đồ*. Có việc quân khẩn cấp phi báo, thì phải truyền tới các cửa để tâu lên, không được tự tiện mở cửa, trái *luật* thì phải tội *đồ* hay *liu*. Tội nặng thì phải chém. Không đệ tâu trình lên thì xử nhẹ hơn tội tự tiện mở cửa một bậc.

95. [Điều 46] - Trong cung điện mà đùa cợt ngạo mạn vô lễ thì bị xử tội *biếm* hay *đồ*.

96. [Điều 47] - Những quân giữ canh gác các cửa hoàng thành và cấm điện mà không cẩn thận, để quan tuần tra bắt được đem trình thì bị xử tội *biếm* hay *đồ*. Quan đương trực chủ ty được giảm tội 2 bậc. Những kẻ làm bậy, thừa cơ lên vào mà bắt được thì bị xử tội *liu*.

(1) *Nghi trượng* : nghi thức cờ quạt chiêng trống đón rước vua.

QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT

QUYỂN II

Chương

VI CHẾ

(Làm trái pháp luật)

(Gồm 144 điều)

97. [Điều 1] - Quan lại đặt ra có số nhất định, nếu bổ dụng hay đặt ra quá hạn định, hay không nên đặt mà đặt ra (nghĩa là không tâu xin) thì thừa một viên phải phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư và *bãi chức*; thừa 2 viên trở lên thì xử tội *đồ*, người sau biết mà cứ để yên thì xử tội nhẹ hơn người trước một bậc. Người xin vào chức đặt thừa ấy phải phạt 50 roi, *biếm* một tư. Còn vì việc quân cần kíp, phải quyền nghi⁽¹⁾ đặt ngay ra thì không kể.

98. [Điều 2] - Các quan chủ ty chấm thi cùng với người dự thi có thân thuộc, cần phải hồi ty⁽²⁾ mà không từ chối thì phạt 50 roi, *biếm* một tư; nếu là các

(1) *Quyển nghi* : linh hoạt, quyền biến.

(2) *Hồi ty* : chỉ việc từ chức quan được nhận để tránh sự hiềm nghi.

quan di phong⁽¹⁾, đăng lục⁽²⁾ thì phải phạt 80 *trượng*. Thi hương thì được giảm một *bạc*. Các khảo quan khác (biết có sự không hồi ty này) mà cứ chằm quyền thi cùng là quan di phong, đăng lục đều được giảm một *bạc*. Nếu không nên hồi ty mà hồi ty thì cũng xử tội như thế.

99. [Điều 3] - Những cử nhân vào thi hội mà mượn người làm hộ bài thi, cùng người làm hộ đều phải *biếm* 3 *tư*; thi hương thì phải *biếm* hai *tư*. Người giấu sách vở đem vào trường thi phải phạt 80 *trượng*.

100. [Điều 4] - Các quan tại chức không có lý do mà không vào chầu, hay là nhân xin phép mà nghỉ kéo dài hạn thêm hàng tuần, hàng tháng phải phạt 10 quan, Các hình quan không có lý do mà không họp hội đồng để xử kiện, thì cũng xử phạt như thế. Các quan tại chức mà không có lý do không đến nơi làm quan, thì phải phạt *biếm* hay *bãi chức*; quá 3 tháng thì xử tội *đồ* hay *lưu*.

101. [Điều 5] - Các quan giám sát việc thi hội, thi hương đáng phải khám xét những người mang giấu

(1) *Di phong* : phong kín những quyển thi trong những cuộc thi đình để dâng vua.

(2) *Đăng lục* : sao chép khi thi hội, thi đình, quyển văn của các thí sinh đều phải giao cho viên đăng lục sao tả nguyên văn ra quyển khác để các khảo quan chằm, cốt để cho khảo quan không biết được chữ của thí sinh.

sách vở, mà không khám xét hay khám xét giả dối thì đều xử phạt 60 *trượng*; biết mà cố ý dung túng thì cũng phải tội như thế.

102. [Điều 6] - Các quan chức theo hầu xa giá nhà vua mà đến chậm hay về trước đều bị xử tội *biếm* hay *đồ*, các quan hầu cận thì phải xử nặng hơn thêm 2 *bạc*.

103. [Điều 7] - Các quan ty và quân nhân ở trong kinh và ngoài trấn, mà cùng các vùng Man Liêu biên trấn, riêng ngâm uống máu ăn thề với nhau, thì phải tội *lưu*. Những kẻ a tòng được giảm tội một *bạc*. Nếu mưu đồ việc phản nghịch thì phải tội chém. Nếu có việc ấy mà tố cáo trước với quan cai quản thì được miễn tội.

104. [Điều 8] - Khi có việc tế tự lớn, những đồ tế lễ cần cung cấp mà không đúng phép thì phạt tiền 10 quan; không đủ số lễ phẩm cần cung cấp phạt 20 quan; thiếu toàn bộ số lượng phạt 50 roi và *biếm* một *tư*.

105. [Điều 9] - Những ngày quốc kỵ⁽¹⁾ và tế lễ lớn mà đồ lễ thiếu thốn hay không được tinh khiết, thì người chủ sự bị xử tội *biếm* hay *bãi chức*. Các quan trông coi lăng miếu không chịu kiểm soát hay bày đặt

(1) *Quốc kỵ* : những ngày giỗ của cả nước được ghi trong thái miếu.

không đúng phép thì cũng bị xử tội như thế; quan cầu đương thì xử nhẹ hơn hai bậc. Nếu đã có giấy báo trước thì được miễn.

106. [Điều 10] - Trước khi có việc tế lễ lớn, các quan dự lễ còn phải ở phòng trai giới nếu mà đi viếng nhà tang, thăm người ốm, phê hay viết tên vào các văn án tử tội, cùng là cho thi hành hình phạt ấy, thì phải phạt tiền 10 quan; người cung cấp đồ chay phạm lỗi trên phải phạt tiền 20 quan. Nếu là án về *trung phạm* hay *tiểu phạm*, thì được giảm bậc.

107. [Điều 11] - Khi có lễ lớn triều hạ⁽¹⁾ hay ngày quốc kỵ phải đến dự lễ mà không đến thì bị xử tội *biếm* hay *phạt*. Những ngày hội minh⁽²⁾ mà không đến thì bị xử tội *đồ* hay *lưu*.

108. [Điều 12] - Khi có việc tế tự và có việc lễ ở các viên lăng hay triều hội, những thị vệ làm việc thất thổ hay trái nghi thức thì bị xử phạt tiền 10 quan; phải tập hợp mà chủ ty không báo hay báo mà không đến đều xử phạt tiền 10 quan.

109. [Điều 13] - Có lễ cát hưởng⁽³⁾ mà bố người có *đai tang* sung vào làm những viên chấp sự thì xử phạt

(1) *Triều hạ* : lễ chúc mừng ở triều đình.

(2) *Hội minh* : hội họp ăn thờ.

(3) *Lễ cát hưởng* : như lễ tết, lễ mừng v.v...

tiền 10 quan, làm các viên bồi tụng thì xử phạt tiền 5 quan, người chủ ty vì không biết thì không bắt tội; người có tang mà không nói cho biết thì cũng xử tội như trên.

110. [Điều 14] - Chế hay bốc các vị thuốc ngự⁽¹⁾ mà làm không đúng với đơn thuốc, hoặc gói hay biên làm thì thấy thuốc phải tội *lưu*. Lựa chọn vị thuốc không kỹ thì phải tội *biếm*. Chưa dâng lên vua dùng thì được giảm tội một bậc. Cố ý làm như vậy thì phải ghép vào tội *phản nghịch*. Các quan trong ty giám đương xử tội nhẹ hơn thấy thuốc một bậc.

111. [Điều 15] - Những người làm ngự thiện⁽²⁾ mà phạm lầm phải những đồ ăn cấm kỵ thì người chủ thực xử tội *lưu*; nếu có những vật ướ tap độc hại lẫn vào trong thức uống đồ ăn thì xử tội *đồ* hay *lưu*. Lựa chọn đồ ăn không cẩn thận thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư. Cố ý dùng những đồ ướ tap độc hại thì xử tội *tử hình*. Nếu phải ném trước các thứ đồ ăn mà không ném hoặc ném không cẩn thận thì xử tội nhẹ hơn một bậc.

112. [Điều 16] - Làm những thuyền ngự, cầu hay đường ngự cùng những cung điện thường hay ngự mà không bền chặt thì người thợ phải tội *lưu* đi châu xa,

(1) *Thuốc ngự* : thang thuốc nhà vua dùng.

(2) *Ngự thiện* : thức ăn của vua.

người chủ làm bị xử tội *biếm* hay *đồ*; quan giám đương được giảm tội một bậc. Nếu không chính đốn hay thiếu thốn thì xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư, nhẹ thì được giảm một bậc.

113. [Điều 17] - Những đồ ngự dụng như xe kiệu mà giữ gìn sửa sang không đúng phép, thì xử phạt 50 roi *biếm* một tư. Xe ngựa không sửa sang rèn tập, đồ đóng xe không đủ, không tốt, thì xử phạt 70 *trượng*, *biếm* ba tư; chưa dâng lên để vua dùng thì được giảm tội 2 bậc. Những đồ phải dâng để vua dùng mà thiếu thốn hay không có thì phải *biếm* một tư. Những đồ cung phụng khác mà thiếu thốn thì xử phạt 60 *trượng*.

114. [Điều 18] - Người chủ ty giữ những xe hiệu và đồ ngự dụng mà dám mượn riêng để dùng, hoặc là giấu giếm rồi đem cho người mượn, thì người giữ đồ cùng người mượn, đều xử tội *lưu*, hay tội chết.

115. [Điều 19] - Những quan ty giám đương và người coi sở ngự thiện⁽¹⁾ nếu vô ý đem các thứ thuốc đến sở ngự thiện : thuốc lành thì xử tội *đồ*, *lưu*, thuốc độc thì xử tội chém. Cho đến những người được vào cung điện mà đem thuốc độc vào thì xử tội giảo.

116. [Điều 20] - Những người tiết lộ những việc đại sự cần giữ bí mật, thì xử tội chém (đại sự như là

(1) *Sở ngự thiện* : bộ phận làm cơm dâng lên vua dùng.

việc mưu kín để đánh giặc cùng bắt những kẻ mưu phản v.v...); không phải việc đại sự cần giữ bí mật, thì xử phạt 70 *trượng*, *biếm* 3 tư. Tiết lộ những việc bàn trong điện đình cần giữ bí mật, thì xử tội *lưu*. Người đầu tiên tiết lộ là *thủ phạm*, người nghe được rồi lại truyền sang người khác là *tòng phạm*, kẻ nghe được việc tiết lộ rồi truyền đi được giảm tội 2 bậc; không phải là việc đại sự thì không bắt tội.

117. [Điều 21] - Những nhà người nào giấu giếm đồ xem thiên văn và sách cấm (như sách lịch, sách, chiêm tinh đồ, thái ất, lời công v.v...) thì xử tội *lưu* đi châu ngoài. Thường cho người tố cáo một tư.

118. [Điều 22] - Người nào vẽ và cất giấu những chân dung các vua và hoàng hậu bản triều, thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư.

119. [Điều 23] - Để chậm trễ những chiếu, chế, sắc, chỉ không ban ngay ra, chậm một ngày thì phạt 50 roi, 3 ngày thêm một bậc, chỉ đến tội *đồ* làm *khao đình*; để chậm trễ những công văn (là các giấy tờ về việc quan) một ngày thì phạt 30 roi, 3 ngày thêm một bậc, chỉ đến tội *biếm* một tư.

120. [Điều 24] - Viên quan sai đi công cán, xem xét việc gì khi về tâu trình không đúng sự thực thì phải tội *biếm*, hay *đồ*; nếu vì thân tình hay thù oán mà cố ý làm sai sự thực thì sẽ chiếu theo sự tình

nặng nhẹ mà tăng thêm tội; nếu ăn tiền hối lộ thì xử tội thêm 2 bậc.

121. [Điều 25] - Việc công đáng phải làm, mà lần chân để chậm lại, hay những việc phải định do hội đồng, mà làm trái lệ (như việc họp châu hay tính số thuế v.v.) thì xử tội *biếm*, hay *bãi chức* theo tội nặng nhẹ. Về việc quân thì lại xử khác.

122. [Điều 26] - Phạm nhận được chế sắc phải thi hành việc gì mà làm trái đi thì phải tội *đồ*, làm sai lầm thì xử tội *biếm* hay *phạt*.

123. [Điều 27] - Phạm phải thảo chiếu chế mà lại quên, nhầm hay viết chiếu chế mà sai chữ, thì xử phạt 80 *trượng*, thảo sai ý chỉ nhà vua thì xử tội *biếm* hay *đồ*, tùy theo trường hợp nặng nhẹ. Vì người khác truyền đạt lại cho mà thảo sai thì được giảm tội một bậc.

124. [Điều 28] - Thấy trong chế thư có chỗ sai lầm, không tâu ngay mà tự sửa lại thì xử phạt 80 *trượng*. Trong văn thư việc quan có chỗ sai lầm không trình quan mà tự sửa chữa, thì xử phạt 40 roi.

125. [Điều 29] - Dâng thư hay tâu việc gì mà lại lầm phạm đến tên vua hay tên húy các vua trước thì xử phạt 60 *trượng*, *biếm* 2 tư; miệng nói hay văn thư khác lầm mà phạm phải thì xử phạt 80 *trượng*. Viết

những chữ húy phải bớt nét, mà không bớt nét thì xử phạt 60 *trượng*. Miệng nói phạm tên húy thì xử tội *xuy*. Người nào cố ý đặt tên chính hay tên tự phạm vào chữ húy, thì xử tội *lưu*, tội *tử hình*.

126. [Điều 30] - Các quan tâu việc mà nói lầm (ví như không nói "tâu" mà lại nói "thưa" không xưng là "thần" mà lại xưng là "tôi") thì xử phạt tiền 5 quan. Dâng thư mà viết lầm thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư.

127. [Điều 31] - Dâng thư nói đến triều vua trước, lại có ý chê bai thì phải tội *đồ* làm *chủng diễn binh*, nếu nói miệng thì xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư.

128. [Điều 32] - Chống cự những người sai dịch của cấp trên thì xử tội *biếm* hay *đồ*.

129. [Điều 33] - Các quan viên làm việc ở sở mình mà ngồi đứng không đúng phép thì xử tội *biếm* hay *phạt*.

130. [Điều 34] - Có tang ông bà cha mẹ và chồng, mà giấu không khóc thì phải tội *đồ* làm *khao đình*, đàn bà *đồ* làm *tang thất phụ*. Trong khi có tang mà bỏ đồ tang mặc đồ thường và vui chơi đàn hát thì *biếm* hai tư. Gặp đàn hát mà nghe hay là dự những tiệc vui mừng đều xử phạt 80 *trượng*.

131. [Điều 35] - Ông bà cha mẹ và chồng bị tội tử hình còn đang phải giam, mà con cháu hay vợ lại đàn hát thì xử *biếm* hai tư.

132. [Điều 36] - Những người chỉ trích vua mà tình lý rất tệ hại (lời chỉ trích nguy hại đến nhà vua) thì xử tội chém, không gây nguy hại nhà vua thì xử *đồ* làm *tượng phượng bình*. Nhỡ miệng nói càn thì giảm tội một bậc. Gây gổ với sứ thần nhà vua không giữ lễ của kẻ bầy tôi thì xử tội *lưu* đi châu xa (nếu vì việc riêng mà cãi nhau đánh nhau thì không kể).

133. [Điều 37] - Những kẻ nào dâng thư nặc danh, phạm đến việc lớn của quốc gia thì xử tội chém; không phải việc đại sự thì xử tội *lưu* đi châu gần; gia sản đều bị tịch thu sung công; người tố cáo ra thì được thưởng tước tùy theo việc nặng nhẹ. Thư nặc danh phi báng chính sự hiện thời, tình lý nặng thì xử tội *lưu* đi châu gần, nhẹ thì xử *đồ* làm *tượng phượng bình*; cáo giác tội người khác xử tội *biếm* ba tư. Người chủ ty nhận được thư nặc danh cáo giác mà không đốt đi, lại đem nộp quan hay tâu vua hay đem truyền tụng, thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư. Các quan ty nhận thư nặc danh mà đem ra xét xử thì xử tội tăng thêm một bậc.

134. [Điều 38] - Những người được sai đi làm việc áp giải người hay tù phạm mà thuê người khác thay

thì cả người thay cũng phải tội, nhẹ thì đều xử phạt 80 *trượng*, nặng thì xử tội *biếm* hay *đồ*.

135. [Điều 39] - Các quan đương chức dù có công trạng về chính sự mà tự dựng bia, lập đền sinh tử thì cũng phải phạt 50 roi, *biếm* một tư, và phá hủy những bia đền đi; không có chính tích gì mà làm, thì lại thêm tội 2 bậc.

136. [Điều 40] - Những kẻ ương ngạnh, ngỗ ngược, không theo giáo hóa, không giữ lễ của kẻ bầy tôi, thì xử tội *lưu*.

137. [Điều 41] - Những kẻ đến cầu cạnh với quan chủ ty việc trái pháp luật, và kẻ vì người khác mà đến cầu cạnh thay, đều xử tội *biếm* hay *phạt*; quan chủ ty nghe theo thì phải ghép vào tội làm trái pháp luật, việc chưa thi hành thì xử tội *biếm* hay *phạt*.

Việc làm trái pháp luật ấy thuộc về tội nặng thì quan chủ ty phải ghép vào tội *án tiên* mà xóa tội hay gán tội cho người ta trái sự thực; kẻ vì người mà đến cầu cạnh thì xử tội nhẹ hơn quan chủ ty 3 bậc; tự mình có tội mà đến cầu cạnh thì xử tội nhẹ hơn quan chủ ty 2 bậc.

138. [Điều 42] - Quan ty làm trái pháp luật mà ăn hối lộ từ một quan đến 9 quan thì xử tội *biếm* hay *bãi chức*, từ 10 quan đến 19 quan thì xử tội *đồ* hay *lưu*, từ

20 quan trở lên thì xử tội chém. Những bậc công thân quý thân cùng những người có tài được dự vào hạng *bát nghị* mà ăn hối lộ từ một quan trở lên đến 9 quan thì xử phạt tiền 50 quan, từ 10 quan đến 19 quan thì phạt tiền từ 60 quan đến 100 quan; từ 20 quan trở lên thì xử tội *đồ*, những tiền ăn hối lộ xử phạt gấp đôi nộp vào kho.

139. [Điều 43] - Những người ý thế nhà quyền quý để cầu cạnh xin quan tước, thì xử tội *biếm* hay *đồ*; kẻ dưới quyền quan ty cũng bắt tội như thế.

140. [Điều 44] - Những người đưa hối lộ mà xét ra việc của họ có trái lẽ, thì theo việc của họ mà *định* tội. Còn người nào thật oan khổ vì muốn cho khỏi tội mà hối lộ thì được giảm tội. Người không phải việc mình mà đi hối lộ thay người khác thì xử tội nhẹ hơn người ăn hối lộ 2 bậc. Những người thuộc hạ mà xúc xiểm quan trên thì cũng xử tội như thế. Của hối lộ phải nộp vào kho.

141. [Điều 45] - Trong làng nhà có việc tang, xóm giềng đến giúp đỡ, tang chủ tùy theo mức mà thết đãi, nếu theo thói hủ tục cũ sách nhiễu tang chủ phải có cơm rượu, thịt cá, cỗ to, thì xử phạt 80 *trượng*.

142. [Điều 46] - Những lễ tang, tế tự, cho đến nhà cửa xe thuyền, áo mũ, đồ dùng, phần mộ, nếu làm quá phép thì xử tội *phạt* hay *biếm*, và phải hủy bỏ những đồ quá phép ấy.

143. [Điều 47] - Thuyền đi mà lạm dụng dây kéo thuyền hay lạm dụng những đồ ngự dụng thì xử tội *lưu* hay tội chết.

144. [Điều 48] - Khi vua đương đau yếu, mà chơi bởi đàn hát xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư. Ngày quốc tang (1) mà chơi bởi đàn hát thì phải tội *đồ* làm *khao đình*; các ngày quốc kỵ được ghi trong thái miếu mà vui chơi thì phải phạt *trượng*.

145. [Điều 49] - Đám ma đưa đi qua bốn cửa hoàng thành, thì xử tội *xuy* đánh 50 roi, *biếm* một tư.

146. [Điều 50] - Các quan sảnh, viện (2) phê cho *tập ẩm* bỏ tước mà chiếu thứ tự con trưởng con thứ không đúng (nghĩa là có cha mẹ tâu xin cho con *tập ẩm* thì lấy người con nào xin trước làm trưởng, dầu là trưởng thật mà xin sau thì cũng phải làm thứ; nếu tự xin lấy (3) thì phải theo đúng thứ tự, không được lấy lệ xin trước thì làm trưởng), để tước phẩm quá lạm thì xử tội *đồ* hay *lưu*. Thuộc viên phạm tội này thì được giảm một bậc, và phải cải chính lại tước phẩm cho đúng.

147. [Điều 51] - Nói với quan tể tướng, các bậc vương, hầu, các quan to mà tự xưng là "bày tôi" thì

(1) Quốc tang : chỉ việc tang của vua hoặc hoàng hậu.

(2) Sảnh, viện : tức bộ, viện, như Hình bộ và Thám hình viện.

(3) Ý nói không phải do cha mẹ xin.

phải phạt 60 *trượng*, *biếm* 2 *tư*; viết vào thư tờ trình thì xử tội *biếm* hay *đồ*. Người nhận lời xưng tụng mà không từ chối thì cũng xử phạt tiền 30 quan. Nói nhảm thì xử phạt tiền 5 quan.

148. [Điều 52] - Đối với đàn bà tôn xưng bừa bằng những danh hiệu tôn quý [tiếng nước ta gọi là Đê (1)], nếu là vợ quan nhị phẩm, thì phạt 50 roi; người nhận mà không từ chối, thì xử phạt 20 quan; nếu là vợ quan tam phẩm, thì xử *biếm* một *tư*; người nhận xử phạt 30 quan; từ tứ phẩm trở xuống, thì người xưng hô và người nhận, đều xử phạt thêm một *bạc*. Thường cho người tố cáo tùy theo việc nặng nhẹ. Hoàng phi và hoàng nữ thì không theo *luật* này.

149. [Điều 53] - Những người xé tờ bố cáo (2) ghi việc công hay viết nhảm vào bố cáo thì xử tội *biếm*, *đồ* hay *lưu* tùy theo nặng nhẹ. Nếu xé trát đòi về việc kiện tụng thì định tội giảm một *bạc*.

150. [Điều 54] - Những quan sảnh, quan viện duyệt sổ dân đinh, chức sắc, hay hạng sai dịch, mà tự tiện làm chậm trễ hay sai khiến vào những việc riêng, thì xử tội *biếm* hoặc *đồ*; việc nặng thì tội thêm một *bạc*. Những người thuộc lại kiểm điểm sổ ấy

(1) *Đê* : chỉ hàng cha mẹ. Hiện nay ở một số vùng còn gọi mẹ là Đê. Chữ này trong nguyên bản viết bằng chữ nôm cổ.

(2) *Tờ bố cáo* : cáo thị, cáo yết thông báo tin tức.

không công bằng, lại làm chậm để lấy tiền, thì phải khếp vào tội *biếm*, *đồ* hay *lưu*. Người cai quản tự tiện lấy dân đinh làm việc riêng trong nhà, thì xử tội *biếm* hay tội *đồ*.

151. [Điều 55] - Các quan sảnh, quan viện duyệt sổ hộ khẩu, chức sắc nha dịch, nếu có sai lầm, hạn trong một trăm ngày phải trình lại để *cải chính*; nếu để ngoài hạn mới *cải chính* thì xử tội *phạt* hay *biếm*; những thuộc lại thì bị *biếm* một *tư*; quá hạn lâu thì quan chủ ty bị xử *bãi chức*, những thuộc lại xử tội *đồ* làm *khao đình*. Sau khi đã duyệt định mà không biên chép thành sổ sách cất vào trong tủ công, cứ để bản thảo thì xử tội *xuy* đánh 50 roi, *biếm* một *tư*; nếu để mất mát thì theo việc nặng nhẹ mà định tội; nếu có người phát giác ra thì xử nặng thêm một *bạc*.

152. [Điều 56] - Các quan sảnh, quan viện, phê vào sổ thăng trật, thuyên chuyển của các quan văn võ *bạc* dưới và các quan coi Tăng đạo mà chẳng theo thứ *bạc*, tự tiện thay đổi, thì bị tội *đồ* và bắt *cải chính*; nếu phạm nặng thì xử thêm tội.

153. [Điều 57] - Các quan sảnh, quan viện tự tiện nhận những tờ tâu và tờ cáo trạng (nghĩa là không có viên hầu trong nội truyền chỉ vua ra) cùng là tự tiện sửa đổi các hạng sắc dịch (nghĩa là không có nội giám tâu lên xin chỉ cho sửa đổi) thì xử tội *biếm chức* hay

bãi chức. Những thuộc viên xử phạt *biếm* hai tư, nếu lạm dụng án công thì phải tội *đồ* hay *lưu*. Nếu việc nặng thì thêm tội.

154. [Điều 58] - Các quan sảnh, quan viện, làm tờ tâu lên về sổ xin cai quản, đối chiếu chưa xong, mà đã trình lên xin ngự phê, thì xử phạt tiền 20 quan; thuộc viên xử tội đánh 80 *trượng*. Cho đến việc làm sổ để tâu lên xin thăng bậc hay thuyên chuyển, mà không hợp với *luật* hàng năm, thì xử phạt tiền 30 quan; thuộc viên xử tội *xuy*, đánh 50 roi, và *biếm* một tư.

155. [Điều 59] - Các quan sảnh, quan viện làm công văn giấy tờ tâu về việc ban thưởng hay cáo thị không xét rõ quan tước trong sổ gốc của từng người, mà chỉ bằng vào tờ khai của đương sự, thì xử phạt tiền 20 quan; thuộc viên *biếm* một tư. Luật này áp dụng cho cả các quan *hành ngục* làm lời phán trong bản án.

156. [Điều 60] - Các quan sảnh, quan viện và hình quan xét việc thuế khóa và việc *kiện cáo*, quá hạn không xét xử xong để công thuế phải thiếu thì phạt 30 quan tiền; thuộc viên bị phạt 80 *trượng*, và bắt bồi thường số tiền thuế thiếu, quan phải bồi thường hai phần, thuộc lại bồi thường một phần. Nếu người giữ kho giấu số tiền mà không tâu thì phạt 20 quan tiền.

157. [Điều 61] - Các quan giám lâm (1) quan chủ ty biết thuộc viên phạm tội mà không phát giác, xử *biếm* hai tư; đàn cư quan (2) biết mà không phát giác, tội cũng như thế. Những người biết hàng xóm mình phạm tội mà không phát giác, tội giảm một bậc. Riêng việc đúc tiền và việc phản nghịch là tội nặng, thì *luận* tội khác.

158. [Điều 62] - Các quan chương tịch (3) ghi chép quan chức giả dối vào trong sổ thì bị tội *đồ* làm *khao đình*; không theo đúng cấp bậc (4), phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư và *bãi chức*. Người thuộc lại giữ sổ tự tiện biên bậy vào sổ thì xử tội *lưu* đi châu xa; quan chủ ty biết mà không phát giác, *biếm* ba tư, không biết thì *biếm* một tư. Các quan chức được các quan đại thần cho thăng trật mà chưa tâu lên vua, ty giữ sổ đã tự tiện biên vào sổ, thì xử tội cũng thế.

159. [Điều 63] - Các quan trong ty chương tịch, không biên đủ vào sổ những năm được thăng và năm ghi tên, xử phạt tiền 30 quan.

(1) *Quan giám lâm* : chức quan trông nom các việc ở các địa phương.

(2) *Đàn cư quan* : chức quan đàn hặc những điều sai trái của quan lại.

(3) *Quan chương tịch* : quan giữ sổ sách.

(4) *Nguyên văn* : "tư cách".

160. [Điều 64] - Các quan sảnh, quan viện biên chép sự việc lầm lỗi của các viên chức vào trong sổ, hoặc quan chương tịch biên sự thuyên chuyển, không kiểm xét trong sổ của mình giữ, mà biên bậy ra sổ khác, thì người *phạm lỗi* bị phạt 20 quan tiền. Phải *cải chính* lại.

161. [Điều 65] - Những thuộc lại giữ sổ hay soát sổ, để chậm trong ba ngày mà không soát sổ sách, xử phạt 80 *trượng*, quan chủ ty không biết việc đó thì bị phạt năm quan tiền.

162. [Điều 66] - Các quan tương súy tại các phiên trấn tự tiện đòi bắt người đi kiện, thì xử *biếm* một tư và *bãi chức*, các quan tôn thất từ nhị phẩm trở lên phạm lỗi này xử phạt tiền 100 quan, người gia thuộc xử *biếm* một tư.

163. [Điều 67] - Các quan tương súy tại các phiên trấn đến những châu huyện ở trấn mình, sách nhiễu tiền tài của nhân dân thì bị *biếm* ba bậc, phải bồi thường gấp đôi số tiền trả lại cho dân. Quan tôn thất từ nhị phẩm trở lên can tội ấy, xử phạt 100 quan; những người gia thuộc làm việc sách nhiễu để làm rối loạn trong hạt, thì *luận tội* khác. Khi chiêu dụ dẹp yên dân Man Liêu mà tự tiện phá nhà cửa lấy súc vật tài sản của dân, thì bị tội *biếm* hay bị *đốt*, lại phải bồi thường gấp đôi số tiền trả cho dân.

164. [Điều 68] - Các quan quản giám các dân Man Liêu (1), tự ý giữ trông coi những vụ kiện trong hạt, riêng sai người nhà đem trát đi bắt người hoặc là ức hiếp người mà giam cầm, thì xử phạt 60 *trượng*, và *biếm* hai tư. Các quan tôn thất từ nhị phẩm trở lên, phạm lỗi này thì phải phạt 100 quan, thuộc lại xử tội *đồ* làm *khao đình*. Nếu người bị giam đã được tâu lên cho tha ra, mà còn cố giam, viên quản giám bị xử tội nặng hơn ba bậc, lại mất cả chức quản giám. Quan các lộ huyện, biết việc ấy mà cố ý không tâu lên, thì xử tội *biếm* hay *bãi chức*.

165. [Điều 69] - Những quan cai quản quan nô (2) tự tiện thích chữ vào dân đình để vào hạng nô ấy, thì xử phạt *biếm* ba tư. Viên quản giám kế sau biết việc này và im đi, thì xử tội nhẹ hơn viên quản giám trước một bậc. Nếu người dân nào tự thích chữ thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư, và lại giao về bản ấp, truy bắt số tiền khóa dịch nộp vào công khố. Kẻ nào thích chữ hộ, xử phạt *biếm* một tư.

166. [Điều 70] - Các quan quản giám tự tiện đem dân đình nói dối là quân lính hay quan khách để giấu giếm làm việc riêng trong nhà thì phải *biếm* hai tư và

(1) *Man Liêu* : chỉ các dân tộc ít người sống ở thượng du.

(2) Nguyên văn chữ Hán "Giám quan nô", chức quan trông nom những nô tỳ.

bãi chức, lại truy thu tiền khóa dịch vào kẻ phạm lỗi giấu giếm này cùng người dân đã trốn dịch, mỗi bên một phần sung vào công khố. Còn người dân phải sung vào quân đội hay về làm *tráng đinh*. Nếu tâu bừa để xin duyệt y việc gian lận trên, thì xử tội nặng thêm một bậc. Ty nhận tờ tâu này xử *biếm* hoặc *bãi chức*; thuộc viên xử tội *đồ* làm *khao đinh*.

167. [Điều 71] - Các quan quản giám sắc dịch (1) tự tiện đem tội tở của người khác làm sắc dịch thì bị *biếm* ba tư, truy thu tiền làm công trả lại cho chủ cũ.

168. [Điều 72] - Các tước vương công và nhà quyền quý tự tiện thích chữ vào dân đinh làm tội tở nhà mình, cứ mỗi người dân đinh thì xử *biếm* ba tư. Tôn thất hay quan từ nhị phẩm trở lên phạm tội ấy xử phạt tiền 150 quan. Cứ thêm năm người dân đinh thì tội lại nặng thêm một bậc, nhưng chỉ phạt đến tội *biếm* năm tư và phạt tiền 500 quan mà thôi. Người thích chữ tội nhẹ hơn một bậc; Người không biết thì không phải tội. Người nhận thích chữ trước tiên phải *đồ* làm *tượng phượng binh*, người theo hùa xử *đồ* làm *khao đinh*. Xóa chữ mực đã thích, truy thu tiền khóa dịch ở người tự tiện khác chữ và người chịu khác chữ, mỗi người bỏ một phần tiền sung công.

(1) *Sắc dịch* : chỉ những người chức sắc phục dịch việc công.

169. [Điều 73] - Khi bổ sung quân đội, nếu người tương hiệu xếp đặt không đúng phép (phép nghĩa là phải lấy quân công, nghề võ, cùng hàng ngũ lúc duyệt binh làm hơn kém), thì bị *biếm* hoặc *cách chức*; nếu lấy tiền thì thêm tội; quan chủ sự tâu phê mà không biết bị phạt tiền 10 quan; người thuộc lại bị tội *xuy* đánh 50 roi, *biếm* một tư. Nếu thay đổi vị trí các tướng sĩ cấp trên đã đặt rồi, thì bị tội *đồ*; quan chủ sự tâu phê mà không biết, thì phạt tiền 30 quan.

170. [Điều 74] - Trong khi tuyển đinh tráng làm quân đội, mà xã quan bỏ hạng người bậc nhất, bậc nhì để lấy người quá kém và đem người hèn yếu sung quân, nếu lấy một người lính như vậy thì bị tội *đồ* làm *khao đinh*, từ hai người đến năm người thì phải tội *đồ* hay *lưu*, từ 6 đến 9 người thì bị *giảo*. Nếu bỏ bậc ba mà lấy người hèn yếu sung quân, một người phải *biếm* ba tư, ba người thì bị *đồ* làm *khao đinh*, bốn người đến mười người thì phải tội *đồ* hoặc *lưu*, mười một người trở lên thì bị tội *giảo*. Quan huyện ở tại tội giảm hai bậc. Nếu lộ nào giấu giếm nhiều đinh tráng thì quan lộ bị *biếm* hay bị *cách chức*, nếu ngăn trở và che giấu thì bị tội *đồ* hoặc *lưu*. Người khỏe mạnh hối lộ hay kêu xin để tránh khỏi đi lính thì phải tội nặng, người nhận hối lộ mà tha cũng một tội, người đi xin giúp cho người khác khỏi đi lính bị tội nhẹ hơn hai bậc, người tố giác đúng sự thực thì có thưởng tùy theo việc lớn nhỏ.

171. [Điều 75] - Những quan tướng hiệu (1) nhận người lính ở cơ (2) khác đã bị *biếm* truất làm lính của mình, thì xử *biếm* ba tư, quan chủ sự tâu phê không biết được giảm hai bậc, người thuộc lại phải *biếm* hai tư, người lính bị truất ấy xử phạt 80 *trượng* và bị tội nặng hơn cũ một bậc, nếu người tướng cũ tâu xin miễn tội thì không bàn đến.

172. [Điều 76] - Những người quyền quý thế gia và các hoạn quan nội thân không được cầu cạnh nhờ cậy việc quân với các quan tướng hiệu, nếu trái thì quan nhất phẩm, nhị phẩm bị phạt hay *biếm*, quan tam phẩm, tứ phẩm bị *cách chức* hay bị *đồ*; quan ngũ phẩm lục phẩm thì bị *đồ* hoặc *lưu*, quan thất phẩm trở xuống thì bị *lưu* hoặc *tử hình*. Quan tướng hiệu nhận lời thì bị tội *đồ* hoặc *lưu*, nếu không thiệt hại đến việc quân thì được giảm. Người cáo giác sự thực thì được thưởng tước tùy theo nặng nhẹ.

173. [Điều 77] - Những quan tướng soái vâng mệnh đuổi bắt những kẻ phạm tội lớn, chưa kịp xử đoán, nếu đòi tiền thì bị *biếm* hai tư và phải bồi thường gấp đôi số tiền. Những công sai theo bắt những người bị kiện nhỏ mà đòi tiền thì tội cũng thế.

(1) *Tướng hiệu* : quan võ bậc trung cấp.

(2) *Cơ* : Đơn vị quân đội cơ sở.

174. [Điều 78] - Những người làm nhiệm vụ cử người mà không cử được người giỏi thì bị *biếm* hoặc *phạt* theo luật nặng nhẹ; nếu vì tình riêng hoặc lấy tiền thì xử tội nặng thêm hai bậc.

175. [Điều 79] - Nếu hủy tiền đồng đúc làm đồ dùng thì bị tội *đồ*, nếu số tiền nhiều thì thêm tội.

176. [Điều 80] - Về số thuế thóc các ruộng, quan các lộ phải chiếu số thực có ruộng của các làng, mà đốc xuất các quan huyện đòi bắt các xã trưởng đem thóc nộp vào kho chứa cho đúng phép. (Ruộng chiêm thì tháng tám phải nộp xong, ruộng mùa thì tháng chạp phải nộp xong). Mỗi năm cứ thượng tuần(1) tháng giêng, quan huyện phải trình ra đủ số thóc năm ngoái; lại phải khai đúng nguyên số của các xã cùng là những số hiện thu được, chưa thu được, và số thóc hiện có ở trong kho. Tờ trình này đưa lên quan các lộ; quan ở lộ ấy họp những tờ trình này, làm một sổ chung của bản lộ; trong tháng hai năm ấy phải trình sổ lên quan sảnh. Quan sảnh đem những sổ của các lộ, họp lại mà so sánh, rồi điều trần tâu lên vua nghe, để trên vua phán đoán. Nếu chậm trễ đốc thúc để quá kỳ hạn không thu xong, thì quan lộ phải tội *phạt* hay *biếm*; quan huyện phải nặng hơn một bậc.

(1) *Thượng tuần* : ngày mùng một đến ngày mùng mười hàng tháng.

Xã quan không y kỳ hạn mà nộp thuế, hay cố ý giữ lại mà biến thủ đi, để đến nỗi thiếu thuế; quan lộ phải xét thực tâu lên, kẻ phạm tội phải khép vào tội *đồ* hay *lưu*. Quan sánh so sánh số thuế không công bằng, hoặc có sự dung túng, thì xử tội *phạt* hay *biếm*.

177. [Điều 81] - Những quan giữ kho ở trong kinh và ở ngoài trấn, nếu giao lúa kho không đúng phép, để chậm và trễ quá kỳ hạn, thì bị *biếm* hoặc *cách chức*

178. [Điều 82] - Những quan lệnh và quan chánh trong lăng miếu, nếu thấy điện đài có chỗ đổ nát mà không tâu xin sửa chữa lại thì bị tội *biếm*; nếu để tượng các thánh thờ trong điện hư hỏng thì bị tội *đồ*, như cầu cống đổ nát làm hại đến nghi vệ nhà vua thì quan lệnh bị *biếm* hai tư, quan chánh bị *biếm* một tư. Nếu xe ngựa vua đi qua bị hại thì *định* tội khác.

179. [Điều 83] - Phi tân ở trong lăng miếu đã chết, mà quan lệnh không lấy phần thuế nguyên cấp cho người ấy trả vào kho thì phạt tiền 30 quan, nếu lấy thuế ấy tiêu riêng thì *biếm* hai tư, nhiều nữa thì thêm tội và phải đền số thuế gấp đôi để sung công.

180. [Điều 84] - Những quan lệnh thừa trong Cục Thái sử làm lịch sai lầm đều phải *biếm* một tư; các thuộc viên giảm một bậc, sai ít thì xử phạt. Nếu có nhật thực, nguyệt thực mà không tâu lên cho vua biết

trước, thì xử phạt tiền 10 quan, người thuộc viên xử tội *xuy* đánh 50 roi, người tâu lầm giảm một bậc.

181. [Điều 85] -Việc sửa đê những sông lớn bắt đầu từ ngày mồng mười tháng giêng, người xã nào ở trong đường đê phải đến nhận phần đắp đê; hạn trong hai tháng đến ngày mồng mười tháng ba thì làm xong. Những đường đê mới đắp hạn trong ba tháng phải đắp xong. Quan lộ phải năng đến xem xét, quan coi đê phải đốc thúc hằng ngày. Nếu không cố gắng làm để quá hạn mà không xong, thì quan lộ bị *phạt*, quan giám bị *biếm*. Quân lính và dân đinh không theo thời hạn đến làm và không chăm chỉ sửa đắp đê, để quá hạn không xong thì bị *trượng* hoặc *biếm*.

182. [Điều 86] - Việc giữ đê không vững vàng hoặc là quan giám đương không ra sức giữ gìn để cho nước lụt làm vỡ đê, làm mất hoa màu của dân thì quan lộ và quan giám đương bị xử *biếm* hai tư, *bãi chức*. Nếu những người tự mình đi giữ đê thì được giảm một bậc. Nếu đường đê vững chắc mà đê vỡ trong khi bất ngờ lại được giảm một bậc. Nếu khi nước sông lên to tự mình đến giữ đê nhưng khi vỡ đê không có mặt ở đó thì cũng cùng một tội với người vô ý để vỡ đê. Nếu đường đê vững chắc lại cố gắng giữ gìn, song vì nước lụt quá to, sức người không chống nổi mà đê vỡ thì không bị xử tội.

183. [Điều 87] - Những người thuộc lại đi đo ruộng công hay ruộng tư tự tiện thêm bớt diện tích thì phải tội *đồ* làm *khao đình*. Những người thuộc lại đi biên hộ khẩu mà tăng thêm nhân số thì bị *biếm* hai tư.

184. [Điều 88] - Những người coi việc đào sông, làm cảng và đắp quan ải mà giấu bớt dân phu, sách nhiễu tiền của thì bị *biếm* hoặc *đồ* phải bồi thường tiền gấp hai, trả lại cho dân.

185. [Điều 89] - Những người công sai đến các lộ, các huyện mà bắt ép dân phu khuôn vác đưa đón và lấy lương thực, vật liệu quá nhiều thì bị tội *xuy*, đánh 50 roi, *biếm* một tư, phải bồi thường gấp đôi tang vật trả cho dân.

186. [Điều 90] - Những người coi chợ trong kinh thành sách nhiễu tiền lều chợ thì xử tội *xuy* đánh 50 roi, *biếm* một tư, lấy thuế chợ quá nặng *biếm* hai tư, mất chức coi chợ, bồi thường tiền gấp đôi trả cho dân; tiền phạt thưởng cho người cáo giác theo như *lệ*. Nếu lấy thuế chợ không đúng luật thì xử tội đánh 80 *trượng* và dẫn đi rêu rao trong chợ ba ngày. Người thu thuế chợ trong các lộ, các huyện, các làng quá nặng bị xử tội thêm một bậc.

187. [Điều 91] - Trong các chợ tại kinh thành và thôn quê, những người mua bán không theo đúng cân,

thước, thăng, đấu của nhà nước mà làm riêng của mình để mua bán thì xử tội *biếm* hoặc *đồ*.

188. [Điều 92] - Những người tụ họp đánh bạc thì bị tội đánh 70 *trượng*, *biếm* ba tư, phạt tiền ba quan, thưởng cho người cáo giác. Người đứng đầu hay tái phạm tội đánh bạc thì bị tội thêm một bậc. Người *à tông* tội giảm một bậc. Những tiền trong sòng bạc và văn tự vay nợ mua bán vì đánh bạc đều sung công. Đánh bạc trong khi có quốc tang thì tội thêm một bậc và trong khi đánh bạc có xảy ra việc gì khác thì *định* tội khác.

189. [Điều 93] - Người đánh cờ tướng thì nhẹ tội hơn người đánh bạc một bậc. Nhưng các quan tướng và quân lính đánh cờ để đấu trí thì không phải tội, nếu đánh cờ bằng tiền thì tội cũng như đánh bạc.

190. [Điều 94] - Những người thợ làm cái thăng, cái đấu, cái cân, cái thước không đúng phép, bị tội *xuy* đánh 50 roi, *biếm* một tư. Nếu quan giám đương coi thợ mà không biết thì bị phạt tiền 10 quan. Người dùng thăng, đấu, cân, thước riêng để bớt của công thì thêm tội một bậc. Người dùng thăng, đấu, cân, thước để mua bán lấy lợi riêng thì tội cũng như tội ăn trộm.

191. [Điều 95] - Những người làm đồ khí dụng giả dối, và vải lụa ngắn hẹp để đem bán, thì bị tội *xuy* đánh 50 roi, *biếm* một tư, hàng hóa phải sung công.

Quan giám đương và người đứng đầu không xem xét cố ý cho thợ làm giả dối thì bị *phạt tiền* hoặc *biếm, bãi chức*, tiền phạt thưởng cho người cáo giác; lại theo việc nặng nhẹ mà định phạt, nếu làm về việc công thì- tội thêm một bậc.

192. [Điều 96] - Những người coi chợ và người lính thợ thấy trong chợ có người làm đồ vật giả dối hay phá hủy tiền đồng mà tha thứ không bắt trình quan, thì bị tội *biếm* hoặc *phạt*. Người ăn hối lộ dung túng việc đó thì tội cũng giống như *chính phạm*.

193. [Điều 97] - Những người đòi số tiền lương quá phận của mình, nếu là quan chức thì bị tội *xuy* đánh 50 roi, *biếm* một tư, và *bãi chức*, viên thuộc lại bị tội *đồ* là tù quét dọn nơi đang làm việc⁽¹⁾, người tư giám bị tội *đồ* làm tù quét dọn trong trại lính⁽²⁾, phải bồi thường số tiền gấp đôi trả theo *luật*. Người không đáng được ăn lương mà lại đòi tiền thì bị xử tội thêm một bậc.

194. [Điều 98] - Những tờ trạng và sổ sách làm để tâu lên, các quan sảnh quan viện phải biên rõ năm, tháng và ngày, giao cho viên thuộc lại đối chiếu⁽³⁾, tờ trạng thì hạn trong mười ngày, sổ sách thì hạn trong

(1) Nguyên văn chữ Hán : "Bản cục đình"

(2) Nguyên văn chữ Hán : "Bản quân đình".

(3) *Đối chiếu* : soát xem hai hay nhiều bản có giống nhau không.

một tháng, phải làm xong. Tùy theo đường sá xa gần mà trình các quan bản ty để tâu xin ngự phê; không được kéo dài để chậm trễ. Nếu ngoài kỳ hạn mới tâu lên, hoặc là bỏ mất không tâu, thì viên thuộc lại xử tội *biếm* ba tư; các quan sảnh, quan viện sơ ý không xem xét đến, đều xử tội *phạt*. Cho đến các quan giữ sổ sách có dùng dằng ngăn trở, không để cho đối chiếu được nhanh thì cũng xử tội *phạt*.

195. [Điều 99] - Những viên thuộc lại ở các sảnh các viện cố ý giữ các sổ phê và sổ lưu trữ, lâu ngày không trình quan trên để cất vào tủ công, thì xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư. Nếu để mất mát, thì phải tội *đồ* làm phu quét dọn ở bản sảnh hay bản viện. Nếu viên thuộc lại đã trình mà quan bản ty không cất vào tủ công, lại để ở nhà riêng, lâu ngày có khi đã về hưu, bị *bãi chức*. Nếu chết rồi, mà sổ sách còn để ở nhà riêng, thì bị phạt tội *xuy* đánh 50 roi, *biếm* một tư. Nếu làm mất mát thì bị *biếm* hai tư. Nếu người đã chết mà con cháu không tâu nộp ngay, thì cũng bị tội *xuy* 50 roi, *biếm* một tư. (*Luật* này áp dụng cả cho cục Chi hậu trong điện vua⁽¹⁾ cùng là quan giữ ấn phủ nha các quan ngự tiền đại thân).

196. [Điều 100] - Những tấu trạng ở các lộ, huyện, mà không viết đủ tên các quan chức đồng liêu với

(1) *Cục Chi hậu* : cơ quan hầu cận của nhà vua.

minh, thì xử phạt tiền 10 quan. Những việc rất khẩn cấp, thì được một mình tâu lên; nếu không tâu ngay, thì theo việc nặng nhẹ mà *định tội*.

197. [Điều 101] - Những quan liêm phóng (quan mật tra) mật xét việc phải đúng sự thực, nếu sơ xuất sai lầm, thì bị tội *biếm* hoặc *đồ*. Nếu vì báo ân báo oán, hay ăn hối lộ mà đổi trắng thay đen, thì không kể việc lớn hay nhỏ, ăn nhiều hay ăn ít, đều xử tội *lưu* hay tội chết. Người cáo giác đúng sự thực, được thưởng chức tước tùy theo việc nặng nhẹ.

198. [Điều 102] - Những người từ chối không tiêu tiền đồng bị sút mẻ hoặc là đòi giá hàng quá cao mới bán, hay là đóng cửa hàng không bán để bán giấu ở trong nhà, thì đều xử tội *biếm*, và bắt điếu đi trước công chúng ba ngày. Những hàng hóa nói trên đều bị tịch thu sung công. Những người cậy quyền thế mua hàng ức hiếp, thì cũng bị tội như thế.

199. [Điều 103] - Các quan đang tại chức, mà trễ nhác việc công thì bị phạt 70 *trượng*, *biếm*, ba tư và *bãi chức*. Nếu vì trễ nhác để xảy ra việc gì, thì tội thêm một bậc. Khi vâng mệnh coi sóc làm những việc cần cấp, mà không dụng tâm coi sóc, để tổn nhân công hại của công, mà công việc không xong, thì quan giám lâm bị tội *đồ*; quan đốc sát, quan đề điệu bị *biếm* hoặc *bãi chức*.

200. [Điều 104] - Những người giữ thuyền chiến để thuyền trống rỗng, bắn thiu, không gắng sức gìn giữ, thì bị tội *xuy* đánh 50 roi, *biếm* một tư. Xếp đặt các thuyền không đúng phép, để cho thuyền bị tổn hại mục nát, ít thì tội nặng hơn tội trên một bậc, nhiều thì phải tội *đồ*. Quan chủ ty không xem xét thì bị *phạt*, hoặc bị *biếm*. Nếu là thuyền vua ngự hỏng nát, thì tội thêm một bậc.

201. [Điều 105] - Nếu có chiếu chỉ ngăn cấm việc gì, mà còn cố ý làm trái, thì bị *biếm* hoặc *đồ*; nếu là việc quan trọng thì tội nặng hơn.

202. [Điều 106] - Những người viết sắc mệnh ban chức tước mà cố ý thêm bớt phẩm trật, thì bị tội *đồ*; quan đối chiếu xem xét không thấu suốt thì bị tội *biếm*. Người viết sai lầm thì bị tội *biếm* hay *phạt*. Người nhận sắc mệnh mà tự ý tẩy chữa thì bị tội *đồ* hoặc *lưu*; người viết thay cũng cùng một tội.

203. [Điều 107] - Những người chế tạo vật dụng trong cung nhà vua, đem đồ vật ra ngoài mua bán, thì người mua người bán đều phải tội *đồ*; nếu việc nặng thì luận thêm tội.

204. [Điều 108] - Những vị đại thân và các quan văn võ đối với các nhà không phải họ hàng anh em và người thuộc hạ của mình, mà không có việc gì cần, lại cứ hay đi lại để họp đảng uống rượu và nhận của

hội lộ, hay dùng tài vật để kết giao, đuổi hết người nhà để nói thâm, hoặc yêu mến mà quyến luyến kẻ tội nhân, thì coi như có âm mưu *phản nghịch*, theo sự tình nặng nhẹ mà *định tội*.

205. [Điều 109] - Những thợ làm đồ dùng trong cung và đồ quân khí, nếu làm dối trá không chắc bền thì bị tội *đồ* làm *khao đình*. Nếu làm đồ vật công mà bớt xén vật liệu, thì tội cũng như thế; lại phải bồi thường gấp đôi vật đã bớt xén.

206. [Điều 110] - Những quan thu thuế, không theo ngạch đã định mà thu, lại giấu bớt số thuế thì cũng coi như tội giấu đồ vật công; nếu thu thêm thuế để làm của riêng, thì tội cũng như thế; lại phải bồi thường gấp đôi số thuế lạm thu trả lại cho dân.

207. [Điều 111] - Những quan coi sóc người làm việc trong cung mà tự ý tha quân dân để lấy tiền hay đồ vật, hoặc đem quân dân làm việc riêng cho nhà mình, nếu tha hay dùng riêng một người phải *biếm* một tư; sáu người trở lên phải *cách chức*, và phải trả tiền nhân công đúng *luật*; nếu nhiều người nữa thì xử thêm tội.

208. [Điều 112] - Các quan ngấm với bày tôi trong cung (nam hay nữ cũng thế) giả làm họ hàng đi lại giao thiệp với nhau, thì đều bị tội *đồ* hoặc *lưu*. Nhưng cha mẹ và anh em ruột thì không phải tội. Nếu tiết lộ

chuyện trò trong cung ra ngoài thì bị chém; kẻ truyền ngôn thì tội nhẹ hơn hai bậc. Người cáo giác đúng sự thật, được thưởng tước hai tư.

209. [Điều 113] - Những người đi qua trước cửa thái miếu mà không xuống kiệu hay xuống ngựa, thì bị tội *đồ* hay tội *lưu*, qua trước cửa cung điện, cũng bị tội như thế.

210. [Điều 114] - Những người mượn tiếng là thân thích nhà quan (với vợ hay nàng hầu cũng thế), để nương dựa quyền thế, thì bị *biếm* hoặc bị *đồ*; các quan dung nạp bọn ấy, thì bị tội nhẹ hơn một bậc.

211. [Điều 115] - Những người hầu cận trong cung, tiếp nhận tờ tâu, nếu vì sợ kẻ quyền thế hay vì muốn che chở người thân, không tâu lên vua tường tận hết tờ tâu, có điều giấu giếm hay thêm bớt, thì phải tội *đồ*; sự tình nhẹ thì cho giảm, mà nặng thì tăng thêm tội nói trên.

212. [Điều 116] - Những người dâng thư mật tâu việc gì, lại tiết lộ ra ngoài, để bán cái uy phúc của mình, thì bị tội *đồ* hay tội *lưu*.

213. [Điều 117] - Những mũ áo của các quan châu vua, mà màu sắc chẳng theo đúng chức phẩm của mình, thì bị *giáng chức* một bậc, và bị lột mất triều phục ấy. Nếu người nào vượt quá chức phận của mình

và tiến lui thất lễ thì bị *phạt*. Quan giữ nghi lễ không tâu việc ấy lên, cũng bị *phạt*.

214. [Điều 118] - Những quan mượn cháu người khác làm cháu mình để được là *ám* làm *hạng sắc dịch*, thì coi cũng như tội giấu giếm dân đinh, nếu nhiều người thì tội nặng; còn người được làm *ám*, phải bắt ra lính; nếu còn ít tuổi thì bắt về làm dân thường.

215. [Điều 119] - Những người đem sách Phật Lão khắc in để bán lấy tiền của dân, làm rối loạn lòng dân, thì bị tội *đồ*; các quan sở tại thấy mà không bắt và tâu lên, thì bị *biếm*. Nếu đã tâu lên và được phép ấn hành, thì không phải tội.

216. [Điều 120] - Những người nói những câu đùa bỡn, động chạm đến nhà vua, tỏ ra bất kính, thì phải tội *đồ* hay *lưu*. Ngạo mạn quan trên, không có lễ phép, hễ kém quan trên mình một bậc thì bị *phạt*; từ hai bậc, ba bậc thì bị *biếm*; bốn năm bậc trở lên thì bị *đồ*. Nếu vì việc công mà tranh biện sẽ xử khác. Khi tranh biện mà lời lẽ kiêu căng, thì tội nhẹ hơn tội ngạo mạn hai bậc.

217. [Điều 121] - Các quan chức từ lục phẩm trở lên, làm việc trái phép, thì quan chủ ty sở tại cứ thực tâu lên. Nếu không phải người thuộc hạ của mình, thì dù là quan trên cũng không được tự tiện đánh bằng

trượng; nếu trái thì bị *biếm* hoặc bị *phạt*. Nếu không vì việc công mà vì thù oán riêng đánh thuộc quan bằng *trượng*, thì xử tội thêm một bậc.

218. [Điều 122] - Các quan sảnh, quan viện dâng sổ ghi những sự siêng hay lười của các viên chức dưới quyền, mà không đúng sự thực, thì bị *biếm*, hoặc *bãi chức*; nếu vì ý riêng ăn hối lộ, thì tội nặng thêm một bậc.

219. [Điều 123] - Những quan viết chiếu chỉ mà triều đình chưa kịp công bố, đã đem truyền tin tức cho người ngoài biết, thì xử tội *xuy* đánh 50 roi, *biếm* một tư; nếu việc cơ mật thì tăng thêm tội.

220. [Điều 124] - Khi có chiếu lệnh của triều đình ban xuống, mà các quan ty không sao lục và niêm yết ra để biểu thị cho quân dân biết rõ đức ý của vua, lại coi thường chiếu lệnh ấy là lời hão, thì bị *phạt*, bị *biếm* hay bị *bãi chức*.

221. [Điều 125] - Các quan vâng mệnh đi sứ nước ngoài, mà chỉ chăm về việc mua bán, thì phải tội *biếm* hay *đồ*. Nếu là vật quý lạ, cùng là sách vở, và các thứ thuốc men, thì cho phép được mua. Khi về nước đến quan ải, phải khai rõ từng thứ; quan ở trấn ấy, sai quan cấp dưới đệ trình các thứ đó về kinh để kiểm soát; nếu có thứ gì đáng dâng lên cho vua dùng, thì sẽ trả lại số tiền mua thứ ấy; còn các thứ khác sẽ

trả lại cho người đi sứ. Nếu giấu giếm không khai thực, đều xử tội *biếm* hay *bãi chức*; đồ vật đó sẽ tịch thu sung công.

222. [Điều 126] - Những quan chức được sai làm việc công, thấy việc nặng nề khó khăn, mà nói dối là đau ốm để khỏi phải đi, thì bị *biếm* hay bị *đồ*; nếu là việc quân khẩn cấp mà trốn tránh thì xử tội *lưu* hay tội chết.

223. [Điều 127] - Những quan chức làm việc ở sảnh ngoài, không ở trong dinh thự mà ở riêng nơi khác thì bị phạt đánh 80 *trượng* và bị tội *biếm*, *bãi chức* hay tội *đồ*.

224. [Điều 128] - Những vị quan coi đốc việc chở đồ vật công mà chở lẫn đồ vật riêng để buôn bán thì xử tội *đồ*; nếu mang những vật cấm thì bị tội *lưu*.

225. [Điều 129] - Những vị quan ty tự tiện sai khiến người đưa văn thư công đi làm việc riêng, để chậm trễ ngày giờ, làm lỡ việc công, thì bị phạt đánh 60 *trượng*, *biếm* hai tư.

226. [Điều 130] - Những vị đại thần và bách quan trong kinh thành, nhà cửa vườn tược chỉ được ba mẫu trở lại; quan nhất phẩm ba mẫu; quan nhị phẩm hai mẫu; quan tam phẩm một mẫu; quan tứ phẩm năm sào; quan ngũ phẩm ba sào; quan lục phẩm, thất phẩm

hai sào; quan bát phẩm, cửu phẩm hay người không có phẩm hàm chỉ được một sào; những nhà ở khu quân lính đóng, thì diện tích đất đai kém hơn một bậc. Nếu người nào lạm chiếm quá phần đất đã định, thì bị tội *xuy* đánh 50 roi, *biếm* một tư; người có vườn ao rồi mà lại chiếm đất nơi khác, thì tội thêm một bậc. Nếu người nào có công được vua cấp thêm đất thì không kể.

277. [Điều 131] - Những viên chức đóng dấu vào sổ sách công, nếu để thiếu sót thì xử phạt 80 *trượng*; nếu cố ý động gian, thì xử tội *biếm* hay *đồ*.

228. [Điều 132] - Những tù phạm bị tội *đồ* hay *lưu*, phải đi làm việc, mà không bắt đi làm, thì quan giám chưởng bị tội *biếm*, và truy thu tiền bỏ việc quan để sung công.

229. [Điều 133] - Khi triều đình sai quan đem chiếu chỉ sắc lệnh cho vị quan nào, thì quan khâm sai phải báo trước cho vị quan ấy biết (ở trấn ngoài thì đón tiếp quan khâm sai ở cách công đường chừng nửa dặm; ở kinh thành thì đón tiếp ở đầu phường). Các quan sở tại phải bài trí lễ nghi đón tiếp cho đúng phép. Nếu không đủ lễ nghi đón tiếp và cung kính bái nhận chiếu chỉ, thì quan khâm sai phải đem sự thực tâu lên; nếu lỗi nhẹ, thì người phạm lỗi xử tội *biếm* hay *bãi chức*; lỗi nặng thì phải tội *đồ* hay *lưu*. Ngoài

ra tuy rằng đủ lễ nghi đón tiếp, mà xét ra tình ý khinh nhờn, cùng là không tuân hành công việc trong chiếu chỉ thì cũng phải tội như trên. Cho đến viên quan nào dám vứt bỏ hay xé nát chiếu chỉ, cùng là ngông nghênh, khinh mạn, không giữ lễ làm bày tỏ, thì xử tội *lưu* hay tội chết. Quan mang chiếu chỉ, nếu thấy trái phép, mà cố ý làm ngơ, lại còn nhận của đút mà không đem việc ấy tâu lên, thì cũng một tội. Nếu quan khâm sai vì sự ân oán mà không tâu việc lên không đúng sự thực, hoặc vì đút hối lộ, mà bày vẽ sinh chuyện, thì bị xử nhẹ hơn phạm lỗi hai bậc. Nếu đem tuyên chiếu chỉ, sắc lệnh ra, mà không báo trước, thì bị lỗi, nhưng lại được giảm tội hai bậc nữa.

230. [Điều 134] - Những quan viên cùng quân dân có việc phải tâu cáo lên nhà vua, hay sai người đệ tờ tâu, mà quan đại thần hay nhà quyền thế cậy mình là thế gia cao quý, hoặc các quan đồng僚 sợ tội đến mình, sai người đón đường cướp lấy tờ tâu và bắt giam người dâng tờ tâu, thì *định* tội như tội bị cáo trong tờ tâu. Nếu là việc cơ mật thì *định* tội *lưu* hay tội chết. Người đem tờ tâu đã đến bốn cửa hoàng thành mà còn đón cướp bắt giữ thì tội thêm một bậc; gia nhân của người sai đi đón bắt cũng bị cùng một tội; nếu người bị sai đi là quân dân và僚 thuộc của người sai đi, thì tội nhẹ hơn hai bậc. Người giữ cửa thành thấy việc ấy mà không tâu hay đồng tình cướp

lấy tờ tâu, hay ngăn cấm không cho vào cửa để dâng tờ tâu, thì cũng cùng một tội với người đi đón bắt. Nếu người dâng tờ tâu mà bị đón bắt, lại không cáo giác ra thì bị tội nhẹ hơn ba bậc.

231. [Điều 135] - Những đồ vật đem tiến vua, mà khinh thường không kính cẩn và không đúng phép, phải xét theo tội nặng nhẹ mà xử theo tội *phạt*, *biếm*, *đồ* hay *lưu*. Quan chủ ty vô tình không biết thì bị tội *biếm*; nếu việc ấy không qua quan chủ ty thì không phải tội.

232. [Điều 136] - Những quan văn võ vâng mệnh vua sai hoặc có lệnh trên sai làm việc gì, vô tình dùng dằng để lỡ mất việc, nếu là việc nhỏ (công việc hàng ngày) thì xử tội *biếm*; việc thường (công việc hàng tháng) thì xử tội *đồ*; việc lớn (công việc hàng năm) thì xử tội *lưu*; việc khẩn cấp thì tội nặng hơn.

233. [Điều 137] - Các quan đại thần và các quan hành khiển có chiếu chỉ đòi đến họp để bàn việc, hoặc để giải quyết việc trong tấu trạng, hoặc để xử đoán việc kiện, đã *định* rõ ngày họp, mà bỏ thiếu không đến, thì quan đại thần bị phạt tiền 10 quan, quan tổng quản, quan hành khiển bị phạt tiền 5 quan, từ quan tham tri trở xuống bị phạt tiền 3 quan hay 2 quan. Còn các quan viên, không nhận được chiếu chỉ hay lệnh trên mà không đến thì không phải tội.

234. [Điều 138] - Những quan coi quân đội ở các trấn, lộ hay huyện cùng những quan viên trong các cục các viện, đi lại giao kết với nhau, mưu làm việc phản nghịch, mà quan ty quản giám chẳng lưu tâm xem xét, hay dung túng giấu giếm không tâu lên, thì cùng với người phản nghịch cùng một tội; nếu đã tâu lên mà lại ngấm sai người báo cho kẻ phản nghịch biết thì tội cũng thế. Nếu vì tâu lên không giữ kín đáo để cho kẻ phản nghịch biết thì viên quan tâu được giảm tội một bậc. Nếu việc mưu phản nghịch đã lộ, việc hung ác đã rõ, mà quan quản giám không xét tình thế mà lòng bắt và tâu lên, thì bị tội như tội đồng mưu; nếu việc mưu phản chưa lộ thì được giảm nhẹ hai bậc.

235. [Điều 139] - Những quan sảnh, quan viện phê vào sổ bạ không đúng lệ đã định, mà lại thay đổi theo ý riêng đổi nhẹ thành nặng đổi nặng thành nhẹ thì bị xử như tội thêm bớt tội người, tùy theo việc nặng nhẹ.

236. [Điều 140] - Những quan tâu việc hay dâng thư mà trước sau diễn đảo không giống nhau, xét ra là việc nặng thì bị tội *đồ* hay *lưu*, việc nhẹ thì bị *biếm*.

237. [Điều 141] - Những quan ty làm việc có điều lầm lỗi, sự tình đã rõ ràng, thế mà không chịu phục

tình tạ tội, lại còn dối trá che đậy, xét lỗi nhẹ thì xử *biếm* hay *đồ*, lỗi nặng thì xử *lưu*.

238. [Điều 142] - Những người không đáng được có nô tỳ (1) mà có, thì xử tội *biếm* còn nô tỳ ấy phải sung công.

239. [Điều 143] - Những vị quan trong khi hội họp bàn việc ở công đường, mà nói càn không hợp lẽ, cười đùa ồn ào, làm rối trật tự, xét lỗi nhẹ thì bị *trượng* hay *phạt*, lỗi nặng thì xử *biếm* hay *bãi chức*.

240. [Điều 144] - Các quan ty ở trong kinh hay ở ngoài trấn không làm việc công ở nha môn mà lại làm việc ở nhà riêng thì xử *biếm* hay *cách chức*. Khi ra công đường, lại để đầu trần, áo cánh, không khăn áo chỉnh tề thì bị xử đánh *trượng* hay *biếm*.

(1) Nguyên văn chữ Hán "nô", trong bộ luật này chữ "nô" chỉ những người bị tội bắt làm nô tỳ, không phải đầy tớ mà người ta nuôi trong nhà.

Chương QUÂN CHÍNHH

(Gồm 43 điều)

241. [Điều 1] - Những quan tướng hiệu cai quản từ ba vạn quân trở xuống, 50 lính trở lên, nếu không săn sóc luyện tập để hàng ngũ không chính tề, quân khí không tinh nhuệ, biếng nhác việc quân, làm cho quân khí hư hỏng phải sửa chữa, hao tổn tiền công, hay ăn bớt của công, làm việc riêng bỏ việc công, xét tội nhẹ thì bị *biếm* hay *cách chức*, tội nặng thì bị *đồ* hay *lưu*. Nếu khi chống giặc mà phạm những lỗi trên, thì không kể nặng nhẹ đều phải chém.

242. [Điều 2] - Khi có giấy tờ rất cần kíp của quan chủ tướng điều động quân đội đi đánh giặc, người nhận được đem quân đi mà dùng dằng không hẹn thì phải chém. Nếu như sai kỳ hội quân vào lúc bình thường thì bị tội *trượng* hay *biếm*.

243. [Điều 3] - Các tướng sĩ phòng giữ nơi quan ải, nếu phòng bị không cẩn thận, dò la không đích thực để quân giặc đến bất ngờ đánh úp thì đều phải chém.

244. [Điều 4] - Những tướng hiệu vâng mệnh đi đánh giặc, nếu không phòng bị trước để quân giặc đánh úp, hay khi ra trận chẳng giữ gìn đội ngũ, liệu

sức giặc mà thay đổi chiến lược, để bị thua và mất lính, mất một người lính trở lên thì bị *phạt* hay *biếm*, mất 10 người trở lên bị *biếm* hay *cách chức*, 20 người trở lên thì bị *tội đồ*, 30 người trở lên thì xử *tội lưu* đi châu gần, 40 người trở lên thì xử *tội lưu* đi châu ngoài, 50 người trở lên thì xử *tội lưu* đi châu xa, 70 người trở lên thì phải chặt chân, 100 người trở lên *tội giảo*, 500 người trở lên thì phải chém, vợ con điền sản phải sung công. Nếu mất người tiểu hiệu (1) thì tội nặng hơn. Nhưng trong khi hai bên quân đội chống chọi nếu được thua ngang nhau thì không *luận tội*.

245. [Điều 5] - Khi ra trận, quân lính tiến, lui không đúng phép thì phải chém (phép là khi nghe tiếng trống phát cờ đầu thì tiến lên, nghe tiếng chiêng báo ngừng lại thì phải ngừng, nghe tiếng chiêng phát cờ lui quân, thì phải lui).

246. [Điều 6] - Khi phá được giặc mà không thừa thắng đuổi theo quân giặc, lại tranh nhau lấy đồ vật của giặc bỏ lại, hay bắt được đồ vật của giặc mà không trình quan trên, giấu giếm để dùng riêng thì đều phải chém. Trong quân ngũ mà lấy trộm tài vật của nhau thì *luận tội* cũng thế.

(1) *Tiểu hiệu* : Cấp sĩ quan quân đội hạng thấp, như suất đội, đội trưởng, v.v...

247. [Điều 7] - Khi đem quân đi đánh giặc, mà các quan tướng hiệu không hòa thuận, hay tiết lộ quân cơ, để quân lính ngã lòng, thì đều phải chém.

248. [Điều 8] - Khi hành quân, giả mạo giấy tờ của chủ tướng để đi lại trên đường; cùng là các quan tướng hiệu coi việc quân, biên chép những công hay tội vào sổ để tâu lên, có điều không công bằng, hoặc truyền tin tức không đúng sự thực, và sai khiến quân lính không công minh, đều phải chém.

249. [Điều 9] - Khi hành quân, toán quân đi trước đã gặp giặc, mà toán quân đi sau nói dối là đường sá hiểm trở, dùng dằng không đến cứu ngay toán quân đi trước, thì các tướng hiệu coi toán quân đi sau phải chém.

250. [Điều 10] - Khi hành quân, có người mượn việc bói toán nói việc tốt xấu, khiến rối loạn lòng quân thì phải chém.

251. [Điều 11] - Khi ra trận đánh giặc, để giặc bắt chủ tướng thì toàn đội đều phải chém; riêng người có công được miễn tội.

252. [Điều 12] - Khi ra trận đánh giặc mà quân đội trái mệnh lệnh của chủ tướng thì bị chém.

253. [Điều 13] - Những người giữ kho vũ khí bán trộm đồ binh khí, thì phải chém; lại phải bồi thường

gấp đôi, rồi sung công; viên chánh phó ngũ trưởng (1) không xem xét để cho lính bán trộm mà không phát giác ra, thì bị *biếm* hoặc bị *đốt*. Người lính ở trong ngũ ấy biết mà không cáo thì bị tội đánh 100 *trượng*, và bị giáng chức; nếu báo cáo và bắt được người bán trộm thì được miễn tội. Quan cai quản không răn đe để cho lính ăn trộm, thì phải *biếm* hay bị *phạt*. Nếu chính viên ấy bán trộm thì tội cũng thế.

254. [Điều 14] - Các quan cai quản mà tự tiện phát binh từ 30 người trở lên, thì bị *biếm* ba tư; từ 50 người trở lên thì bị *biếm* năm tư; từ 100 người trở lên, thì bị tội *đốt*; từ 300 người trở lên, thì bị tội *lưu*; từ 500 người trở lên, thì bị tội *giáo*. Người nào cấp binh cho người khác thì bị tội nhẹ hơn các tội trên một bậc. (Đây là nói không có sắc lệnh của nhà vua, hay là công lệnh của các quan sảnh, quan viện; hoặc là có công lệnh mà giấy tờ chưa đủ). Nếu khi quân giặc đột ngột đến muốn đánh úp đồn ải mình, thế mà quân giữ đồn lại làm phản dương như quân giặc có nội ứng để kịp có quân lính chống giặc, thì được tùy tiện điều phát quân đội ngay; tuy là các quan ty ngang cấp không phải là thuộc giới quyền, cũng được điều phát quân lính mà giao cho đồn ải đương cần có quân; điều phát xong, đều phải trình lên cấp trên biết. Nếu

(1) *Ngũ trưởng* : sĩ quan trông coi một đơn vị quân đội cơ sở, giống như tiểu đội.

không điều phát ngay cấp quân ngay, thì cũng bị tội như tội tự tiện vô cơ mà điều khiển. Nếu chỉ phạm lỗi điều phát rồi mà không trình lên cấp trên, thì tội được giảm hai bậc. Khi có giặc cướp trốn chạy, cần phải quyền nghi sai quân đi đuổi bắt, thì không dùng *luật* này.

255. [Điều 15] - Khi có việc đi đánh dẹp bí mật, kẻ nào báo cho giặc biết tin tức, cùng là thông đồng với người ngoài để làm gián điệp thì bị chém. Người biết mà dung túng thì cũng cùng một tội.

256. [Điều 16] - Những quan tướng hiệu đánh giặc thua trận, hay nghe đạo quân khác bị thua, mà không đem quân đến cứu ngay, để cho quân đội kinh sợ chạy tan, thì theo *quân luật* mà *định* tội.

257. [Điều 17] - Những quan tướng hiệu không siêng năng huấn luyện quân sĩ, lại sai quân lính làm việc riêng cho nhà mình, cùng là định để lấy tiền hay ăn bớt, việc nhẹ thì xử tội *đồ* hay *lưu*; việc nặng thì xử tội *lưu*. Các chánh phó ngũ trưởng cai quản quân đội sai đi cướp quân nhu, hay chặn đường quân địch, mà che giấu cho quân lính được chạy trốn, cùng là định lấy tiền hay ăn bớt, việc nhẹ thì bị tội *đồ* hay *lưu*, việc nặng thì bị tội chết, và truy bồi tiền theo như *luật*.

258. [Điều 18] - Khi đi đánh giặc, người nào dối trá để tránh việc quân, thì bị chém. Quan chủ tướng

không xét rõ mà bị lừa dối, thì bị tội nhẹ hơn tội trên ba bậc; nếu biết mà làm ngơ thì xử tội *lưu*.

259. [Điều 19] - Các tướng làm lỡ mất việc dùng binh, bị tội *lưu* hay tội chết (việc dùng binh là nói khi đem quân đi đánh dẹp, cần phải điều khiển quân đội, nếu dùng dằng không đến ngay thì bị tội). Tướng hiệu nào không lo chăm việc quân, thì bị tội đánh 100 *trượng* (đây nói khi đem quân đánh dẹp mà thiếu thốn những quân nhu nhỏ mọn).

260. [Điều 20] - Những quân lính mượn người ra thay đi đánh giặc, cùng người đội tên đi thay đều xử tội chém; quan tướng hiệu vô tình không biết, thì *biếm* hai tư; biết mà làm ngơ thì tội nặng hơn một bậc; chánh phó ngũ trưởng cũng bị xử cùng một tội.

261. [Điều 21] - Các quan tướng hiệu ở trong quân và ở nơi đóng đồn, tự ý cho lính đóng đồn về nhà, thì bị tội *đồ*; cho ra khỏi nơi đóng đồn, thì tội giảm một bậc. Nếu đương khi đánh giặc mà cho lính đi thì phải chém.

262. [Điều 22] - Những người nhận đồ quân khí, đã nhận xong mà dùng dằng không chuyển vận đến nơi đánh giặc, chậm mười ngày thì phạt 80 *trượng*; chậm một tháng thì *biếm* một tư; chậm hơn 100 ngày thì bị khép vào tội ăn trộm mà cho giảm hai bậc. Nếu làm hư hỏng hay bỏ mất, thì cũng như tội ăn trộm.

Trong khi đánh giặc mà tổn mất đồ quân khí thì không phải tội. Nhân đã qua trận mạc mà giấu đồ quân khí, thì phải *biếm* hay bị *đồ*; và phải đền số tiền giấu đồ quân khí sung công; giấu đồ nghi trượng (cờ, tàn, v.v...) thì được giảm hai bậc.

263. [Điều 23] - Những quân lính tại ngũ mà bỏ trốn thì bị tội *đồ* làm *tượng phường binh*; tái phạm thì xử tội *lưu*; người chứa lính trốn thì xử tội *đồ* làm *khao đình*; quan xã dung túng mà không bắt thì tội nhẹ hơn người lính trốn một bậc; quan lộ, quan huyện không biết, thì phải *biếm* hay *cách chức*. Nếu người lính ra tự thú tội thì được giảm tội, và phải nạp số tiền khóa dịch (1) sung công. Người chứa lính trốn phải chịu nửa số tiền sung công ấy.

264. [Điều 24] - Những lính đã có tên đi đánh giặc trong khi hành quân bỏ trốn, nếu trốn một ngày thì bị tội *đồ* làm *quân đình*; trốn hơn một ngày thì tội thêm một bậc; trốn tám ngày trở lên, thì phải tội *lưu* đi châu xa; và bị tịch thu ruộng đất; trốn 15 ngày trở lên, thì phải tội *giáo*. Viên chánh phó ngũ trưởng không phát giác thì tội nhẹ hơn người lính trốn hai bậc; nếu cố ý cho lính trốn thì cùng một tội với người trốn. Khi quân đi đánh giặc về, mà người nào bỏ về

(1) *Tiền khóa dịch* : tiền thuế và dịch mà người bỏ trốn phải nộp trong thời gian bỏ trốn, tức là trong thời gian không ở quân ngũ thì không được miễn thuế dịch và phải nộp bù.

trước, thì tội nhẹ hơn tội trốn hai bậc, nếu trong khi đánh giặc mà bỏ trốn thì phải chém.

265. [Điều 25] - Những lính thú ở đồn trú khi đi đến đồn trú, ở đồn trú chưa mãn hạn mà bỏ trốn, thì phải tội *biếm* hay *đồ* theo tội nặng nhẹ, nặng thì phải *xử tử*. Các quan ở lộ, huyện, xã, thấy có lính trốn mà không bắt thì xử tội *biếm* hay *đồ*.

266. [Điều 26] - Người phải cấp phát giấy quân dịch mà không cấp, hay thấy có việc không hợp mà không tâu lên ngay, thì đều phải *biếm* ba tư; phát giấy mà sai lầm thì *biếm* một tư. Nếu là việc rất quan hệ thì xử khác.

267. [Điều 27] - Người coi kho võ khí thấy trong kho quân khí thiếu hụt mà không xin chế tạo thêm vào thì phải *biếm* hai tư. Những đồ vật trong kho, không có giấy cho phát ra mà phát ra thì xử tội thêm một bậc. Dẫu có chiếu chỉ cho phát, nhưng chưa nhận được công văn mà đã phát trước, thì phải phạt 60 *trượng*; phát đồ nghi trượng thì phải phạt 30 roi.

268. [Điều 28] - Các quan trấn thủ đến kỳ cho quân lính thay phiên, quá hạn không cho thay, quá một ngày phạt 30 quan, ba ngày thì phải *biếm* ba tư; nhiều hơn nữa thì phải tăng thêm tội. Các quan trấn thủ sai khiến quân lính không hợp lý để đến nỗi lính bỏ trốn, hay là ăn tiền làm khổ quân lính,

thì xử tội *biếm*, tội *đồ* hay tội *lưu*; nặng thì phải tăng thêm tội.

269. [Điều 29] - Những quân lính bỏ thiếu phiên ứng dịch, ba phiên thì bị *đồ* làm "trạo tốt"⁽¹⁾, thiếu bốn phiên thì phải khép vào tội *đào ngũ*, và bị truy nộp tiền bỏ việc, mỗi một phiên bảy tiền sung công; nếu là quân ở trấn thì mỗi phiên năm tiền; nếu nhằm vào những ngày tập hợp quân đội lớn, thì bị tăng thêm tội. Nếu lúc bình thời, quân lính quả thật có việc riêng hệ trọng, thì cho phép thân nhân được xin phép cho người thay việc; hoặc là xét đau ốm thật thì thiếu phiên không bị *luận* tội.

270. [Điều 30] - Khi hành quân mà coi việc vận lương sai kỳ hạn, để đến nỗi hết lương, thì phải xử tội theo *quân pháp*. Đi đường để mất lương thực hay vật dụng, thì phải đền số tổn thất; ăn trộm hay giấu giếm lương thực hay vật dụng thì phải chém, và phải bồi thường gấp hai. Nếu vì đường vận lương khó khăn, bị giặc ngăn trở mà không có quân đi hộ tống, thì xét xử khác.

271. [Điều 31] - Quân nhân giả chết, để mong tránh khỏi quân dịch, thì phải tội *lưu*; viên chánh phó ngũ trưởng trong đội ấy cùng với các xã quan,

(1) Trạo tốt : lính khiêng vồng kiệu cho các vương hầu và các quan to.

biết mà dung túng thì xử tội *biếm*, hay *đồ* tùy theo nặng nhẹ.

272. [Điều 32] - Tướng lĩnh đem quân ra trận, quân lính có người ốm đau mà không nuôi nấng thuốc thang thì phải tội *đồ*; nếu vì thế là để quân lính bị giặc bắt được, thì xử tội *đồ*, tội *lưu* hay tội chết.

273. [Điều 33] - Những người cai quản quân dân mà giả thác lễ cầu phúc, để lừa lấy tiền của quân dân, thì bị tội nhẹ hơn tội làm trái pháp luật một bậc.

274. [Điều 34] - Những quan quân thị vệ⁽¹⁾ mà đồ binh, trượng, khí giới, bài đao, nón, không theo đúng số hiệu, hình thức của hiệu quân mình thì đều xử tội *biếm* hay *đồ*; nếu có ý gian trá thì sẽ theo sự tình nặng nhẹ mà xử thêm tội.

275. [Điều 35] - Những người cai quản quân dân, không có chiếu chỉ mà tự tiện điều động quân dân họp thành đội ngũ, ghép vào tội *âm mưu phản nghịch*. Các quan đồng liêu⁽²⁾ cho phép được tới ngay điện đình mà tâu xin mệnh lệnh; các quan ở phiên trấn, thì sai người cấp tốc vào tâu; nếu nghe theo họ mà không tâu lên thì cùng tội.

(1) Thị vệ : canh gác bảo vệ.

(2) Đồng liêu : cùng làm quan với nhau.

276. [Điều 36] - Khi sai quân đi chống giữ hay đánh dẹp mà thiếu tướng chỉ huy thì các quan ty nơi ấy tâu lên để vua cử người thay thế; nếu tự cất người tạm thay để hòng được chức chính thức, thì xử 70 *trượng*, *biếm* ba tư và *bãi chức*. Nếu vì việc quân khẩn cấp mà phải tạm đặt người thay thì không câu nệ theo *luật* này.

277. [Điều 37] - Nếu có việc gì khẩn cấp phải phi báo, đi qua nơi nào, quan sở tại nơi ấy phải cấp tốc truyền đệ ngay, không được theo lệ chuyển công văn thường; nếu trái thì xử tội *đồ* hay *lưu*, tùy theo nặng nhẹ.

278. [Điều 38] - Những người giữ quan ải không khám xét cẩn thận, để kẻ gian đưa lọt tin tức ra ngoài hay có kẻ gian lọt vào trong hạt mình dò la tình hình, thì xử tội *đồ*, tội *lưu* hay tội chết. Người khác mà bắt được kẻ gian, được thưởng tước hai tư.

279. [Điều 39] - Khi đi đánh dẹp bắt được giặc mà lấy của cải đồ vật, rồi lại vì có thân tình quen biết mà thả ra, thì đều xử tội *đồ*, tội *lưu* hay tội chết.

280. [Điều 40] - Những đồ quân nhu mà tướng lĩnh lấy dùng vào việc riêng, thì xử tội *biếm* hay *bãi chức*, và bồi thường gấp đôi nộp vào quân.

281. [Điều 41] - Khi có việc quân tự ý miễn cho người khỏe mạnh, dùng người yếu, thì từ một người

trở lên xử tội *biếm* hay *bãi chức*, năm người trở lên thì xử tội *đồ* hay *lưu*, mười người trở lên xử tội *tử hình*.

282. [Điều 42] - Khi tiến quân, nếu tràn đi cướp bóc các địa phương đã qui phụ⁽¹⁾ rồi thì xử chém. Tướng lĩnh không kiểm thúc được quân lính, thì xử phạt 70 *trượng*, *biếm* ba tư. Trong trường hợp có giặc lén lút để thừa cơ đánh phá thì không theo lệ này.

283. [Điều 43] - Khi có kỳ đại tập quân đội (hoặc là duyệt tập) quân lính ai thiếu mặt, thì xử phạt 80 *trượng*, *biếm* làm *quân đình* ở bản quân, truy nộp ba quan tiền sung công. Đem người khác điểm mục thay mình thì chính người lính thiếu mặt xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư, người lính khác đến thay thế xử phạt 70 *trượng*, *biếm* ba tư, nếu không phải là lính mà vào thay thế thì xử phạt 80 *trượng*, sung làm quân hạng ba⁽²⁾. Đội trưởng và chánh phó ngũ trưởng trong bản đội mà mượn người thay thế thì xử phạt 80 *trượng* và đều bị giáng chức tước ba bậc; lấy người nhà và đầy tớ vào thay thế thì xử tội thêm một bậc. Nếu ăn tiền mà cho thay thế, lại xử thêm tội một bậc. Người thay thế phải sung vào làm lính hạng ba trong bản quân. Nếu cha con anh em thay thế cho nhau thì

(1) *Qui phụ* : đã chấp nhận sự phụ thuộc, không chống đối.

(2) Nguyên văn chữ Hán "Tam đẳng quân" là hạng quân thấp nhất phải phục dịch vất vả.

xử phạt 80 *trượng* và phạt tiền vắng mặt 1 quan. Nếu có việc hay duyên cớ gì, đã trình bày rõ ràng để xin cho thay thế, thì không phải tội, và được nộp một nửa tiền vắng mặt. Tương hiệu biết mà dung túng thì xử *biếm* một tư; thêm một người thì xử nặng hơn một bậc. Nếu sai đi làm việc tạp dịch, mà có ấn tín của quan trên xét đúng sự thực, thì không phải tội.

QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT

QUYỂN III

Chương

HỘ HÔN

(Hôn nhân gia đình)

(Gồm 58 điều)

284. [Điều 1] - Các quan ty làm việc ở ngoài nếu không biết làm việc lợi, trừ việc hại, để dân trăm họ phải phiêu bạt đi nơi khác, hộ khẩu bị hao hụt và có trộm cướp tụ họp ở trong hạt, thì xử tội *bãi chức* hay tội *đổ*; nếu không bắt trộm cướp và không tâu trình, thì phải xử tội tăng một bậc. Nếu có phản nghịch ẩn nấp trong hạt, mà không mật tâu và truy bắt, thì bị tội nhẹ hơn tội phản nghịch một bậc.

285. [Điều 2] - Các xã quan làm sổ hộ khẩu mà khai bỏ sót số dân đình, thì từ một người trở lên xử tội *biếm*; 6 người trở lên xử tội *đổ*; 15 người trở lên xử tội *lưu*; 20 người trở lên thì xử tội *lưu* đi châu xa là cùng. Những dân đình sót lậu từ 15 tuổi trở lên, thì bắt làm lính ở bản phủ, và truy thu tiền khóa dịch nộp vào kho; người chứa chấp phải chịu một nửa tiền khóa dịch. Trẻ con và đàn bà thì phải tội đánh

trương, hay tội *biếm*, miễn cho tiền khóa dịch. Nếu quan làm sổ khai thêm bớt tuổi, hay khai dối trá (như người ở nhà lại khai đi phiêu bạt, người lành lại khai là tàn tật, người khỏe mạnh lại khai là ốm yếu), thì xử nhẹ hơn tội khai sót lậu một bậc. Nếu huyện quan vô tình không xét thì phải tội *biếm* hay *bãi chức*; cố ý dung túng thì phải đồng tội. Người tố giác đúng sự thực thì được thưởng tước tùy theo việc nặng nhẹ.

286. [Điều 3] - Kẻ nào đổi họ tên trốn sang hạt khác để tránh việc quan, thì phải tội *đổ*, và bị truy thu tiền khóa dịch nộp vào kho. Nếu các quan lộ, huyện và xã nơi trốn đến đã biên vào sổ và cắt sai dịch rồi, thì cho được miễn nộp tiền khóa dịch, tính từ ngày vào sổ. Các quan lộ, huyện và xã dung túng cho ẩn náu, thì phải khép vào tội "che giấu" dân đinh. Nếu không tâu trình mà tự tiện cho vào sổ, thì xử nhẹ hơn tội "che dấu dân đinh" một bậc.

287. [Điều 4] - Các nha lại ở sảnh hay ở viện, khai sổ hộ tịch, mà khai thêm bớt những *trạo tốt* của các quan tước, thì xử tội *đổ* làm *khao đình*. Nếu khai sót số dân hay thêm bớt và thay đổi, thì xử nặng hơn tội xã quan một bậc, và bị truy thu tiền khóa dịch nộp vào kho. Quan sảnh, quan viện đã phê tâu mà vô tình không xét ra việc gian lậu, thì phải phạt tiền 30 quan; biết mà dung túng thì xử cùng một tội.

288. [Điều 5] - Các sư và đạo sĩ tuổi từ 50 trở lên, phải có độ điệp⁽¹⁾ của quan cấp; nếu không có thì phải tội *đổ* làm *khao đình*. Có độ điệp riêng thì cũng xử tội như thế; có độ điệp rồi mà phạm pháp luật, phải đuổi ra khỏi chùa, quán⁽²⁾; sau khi đã xét xử 10 ngày mà không chịu hoàn tục⁽³⁾ thì cũng phải tội như trên. Xã quan dung túng, thì phải tội *biếm* một tư; quan huyện vô tình không xét ra, thì bị xử tội *trương* hay *phạt*; quan giám lâm⁽⁴⁾ cùng người trụ trì ở chùa, quán, đều phải *biếm* một tư. Nếu sư và đạo sĩ phạm tội uống rượu, ăn mặn, thì phải hoàn tục sung làm quân lính; phạm tội *dâm* thì xử tội *đổ*.

289. [Điều 6] - Xây dựng chùa, quán và đúc chuông đúc tượng riêng thì xử *biếm* hai tư. Muốn có việc phạt để khuyến giáo mà lấy tiền của làm của riêng mình, thì xử tội *đổ* làm *khao đình*, những của cải ấy phải nộp vào chùa. Nếu có giấy quan cấp cho, thì không phải tội.

290. [Điều 7] - Nuôi con trai của dân đinh, của tứ hộ⁽⁵⁾ và của nô tỳ làm con cháu để giả dối cho vào

(1) *Độ điệp* : bằng sắc của triều đình ban cho nhà sư.

(2) *Quán* : chỗ thờ thần tiên của những người theo đạo giáo.

(3) *Hoàn tục* : trở về làm dân thường.

(4) *Quan giám lâm* : chức quan phụ trách trông nom công việc ở địa phương.

(5) *Tứ hộ* : những hộ khẩu do vua cấp cho những người có công lao với triều đình.

hạng chức sắc thì xử *biếm* 3 tư. Những người giả đó bị sung quân.

291. [Điều 8] - Những nô tỳ được thả về làm lương dân, đã có giấy cấp cho rồi, mà vẫn bắt ở lại làm tôi tớ thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư. Người nô tỳ vẫn được trở về theo giấy cấp.

292. [Điều 9] - Những kẻ hàng dưới còn ít tuổi cùng ở với tôn trưởng, mà tự ý dùng tiền của, thì xử phạt 80 *trượng* và bắt trả tiền của lại cho người trên.

293. [Điều 10] - Những nhà trong hương thôn, có người lạ đến ngủ trọ, thì phải báo cho người hàng xóm biết, và cùng nhau kiểm số tiền của họ (cho hàng xóm xem mặt, biết họ tên và soát khăn gói của khách lạ ấy). Khi người lạ ấy ra đi, thì phải báo cho hàng xóm biết làm chứng, nếu trái *luật* này thì người chủ nhà bị xử phạt 60 *trượng*.

294. [Điều 11] - Trong kinh thành hay phường, ngõ và làng xóm có kẻ đầu ốm mà không ai nuôi nấng, nằm ở đường sá, cầu, điểm, chùa, quán, thì xã quan ở đó phải dựng lều lên mà giữ gìn, săn sóc, và cho họ cơm cháo thuốc men, cốt sao cứu cho họ sống, không được bỏ mặc cho họ rên rĩ khốn khổ. Nếu không may mà họ chết thì phải trình quan trên và tùy tiện⁽¹⁾

(1) *Tùy tiện* : tùy theo điều kiện mà làm cho tiện lợi.

chôn cất, không được để phơi lộ thi hài; nếu trái lệnh này, thì quan phường xã phải tội *biếm* hay *bãi chức*. Nếu người ốm đau đến ở những chùa quán mà người trụ trì chùa quán không trình lên quan biết và tùy tiện nuôi nấng giữ gìn cho người ta, thì cũng phải phạt.

295. [Điều 12] - Những người góa vợ, góa chồng, mồ côi, và người tàn tật nặng, nghèo khổ không có người thân thích để nương tựa, không thể tự mình mưu sống được, quan sở tại phải thu nuôi họ, mà lại bỏ rơi họ thì bị xử đánh 50 roi, *biếm* một tư. Nếu họ được cấp cơm áo, mà quan lại ăn bớt đi, thì phải khép vào tội như người giữ kho ăn trộm của công.

296. [Điều 13] - Đày tớ nhà quyền thế làm hại dân, mà xã quan bỏ qua không trình báo, thì bị xử tội *biếm* một tư. Đã có trình báo, mà quan lộ, huyện không tâu lên để trị tội thì xử tội *biếm*.

297. [Điều 14] - Có những người hiếu hữu,⁽¹⁾ cùng đàn bà trinh liệt⁽²⁾, mà không tâu lên để ban thưởng, hay có những kẻ loạn luân trái đạo, mà không tâu lên để trị tội, thì quan lộ, quan huyện bị xử tội *biếm* hay *phạt*.

298. [Điều 15] - Những trấn, trường, châu, huyện, sách, thôn và trang không được chứa chấp che giấu

(1) *Hiếu hữu* : mến bạn, đối xử tốt với khách.

(2) *Trinh liệt* : giữ tròn trinh tiết, nêu gương sáng cho đời.

những quân dân các lộ khác đến trốn tránh dù là do việc công mà đến (xong việc rồi, còn dùng dằng ở lại quá 20 ngày là trốn tránh), trái *luật* này thì bị bắt tội quan cai quản địa phương ấy; dân từ một người đến 5 người thì xử tội *biếm* hay *đồ*, 6 người đến 10 người, thì xử tội *lưu*, 15 người trở lên thì tội cũng chỉ đến *lưu* đi châu xa; quân từ 3 người thì xử tội *đồ*, 5 người thì xử tội *lưu*, 10 người trở lên thì tội cũng chỉ đến *lưu* đi châu xa. Dung nhận kẻ có tội trốn tránh, thì phải thêm tội một bậc, và truy thu tiền khóa dịch nộp vào kho. Còn người lưu ngụ ở nơi khác đến, thì các trấn quan (tướng, súy và quan văn) phải nã bắt và giao về bản quán hay bản quân để chịu sai dịch. Nếu trấn quan không đốc xét truy bắt để trong trấn có nhiều kẻ phạm tội ẩn nấp, thì xử tội *biếm* hay *bãi chức*. Người tố cáo mà đúng sự thực thì được thưởng tước tùy theo việc nặng nhẹ.

299. [Điều 16] - Các quan viên giấu giếm cho dân đình khỏi phải đóng thuế và sai dịch, thì cứ một người xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư, càng nhiều người càng tăng thêm tội, và vẫn phải truy thu tiền thuế dịch nộp vào kho.

300. [Điều 17] - Những quan ty ở trấn ngoài cùng các tướng hiệu, mà tự tiện thu tiền của quân dân, để làm lễ vật cúng phụng lên vua, thì xử *biếm* một tư, nặng thì thêm một bậc, và bắt trả lại lễ vật cho quân dân.

301. [Điều 18] - Các chùa quán và nhà dân, có sư, đạo sĩ hay người làng khác đến trú ngụ, quá 5 ngày mà không trình với xã quan, thì xử *biếm* một tư; kẻ trú ngụ quá 3 tháng không đi, mà xã quan che giấu, không làm giấy trình để huyện quan xét xử, thì xử tội *biếm* hay tội *đồ*.

302. [Điều 19] - Những thuộc quan của các vương công hay công chúa mà tự tiện bắt dân đình làm đày tớ⁽¹⁾ hầu hạ từ một người đến 10 người phải phạt tiền 100 quan; 10 người trở lên phạt 300 quan và mất chức cai quản; lại truy thu tiền công thuê nộp vào kho (tiền công thuê mỗi ngày 30 đồng tiền kẽm). Người tố cáo được thưởng như *luật*; người thuộc lại trong nhà phải *biếm* một tư.

303. [Điều 20] - Con cháu không có giấy quan cấp cho được thay ông cha hưởng dân đình ruộng đất mà tự tiện sai dân đình cày cấy ruộng đất ấy, thì xử *biếm* một tư và bắt nộp vào kho gấp đôi số tiền công thuê dân đình và tiền hoa màu ruộng đất. Người tố cáo được thưởng một phần mười số tiền này.

304. [Điều 21] - Những người cai quản dân đình mà làm bậy những nhiều, thì xử tội *bãi chức* hay *đồ*.

(1) Nguyên văn chữ Hán "Thang mộc trạo tốt". Thang mộc là nơi quê vua; Thang mộc trạo tốt chỉ hạng lính khiêng vồng kiệu phục dịch cho thân thích nhà vua, được miễn thuế dịch.

Tôn thất từ nhị phẩm trở lên thì phải phạt tiền 100 quan; trị tội các thuộc lại trong nhà; truất quyền quản giám.

305. [Điều 22] - Dân đinh mà tự thiến mình, thì xử tội *lưu*; ai thiến hộ hoặc chứa chấp kẻ ấy, thì giảm tội một bậc; các nhà lân cận không tố cáo, thì xử tội nhẹ hơn 2 bậc; xã quan không phát giác, thì xử tội *đồ*; người tố cáo đúng sự thực thì được thưởng tước một tư.

306. [Điều 23] - Giấu giếm và đem bán những nô tỳ của nhà nước (kẻ có tội phải bắt vào làm nô tỳ cũng thế) hai người thì xử tội *đồ*, ba người trở lên thì xử tội *lưu* và bắt nộp gấp đôi tiền bán nộp vào kho. Người biết rõ mà mua giấu thì mất tiền mua. Bán nô tỳ nhà tư thì tội giảm hai bậc, truy tiền công thuê trả lại cho chủ; người biết rõ mà mua cũng mất tiền mua.

307. [Điều 24] - Giấu giếm nô tỳ của nhà nước mà là vợ con thân thuộc của kẻ phản nghịch, thì bị xử nặng hơn hai bậc so với tội giấu giếm nô tỳ nhà nước thường. Giấu những vợ con của kẻ phản nghịch đương trốn tránh, một người thì xử tội *đồ* làm *chủng điền binh*, hai người trở lên thì xử tội *lưu* hay tội chết. Nếu là nô tỳ cùng thân thuộc của vợ con kẻ phản nghịch, thì xử tội như là giấu nô tỳ nhà nước. Các quan phủ, huyện xã biết mà cố tình dung túng, thì

cũng đồng tội; không biết thì xử tội *biếm*. Những bậc quyền quý tài năng được dự vào bát nghị (1) mà phạm tội này, thì sẽ tùy theo tội nặng nhẹ mà cho giảm tội.

308. [Điều 25] - Phạm chồng đã bỏ lửng vợ 5 tháng không đi lại (vợ được trình với quan sở tại và xã quan làm chứng) thì mất vợ. Nếu vợ đã có con, thì cho hạn một năm. Vì việc quan phải đi xa thì không theo *luật* này. Nếu đã bỏ vợ mà lại ngăn cản người khác lấy vợ cũ thì phải tội *biếm*.

309. [Điều 26] - Ai lấy nàng hầu lên làm vợ thì xử tội *phạt*; vì quá say đắm nàng hầu mà thờ ơ với vợ thì xử tội *biếm* (phải có vợ thừa thì mới bắt tội).

310. [Điều 27] - Vợ cả, vợ lẽ phạm phải điều nghĩa tuyệt (như thất xuất) (2) mà người chồng chịu giấu không bỏ thì xử tội *biếm*, tùy theo việc nặng nhẹ.

311. [Điều 28] - Người khai dân đinh vào hàng chức sắc thì phạt 70 *trượng*, *biếm* ba tư; nếu nhận hối lộ tiền của thì phải phạt gấp đôi, tiền hối lộ nộp vào kho. Người dân đinh thì bị xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư bắt về làm việc phục dịch. Người trông coi về

(1) *Bát nghị* : theo Chu Lễ, những bậc huân thần hay tôn thất nhà vua, khi xét tội thì được xét miễn, gọi chung là Bát nghị.

(2) Theo sách *Nghi lễ* : đàn ông có 7 cơ được quyền bỏ vợ : không con, dâm dăng, không chịu thờ cha mẹ chồng, lảm lời, trộm cắp, ghen tuông, có tật ghê gớm (ác tật).

việc khai số chức sắc biết mà không tâu lên thì xử *biếm* một tư.

312. [Điều 29] - Những kẻ đem người cầm bán nhiều tảng (1) thì phải *biếm* một tư, đòi lại nguyên tiền mua và tiền công thuế trả lại cho chủ trước.

313. [Điều 30] - Con gái và những trẻ nhỏ mồ côi, tự bán mình mà không có ai bảo lãnh thì người mua cùng người viết văn khế, người làm chứng thấy đều xử tội *xuy*, *trượng* như *luật* (đàn bà đánh 50 roi, đàn ông đánh 80 *trượng*) đòi lại tiền trả cho người mua và hủy bỏ văn khế. Nếu những người cô độc cùng khốn từ 15 tuổi trở lên, tình nguyện bán mình thì cho phép.

314. [Điều 31] - Người kết hôn mà không đủ sính lễ đến nhà cha mẹ [người con gái] (nếu cha mẹ chết cả, thì đem đến nhà người trưởng họ, hay nhà người trưởng làng (2) để xin, mà thành hôn với nhau một cách cấu thả thì phải *biếm* một tư và theo lệ sang hèn, bắt phải nộp tiền tạ (3) cho cha mẹ (nếu cha mẹ chết cả thì nộp cho trưởng họ hay người trưởng làng), người con gái phải phạt 50 roi.

(1) Nghĩa là đã bán cho người này rồi lại đem bán cho người khác.

(2) Nguyên văn chữ Hán "Hương chính" nghĩa như "lý trưởng".

(3) Tạ : xin lỗi.

315. [Điều 32] - Gả con gái đã nhận đồ sính lễ (như tiền, lụa, vàng bạc, lợn, rượu) mà lại thôi không gả nữa thì phải phạt 80 *trượng*. Nếu đem gả cho người khác mà đã thành hôn rồi thì xử tội *đồ* làm *khao đình*. Người lấy sau biết thế mà cứ lấy thì xử tội *đồ*, không biết thì không phải tội. Còn người con gái thì phải gả cho người hỏi trước; nếu người hỏi trước không lấy nữa thì phải bồi thường đồ sính lễ gấp hai; người con gái được gả cho người hỏi sau. Nhà trai đã có sính lễ rồi, mà không lấy nữa, thì phải phạt 80 *trượng* và mất đồ sính lễ.

316. [Điều 33] - Các quan ty ở trấn ngoài mà lấy đàn bà con gái ở trong hạt mình, thì xử phạt 70 *trượng*, *biếm* ba tư và *bãi chức*.

317. [Điều 34] - Người nào đang có tang cha mẹ hoặc tang chồng mà lại lấy chồng hoặc cưới vợ thì xử tội *đồ*, người khác biết mà vẫn cứ kết hôn thì xử *biếm* ba tư và đôi vợ chồng mới cưới phải chia lìa.

318. [Điều 35] - Trong khi ông bà cha mẹ bị giam cầm tù tội, mà lấy vợ lấy chồng thì đều xử *biếm* ba tư và đôi vợ chồng phải ly dị. Nếu ông bà cha mẹ có cho phép thì chỉ được làm lễ thành hôn mà không được bày ra cỗ bàn ăn uống, trái *luật* thì xử *biếm* một tư.

319. [Điều 36] - Người vô lại lấy cô, dì, chị em gái, kể nữ [con gái riêng của vợ], người thân thích, đều phỉ phạm theo *luật gian dâm* mà tội (1).

320. [Điều 37] - Tang chồng đã hết mà người vợ muốn thủ tiết, nếu ai không phải là ông bà cha mẹ mà ép gả cho người khác, thì xử *biếm* ba tư và bắt phải ly dị; người đàn bà phải trả về nhà chồng cũ; người đàn ông lấy [người đàn bà ấy] thì không phải tội.

321. [Điều 38] - Vợ cả, vợ lẽ tự tiện bỏ nhà chồng đi, thì xử tội *đồ* làm *xuy thất tỳ*; đi rồi lấy chồng khác thì phải *đồ* làm *thung thất tỳ*; người và gia sản phải trả về nhà chồng cũ. Người biết mà cứ lấy làm vợ thì phải tội *đồ*, không biết thì không phải tội.

322. [Điều 39] - Con gái hứa gả chồng mà chưa thành hôn, nếu người con trai bị ác tật hay phạm tội hoặc phá tán gia sản thì cho phép người con gái được kêu quan mà trả đồ lễ. Nếu người con gái bị ác tật hay phạm tội thì không phải trả đồ lễ; trái *luật* thì xử phạt 80 *trượng*.

(1) Theo *Thiên nam dự hạ tập*, chương *Điều lệ*, có điều "Lệ giá thú phi loại" nói rằng: "Cùng họ trong vòng năm bậc tang phục và cùng họ mà đã xa không có tang phục, là đồng tính, cùng là con cô con cậu, đôi con dì, con thắp không ngang nhau, đều cấm, nếu là cháu cậu cháu cô thì không cấm, kể vô loại lấy cô, dì, chị, em gái, kể nữ (con gái riêng của vợ), cùng người thân thích, đều xử theo tội *gian dâm*."

323. [Điều 40] - Các quan và thuộc lại lấy đàn bà con gái hát xướng làm vợ cả, vợ lẽ, đều xử phạt 70 *trượng*, *biếm* ba tư; con cháu các quan viên mà lấy những phụ nữ nói trên, thì xử phạt 60 *trượng*; và đều phải ly dị.

324. [Điều 41] - Là anh, là em, là học trò mà lấy vợ của em, của anh, của thầy học đã chết, đều xử tội *lưu*; người đàn bà bị xử giảm một bậc; đều phải ly dị.

325. [Điều 42] - Nếu đánh thuế hay bắt sai dịch trái phép (nghĩa là trước phải chia bố những người giàu, người khỏe, sau mới đến những người nghèo, người yếu; trước chia bố những nhà nhiều người, sau mới đến những nhà ít người) hay không công bằng (nghĩa là theo đúng điều kiện giàu, nghèo, khỏe, yếu, trước sau) thì xử tội *biếm* hay *phạt*. Nếu trái phép mà tự tiện bắt dân đóng thuế, hay dựa vào phép để đánh thuế mà tự ý đánh nhiều thêm, nếu nộp kho thì cũng xử tội như trên, bắt trả số thu lạm cho dân; nếu thu lấy cho mình thì phải ghép vào tội làm trái pháp luật và phải bồi thường gấp đôi cho dân.

326. [Điều 43] - Quan coi việc thu thuế, nếu để quá hạn rồi mà không nộp vào kho, thì xử tội *biếm* hay *phạt*. Nếu quan coi kho, ngoài các lương thuế đã định, mà yêu sách lấy của dân, thì phải tội *biếm* hay *đồ* và phải bồi thường gấp đôi trả cho dân số tiền sách nhiễu.

327. [Điều 44] - Nếu những quan thu tiền thuế và những đồ phải thu đã thu được mà để quá kỳ không nộp vào kho, nếu quá 2 tháng, 3 tháng, cho là tội giấu giếm, quá 4 tháng trở lên cho là ăn trộm; tội giấu giếm thì một quan xử *biếm* một tư; 10 quan *biếm* hai tư; 30 quan *biếm* ba tư; 50 quan xử *đồ* làm *khạo đình*, 100 quan *đồ* làm *tượng phường binh*, 200 quan *đồ* làm *chủng điền binh*, 300 quan trở lên thì xử *lưu* đi châu gần, tội ăn trộm thì xử tội theo *luật* ăn trộm và bồi thường gấp hai.

328. [Điều 45] - Các quan sảnh, viện trình sổ điều phát (1) của các làng xã, chỉ khai tổng số xã mà không khai tên từng xã, thì xử phạt tiền 10 quan; nếu thay đổi sổ sách để ăn tiền thì phải ghép vào tội làm trái *pháp luật*. Thuộc lại thì xử tội *đồ*, và bồi thường trả lại cho dân.

329. [Điều 46] - Những phường quan trong kinh thành xem xét những lính tráng đi tuần mà không đúng phép (đúng phép là mỗi đêm phải cắt phiên thay nhau đi tuần) thì xử phạt 60 *trượng*. Nếu có trộm cướp hay bọn cờ bạc vô lại ở trong phường mình mà không cáo quan để trị tội thì xử tội *biếm* hay *đồ*. Nếu có trộm cướp lẫn lút mà không rình bắt, để xảy ra

(1) *Sổ điều phát* : sổ ghi tên người gọi ra tòng quân hay làm việc công.

việc trộm cướp, thì cũng phải tội như trên. Các quan đô tuần, đốc sát và cảnh tuần không bắt những kẻ đáng bắt, thì xử tội *biếm* hay *phạt*.

330. [Điều 47] - Các quan đại thần trở xuống có lệnh được cấp *hoành nhân* (1) mà lạm lấy những quân dân trốn tránh cùng những người sắc dịch (2) biến đổi tên họ đi, để làm *hoành nhân*, thì quan đại thần phải *biếm* hay *bãi chức*; quan tổng quản cũng phải *biếm* hay *bãi chức*; ngoài ra quan chức khác phạm lỗi này đều phải tội *đồ*; nếu từ 5 người trở lên thì xử tội thêm một bạc.

331. [Điều 48] - Các quan đại thần, bách quan có những người thiệp, tỳ vua ban cho, mà người thiệp tỳ ấy lại cậy thế lấn át chồng hay là ghen tuông, thì xử tội *đồ* làm *tang thất phụ*. Nếu lại can dự những việc quân dân chính sự, thì xử tăng thêm một bạc; người chồng xử *biếm* hay *bãi chức*.

332. [Điều 49] - Trong hạt nào có người giả xưng là *bồ-tát*, *bà đồng*, mà các quan phủ, trấn, huyện hay xã không bắt trình lên trên để trị tội, thì đều xử tội *biếm*. Những *bồ-tát* và *bà đồng* ấy đều xử tội *đồ*; tội nặng thì tăng thêm một bạc.

(1) *Hoành nhân* : người có tội bị xử *đồ* làm nô vào hạng sai phái để phục dịch trong nhà các quan, cũng có khi gọi là "hoành nô" hay hoành.

(2) *Sắc dịch* : những người chức dịch trong làng.

333. [Điều 50] - Đã gả con gái rồi, sau vì thấy người chồng nghèo khó, lại bắt con gái về, thì xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư; con gái phải bắt trở về nhà chồng. Nếu con rể lấy chuyện phi lý mà mắng nhiếc cha mẹ vợ, đem việc thưa quan sẽ cho ly dị.

334. [Điều 51] - Các quan ty mà cùng với những người tù trưởng ở nơi biên trấn kết làm thông gia, thì phải tội *đồ* hay *lưu* và phải ly dị; nếu lấy trước rồi thì xử *đoán* khác.

335. [Điều 52] - Những người dụ dỗ đem những nô tỳ nhà nước chạy trốn, thì cũng phải tội như tội giấu giếm nô tỳ nhà nước; các quan lộ huyện phường xã biết mà không phát giác ra, thì phải tội *biếm* một tư. Dụ dỗ những nô tỳ nhà tư, thì xử tội nhẹ hơn trên một bậc.

336. [Điều 53] - Những tội tở của nhà công hầu (hoặc của công chúa) cậy quyền thế chiếm những ruộng đất của người ta, hay là bắt ép lấy con gái nhà dân, cùng mắng chửi người ta, đều xử tội *đồ*; lộng quyền chủ mà làm những việc trái phép, ăn của hối lộ, cũng xử tội *đồ*. Chủ nhà dung túng, thì xử tội *biếm* tùy theo việc nặng nhẹ.

337. [Điều 54] - Những nhà quyền thế mà dung nạp những hạng vô lại, không có trong hộ tịch (như

những người xem số mệnh, thầy phù thủy, đồng cốt cùng là bọn du thủ du thực, giang hồ phóng dăng) một người thì xử tội *biếm*, hai người thì xử tội *biếm* hay *bãi chức*, nhiều thì càng phải tăng thêm tội và phải nộp những tiền khóa dịch vào kho. Còn những hạng vô lại nói trên đều xử tội *đồ* hay *lưu*.

338. [Điều 55] - Những nhà quyền thế mà ức hiếp để lấy con gái kẻ lương dân, thì xử tội *phạt*, *biếm* hay *đồ*.

339. [Điều 56] - Những người mối lái đem đàn bà con gái có tội đương trốn tránh, làm mối cho người ta làm vợ cả, vợ lẽ thì xử tội nhẹ hơn tội của chính người đàn bà ấy một bậc; người không biết thì không phải tội.

340. [Điều 57] - Những người không phải ngành chính mà tranh bừa quyền phụ đạo (1), thủ lĩnh thì xử 70 *trượng*, *biếm* ba tư. Dòng chính phụ đạo thủ lĩnh, nếu không tâu xin mà tự tiện giữ quyền thì xử giảm một bậc.

341. [Điều 58] - Những nô tỳ được nhà nước ban cho, nếu là vợ con của kẻ phản nghịch và của kẻ phản nước theo giặc, thì không được đem bán hay cho chuộc. Còn trái luật thì xử *biếm* và mất những nô tỳ ấy. Lấy nô tỳ nhà nước làm nô tỳ riêng cũng xử tội như vậy.

(1) *Phụ đạo* : quan lại địa phương ở vùng dân tộc ít người.

Chương
ĐIỂN SẢN

(Gồm 32 điều)

342. [Điều 1] - Bán ruộng đất của công cấp cho hay ruộng đất khấu phần, thì xử 60 *trượng*, *biếm* hai tư; người viết văn tự thay và người làm chứng đều xử tội nhẹ hơn một bậc; truy thu số tiền bán và ruộng đất sung vào của công. Đem cầm, thì xử phạt 60 *trượng* và bắt chuộc.

343. [Điều 2] - Chiếm ruộng đất công quá số hạn định, từ một mẫu thì xử phạt 80 *trượng*, mười mẫu thì *biếm* một tư, tội chỉ đến *biếm* ba tư là cùng; đòi lại tiền lợi ruộng đất nộp vào làm của công. Nếu khai khẩn những nơi ruộng đất hoang thì không phải tội.

344. [Điều 3] - Nhận bậy ruộng đất của người khác từ một mẫu trở xuống thì *biếm* một tư; 5 mẫu trở xuống *biếm* hai tư; 10 mẫu trở xuống *biếm* ba tư, chỉ xử *đồ* làm *khao đình* là cùng. Lấn giới hạn (ruộng đất của người khác) thì *biếm* một tư và phải bồi thường gấp đôi tiền hoa màu; nếu là ruộng đất công thì xử tội nặng thêm một bậc và bồi thường gấp hai tiền hoa màu; người quản giám vô tình không biết, thì phải *biếm* một tư và mất chức quản giám.

345. [Điều 4] - Giấu số ruộng đất đầm ao của công (không nộp thuế), từ một mẫu trở lên thì xử tội *biếm*, từ 10 mẫu trở lên thì xử tội *đồ*, từ 50 mẫu trở lên thì xử tội *lưu*, tội chỉ đến *lưu* đi châu xa là cùng, và phải bồi thường gấp ba tiền thuế nộp vào kho. Thưởng cho người tố cáo...

346. [Điều 5] - Cày cấy ruộng công mà quá kỳ không nộp thóc thì xử phạt 80 *trượng* và phải truy thu gấp đôi số thóc nộp vào kho; quá nửa thì lấy lại ruộng (ruộng công cấp cho thì lấy lại cả, ruộng khấu phần thì lấy bớt một phần).

347. [Điều 6] - Các quan lộ, huyện, xã, đã chia ruộng rồi, nếu có người bị tội phải giáng truất hay chết, thì phải lấy lại ruộng, hay có quan ty được thăng trật, cùng là dân đình đã lớn tuổi, xin cấp ruộng, thì cho các quan lộ, huyện, xã được tự liệu định. Nếu chia ruộng còn thừa thì để vào làm ruộng công; nếu thiếu thì lấy ruộng công của bản xã, hay của xã lân cận mà cấp, rồi làm sổ tâu trình, cứ 4 năm lại làm sổ ruộng lại một lần. Nếu đo ruộng hay cấp ruộng không hợp thời vụ (nghĩa là ruộng mùa thì mùa xuân đo, mùa thu cấp, ruộng chiêm thì mùa thu đo mùa xuân cấp; nếu nhân đình năm nay 14 tuổi thì ruộng chiêm mùa thu năm nay đo, mùa xuân sang năm cấp, ruộng mùa thì mùa xuân sang năm đo, mùa

thu sang năm cấp) hay là không đúng lệ cấp ruộng, thì các quan lộ, huyện, xã đều phải tội *phạt, biếm* tùy theo tội tình nặng nhẹ. Nếu không phải là ruộng hoang, mà bỏ lâu ngày không chia thành bỏ hoang, thì (các quan viên) phải bồi thường tiền hoa màu ruộng; nếu lấy tiền hoa màu làm của mình, thì phải bồi thường gấp đôi nộp vào kho nhà nước.

348. [Điều 7] - Người có ruộng đất tự tiện lập thành trang trại chứa chấp những dân đình trốn tránh, là quan nhất phẩm, nhị phẩm thì bị xử phạt tiền 300 quan; người trông coi trang trại xử tội *đổ*; tam phẩm trở xuống thì tội xử thêm một bậc; và đều phải bồi thường gấp hai số tiền khóa dịch; xã quan giấu không tố cáo, thì phải tội *biếm*; huyện quan không phát giác thì phải phạt theo việc nặng nhẹ, thưởng cho người tố cáo tùy theo trường hợp nặng nhẹ. Nếu việc nói trên đã tâu lên rồi thì không phải tội.

349. [Điều 8] - Trong hạt có nơi nào mà bị nạn lụt, hạn, mưa đá, sâu keo, châu chấu phá hại lúa má, quan chủ ty đáng phải tâu mà không tâu hay là tâu sai sự thật thì xử tội *trượng* hay *phạt*. Quan kiểm tra không xét đúng sai sự thực thì *biếm* ba tư và *bãi chức*. Nếu khám biên sai sự thật để nhầm lẫn mà thu thuế hay cho miễn thuế, thì phải bồi thường tiền thuế gấp hai lần. Nếu quá kỳ mới tâu thì vẫn phải tội như không tâu (kỳ là ruộng mùa thì tháng chín, ruộng chiêm thì

tháng tư); nếu quan nhận đơn kêu và quan phê đơn đệ tâu chậm trễ quá kỳ hạn thì quan nhận đơn bị xử *biếm* một tư, quan phê đơn phải phạt 10 quan tiền, lại cho khám xét đúng phép. Nếu vì lâu ngày không còn dấu tích để tra xét ra được, thì phần thuế đã thu hay miễn đòi ở quan nhận đơn và quan phê đơn.

350. [Điều 9] - Những ruộng đất công có chỗ bỏ hoang mà quan trông coi không tâu để xin chia cho người cày ruộng khai khẩn, thì xử tội *biếm* hay *phạt* (nơi nào dân ít ruộng nhiều thì không *luận* tội). Sau ba năm khai khẩn thành phục rồi, mà không nộp một nửa hoa lợi vào của công, thì xử *biếm* ba tư. Bất kể cấy ruộng phải bồi thường tiền giá ruộng.

351. [Điều 10] - Người thu lúa thuế ruộng, mà giấu giếm giảm bớt không đúng sự thực, thì xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư bồi thường gấp đôi số thóc vào kho; người cáo giác được thưởng tùy theo việc nặng nhẹ.

352. [Điều 11] - Những đầm bãi công hay tư, cho phép những dân xã gần đó được lĩnh canh, đánh cá mà nộp thuế theo đúng ngạch thuế; nếu quan trông coi hay người chủ tự ý tăng thuế, thì phải trả lại số tăng cho dân.

353. [Điều 12] - Nếu những ruộng đất không vào sổ công, dân chiếm ở đã lâu, mà khai gian là của

riêng mình hay là đem những văn khế và dấu vết đã lâu đời ra mà cố tranh, thì phải *biếm* hai tư. Đem ruộng đất của người khác mà khai vào sổ là của mình, thì phải *biếm* ba tư và trả tiền đất cho chủ cũ.

354. [Điều 13] - Người nào tranh giành nhà đất thì phải *biếm* hai tư. Nếu đã có chúc thư mà còn cố tranh giành thì cũng xử *biếm* như thế và phải tước mất cả phần của mình nữa. Nếu cha mẹ không nhận làm con, trong chúc thư không có tên, mà vẫn cố tranh thì phải *biếm* ba tư, đòi lại số ruộng đất tranh cho người chủ. Nếu người trưởng họ đảm bảo sai thì phải *biếm* một tư.

355. [Điều 14] - Người nào ức hiếp để mua ruộng đất của người khác thì phải *biếm* hai tư và cho lấy lại tiền mua.

356. [Điều 15] - Những tá điền cấy nhờ ruộng ở nhà của người khác, mà dở mặt tranh làm của mình, thì phải phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư; nếu người chủ ruộng đất có văn tự xuất trình thì người tá điền phải bồi thường gấp đôi số tiền ruộng đất, không có văn tự thì trả nguyên tiền thôi.

357. [Điều 16] - Nếu xâm chiếm bờ cõi ruộng đất, nhổ bỏ mốc giới của người khác, hay tự mình lại lập ra mốc giới, thì xử *biếm* hai tư.

358. [Điều 17] - Nếu chặt tre gỗ trong vườn mộ địa của người khác thì xử *biếm* một tư và nộp tiền tạ lỗi 10 quan; lấn chiếm giới hạn phần mộ người khác cũng phải tội như thế và phải bồi thường những chỗ lấn chiếm; nếu là mộ nhà quyền quý thì tăng thêm tội.

359. [Điều 18] - Cấy trộm vào đất mộ của người ta, thì phải *biếm* một tư; lấn phạm vào mộ thì *biếm* ba tư; kẻ phạm lỗi trên không có quan chức, thì xử tội *đồ* làm *khao đình*, và phải nộp tiền tạ lỗi 30 quan. Táng trộm vào ruộng đất của người khác thì xử phạt 80 *trượng*; vào chỗ mộ địa của người, thì phải *biếm* một tư, và bắt phải dời mộ đi nơi khác. Nếu không biết kẻ nào táng trộm thì cho xã quan dời mộ đi chỗ khác. Không trình xã quan mà dời mà táng trộm đi thì phải phạt 60 *trượng*.

360. [Điều 19] - Đương tranh kiện nhau về ruộng đất mà lại đánh người để gặt cướp lúa, thì phải phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư, bắt trả gấp đôi phần lúa cho người kia. Đánh người đến bị thương hay chết thì phải tội theo luật đánh giết người.

361. [Điều 20] - Cấy rẽ ruộng công hay tư không báo với viên trông coi hay chủ ruộng mà đã gặt trước, thì phải phạt 80 *trượng*, trả lại số lúa đã gặt. Báo rồi mà quan trông nom hay chủ ruộng để quá ngày không đến, để lúa mục nát, thì được phép báo với xã quan

mà gặt; không báo mà gặt thì cũng phải tội *trượng* như trên mà bồi thường phần lúa, dù lúa xấu hay mất mùa cũng không được giảm.

362. [Điều 21] - Kiện nhau về ruộng đất chưa xử xong, đến khi lúa được gặt mà quan xử kiện không theo phép tâu lên để tạm khu xử thì phải tội *phạt* (theo phép, nghĩa là quan cho cấm nêu và cho người vẫn cày ruộng được tạm gặt; nếu người vẫn cày không đến hầu kiện thì phải bắt đến. Nếu hai bên cũng tự xưng là người cấy ruộng cả, thì bắt gặt lúa đem chứa vào một nơi; đợi khi xử xong mà người gặt lúa là trái thì trả số lúa cho người được kiện. Nếu người tạm gặt lại được kiện, thì phần lúa cũng xử như trên). Nếu không theo phân xử mà cứ gặt lúa thì bị xử tội tranh giành đất đai.

363. [Điều 22] - Mua nô tỳ không đem văn tự trình quan để xét hỏi lại mà tự ý thích chữ thì phải phạt tiền 10 quan.

364. [Điều 23] - Nô tỳ mà chống đòi trở lại làm thường dân thì phải phạt 100 *trượng* và bắt về với chủ.

365. [Điều 34] - Người thích chữ vào vợ, con trai con gái người khác và nô tỳ của người khác để bắt làm nô tỳ của mình, thì xử tội *đồ*; kẻ phạm lỗi trên không có quan chức thì xử tội *lưu* và đều phải trả tiền

50 quan cho cha mẹ hay người chồng và trả những người bị ép ấy cho nhà người ta. Người biết mà viết thay văn tự, và người chứng kiến đều phải *biếm* hai tư. Thích chữ vào người ở đợ làm nô tỳ mình, thì cũng xử tội như trên và phải trả tiền tẩy chữ theo như *luật định*. Nếu đem bán đứt dân đinh làm nô tỳ cho người thì phải *biếm* năm tư và phải đền gấp đôi số tiền bán, nộp vào kho một nửa.

Còn nguyên tiền bán thì phải trả cho người mua, dân đinh lại trả về làm dân thường. Nếu biết mà cứ mua thì phải *biếm* ba tư, tiền mua phải tịch thu sung công. Người viết thay văn tự hay chứng kiến mà biết sự việc thì phải *biếm* hai tư.

366. [Điều 25] - Những người làm chúc thư văn khế mà không nhờ quan trưởng trong làng viết thay và chứng kiến, thì phải phạt 80 *trượng*, phạt tiền theo việc nặng nhẹ. Chúc thư văn khế ấy không có giá trị. Nếu biết chữ mà viết lấy thì được.

367. [Điều 26] - Những sản vật của công (như hoa quả, ruộng đất, đầm ao) mà lộ, huyện, xã quan không để tâm trông nom sửa sang làm tổn hại, thì huyện xã quan phải *biếm*; lộ quan phải tội *phạt*, và bồi thường theo thời giá; năm mất mùa thì sẽ *định* khác.

368. [Điều 27] - Những sổ thuế tâu lên về thuế má, đầm ao đất bãi mà tâu nhiều làm ít, đất quan

làm đất hoang, hạng trên làm hạng dưới, thêm bớt thay đổi, để hụt của công và tổn hại cho dân, thì lộ huyện xã quan đều phải theo việc nặng nhẹ mà *trị tội*, và ghép vào tội giấu giếm của cải của nhà nước. Quan sảnh, quan viện phê sổ mà kiểm soát sai lầm, thì phải tội phạt; nếu biết mà dung túng cho kẻ khai gian thì xử như kẻ phạm tội.

369. [Điều 28] - Trong hạt cai quản có những sản vật có thể dùng vào quân nhu, hay quốc dụng mà không tra xét tâu lên, thì quan sở tại bị xử *biếm* một tư. Ai tố cáo đúng sự thực thì được thưởng tùy theo việc to nhỏ.

370. [Điều 29] - Các nhà quyền quý chiếm đoạt nhà cửa ruộng đất ao đầm của lương dân, từ một mẫu trở lên, thì xử tội *phạt*; từ 5 mẫu trở lên, thì xử tội *biếm*. Quan tam phẩm trở xuống thì xử tội tăng thêm hai bậc và phải bồi thường như *luật định*. Đã tâu lên rồi thì xử khác.

371. [Điều 30] - Trong hạt cai quản có hổ, chó sói, lợn rừng cắn hại nhân dân, phá hoại lúa má, mà không dụng tâm tìm cách săn bắt, thì xử tội *biếm*, ai bắt được thì được thưởng tùy theo việc nặng nhẹ.

372. [Điều 31] - Quan dân không theo chế độ ruộng đất mà lạm chiếm phần mình thì xử tội *biếm* hay *đo*. Người tố cáo ra đúng sự thực thì được 2 phần

10 số ruộng đất tố cáo. Ruộng đất khấu phần thì không được bán cho người khác hay chuyển riêng cho ai; trái *luật* thì phải ghép vào tội bán ruộng đất công. Nuôi nô tỳ quá hạn thì cũng xử tội *biếm* hay *đo*. Nô tỳ được đặc ân cấp cho, thì không theo lệ này.

373. [Điều 32] - Những người cày ruộng đất công mà khai dối là cày cấy cho quan ty, để mong tránh đóng thuế, thì xử tội theo luật chiếm ruộng đất công. Quan ty dung túng thì cũng đồng tội; không biết thì không xử tội. Xã quan biết mà không tố giác thì xử tội giấu giếm; không biết thì được giảm hai bậc; quan lộ huyện vô tình không biết thì xử tội *biếm*.

ĐIỀN SẢN MỚI TĂNG THÊM

(Gồm 14 điều)

374. [Điều 1] - Chồng cùng vợ trước có con, vợ sau không có con, hay vợ cùng chồng trước có con, chồng sau không có con, mà chồng chết trước không có chúc thư, thì điền sản thuộc về con vợ trước, hay con chồng trước; nếu vợ sau, chồng sau không chia đúng phép thì bị xử phạt 50 roi, *biếm* một tư. Cha mẹ còn thì lại xử khác (đúng phép, nghĩa là vợ trước có một con, vợ sau không con, thì điền sản chia làm ba, cho con vợ trước 2 phần, vợ sau một phần; nếu vợ trước có hai con trở lên, thì phần vợ sau chỉ bằng phần của các

con thôi. Phần của vợ sau thì chỉ để nuôi dưỡng một đời mình, không được nhận làm của riêng; nếu vợ sau chết hay cải giá lấy chồng khác, thì phần ấy lại về con chồng. Vợ chết trước thì người chồng cũng theo lệ ấy, nhưng không câu nệ khi lấy vợ khác (1). Nếu diên sản là của chồng và vợ trước làm ra, thì chia làm hai phần, vợ trước và chồng mỗi người một phần, phần của vợ trước thì để riêng cho con, còn phần chồng thì lại chia như trước. Nếu diên sản là của chồng và vợ sau làm ra, thì cũng chia làm hai phần, chồng và vợ sau mỗi người một phần, phần của chồng thì chia như trước; còn phần của vợ sau thì được nhận làm của riêng, vợ chết trước thì chồng cũng như thế).

375. [Điều 2] - Vợ chồng không có con, hoặc ai chết trước, không có chúc thư, mà diên sản chia về chồng hay vợ, cùng là để về việc tế tự không đúng phép, thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư. Người trong họ không được giữ phần diên sản về việc tế tự ấy nữa (đúng phép, nghĩa là chồng chết, thì diên sản chia làm hai phần, về người họ ăn thừa tự một phần để giữ việc tế tự; về vợ một phần, phần của người vợ thì chỉ để nuôi đời mình không được nhận làm của riêng, vợ chết hay cải giá, thì phần ấy lại thuộc về người

(1) Ý nói khi lấy vợ khác thì cũng không bị tước đoạt phần diên sản.

thừa tự. Nếu cha mẹ hãy còn sống thì thuộc về cha mẹ cả; vợ chết trước thì chồng cũng thế, chỉ không bắt buộc hề lấy vợ khác thì mất phần ấy. Trên đây là nói về diên sản của cha mẹ để cho con, còn diên sản của vợ chồng làm ra, thì chia làm hai, vợ chồng mỗi người được một phần; phần của vợ được nhận làm của riêng, phần của chồng lại chia làm 3, cho vợ 2 phần, để về việc tế tự và phần mộ một phần, hai phần cho vợ cũng chỉ để nuôi một đời mình, không được nhận làm của riêng, vợ chết hay cải giá, thì hai phần ấy lại để về việc tế tự và phần mộ của chồng. Phần về tế tự và phần mộ, nếu cha mẹ còn sống thì cha mẹ giữ; nếu cha mẹ không còn thì người thừa tự giữ; vợ chết trước thì chồng cũng thế, chỉ không câu nệ khi lấy vợ khác).

376. [Điều 3] - Vợ chồng đã có con nếu một người chết trước, sau đó con cũng lại chết, thì diên sản thuộc về chồng hay vợ. Nếu người trưởng họ chia không đúng phép, thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư và mất phần chia (đúng phép nghĩa là diên sản của vợ chia làm 3, để cho chồng 2 phần, cho người họ (người thừa tự) một phần. Cha mẹ còn sống thì chia làm hai, thuộc về cha mẹ một phần, thuộc về chồng một phần, phần của chồng chỉ được để nuôi một đời, không được nhận làm của riêng, chồng chết thì phần ấy thuộc về cha mẹ hay người thừa tự. Chồng chết trước thì vợ cũng thế, cải giá thì phải trả lại).

377. [Điều 4] - Khi chồng chết, con còn nhỏ, mẹ đi cải giá, mà lại đem bán điền sản của con, thì xử phạt 50 roi, trả tiền lại người mua, trả ruộng cho con. Nếu có lý do đã trình bày với họ hàng bằng lòng cho bán, cũng phải trình quan để xét xem cần tiêu hết bao nhiêu, thì chỉ cho bán bấy nhiêu thôi. Nếu người chồng sau mạo tên con người chồng trước mà bán, thì người chồng sau, người viết thay văn tự và người chứng kiến đều xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư. Người biết sự việc mà cứ mua thì xử phạt 80 *trượng* và mất số tiền mua, ruộng phải trả lại cho con. Vợ sau mà bán điền sản của con vợ trước thì cũng xử tội như thế.

378. [Điều 5] - Cha mẹ còn sống, mà bán trộm điền sản, con trai thì xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư, con gái thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư, phải trả nguyên tiền cho người mua, điền sản trả cha mẹ (những kẻ hàng dưới ít tuổi cùng ở với bậc trên mà ăn trộm điền sản của gia trưởng thì cũng phải tội như thế). Người biết sự việc mà mua thì mất số tiền mua; người viết văn tự thay hay làm chứng mà biết sự thật thì đều bị xử phạt 50 roi, *biếm* một tư; không biết thì không xử tội.

379. [Điều 6] - Ông bà cha mẹ chết cả, mà người trưởng họ bán điền sản của con cháu không có lý do chính đáng thì xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư, trả lại tiền cho người mua và lại phải trả thêm một lần tiền

mua nữa để chia cho người mua và con cháu mỗi bên một nửa; điền sản thì phải trả cho con cháu. Người biết mà cứ mua thì mất tiền mua; nếu có nợ cũ, thì cho người trưởng họ đứng ra đảm bảo để bán mà trả nợ.

380. [Điều 7] - Con nuôi mà có văn tự là con nuôi và ghi trong giấy rằng sau sẽ chia điền sản cho, khi cha mẹ nuôi chết không có chúc thư, điền sản đem chia cho con đẻ và con nuôi. Nếu người trưởng họ chia điền sản ấy không đúng phép, thì phạt 50 roi, *biếm* một tư. Nếu trong giấy của con nuôi không ghi là sẽ cho điền sản, thì không dùng *luật* này. (Đúng phép, nghĩa là điền sản chia làm ba, con đẻ được hai phần, con nuôi được một phần; nếu không có con đẻ mà con nuôi cùng ở với cha mẹ từ thuở bé, thì được cả; thuở bé không cùng ở thì con nuôi được hai phần, người thừa tự được một phần).

381. [Điều 8] - Những người đã làm con nuôi người họ khác rồi, mà lại về tranh điền sản của người tuyệt tự (1) trong họ thì được chia bằng một nửa phần của người thừa tự. Trái *luật* thì xử phạt 80 *trượng*. Nếu không được cha mẹ nuôi chia điền sản cho, thì không dùng *luật* này.

382. [Điều 9] - Bán trộm ruộng đất của người khác thì xử tội *biếm*, bán từ 10 mẫu trở lên thì xử tội *đồ*,

(1) *Tuyệt tự*: không có con nối dõi.

trả tiền mua cho người mua và phải trả thêm một lần tiền mua nữa, để trả cho người chủ có ruộng đất và người mua, mỗi người một phần nữa; ruộng đất thì phải trả người chủ có. Nếu người biết mà cứ mua, thì xử phạt 80 *trượng* và mất số tiền mua.

383. [Điều 10] - Những ruộng đất đã cầm chưa đem tiền chuộc trả người chủ cầm, mà đem bán đứt cho người khác, thì phải phạt 50 roi, *biếm* một tư, truy hồi tiền trả người chủ cầm. Người bán ruộng đất mà lấn ruộng đất của người ta để cho rộng thêm ruộng của mình, thì cũng xử tội như thế, và phải trả gấp đôi tiền chỗ ruộng đất lấn cho người chủ có ruộng bị lấn (1). Cho làm văn tự khác.

384. [Điều 11] - Những ruộng đất cầm mà chủ ruộng xin chuộc, người cầm không cho chuộc, hay là không muốn chuộc mà bắt phải chuộc thì đều phải phạt 80 *trượng*. Nếu quá hạn mà chủ ruộng cố đòi chuộc, thì chủ ruộng cũng phạt *trượng* như thế mà không cho chuộc. (Kỳ hạn ruộng mùa là ngày 15 tháng 3, ruộng chiêm là ngày 15 tháng 9). Nếu trong hạn đã đem tiền đến chuộc và đã được quan xử cho chuộc, mà chủ cầm cố tình lấn khân không cho chuộc, để cho quá kỳ hạn, thì phải phạt 80 *trượng*, bắt phải

(1) Nghĩa là phải trả lại phần đất lấn cho nguyên chủ và còn phải trả thêm một phần tiền về phần đất lấn nữa.

cho chuộc, và phải trả lại tiền lãi những ngày để lấn khân. Nếu qua niên hạn mà xin chuộc thì không được (niên hạn là 30 năm). Nếu người bán trái lý còn kêu lên quan để đòi chuộc thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư.

385. [Điều 12] - Tranh nhau ruộng đất mà đưa người giả làm người thân thuộc trong họ ra làm chứng, thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư; cố ý không theo lệnh đã xử mà cứ tranh, thì xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư và phải phạt tiền tạ 30 quan.

386. [Điều 13] - Nô tỳ mà bán trộm ruộng đất của chủ, thì xử phạt 90 *trượng* và thịch vào mặt 6 chữ, *lưu* đi châu gần; ruộng đất phải trả lại chủ và trả tiền mua cho người mua. Người mua biết mà cứ mua, thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư, tiền mua phải tịch thu sung công.

387. [Điều 14] - Con trai từ 16 tuổi, con gái từ 20 tuổi trở lên, mà ruộng đất của mình để người trong họ hay người ngoài cày hay ở, đã quá niên hạn mới miễn cưỡng đòi lại, thì bị xử phạt 80 *trượng* và mất ruộng đất (niên hạn : người trong họ 30 năm, người ngoài 20 năm). Nếu vì chiến tranh hay đi phiêu bạt mới về, thì không theo *luật* này.

BỔ SUNG THÊM VỀ LUẬT HƯƠNG HỎA

(Gồm 4 điều)

388. [Điều 1] - Cha mẹ mất cả, có ruộng đất, chưa kịp để lại chúc thư, mà anh em chị em tự chia nhau, thì lấy một phần 20 số ruộng đất làm phần hương hỏa, giao cho người con trai trưởng giữ, còn thì chia nhau. Phần con của vợ lẽ, nàng hầu, thì phải kém. Nếu đã có lệnh của cha mẹ và chúc thư, thì phải theo đúng, trái thì phải mất phần mình (Lệnh năm thứ 2 (1461) niên hiệu Quang Thuận)⁽¹⁾.

389. [Điều 2] - Các quan đại thần cùng các quan viên cho đến thường dân, phạm con cháu, giữ việc phụng sự hương hỏa, thì không kể tuổi lớn nhỏ, phẩm trật cao thấp, phải theo lệ thường, ủy cho người con trưởng của vợ cả. Nếu người con cả chết trước, thì lấy người cháu trưởng; nếu không có cháu trưởng, thì mới lấy người con thứ. Nếu người vợ cả không có con trai khác, thì mới chọn lấy người con nào tốt của vợ lẽ. Nếu người con trưởng, cháu trưởng có tật nặng hay hư hỏng, không thể giữ việc thờ cúng được, thì phải trình quan sở tại để chọn người con khác thay. Nếu trái luật thì cho người trưởng họ được cáo tử ở các nha môn để tâu lên, sẽ khép vào "tội bất hiếu bất

(1) *Quang Thuận* : niên hiệu thứ nhất của vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497).

mục trái bỏ điển lễ". (Lệnh năm thứ 3 (1511) niên hiệu Hồng Thuận)⁽¹⁾.

390. [Điều 3] - Người làm cha mẹ phải liệu tuổi già mà lập sẵn chúc thư. Người trưởng họ liệu chia nhiều ít cho phải, rồi làm giấy giao lại về phần hương hỏa thì theo lệ cũ lấy một phần hai mươi [trong số điển sản]. Như người cha làm trưởng họ lấy ruộng đất mấy nơi làm phần hương hỏa, đến khi con làm trưởng họ, thì lại đem những ruộng đất hương hỏa của cha nhập cả vào phần các con, chia ra xem mỗi phần được bao nhiêu mới lấy một phần 20 làm hương hỏa. Cháu làm trưởng họ cũng thế. Nhưng khi có trường hợp người nhiều mà ruộng ít, thì phần hương hỏa và phần các con cháu, cho được tùy tiện mà chia; miễn là thuận tình cả không có sự tranh giành nhau, thì cho tùy nghi.

391. [Điều 4] - Người giữ hương hỏa có con trai trưởng thì dùng con trai trưởng, không có con trai trưởng thì dùng con gái trưởng, ruộng đất hương hỏa thì cho lấy một phần hai mươi (Lệnh năm thứ 2 (1517) niên hiệu Quang Thiệu)⁽²⁾.

(1) *Hồng Thuận* : niên hiệu của vua Lê Tương Dực (1509 - 1516).

(2) *Quang Thiệu* : niên hiệu của vua Lê Chiêu Tông (1516 - 1522) Lệnh chỉ năm Hồng Thuận và Quang Thiệu, được bổ sung vào các lần in sau của bộ Luật này.

CHÂM CHƯỚC BỔ SUNG VỀ LUẬT HƯƠNG HỎA

(Gồm 9 điều)

392. [Điều 1] - Người con trưởng nếu hư hỏng hay bị tật nặng không thể giữ việc thờ cúng, thì cha mẹ đem phần hương hỏa giao cho con thứ giữ, và phải theo lệnh của cha mẹ. Nếu người con thứ không có con trai mà người con trưởng bất tiểu⁽¹⁾ hay bị phế tật lại có con trai cháu trai, thì phần hương hỏa trước lại giao về cho con trưởng ấy.

393. [Điều 2] - Người cha lấy vợ trước sinh được một con trai, phần hương hỏa đã giao cho giữ; nhưng người con trai ấy lại chỉ sinh được một con gái, mà cha có vợ lẽ hay nàng hầu lại sinh được một trai nhưng lại bị cố tật, người con cố tật ấy sinh được cháu trai, thì ruộng đất hương hỏa phải giao cho người cháu trai con kẻ cố tật, để tỏ ra rằng dòng họ không thể để tuyệt.

394. [Điều 3] - Người con trai trưởng hay cháu trai trưởng trước đã giữ phần hương hỏa, nhưng vì nghèo đói phải xiêu dạt đi nơi khác, bỏ việc thờ cúng đã lâu năm, thì cho người trong họ được trình rõ với quan sở tại tạm giao cho họ thừa tự. Nếu người con trai hay

(1) *Bất tiểu* : kém cõi, không xứng đáng.

cháu trai lại về an nghiệp, thì phần hương hỏa trước lại trả cho người con trai cháu trai ấy giữ, người trong họ không được cố giữ.

395. [Điều 4] - Cha mẹ sinh được hai con trai, người con trai trưởng chỉ sinh con gái, con thứ lại có con trai, thì phần hương hỏa giao cho con trai người con thứ; nhưng con trai người con thứ chỉ sinh cháu gái, thì phần hương hỏa trước kia lại phải giao trả cho con gái người con trưởng.

396. [Điều 5] - Người ông là Phạm Giáp sinh con trai trưởng là Phạm Ất, thứ là Phạm Bính. Ông Tổ Phạm Giáp có ruộng đất hương hỏa 2 mẫu đã giao cho con trưởng là Phạm Ất giữ. Phạm Ất đã đem 2 mẫu ấy nhập vào với ruộng đất của mình mà chia cho các con, chỉ còn 5 sào để cho con trai Phạm Ất giữ làm hương hỏa. Con trai Phạm Ất lại sinh toàn con gái, mà con thứ là Phạm Bính có con trai lại có cháu trai, thì số 5 sào hương hỏa hiện tại, phải giao lại cho con trai hay cháu trai Phạm Bính coi giữ. Nhưng không được đòi lấy cho đủ hai mẫu hương hỏa của tổ trước mà sinh ra tranh giành.

397. [Điều 6] - Người ông là Trần Giáp sinh được trai gái hai con, trai trưởng là Trần Ất, gái là Trần Thị Bính. Trần Ất sinh được một gái Trần Thị Đình,

còn thơ ấu thì Trần Ất chết. Ông là Trần Giáp lập chúc thư giao phần ruộng đất hương hỏa cho Trần Thị Bính giữ. Khi Trần Thị Bính chết, thì phần hương hỏa phải trả lại cho con gái Trần Ất là Trần Thị Đình giữ.

398. [Điều 7] - Tầng tổ⁽¹⁾ sinh được hai con trai, ruộng đất hương hỏa giao cho người con trưởng coi giữ; người con trưởng lại giao cho cháu trai trưởng coi giữ. Sau người cháu trưởng sinh toàn con gái, mà người con thứ của tầng tổ lại có con trai cháu trai, thì phần hương hỏa phải giao về cho con trai cháu trai người con thứ coi giữ, để làm rõ cái nghĩa tôn kính tổ tiên.

399. [Điều 8] - Ruộng đất hương hỏa của cao tổ⁽²⁾ đã trải 5 đời, con cháu không phải để tang, không phải thờ cúng thì những người trong họ không được đem ruộng đất hương hỏa trước kia chia nhau, để tránh sự tranh giành.

400. [Điều 9] - Ruộng đất hương hỏa, dù con cháu nghèo khó, cũng không được đem bán làm trái luật, có người tố cáo phải ghép vào tội bất hiếu. Nếu người trong họ mua ruộng đất ấy, thì mất số tiền mua. Người ngoài mà mua thì phải cho chuộc, người mua không được cố giữ.

(1) Tầng tổ : cụ bốn đời.

(2) Cao tổ : cụ năm đời

Chương THÔNG GIAN

(Gồm 10 điều)

401. [Điều 1] - Gian dâm với vợ người khác thì xử tội lưu hay tội chết; với vợ lẽ người khác thì giảm một bậc. Với người quyền quý thì sẽ xử cách khác; kẻ phạm tội đều phải nộp tiền tạ như luật định. Vợ cả, vợ lẽ [phạm tội] đều xử tội lưu, diên sản trả lại cho người chồng. Nếu là vợ chưa cưới thì đôi bên đều được giảm một bậc.

402. [Điều 2] - Quyền rũ con gái chưa có chồng, thì xử như tội gian dâm thường, và phải nộp tiền tạ, nhiều ít tính theo bậc sang hèn, trả cho cha mẹ người con gái; người con gái [bị quyền rũ] không phải tội; kẻ dất mối bị xử tội đồ hay lưu.

403. [Điều 3] - Hiếp dâm thì xử tội lưu hay tội chết và phải nộp tiền tạ hơn tiền tạ về tội gian dâm thường một bậc; nếu làm người đàn bà bị thương thì bị xử tội nặng hơn tội đánh người bị thương một bậc. Nếu làm người đàn bà bị chết thì diên sản kẻ phạm tội phải trả cho nhà người bị chết.

404. [Điều 4] - Gian dâm với con gái nhỏ từ 12 tuổi trở xuống, dù người con gái thuận tình, cũng xử tội như tội hiếp dâm.

405. [Điều 5] - Thông gian⁽¹⁾ với vợ người, thì xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư, bắt nộp tiền tạ nhiều ít theo bậc cao thấp [của người đàn bà], nếu sang hèn cách nhau xa, thì lại xử khác.

406. [Điều 6] - Gian dâm với vợ kế, vợ lẽ của ông, cha, với mẹ nuôi, mẹ kế, bác gái, thím, cô, dì, chị em gái, vợ của con cháu, con gái của anh em, đều xử tội chém; đàn bà con gái [gian dâm] bị *lưu* đi châu xa. Gian dâm với tỳ thiếp, mà ông hay cha đã lấy rồi, thì được giảm một bậc. Với cô, bác, thím họ, mợ, vợ con anh em, cùng vợ sau, vợ lẽ người kế phụ, cũng đều phải tội chém; đàn bà con gái bị *lưu* đi châu xa.

407. [Điều 7] - Đẩy tở mà gian dâm với vợ, con gái, con dâu của chủ, thì xử tội chém, điển sản phạm nhân phải tịch thu trả cho chủ; gian dâm với đàn bà con gái hàng *cơ thân*⁽²⁾ của chủ, với vợ người cơ thân của chủ, cũng phải tội như thế. Người làm thuê hay người tá điền mà phạm thì cũng phải tội như thế. Đàn bà con gái thì đều xử *lưu*.

(1) *Thông gian* nói ở đây nghĩa là có ngoại tình đi lại với nhau chứ không phải là bắt được gian dâm, nên cách xử tội này cũng nhẹ hơn tội ở điều trên.

(2) *Cơ thân* : họ hàng thân thuộc vào hàng những người phải để tang một năm.

408. [Điều 8] - Gian dâm trong cung cấm, thì xử tội chém. Đương có tang cha mẹ hay tang chồng mà gian dâm cũng xử tội chém.

409. [Điều 9] - Ngục quan và ngục lại, ngục tốt gian dâm với những đàn bà, con gái có việc kiện thì xử tội nặng hơn tội gian dâm thường một bậc. Đàn bà con gái mà thuận tình thì giảm tội ba bậc; bị hiếp thì không xử tội.

410. [Điều 10] - Bắt gian phu trong đêm tối, đã bắt được rồi, mà còn đánh chết, thì xử tội *đồ* làm *chủng điền binh* và phải trả một phần ba số tiền đền mạng cho vợ con người bị chết. Nếu người khác thuê mà đánh chết, thì phải tội nặng thêm hai bậc và trả một nửa số tiền đền mạng cho vợ con người bị chết. Nếu đánh trọng thương thì xử tội *đồ* làm *khao đình*. Nếu chưa phân phải trái mà lỡ đánh chết ngay tại chỗ, thì không phải tội.

QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT

QUYỂN IV

Chương

ĐẠO TẶC

(Trộm cướp)

(Gồm 54 điều)

411. [Điều 1] - Những kẻ mưu làm phản, mưu làm việc đại nghịch thì xử tội chém bêu đầu; kẻ *tòng phạm* và thân đáng biết việc ấy đều phải tội chém; vợ con diên sản đều bị tịch thu làm của công; thưởng cho người cáo giác tước năm tư, và một phần ba số diên sản tịch thu. Quan sở tại không biết phát giác và truy bắt, thì phải tội tùy theo việc nặng nhẹ. Cố tình dung túng hay giấu giếm, thì xử như kẻ phạm tội.

412. [Điều 2] - Những kẻ mưu phản nước theo giặc thì xử chém; nếu đã hành động thì xử tội bêu đầu; kẻ biết việc ấy thì cũng đồng tội; vợ con diên sản đều phải tịch thu sung làm của công; thưởng cho người cáo giác cũng giống như thưởng người cáo giác việc mưu phản. Nếu ai trốn tránh trong rừng núi, đã hô hào gọi mà không trở về, thì phải khép vào tội mưu phản, nếu kháng cự với tướng hiệu thì xử như tội đã hành động.

413. [Điều 3] - Những kẻ làm ra những cuốn sách hoặc câu nói yêu quái thì xử tội *gido* (nghĩa là làm ra những cuốn sách hay câu nói về điềm lành điềm gỡ hoặc truyện quỷ thần nói về sự cát hung không hợp lẽ phải). Những kẻ huyền truyền hay dùng những sách và câu yêu quái kể trên, để xui giục dân chúng, thì cũng bị tội như kẻ tạo ra. Những kẻ làm và truyền bài về ca dao, từ khúc nói đến việc nước, mà lời lẽ tỏ ra chỉ trích, chê bai, có ý bất thuận triều đình; hay là đặt ra lời phao tin đồn nhảm, để làm náo động dân chúng, thì đều xử *lưu* đi châu xa. Những kẻ giấu dùng những bài ca dao từ khúc ấy, huyền truyền đi những câu phao tin đồn ấy, thì bị tội nhẹ hơn tội trên một bậc; những kẻ ngồi nghe, ở nhà hay hàng quán chợ, đều xử nhẹ hơn tội trên hai bậc nữa. Những kẻ đặt ra câu đồng dao dính dáng đến truyện quái gỡ, rối loạn, thì xử *lưu* đi châu gần; những kẻ truyền đọc đi những câu ấy, thì phải *biếm* ba tư. Những người đầu mục và xã, phường quan ở nơi ấy, không lòng bắt đem trình quan trên, thì phải tội *biếm* hay *đó*; quan huyện biết việc ấy mà cứ dung túng, thì xử *biếm* hay *bãi chức*; quan phủ không phát giác việc ấy ra, thì phải phạt. Người khác lòng bắt được kẻ phạm pháp, hay tố cáo ra, thì được thưởng tùy việc nặng nhẹ.

414. [Điều 4] - Những kẻ đặt bậy ra những thuật số xem số mệnh cho người ta, mà dính dáng đến việc

phản loạn, thì xử tội *lưu* đi châu xa; người nghe theo thì phải tội nhẹ hơn một bậc; phường xã quan biết mà không bắt giải lên quan, thì xử *biếm* ba tư. Thường cho người tố cáo tước một tư.

415. [Điều 5] - Những kẻ mưu giết người, thì xử tội *lưu* đi châu gần; đã làm người ta bị thương, thì xử tội *lưu* đi châu ngoài; nếu vì bị thương mà chết, thì xử tội *giảo*; đã giết chết xử tội chém; tông phạm đều bị xử nhẹ hơn tội trên một bậc; phải trả tiền đền mạng và tiền thương tổn như *luật*.

416. [Điều 6] - Những kẻ mưu giết những bậc tôn trưởng vào hàng *cơ thân*⁽¹⁾, ông bà ngoại, chồng và ông bà, cha mẹ chồng, đều phải tội chém. Mưu giết ông bà cha mẹ của chồng cũ thì xử giảm một bậc (là chồng đã chết mà mình đi cải giá, còn như bị bỏ hay ly dị thì không bị tội. Các điều sau chỗ nào nói đến "chồng cũ" đều theo nghĩa này). Mưu giết đã làm cho bị thương, thì xử tội *giảo*; đã giết chết thì xử tội chém. Mưu giết các bậc tôn trưởng vào hàng *ty ma*⁽²⁾ trở lên thì phải *lưu* đi châu ngoài; đã làm cho bị thương thì phải xử tội *giảo*; đã giết chết thì xử tội chém. Các bậc tôn trưởng mà mưu giết những người thuộc hàng con cháu ít tuổi đều bị khép tội nhẹ hơn

(1) *Cơ thân* : họ hàng thân thích phải để tang 1 năm.

(2) *Ty ma* : chỉ những người có họ phải để tang 3 tháng.

luật mưu giết người hai bậc; đã làm cho bị thương, thì tội nhẹ hơn một bậc; đã giết chết thì bị khép tội theo luật *cổ sát*.

417. [Điều 7] - Nô tỳ mà mưu giết chủ, thì đều phải tội chém (người làm thuê cũng vậy). Mưu giết chủ cũ thì xử giảm một bậc (chủ cũ là chủ đã đã thả cho nô tỳ về làm thường dân, nếu đem bán lại nô tỳ cho người khác thì không phải là chủ cũ). Mưu giết người họ hàng vào hàng *cơ thân* và ông bà ngoại của chủ, thì phải tội *giảo*; đã làm bị thương thì phải tội chém. Mưu giết họ hàng vào hàng *tam tòng* của chủ⁽¹⁾ thì xử tội nặng hơn tội mưu giết người thường một bậc. Nô tỳ thấy và biết kẻ mưu giết chủ, mà không báo ngay hay không cứu, thì xử nhẹ hơn tội mưu giết chủ một bậc.

418. [Điều 8] - Kẻ mưu giết sứ giả của vua, mưu giết trưởng quan sở thuộc của mình, mưu giết quan ty đang tại chức, cùng là những kẻ bộ khúc⁽²⁾, mưu giết người cai quản, đều xử tội *lưu* đi châu ngoài; đã làm bị thương, thì xử *lưu* đi châu xa; nhân bị thương mà chết hay đã giết, thì phải tội chém; diên sản kẻ phạm tội phải trả cho nhà người chết; *tông phạm* thì bị tội nhẹ hơn một bậc. Nếu các quan chức đầu hạt bị bộ

(1) *Tam tòng* : những người trong họ vào hàng chắt chú, chắt bác.

(2) *Bộ khúc* : quân thủ hạ, quân bản hộ.

thuộc⁽¹⁾ nô tỳ hay quân trộm cướp giết, mà dấy tờ, quân hầu biết mà không báo hay không cứu, thì xử tội *đồ* hay *lưu*.

419. [Điều 9] - Nếu ông bà cha mẹ và chồng bị người ta giết, mà mình hòa giải riêng với kẻ giết mà im đi, thì phải tội *lưu* đi châu ngoài; hàng *cơ thân* bị giết mà hòa giải riêng thì phải tội *đồ* làm *tượng phượng bình*; từ hàng *dại công* trở xuống, thì tội giảm dần một bậc; lấy tiền mà hòa giải riêng, thì phải tội thêm một bậc. Dù không hòa riêng mà biết người giết người thân của mình từ hàng *cơ thân* trở lên, quá 30 ngày mà không báo, thì xử nhẹ hơn tội hòa giải riêng hai bậc.

420. [Điều 10] - Kẻ giết tới 3 người trong một gia đình, hay xả thân người ta, thì xử tội chém bêu đầu; *tòng phạm* xử tội chém; diên sản của kẻ phạm tội phải trả cho vợ con người bị giết.

421. [Điều 11] - Kẻ dùng thuốc độc hại người hay là bán thuốc độc, đều phải tội *giảo*. Mua bán mà chưa kịp dùng, thì xử tội *lưu* đi châu ngoài. Trong nem thịt có chất độc đã làm cho người ta ăn phải mà bị bệnh, còn thừa mà không bỏ ngay đi, thì phải phạt 80 *trượng*. Nếu cố ý để cho người ta ăn và đem

(1) *Bộ thuộc* : quân lính dưới quyền chỉ huy.

bán để người ăn bị mắc bệnh, đều phải *biếm* hai tư; làm cho người bị ngộ độc mà chết thì xử nhẹ hơn tội giết người một bậc. Để người không biết ăn phải mà chết, thì xử nhẹ hơn tội lầm lỗi giết người một bậc. Nếu là lấy trộm ăn phải mà chết, thì không phải tội.

422. [Điều 12] - Trói người bỏ vào chỗ hiểm, bóp cổ bịt miệng mũi người cùng là chẹn cửa đốt nhà để cho người ta chết, đều xử tội giết người; nếu bị thương hay gãy xương thì xử nặng hơn tội đánh người bị thương hay gãy xương một bậc. Không cho người ta quần áo, ăn uống, để cố ý làm cho người ta chết hay bị hại, thì phải tội như tội đánh giết hay làm bị thương người. Nếu dọa nạt bức bách làm cho người ta sợ hãi đến chết hay bị thương, thì tùy theo từng việc mà ghép vào tội cố ý hay đùa cợt mà làm người chết hay bị thương.

423. [Điều 13] - Những kẻ vì sự thù ghét mà dùng thuật tà ma hay làm bùa chú để định giết người đều xử theo tội mưu sát mà giảm nhẹ hai bậc. (Nếu người, bị hại là tôn trưởng hàng *cơ thân*, ông bà ngoại, chồng và ông bà cha mẹ chồng, thì không được giảm). Nếu đối với ông bà, cha mẹ, chồng hay chủ, chỉ vì muốn được lòng yêu thương, mà bỏ bùa thuốc, thì phải tội *đồ* làm *tượng phượng bình*. Nếu quan hệ đến nhà vua, thì xử tội *giảo*.

424. [Điều 14] - Nuôi trùng độc để hại người, cùng người dạy cách nuôi, đều phải tội *giáo*. Những người ở cùng nhà với kẻ phạm tội xử tội *đồ* hay *lưu*. Xã quan (thôn phường quan cũng vậy) biết mà không bắt, thì xử *đồ* làm *tượng phường binh*. Dem thuốc dọa thai làm cho người dọa thai, hay là người xin thuốc dọa thai, cũng đều bị xử tội *đồ*. Vì bị dọa thai mà chết, thì kẻ cho thuốc phải tội giết người.

425. [Điều 15] - Bắt được kẻ giết người mà lại tự tiện giết đi, thì xử nhẹ hơn là giết người 2 bậc, bắt chịu tiền đền mạng, nhập thêm nửa phần của kẻ giết người trước để trả cho vợ con người bị giết trước. Nếu ông bà cha mẹ, chồng, anh em, con cháu bị người ta giết, mà lại giết lại kẻ ấy, thì phải *biếm* ba tư; nửa số tiền đền mạng nói trên sẽ lấy lại để sung công.

426. [Điều 16] - Những kẻ ăn cướp (nghĩa là ban đêm cầm khí giới giết người lấy của) *thủ phạm* thì xử chém; kẻ *tòng phạm* xử *giáo*; ngoài việc phải đền tang vật ăn cướp, diên sản phải sung công. Cướp của lại giết người, thì xử chém bêu đầu; *tòng phạm* xử chém; phải nộp tiền đền mạng và phải đền tiền tang vật gấp đôi trả cho nhà chủ bị cướp. Kẻ chứa chấp bọn cướp lâu ngày thì xử đồng tội, mới khoảng 10 ngày thì xử giảm một bậc, đều phải bồi thường một phần ba nộp vào kho. Kẻ biết việc mà không cáo giác thì xử tội *đồ* làm *chủng diên binh*.

427. [Điều 17] - Cướp tù phạm thì xử *lưu* đi châu xa, đánh người bị thương và cướp tử tù thì phải tội chém; giết người thì phải tội bêu đầu và phải nộp tiền đền mạng và tiền thương tổn như *luật*. Cướp tù mà chưa được thì cũng phải tội như thế. Tháo trộm kẻ bị tù rồi trốn thì cũng phải tội như kẻ bị tù; tháo trộm tù chưa được thì giảm tội một bậc; vì có tháo trộm mà giết người, đánh người bị thương, thì xử tội như tội cướp tù.

428. [Điều 18] - Ăn cướp mà lại hiếp dâm thì xử chém bêu đầu; ăn trộm mà lại hiếp dâm thì xử tội chém; diên sản kẻ phạm tội đền trả cho nhà khổ chủ.

429. [Điều 19] - Kẻ ăn trộm mới phạm lần đầu, thì phải *lưu* đi châu xa. Kẻ trộm đã có tiếng và kẻ trộm tái phạm, thì phải tội chém. Giữa ban ngày ăn cắp vật cũng xử tội *đồ*, đã lấy được của, thì phải bồi thường một phần tang vật. Những kẻ chứa chấp, thì đều bị tội nhẹ hơn một bậc, và bắt bồi thường một phần ba tang vật. Kẻ biết việc mà không cáo giác bị tội nhẹ hơn hai bậc. Ăn trộm có cầm khí giới, thì phải khép vào tội ăn cướp; nếu giết người thì bị khép vào tội giết người. Đàn bà thì được giảm tội.

430. [Điều 20] - Lấy trộm ấn của vua và những đồ ngự dụng xe kiệu của nhà vua, thì xử chém; diên sản tịch thu sung công.

431. [Điều 21] - Ăn trộm những đồ thờ trong lăng miếu và tượng thánh, áo mũ thờ, thì đều xử chém, diên sản bị tịch thu sung công; người giám thủ không biết để mất trộm, thì phải tội *biếm* hay tội *đồ*; nếu không để ý kiểm xét để đồ thờ hư nát, thì xử tội *đồ* hay *lưu*, và đều phải đền gấp ba lần những đồ hư nát ấy. Nếu vì cháy hay lụt không đủ sức giữ, thì không phải tội.

432. [Điều 22] - Kẻ lấy trộm những đồ cúng thần phạt trong đền chùa, thì phải tội như ăn trộm thường.

433. [Điều 23] - Kẻ lấy trộm và phá những tượng thần Thiên Tôn (1) đều phải tội như tội ăn trộm tượng Phật và phải đền gấp ba số tổn hại nộp vào kho của đền chùa ấy. Nếu chính những người đạo sĩ, nữ quan sư ni mà ăn trộm, phá tượng, thì xử nặng thêm một bậc. Nếu ăn trộm để mà cúng vào đền chùa, thì xử *biếm* ba tư.

434. [Điều 24] - Những quân túc vệ và người hầu hạ mà ăn trộm của nhau trong cung điện, và không phải là người trong cung, mà ăn trộm những đồ trong cung, thì đều xử tội nặng hơn tội ăn trộm thường một bậc.

435. [Điều 25] - Những kẻ thừa cơ lúc có trộm, cướp, cháy, lụt mà lấy trộm của cải của người ta, hay là giữa ban ngày mà đoạt lấy tiền tài của người, cùng

(1) *Thần Thiên Tôn* : thần của đạo giáo, tức là trời.

là lấy của đánh rơi, mà lại đánh lại người mất của, thì cũng đều phải tội như tội ăn trộm thường, mà giảm một bậc. Lột lấy những quần áo và đồ vật của trẻ con, người điên, người say, thì phải tội *đồ* và phải bồi thường gấp đôi.

436. [Điều 26] - Dọa nạt người để lấy của thì khép vào tội ăn trộm mà giảm một bậc. Dầu sự dọa nạt không đáng sợ, nhưng người có của vẫn sợ mà phải đem cho, thì người dọa lấy của cũng phải tội như thế. Chưa lấy được của cải, thì xử 60 *trượng*, *biếm* hai tư.

437. [Điều 27] - Quan giám lâm, người coi kho mà tự lấy trộm thì xử như tội ăn trộm thường và phải bồi thường tang vật gấp 2 lần.

438. [Điều 28] - Lấy trộm đồ vật của sứ thần ngoại quốc, thì xử nặng hơn tội ăn trộm thường một bậc; lấy trộm đồ vật đem cống, thì lại xử nặng hơn một bậc nữa; và đều phải bồi thường gấp ba lần.

439. [Điều 29] - Những người thân thuộc cùng ở chung với nhau mà lấy trộm của nhau, thì không cứ nhiều ít, đều xử nhẹ hơn tội ăn trộm của người ngoài một bậc. Nếu ban đêm đục tường khoét vách để lấy trộm, thì xử như tội ăn trộm thường.

440. [Điều 30] - Con cháu còn ít tuổi cùng ở với bậc tôn trưởng, mà đưa người về ăn trộm của nhà, thì

xử nhẹ hơn tội ăn trộm thường một bậc; kẻ đến ăn trộm xử như tội ăn trộm và phải bồi thường như *luật*. Nếu xảy ra việc giết người, đánh người bị thương, thì phải tội theo *luật* về tội ấy, kẻ đưa người về cũng đồng tội.

441. [Điều 31] - Đày tớ ăn trộm của chủ thì xử nặng hơn tội ăn trộm thường một bậc; đày tớ gái được giảm tội.

442. [Điều 32] - Kẻ đào trộm má của người khác mà lấy đồ vật gạch ván, thì xử *lưu* đi châu xa; nếu đã mở quan tài ra, thì phải tội chém. Nếu lấy trộm thấy hay làm hủy nát thì xử nặng tội thêm một bậc; và đều phải nộp tiền tạ như tội đánh người có quan tước.

443. [Điều 33] - Đào đất thấy tử thi mà không chôn lại, thì xử *biếm* hai tư. Nếu hun hang chuột cáo ở phần mộ người ta, mà để cháy đến quan tài, thì xử tội *đồ*; cháy đến thây thì xử tội *đồ* làm *tượng phường binh*; nếu là mộ của bậc tôn trưởng từ hàng *ty ma* (1) trở lên, thì cứ mỗi bậc tăng thêm tội một bậc. Con cháu mà hun cáo chuột ở phần mộ ông bà cha mẹ, đầy tớ hun bắt chuột ở mộ chủ, thì xử *đồ* làm *tượng phường binh*; để cháy quan tài thì xử *lưu* đi châu gần, cháy vào thây thì *lưu* châu xa, và đều phải nộp phạt tiền tạ theo tội nặng nhẹ; là mộ nhà quyền quý thì xử cách khác.

(1) *Ty ma* : chỉ những người có họ phải để tang 3 tháng.

444. [Điều 34] - Lấy trộm trâu ngựa, thuyền bè, thì xử như tội ăn trộm thường.

445. [Điều 35] - Bắt trộm cá ở đầm ao, thì xử *đồ* làm *khao đình* và phải bồi thường gấp đôi; tội nhẹ thì *biếm* ba tư và cũng phải bồi thường như thế.

446. [Điều 36] - Bắt trộm gà, lợn, trộm lúa má, thì xử tội *biếm* hay *đồ*, tùy theo tội nặng nhẹ, và bồi thường gấp đôi; đàn bà con gái thì được giảm tội; kẻ trộm đã có tiếng xưa nay, thì xử theo tội ăn trộm.

447. [Điều 37] - Những người phải tuyển làm quân lính cùng những thân quyến người ấy, mà oán thù cần bậy những người tuyển như xã trưởng và quân nhân, rồi phá mùa màng, đào mồ mả, cướp giết trâu bò hay đánh người đến bị thương hoặc chết thì phải tội *đồ*, *lưu* hay tội chết.

448. [Điều 38] - Những người cầm cố cho người ta, mà lấy trộm văn tự cầm, thì xử nhẹ hơn tội ăn trộm thường ba bậc, và phải bồi thường gấp đôi cho gia chủ.

449. [Điều 39] - Những kẻ bỏ tiền ra mua đồ vật của công, thì xử như tội ăn trộm của công.

450. [Điều 40] - Những kẻ ban đêm vô cơ vào nhà người ta, thì xử tội *đồ*; chủ nhân đánh chết ngay lúc

ấy, thì không phải tội; nếu đã bắt được mà đánh chết, đánh bị thương, thì phải tội như tội đánh nhau chết hay bị thương, mà giảm ba bậc. Kẻ lạ vào trong vườn người ta, thì cũng xử tội *biếm*; đàn bà thì được giảm một bậc.

451. [Điều 41] - Người Man Liêu ⁽¹⁾ cướp bóc của nhau, giết nhau thì xử tội nhẹ hơn tội cướp, giết người một bậc; nếu hòa giải với nhau thì cũng cho. Người quản giám tự ý đòi lấy trâu bò của cải, mà dung túng giấu giếm, thì xử tội *biếm* hay tội *đồ* và phải bồi thường gấp 3 lần tang vật và sung công, lại phạt tiền để thưởng cho người tố cáo như *luật* định.

452. [Điều 42] - Những Man Liêu ở các trấn mà đi cướp bóc dân chúng ở dọc biên giới, thì xử theo tội ăn cướp; bọn cướp đi qua những làng xã nào, mà [chức dịch] sở tại không bắt, thì xử tội *biếm* hay *đồ*. Người quản giám biết mà không cấm thì xử tội *đồ* và mất chức quản giám; cố ý dung túng để lấy tiền, thì xử đồng tội.

453. [Điều 43] - Những kẻ bắt người đem bán làm nô tỳ, thì xử *liưu* đi châu xa. Bắt người mà lại cướp của hay đồ vật, thì xử tội *giáo*. Đồ người đem bán thì bị tội nhẹ hơn một bậc. Nếu bắt được những nô tỳ đi trốn mà đem bán, thì cũng xử như tội *đồ* người. Cho

(1) *Man Liêu* : chỉ chung các dân tộc miền núi.

đến kẻ bắt mà đem bán những hàng dưới còn ít tuổi từ hàng *cơ thân* trở xuống, thì phải tội hơn tội bán người thường một bậc, và phải bồi thường gấp đôi tiền bán cho người có con bị bán.

454. [Điều 44] - Những kẻ cùng mưu với nhau đi ăn cướp, nhưng khi đi thì lại không đi, người đi lấy được của về chia nhau, mà kẻ đồng mưu ở nhà cũng lấy phần chia, thì cũng xử tội như là có đi ăn cướp (ăn trộm cũng vậy); nếu không lấy phần chia thì xử *liưu* đi châu gần. Trước kia vẫn từng đi ăn cướp, mà khi ấy không đi, dù không lấy phần, cũng xử tội như đi ăn cướp.

455. [Điều 45] - Những bậc vương công thế gia (từ nhị phẩm trở lên) mà chứa chấp những quân trộm cướp trong trang trại làm nơi ẩn nấp của chúng, thì phải phạt tiền 500 quan và tịch thu cả trang trại. Người trông nom trang trại xử nhẹ hơn tội trộm cướp một bậc; nếu có phải bồi thường tang vật, thì truy vào chủ trang trại; thưởng cho người tố cáo một phần 10 số ruộng đất của trang trại bị tịch thu. Nếu người chủ trang trại bắt trước được quân trộm cướp đem nộp quan, thì không phải tội.

456. [Điều 46] - Đày tớ đi ăn trộm, mà chủ không báo quan, thì xử *biếm* năm tư; ăn cướp thì *biếm* năm tư và *bãi chức*; chủ không có quan chức, thì thay xử

đồ làm *chủng điền binh* và đều phải bồi thường thay những tang vật ăn trộm hay ăn cướp. Nếu chủ giấu giếm nhận của ăn trộm ăn cướp thì phải đồng tội. Đã báo quan mà sau lại bao dung những đày tớ ăn cướp ăn trộm ấy, thì xử như tội biết việc mà không trình.

457. [Điều 47] - Các con còn ở nhà với cha mẹ, mà đi ăn trộm, thì cha bị xử tội *biếm*; ăn cướp thì cha bị xử tội *đồ*; nặng thì xử tăng thêm tội; và đều phải bồi thường thay con những tang vật ăn trộm ăn cướp. Nếu con đã ở riêng, thì cha mẹ bị xử tội *phạt* hay *biếm*; cha đã báo quan thì không phải tội; nhưng báo quan rồi mà còn để cho ở nhà thì cũng xử như tội chưa báo.

458. [Điều 48] - Ở các phố phường hay ngõ trong kinh thành (làng xã cũng vậy) xảy ra việc cướp mà quan bản phường, quan đương trực (ở làng xã thì là xã quan), không đem người đến cứu và bắt quan phường thì đem người trong phường, (quan đương trực thì đem quân lính) thì xử tội *đồ*; người trong phường hay quân lính không đi cứu, thì xử tội *trượng* hay *biếm*. Nếu sức không địch nổi với quân cướp, mà quan phường quan đương trực ở hạt bên cạnh không cùng hợp sức thì cũng xử tội như thế. Nếu là trộm thì được giảm tội hai bậc. Nếu có người bị giết mà không đến cứu, và bắt hung thủ thì xử theo tội không phó cứu lúc có cướp.

459. [Điều 49] - Những người bắt được kẻ cướp, mà lại tự tiện thả ra, thì xử tội *lưu* đi châu ngoài; bắt được kẻ trộm mà lại tự tiện thả đi thì xử tội *đồ* làm *tượng phường binh*; nếu ăn hối lộ mà tha thì bị xử giống như kẻ phạm tội.

460. [Điều 50] - Những kẻ nhận tài vật của kẻ ăn trộm, thay đổi hình dạng rồi đem bán, thì xử nhẹ hơn tội ăn trộm một bậc. Nếu vì nhầm mà nhận những đồ vật ấy, thì chỉ phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư. Nếu không biết mà mua phải đồ vật ấy, thì truy số tiền mua ở người bán mà trả cho; còn đồ vật thì phải trả lại chủ mất.

461. [Điều 51] - Quan giữ việc bắt trộm cướp, nhân có việc trộm cướp mà vu cáo cho người lương dân để lấy tiền của, thì phải *đồ* làm *chủng điền binh* và phải phạt tiền tạ tùy theo việc nặng nhẹ (vu cho người ta ăn cướp thì phạt 20 quan, vu ăn trộm, thì tạ 10 quan) trả cho người bị vu. Nếu bắt giam khiến người bị vu chết thì phải tội *giảo* và phải đền mạng như *luật* định.

462. [Điều 52] - Bắt được trộm cướp, mà không biên những của cải đồ vật bị trộm cướp của khổ chủ, để cho xã quan kiểm điểm, lại tự lấy đi, thì xử tội *biếm* ba tư, bồi thường gấp đôi tang vật sung công. Đã để cho xã quan kiểm điểm nhận lấy rồi, mà lại lấy đi, thì phải xử nặng hơn một bậc.

463. [Điều 53] - Những kẻ gian phi, giáo hoạt trong chốn hương thôn đều xử *đồ* làm *khao đình*; nếu lại chiếm đoạt của cải đồ vật của người, thì xử tội nặng hơn một bậc và phải bồi thường gấp đôi.

464. [Điều 54] - Dân đình chưa vào hạng lão mà đã tự xưng bậy bạ là cư sĩ (1) rồi tụ họp làm bậy, từ 5 người trở lên, thì xử *đồ* làm *khao đình*; 10 người trở lên thì xử *đồ* làm *tượng phượng bình*; 20 người trở lên thì xử *đồ* làm *chũng diên bình*; 30, 50 người trở lên thì xử tội *lưu*, 60 người trở lên thì tội cũng đến *lưu* đi châu xa. Những kẻ giang hồ phóng lãng, lời nói việc làm quái gở, thì xử tội *đồ*; lại còn tụ họp làm bậy, thì xử phạt tội như trên. Các quan phường xã sở tại không bắt nộp quan trên, thì xử *biếm*; lộ quan biết mà dung túng thì xử *biếm* hay *bãi chức*, phủ quan không biết mà tâu lên thì xử *phạt*. Người nào bắt được hay tố cáo, thì được thưởng tùy theo việc nặng nhẹ. Nếu có việc làm từ thiện mà tụ họp, việc lớn đã tâu lên, việc nhỏ thì đã báo trước với quan lộ, huyện, xã, thì không phải tội. Nếu là việc âm mưu phản nghịch, thì xử tội *phản nghịch*.

(1) *Cư sĩ*: người có học thức, không ra làm quan.

Chương
ĐẤU TỤNG
(Đánh nhau kiện cáo)
(Gồm 50 điều)

465. [Điều 1] - Đánh người bằng chân tay không, thì xử phạt 60 *trượng*; bằng một vật gì thì xử phạt 80 *trượng*, nặng nữa thì *biếm* một tư, phạt tiền tổn thương và tiền tạ như *luật*; đánh chết thì phải tội đánh giết người. Xui người ta đánh, dẫu mình không có mặt lúc đánh nhau, cũng xử cùng một tội.

466. [Điều 2] - Đánh người gãy răng, sứt tai mũi, chột một mắt, gãy ngón chân, ngón tay, giập xương, hay lấy nước sôi lửa làm người bị thương và rụng tóc, thì xử tội *đồ* làm *khao đình*. Lấy *đồ* bắn thiu ném vào đầu mặt người ta, thì xử *biếm* hai tư; đổ vào miệng mũi thì *biếm* ba tư. Đánh gãy 2 răng, 2 ngón tay trở lớn, thì xử tội *đồ* làm *tượng phượng bình*. Lấy gươm giáo đâm chém người, dẫu không trúng, cũng phải *lưu* đi châu gần (người quyền quý phạm tội thì xử tội *biếm*). Nếu đâm chém bị thương và làm đứt gân chột 2 mắt, dọa thai thì xử *lưu* đi châu xa. Nếu trong khi đương xét hỏi, người bị thương lại bình phục, thì tội nhân được giảm tội 2 bậc. Nếu đánh bị thương 2 người trở lên và nhân bị thương mà thành cố tật, hay

đánh đứt lưỡi, hủy hoại âm, dương vật, đều xử tội *giáo*, và phải đền tiền thương tổn như lệ định (luật định : sưng, phù thì phải đền tiền thương tổn 3 tiền, chảy máu thì một quan; gãy một ngón tay, một răng thì đền 10 quan; đâm chém bị thương thì 15 quan; dọa thai chưa thành hình thì 30 quan; đã thành hình thì 50 quan; gãy một chân, một tay, mù một mắt thì 50 quan; đứt lưỡi và hỏng âm, dương vật, thì đền 100 quan; về người quyền quý thì lại xử khác). Phải nộp tiền ta như luật định.

467. [Điều 3] - Đánh nhau mà chết người thì phải tội *giáo*, lấy gươm giáo cố ý giết người thì phải tội chém. Dù vì đánh nhau mà dùng gươm giáo đánh chết người, thì cũng phải tội *cố sát*(1). Không vì đánh nhau mà cố ý đánh người bị thương, thì xử nặng hơn tội đánh nhau bị thương một bậc; đánh nhau đã xong rồi mỗi bên đi mỗi ngã mà lại trở lại đánh chết, hay làm bị thương người ta, thì xử tội *cố sát*.

468. [Điều 4] - Thời hạn nuôi người bị thương : đánh bị thương bằng chân tay, thì phải nuôi 10 ngày; bằng vật gì khác, thì phải nuôi 20 ngày; bằng thứ có mũi nhọn và nước sôi, lửa, thì phải nuôi 40 ngày; đánh gãy xương thì phải nuôi 80 ngày. Còn trong thời hạn nuôi mà người bị thương chết, xử nhẹ hơn tội

(1) *Tội cố sát* : tội cố ý giết người.

đánh chết người một bậc. Nếu đã hết hạn nuôi hay là còn trong thời hạn nuôi, nhưng vì cố khác mà chết, thì xử như tội đánh người bị thương.

469. [Điều 5] - Đồng mưu đánh người bị thương, thì kẻ nào đánh nhiều đòn nặng là *thủ phạm*; kẻ chủ mưu cũng phải cùng một tội; còn người *tòng phạm* thì được giảm tội một bậc; đánh đến chết thì xét xem chết vì thương tích nào, kẻ đánh thương tích ấy nặng tội. Nếu không xét được rõ ràng thì kẻ hạ thủ sau cùng xử nặng tội. Nếu đánh loạn xạ không biết ai đánh trước sau, nhiều ít, thì kẻ chủ mưu nặng tội nhất, còn kẻ khác đều xử giảm tội một bậc.

470. [Điều 6] - Lấy uy quyền thế lực mà bắt trói người, thì xử tội như tội đánh nhau đánh người; nhân bắt trói lại đánh người ta bị thương, thì xử tội nặng hơn tội đánh người hai bậc. Lấy uy quyền thế lực mà sai người đánh người ta bị thương hay chết, thì dù mình không hạ thủ cũng phải coi là tội nặng nhất; người đánh cũng cùng một tội.

471. [Điều 7] - Hai bên đánh nhau cùng bị thương, thì sẽ tùy theo nặng nhẹ mà chiếu luật bắt tội cả hai; kẻ đánh sau mà lý lại phải, thì được giảm tội hai bậc; nếu đánh chết thì không được giảm.

472. [Điều 8] - Đánh quan nhị phẩm, kẻ đánh nếu là ngang phẩm hàm thì xử *biếm* hai tư, kém một bậc

thì xử *biếm* ba tư; kém 2 bậc thì xử *biếm* bốn tư; kém 3 bậc thì xử *đồ* làm *khao đình*; không có quan chức thì xử *tội lưu*; đánh bị thương thì xử *tội nặng* thêm một bậc, và phải đền tiền thương tổn và tiền tạ như *luật* định. Nếu người bị thương ốm lâu ngày rồi chết, thì xử *tội đánh giết người*. Đánh quan từ tứ phẩm trở xuống, thì cùng bậc hay kém bậc, cứ lấy thứ tự mà giảm *tội* (cùng bậc và kém bậc là : nhị phẩm thì chánh, tòng cùng một bậc; tam phẩm chánh, tòng cùng một bậc; tứ ngũ phẩm cùng một bậc; lục thất phẩm cùng một bậc; bát cửu phẩm cùng một bậc). Nếu quan tam phẩm mà đánh người dưới một bậc, hai bậc, thì phải xử *biếm* một tư, đánh bị thương, thì xử *nặng* thêm một bậc và phải đền tiền thương tổn và tiền tạ như *luật* định; dưới 3 bậc thì chỉ phải đền tiền thương tổn và tiền tạ, không có quan chức thì chỉ đền tiền thương tổn; đánh đến ốm mà chết, thì xử nhẹ hơn *tội đánh giết người* 3 bậc. Quan tứ phẩm trở xuống mà đánh quan kém bậc, thì cũng theo thứ bậc mà giảm *tội*. Nếu quan trên đánh trước mà quan dưới đánh lại, thì phải đền một nửa tiền thương tổn và tiền tạ; nếu đánh lại mà *nặng*, thì xử nhẹ hơn *tội đánh* quan trên một bậc. Nếu quan nhị phẩm trở lên, đánh người mà bị người đánh lại, thì lại sẽ xử khác.

473. [Điều 9] - Lãng mạ quan tam phẩm mà cùng bậc hay kém một bậc, thì xử *biếm* một tư; kém 2 bậc, 3 bậc, thì *biếm* hai tư; không có quan chức, thì xử *đồ*

làm *khao đình*, và phạt tiền tạ như *luật*. Lãng mạ quan tứ phẩm trở xuống mà cùng bậc hay thấp hơn, thì theo thứ bậc mà *luận tội*. Nếu quan tam phẩm mà lãng mạ quan thấp hơn một bậc, 2 bậc, thì phải *biếm* một tư; thấp hơn 3 bậc thì chỉ phải phạt tiền tạ. Quan tứ phẩm trở xuống, mà lãng mạ quan thấp bậc hơn thì cũng theo thứ bậc mà *luận tội*. Nếu quan trên lãng mạ trước mà quan nhỏ lãng mạ lại, thì phải phạt một nửa tiền tạ; nếu quá lắm thì phải *tội* như *tội* lãng mạ quan trên, mà giảm một bậc; nếu quan nhị phẩm trở lên lãng mạ người khác mà lại bị người đó lãng mạ lại, thì xử khác. Mắng vụng, chửi cạnh, sỉ nhục mà y tao, cùng là nhân lúc say mà lãng mạ người ta, thì xử *tội biếm* hay *phạt*, và phải nộp một nửa tiền tạ.

474. [Điều 10] - Nếu đánh người trong hoàng tộc từ hàng *dân miễn*⁽¹⁾ thì xử *biếm* ba tư; đánh bị thương, thì xử *đồ* làm *khao đình*; bị thương *nặng* thì xử *nặng* hơn *tội đánh* nhau thường 2 bậc, lại đền tiền thương tổn và tiền ~~như~~ *luật*; nếu đánh người trong hoàng tộc từ hàng *ty ma* trở lên, thì xử *nặng* dần từng bậc một; đánh đến chết thì xử *tội chém*. Lãng mạ người hoàng tộc từ hàng *dân miễn* thì phải *biếm* hai tư; từ hàng *ty ma* trở lên, thì xử *nặng* *tội* thêm từng bậc một, và phải phạt tiền tạ như *luật*.

(1) *Dân miễn* : cháu 5 đời.

475. [Điều 11] - Lãng mạ ông bà cha mẹ chồng thì xử tội *lưu* châu ngoài; đánh thì xử *lưu* đi châu xa; đánh bị thương thì xử tội *giáo*; vì lầm lỡ mà làm chết, thì xử tội *lưu* châu ngoài; bị thương thì xử tội *đồ* làm *chủng điền binh*. Đánh ông bà ngoại thì giảm tội một bậc. Nếu con cháu trái phạm lời dạy dỗ, mà ông bà cha mẹ đánh chết, thì xử tội *đồ* làm *khao đình*; đánh chết bằng đồ có mũi nhọn, thì xử tội *đồ* làm *tượng phượng binh*; cố ý giết thì phải tội thêm một bậc. Nếu ông bà ngoại, mẹ dích, mẹ kế, mẹ nuôi mà đánh chết con cháu, thì xử tội nặng thêm một bậc. *Ngộ sát* thì đều không phải tội.

476. [Điều 12] - Vợ cả, vợ lẽ mà lãng mạ ông bà cha mẹ chồng thì xử tội *lưu* (cha mẹ chồng thừa kiện mới xử tội); đánh thì xử *lưu* châu ngoài; đánh bị thương thì xử *lưu* đi châu xa; đánh chết thì xử tội *giáo*; *ngộ sát* thì xử tội *đồ* làm *thung thất tỳ*; lỡ đánh bị thương thì xử tội *đồ* làm *xuy thất tỳ*. Đánh chửi ông bà cha mẹ chồng cũ, thì đều bị xử nhẹ hơn một bậc. Đánh vợ của con cháu thành phế tật, thì xử *biếm* hai tư; nặng nữa thì xử *biếm* ba tư; đánh chết thì xử tội *đồ*; cố sát thì xử tội *lưu* châu ngoài; đánh nàng hầu con cháu thì được giảm 2 bậc; *ngộ sát* thì không xử tội. Ông bà, cha mẹ chồng cũ mà phạm tội nói trên, thì xử tội thêm một bậc.

447. [Điều 13] - Đánh anh chị cậu dì và ông bà cha mẹ vợ thì xử tội *đồ* làm *khao đình*; đánh bị thương

thì xử *đồ* làm *tượng phượng binh*; đánh bị thương gãy chân tay, thì xử *đồ* làm *chủng điền binh*; đánh bằng gươm giáo bị thương gãy chân tay mù mắt, thì xử *lưu* đi châu xa; đánh chết thì xử chém. Lãng mạ những người nói trên, thì xử *biếm* hai tư; *ngộ sát* thì xử *đồ* làm *chủng điền binh*; lầm lỡ làm bị thương, thì *đồ* làm *khao đình*. Đối với bác, chú, thím, cô đều xử nặng hơn một bậc. Đánh chết em trai, em gái, cùng là con cháu gái, con rể, con cháu của anh em, thì xử *đồ* làm *chủng điền binh*; đánh chết bằng đồ nhọn sắc và cố ý giết thì xử tội *lưu* đi châu ngoài; *ngộ sát* thì không phải tội; đánh vợ của anh thì xử nặng hơn tội đánh người thường một bậc.

478. [Điều 14] - Đánh anh chị hàng *ty ma* thì phải *biếm* một tư; hàng *tiểu công*, *đại công*, thì tăng tội từng bậc một. Đánh bậc tôn trưởng lại thêm tội một bậc; đánh trọng thương thì xử nặng hơn tội đánh bị thương thường một bậc; đánh chết thì phải tội chém. Bậc tôn trưởng đánh bị thương những con cháu bậc dưới từ hàng *ty ma*, thì xử nhẹ hơn đánh người thường một bậc; hàng *tiểu công*, *đại công*, đều kém dần từng bậc một. Đánh chết thì xử *tôi giáo*; đánh chết không phải bằng mũi nhọn và không phải cố ý giết thì xử tội *lưu* đi châu xa.

479. [Điều 15] - Đánh người kế phụ cùng ở một nhà, thì xử tội *đồ* làm *tượng phượng binh*; trước cùng

ở nay ở riêng, thì phải *đỡ* làm *khao dinh*; đánh què bị thương thì đều tăng thêm tội một bậc; không cùng ở với nhau bao giờ, thì xử nặng hơn tội đánh người thường một bậc; đánh chết thì xử tội chém; đánh con riêng của vợ [con chồng trước] bị thương thì bị xử nhẹ hơn tội đánh người thường một bậc; cùng ở với nhau thì lại giảm một bậc, đánh chết thì xử tội *giáo*.

480. [Điều 16] - Nô tỳ đánh chủ nhà thì xử tội *giáo*; đánh què, bị thương thì phải tội chém; *ngộ sát* thì phải *lưu* đi châu xa, lỡ làm bị thương thì *lưu* đi châu ngoài; lãng mạ thì *lưu* đi châu gần. Đánh chửi ông bà cha mẹ chủ thì phải xử cùng một tội; đánh mắng ông bà ngoại cùng hàng *cơ thân* của chủ thì đều bị xử nhẹ hơn một bậc; đánh bị thương thì xử tội *giáo*. Đánh chửi họ chủ từ hàng *ty ma* thì xử nặng hơn đánh mắng người thường hai bậc; hàng *tiểu công*, *đại công*, thì tăng dần lên từng bậc một; đánh chết thì đều phải chém. Người *cầm cố* mà đánh mắng chủ *cầm*, thì đều xử nhẹ hơn tội nô tỳ một bậc và đòi tiền *cầm* trả cho chủ.

481. [Điều 17] - Vợ đánh chồng thì xử *lưu* đi châu ngoài, đánh bị thương, què gãy thì *lưu* đi châu xa; điển sản trả lại cho chồng (chồng cáo quan mới bắt tội). Vợ lẽ mà phạm tội trên, thì xử nặng hơn một bậc. Đánh chết thì đều phải tội *giáo*; điển sản trả lại cho con cháu hay người thừa tự của chồng. Nếu vợ lẽ mà đánh vợ cả thì cũng xử như tội đánh chồng.

482. [Điều 18] - Chồng đánh vợ bị thương, thì xử nhẹ hơn tội đánh bị thương người thường ba bậc; nếu đánh chết thì xử nhẹ hơn tội đánh giết người ba bậc; tiền dền mạng được bớt ba phần. Cố ý giết vợ thì được giảm tội một bậc; nếu có tội mà chồng đánh không may đến chết, thì sẽ xử khác. Đánh vợ lẽ bị thương, què trở lên thì đều xử nhẹ hơn tội đánh vợ hai bậc; nếu vợ cả đánh bị thương, đánh chết vợ lẽ xử tội như chồng đánh vợ (đều phải có vợ cả, vợ lẽ cáo quan thì mới bắt tội, nếu bị chết thì người khác được cáo quan. Đánh chết vợ là *bất mục*). Nếu *ngộ sát* thì không phải tội.

483. [Điều 19] - Vợ đánh chửi những bậc tôn trưởng nhà chồng từ hàng *cơ thân* trở xuống, *ty ma* trở lên, thì xử nhẹ hơn tội đánh chồng một bậc (tội nhẹ thì nặng hơn tội đánh người thường một bậc). Vợ lẽ phạm tội trên, thì không được giảm; đánh chết thì đều xử *giáo*. Người vợ đánh bị thương những người hàng dưới thì phải tội như là tội chồng phạm tội ấy, xử như người chồng. Đánh chết con cháu của anh em chồng thì phải *lưu* đi châu ngoài; cố ý giết thì xử tội *giáo*; vợ lẽ phạm những tội trên, thì xử như tội đánh nhau thường. Bậc tôn trưởng đánh vợ của hàng dưới, thì phải tội kém tội đánh người một bậc; đánh vợ lẽ thì lại kém một bậc. Đánh chết thì phải tội *giáo*.

484. [Điều 20] - Vợ đánh em trai em gái chồng thì xử tội như tội đánh người thường. Vợ lẽ phạm lỗi trên thì phải xử nặng hơn một bậc. Vợ lẽ mà đánh con vợ lẽ khác của chồng, thì xử nhẹ hơn tội đánh người thường hai bậc; đánh con vợ cả thì tội như đánh người thường. Con vợ cả đánh vợ lẽ của cha thì tội hơn tội đánh người thường một bậc. Con vợ lẽ đánh vợ lẽ của cha bị thương, thì xử thêm tội 2 bậc; đánh chết thì xử theo *luật* đánh chết người.

485. [Điều 21] - Ông bà cha mẹ bị người ta đánh, con cháu đánh lại mà không bị què gãy, bị thương, thì không phải tội; bị thương què thì phải tội kém tội đánh bị thương người thường ba bậc; đánh chết thì bị tội nhẹ hơn *luật* thường một bậc.

486. [Điều 22] - Nô tỳ đánh chủ cũ, thì xử *lưu* đi châu gần; đánh bị thương què, thì *lưu* đi châu xa; đánh chết thì xử chém. Lãng mạ thì xử tội *đồ* làm *tượng phượng bình*. Lâm lữ giết chết hay đánh bị thương thì xử theo tội giết hay đánh bị thương người thường. Nếu chủ cũ đánh những nô tỳ cũ, từ bị thương què gãy trở lên, thì xử nhẹ hơn tội đánh người bị thương bốn bậc. *Ngộ sát* thì không phải tội.

487. [Điều 23] - Đánh sứ giả nhà vua, dân bản hạt đánh các quan trên, quân sĩ đánh các tướng hiệu cấp trên, và lính hầu đánh các quan bản bộ từ ngũ phẩm

trở lên, đều xử *lưu* đi châu gần; đánh bị thương thì *lưu* đi châu xa; đánh gãy xương, gãy chân tay, thì phải tội *giáo*. Đánh quan trên từ lục phẩm trở xuống, thì tội nhẹ hơn tội trên một bậc. Đánh các quan tá nhị⁽¹⁾ quan thủ lĩnh, đều xử nhẹ hơn tội dân một bậc; đánh bị thương nhẹ thì tăng hơn tội đánh nhau thường một bậc; đánh thành cố tật thì đều phải chém; đánh chết thì phải tội *bêu đầu*. Đánh ông bà, cha mẹ, vợ con của quan trưởng, tá nhị ở quận bộ của mình, thì bị xử nhẹ hơn tội trên hai bậc; lãng mạ thì xử tội *biếm* hay *đồ*, và phạt tiền tạ như *luật*.

488. [Điều 24] - Quan tá nhị và quan thuộc hạ mà đánh các bậc quan trưởng bị thương, thì xử nhẹ hơn tội lính đánh quan trưởng hai bậc; bị thương nhẹ thì xử nặng hơn tội đánh nhau thường hai bậc; đánh thành cố tật, thì phải tội *giáo*; đánh chết thì phải chém.

489. [Điều 25] - Học trò mà đánh và lãng mạ thầy học, thì xử nặng hơn tội [đánh, lãng mạ] người thường ba bậc; đánh chết thì phải tội chém.

490. [Điều 26] - Nô tỳ có tội chủ không thừa quan chức trách mà đánh chết, thì xử *biếm* ba tư, không có tội mà đánh chết, thì xử tội *đồ*, giết nô tỳ coi giữ từ đường, phân mộ thì xử nặng hơn tội trên thêm một

(1) *Quan tá nhị* : quan giúp việc.

bạc. Nếu nô tỳ có tội lỗi mà đánh bằng roi vọt rồi không may đến chết, hay là *ngộ sát*, thì đều xử tùy theo tội nặng nhẹ. Đánh người *cầm cố* mà không bị thương thì không phải tội; từ bị thương què trở lên, thì kém tội đánh người thường ba bậc; nếu vì bị thương mà đến chết, thì xử tội *đồ* làm *chứng điển binh*; cố ý giết thì xử tội *lưu* đi châu xa, bồi thường tiền đền mạng một phần và nguyên số tiền cầm, trả lại cho vợ con người chết. *Ngộ sát* thì không phải tội.

491. [Điều 27] - Đánh và lăng mạ sứ giả nước ngoài, thì xử tội *lưu* hay tội chết; kẻ *tòng phạm* phải tội *đồ* hay *lưu*; đánh bị thương thì xử nặng thêm tội; lại phải phạt tiền bồi thường thương tổn và tiền tạ nhiều hơn *luật* thường một bậc.

492. [Điều 28] - Người đi kiện mà đánh ngục quan⁽¹⁾ thì xử tội *lưu* đi châu gần; lăng mạ thì xử *biếm* ba tư; đánh chửi ngục lại⁽²⁾ thì xử nhẹ hơn tội trên hai bậc; đều phải phạt tiền bồi thường thương tổn và tiền tạ như *luật*. Ngục lại đánh chửi người đi kiện, thì chỉ xử phạt 80 *trượng*, đánh chửi người quyền quý thì xử khác. Người đi kiện trước mặt ngục quan kêu gào hỗn xược và đánh chửi nhau, thì xử *biếm* hai tư; và nêu ra tụng đình ba ngày; nếu phạm

(1) *Ngục quan* : quan coi việc xét hỏi hình án.

(2) *Ngục lại* : thuộc lại coi việc xét hỏi người kiện, dưới quyền ngục quan.

lỗi trên ở trước mặt ngục lại, thì phải *biếm* một tư; xỉ vả nhau thì phải tội *trượng*.

493. [Điều 29] - Chống cự và đánh người của quan sai đi và trông nom việc công, thì xử tội *đồ*; đánh bị thương, què gãy thì xử tội *lưu*; chống cự hay đánh những công sai đến kiện hay thu thuế, thì xử *biếm* ba tư; đánh bị thương thì xử tội *đồ*; đánh chết thì đều phải tội chém; và bắt đền mạng như *luật*; tiền tạ thì người quan sai [đi việc công] 100 quan tiền, sai dịch đi bắt người, hay đi thu thuế, 50 quan; tội nhẹ thì có thể bớt đi; lăng mạ thì xử *biếm* một tư và nộp tiền tạ như *luật*. Người công sai mà lại hòa giải riêng với người phạm tội đánh chửi mình, thì xử phạt 80 *trượng*; tiền tạ phải sung công. Nếu vì người công sai có lỗi trước mới xảy ra việc đánh chửi ấy, thì lại xử khác.

494. [Điều 30] - Người trông nom công dịch mà đánh người phục dịch đến chết, thì xử tội *đồ*, và phải phạt một nửa số tiền đền mạng; *ngộ sát* thì chỉ phải đền tiền mai táng 20 quan. Nếu vì oán thù riêng mà mượn cơ việc công để đánh chết người, thì xử theo tội đánh giết người.

495. [Điều 31] - Các quan phụng mệnh vua đi sứ nước ngoài mà đánh chửi nhau làm nhục quốc thể, thì xử tội *đồ*, quá hơn nữa thì xử tội *lưu*.

496. [Điều 32] - Lãng mạ vợ của quan tại chức, thì bị tội cùng tiền tạ, đều xử giảm tội lãng mạ người chồng ba bậc; lãng mạ đối với con thì tội lại xử giảm một bậc nữa.

497. [Điều 33] - Trong khi đánh nhau lỡ đánh lầm phải người xung quanh bị thương hay đến chết, thì xử nhẹ hơn tội đánh chết người một bậc. Nếu người kia vì cố ngã mà bị thương hay chết, thì xử theo tội đùa bỡn mà làm bị thương hay chết người. Nếu lỡ đánh bị thương hay làm chết người đánh giúp mình, thì được giảm tội hai bậc.

498. [Điều 34] - Vì chơi đùa mà làm người khác bị thương hay chết, thì xử nhẹ hơn tội đánh bị thương hay chết người hai bậc (nghĩa là những người hẹn cùng nhau chơi đùa đấu sức, lỡ đánh chết), bắt trả tiền mai táng 20 quan. Tuy đôi bên cùng thuận ý cầm đồ nhọn, trèo lên cao, lội nước sâu, vì thế mà đến nỗi làm bị thương hay giết nhau, thì chỉ được xử giảm tội một bậc; và phải trả một nửa tiền đền mạng. Nếu không hẹn trước, hay là làm bị thương hay chết bậc tôn trưởng vào hàng *ơ thân*, cùng ông bà ngoại, ông bà nhà bên nội và chồng thì đều không được gọi là đấu sức chơi, mà phải khép như tội đánh nhau bị thương và chết.

499. [Điều 35] - Những việc lầm lỡ làm người bị thương hay chết, đều xét theo tình trạng sự việc mà

giảm tội (nghĩa là việc xảy ra ngoài sức người, tai mắt không kịp nhận thấy, không kịp nghĩ tới, hay vì vật nặng, sức người không chống nổi, hoặc trèo lên trên cao, tới chỗ nguy hiểm, sẵn bắt cầm thú, để đến nỗi thành ra sát thương người, đều là việc lầm lỡ).

500. [Điều 36] - Những người biết có kẻ mưu *phản loạn*, mưu *đại nghịch*, thì phải đến mật báo ngay với các quan ty gần đó; nếu không tố cáo, thì xử tội *lưu đi* châu xa. Biết có kẻ chỉ trích nhà vua, hay là đặt ra những lời quái gở mà không đi báo, thì xử nhẹ hơn tội kể trên một bậc. Quan ty thấy báo mà không tâu lên hay đi bắt ngay (quan ở kinh thành thì phải tâu ngay, quan ở ngoài thì phải bắt ngay), để quá nửa ngày, thì cũng phải tội như kẻ không đi báo. Nếu là việc truy bắt còn phải sắp đặt nên quá thời hạn trên thì không phải tội.

501. [Điều 37] - Kẻ vu cáo tội mưu *phản loạn*, mưu *đại nghịch* thì xử tội nhẹ hơn tội nói trên một bậc. Nếu xét ra việc tố cáo không rõ, mà bản tâm không phải là vu cáo, thì phải tâu lên để định xử.

502. [Điều 38] - Kẻ vu cáo cho người khác, thì bị xử như tội đã vu cáo nhưng giảm đi một bậc; đến như các quan giữ việc hạch tội lại vì tư tâm, tố giác không đúng sự thực, thì không được giảm tội. Nếu tố cáo người khác hai tội trở lên, việc nặng đúng sự thực

hay là tố cáo mấy việc, chỉ một việc đúng sự thực, thì lấy việc này mà giảm tội cho việc khác là vu cáo. (Thí dụ tố giác hai việc, việc đáng phạt *biếm* một tư là có thật, việc đáng *biếm* ba tư lại là vu cáo, thì trừ cho một tư vào tội ba tư, còn bị *biếm* hai tư. Trường hợp nặng cũng theo lệ này). Nếu như tố giác tội hai người lại có một người không đúng sự thực, thì nguyên cáo vẫn bị tội vu cáo, chứ không được đem tội có sự thực ở người kia, mà tính trừ để giảm tội cho. Dâng thư lên vua tố cáo tội người mà không có sự thực, thì cũng bị khép vào tội vu cáo; nếu việc nhẹ, thì bị khép vào tội dâng thư dối trá không thực.

503. [Điều 39] - Kẻ vu cáo cho người khác từ tội *lưu* trở xuống, nếu người bị vu chưa bị tra khảo, mà nguyên cáo tự ra nhận là sai thì được giảm tội hai bậc, nếu người bị vu cáo đã bị tra khảo rồi, thì kẻ vu cáo không được giảm tội; nếu người làm chứng bị tra khảo cũng thế (vu cáo cho bậc tôn trưởng vào hàng *ơ thân*, ông bà ngoại, chồng và ông bà nhà chồng, hay là nô tỳ vu cáo cho hàng *ơ thân*, ông bà ngoại của chủ, dẫu ra nhận lỗi là việc tố cáo không có cũng không được giảm tội).

504. [Điều 40] - Con cháu tố cáo ông bà cha mẹ, nô tỳ tố cáo chủ có tội lỗi gì, đều xử tội *lưu* đi châu xa; vợ tố cáo chồng, cũng bị tội trên. Tố cáo ông bà ngoại, cha mẹ và ông bà cha mẹ về bậc tôn trưởng vào hàng

ơ thân của chồng, cùng là nô tỳ tố cáo người bậc *ơ thân* của chủ, dẫu việc có thật, cũng phải tội *biếm* hay tội *đồ*; nếu là tội *mutu phản*, *đại nghịch* hay là mẹ dích, mẹ kế, mà giết cha, cha mẹ nuôi giết con đẻ, thì cho phép tố cáo. Nếu xâm phạm đến mình mà đi kiện cáo để giải tỏ lẽ phải của mình, thì được; nếu vu cáo thì xử theo tội đã vu mà lại tăng thêm một bậc.

505. [Điều 41] - Kẻ vu cáo các quan trên tại chức ở bản phủ, thì xử tội như tội mình vu cáo. Nếu là tội *đại nghịch* thì cho tố cáo, mà không theo luật này.

506. [Điều 42] - Con cháu trái lời dạy bảo, và không phụng dưỡng bề trên, mà bị ông bà cha mẹ trình lên quan, thì xử tội *đồ* làm *khao đình*; con nuôi, con kế tự mà thất hiếu với cha nuôi, cha kế, thì xử giảm tội trên một bậc, và mất những tài sản đã được chia.

507. [Điều 43] - Kẻ bị giam cầm không được tố cáo việc gì khác (chỉ việc phản nghịch được tố cáo). Nếu bị quan coi ngục hành hạ khổ sở, thì được tố cáo. Dương bị người kiện mình, thì không được đem việc khác kiện lại, để làm kế trì hoãn việc bị kiện, trái luật này thì người kiện, người nhận đơn, người cung kết (1), đều bị xử tội *biếm*; quan phê đơn, quan xét việc đều xử phạt.

(1) *Người cung kết* : có lẽ là người cam kết làm chứng.

508. [Điều 44] - Tố cáo tội người, thì phải ghi năm tháng và trình bày sự thực không được nói là việc còn ngờ (nói việc đó không đáng tin cũng vậy); trái luật này thì phải phạt 80 *trượng*; quan nhận những đơn trái lệ này, mà đem ra xét xử, thì bị phạt tiền 30 quan.

509. [Điều 45] - Kẻ làm đơn từ kiện cáo mà phỉ báng quan ty, thì xử *biếm* một tư; phỉ báng quan tể thượng đến mức gây nguy hại thì xử tội *đổ* làm *chứng điền binh*; không thậm tộ thì xử *biếm* ba tư; phỉ báng đến chính sự đương thời, thì xử tội như là tội "gửi thư giấu tên chê bai chính sự đương thời".

510. [Điều 46] - Kẻ nào làm đơn tâu kiện người nà trước sau không hợp nhau, thì xử tội *trượng* hay *biếm*.

511. [Điều 47] - Con cháu kiện nhau với ông bà, cha mẹ, ông bà ngoại, cùng là vợ kiện ông bà cha mẹ chồng, đều phải *biếm* một tư; nếu lý lẽ trái, xử thêm tội một bậc.

512. [Điều 48] - Anh em không hòa thuận, đến nỗi phải tranh giành kiện cáo nhau, thì người trái lẽ phải xử tội nặng hơn người thường một bậc.

513. [Điều 49] - Kẻ xui giục người kiện tụng, cùng là làm hộ đơn vụ cáo cho người, thì xử tội nhẹ hơn

người phạm tội một bậc. Viên ngục lại mà xui giục người đi kiện hay làm đơn thay, thì xử tội nặng hơn một bậc.

514. [Điều 50] - Việc kiện đã được quan xét xử xong, mà còn cứ cố cưỡng tranh chấp nữa, thì xử tội *biếm* ba tư; chưa được quan xử, mà đã cố tranh lấy bằng cách võ đoán, thì xử *biếm* một tư. Nếu xử hòa [mà còn tranh] thì bị xử nhẹ hơn tội trên một bậc.

QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT

QUYỂN V

Chương TRÁ NGỤY (Gian dối)

(Gồm 38 điều)

515. [Điều 1] - Những kẻ giả ấn của thái thượng hoàng, của hoàng đế đều xử chém; làm giả ấn của hoàng thái hậu, hoàng hậu, hoàng thái tử hay vợ hoàng thái tử đều xử *giảo*.

516. [Điều 2] - Những kẻ làm giả ấn của sảnh, viện (như ấn Thượng thư, Môn hạ sảnh, Cơ mật viện, Nội mật viện), ấn của quan tể tướng, các quan ty, các tướng súy, đều xử tội *lưu* đi châu xa; làm giả các ấn khác thì xử tội *lưu* đi châu gần (như là ấn các kho tàng, ấn các lộ v.v...). Làm giả ấn các đời trước để mưu cầu được phong tước hay bổ dụng, cũng xử cùng một tội.

517. [Điều 3] - Những kẻ dùng ấn giả của vua của quan đóng vào sổ sách, hay sắc mệnh và văn bằng, hoặc đem cho người khác mượn, để lấy tiền hay đồ

vật, thì phải khệp vào tội làm giả, đúc giả và bắt bồi thường gấp đôi số tang vật đã lấy của người để sung công. Kẻ nhận ấn dấu giả nói trên, cũng xử cùng một tội; vô tình không biết thì không phải tội.

518. [Điều 4] - Những kẻ làm giả những môn phù⁽¹⁾ cửa cung điện, cửa hoàng thành, cửa kinh thành cùng là binh phù⁽²⁾ của tướng, dịch phù của nha trạm, cờ tiết của sứ giả, đều xử chém.

519. [Điều 5] - Làm giả tờ chế⁽³⁾ của vua thì xử tội chém; thêm bớt vào lời chế thư (truyền giả bằng miệng và thêm bớt bằng miệng cũng thế) thì xử tội *lưu* đi châu xa; sự việc quan hệ có hại lớn thì phải tội *giảo*; nếu chưa thi hành, thì được giảm tội một bậc. Nếu là việc truy bắt những kẻ phản nghịch, kẻ mưu phản, không thể tâu trước mà giả là có chiếu chỉ để thi hành việc truy bắt, thì dù có công hay không có công, đều phải tâu lên để hoàng đế định đoạt.

520. [Điều 6] - Tâu lại lời chế thư, và tâu việc hay dâng thư mà dối trá không đúng sự thực, thì xử tội *biếm* hay *đồ*; không phải là việc mật mà tâu bậy là việc mật, thì xử tội nặng hơn một bậc.

(1) *Môn phù* : dấu hiệu để làm bằng chứng khi ra vào cửa.

(2) *Binh phù* : phù tín dùng trong quân đội, để làm tin khi truyền đạt quân lệnh.

(3) *Chế* : chỉ dụ của vua ban phát ra.

521. [Điều 7] - Làm giả hay thêm bớt vào công văn, thì xét xem định trốn tránh việc gì hay tội gì, mà xử nặng hơn tội ấy hai bậc; chưa thi hành thì được giảm một bậc.

522. [Điều 8] - Những kẻ dúc trộm tiền đồng, thì không kể *thủ phạm* hay *tòng phạm* đều xử tội chém; chủ chứa xử cùng tội; lảng giềng biết mà không báo, thì xử nhẹ hơn 2 bậc; quan lộ, quan huyện vô tình không biết, thì xử tội *biếm* hay *phạt*; xã quan phải tội *đồ*; thưởng cho người tố giác hay bắt được hai tư.

523. [Điều 9] - Những kẻ làm vàng bạc giả và những đồ dùng bằng vàng bạc giả để đem bán, thì xử tội *đồ*; những vật ấy phải sung công.

524. [Điều 10] - Tướng hiệu tâu số quân lính trốn hay chết mà không đúng thực, thì xử tội *biếm* hay *đồ*; nếu có ăn tiền, thì xử tội *lưu*. Quan giữ sổ và quan phê sổ mà cứ theo sổ ấy ghi vào sổ, thì xử tội *biếm* hay *bãi chức*. Những điều khác đều theo lệ này.

525. [Điều 11] - Quân dân cố ý làm thương tật để tránh quân dịch, thì xử tội *lưu* đi châu xa; kẻ làm thương tật giúp thì giảm tội. Khi duyệt binh mà giả đau ốm (như uống thuốc nhịn ăn), mong được loại ra, thì xử tội *đồ*. Viên ngũ trưởng cố ý dung túng, thì xử cùng một tội; tướng hiệu vô ý bỏ qua thì xử tội *biếm*;

nếu ăn tiền mà cố ý dung túng, thì xử tội *đồ*. Lúc duyệt binh, kiểm xét mà không cẩn thận, thì xử tội *trượng* hay *phạt*. Người tố cáo đúng sự thực thì được thưởng tùy theo việc nặng nhẹ.

526. [Điều 12] - Những kẻ man trá vào hàng họ tôn thất, thì xử tội *lưu*; vào họ hoàng thái hậu, hoàng hậu, thì xử tội *đồ*; nhưng người trong dòng họ trên đảm bảo làm chứng man trá thì xử nhẹ hơn tội trên một bậc.

527. [Điều 13] - Những kẻ giả mạo là quan, hay là cho người khác làm quan giả mạo, và người nhận chức quan giả ấy, đều xử tội *đồ* hay *lưu*, theo việc nặng nhẹ.

528. [Điều 14] - Kẻ giả mạo *tập ốm* của người khác mà được làm quan, thì xử tội *đồ*; quan ty tâu phê cho, thì xử phạt tiền 50 quan; thuộc lại giữ việc khám đối bằng sắc ấy, xử tội *biếm* hay *đồ*.

529. [Điều 15] - Những kẻ trá xưng là quản giám các trường ⁽¹⁾ ở các trấn thì xử tội *đồ* tùy theo việc nặng nhẹ. Nếu là tôn thất, quan từ nhị phẩm trở lên, thì phải phạt tiền 200 quan. Thay người khác mà trông coi các trấn trường, cũng xử tội *đồ*; kẻ viết văn

(1) Trường : công trường của nhà nước, như những chỗ khai mỏ, chỗ đúc tiền, chỗ làm muối v.v...

bằng giả mạo xử đồ làm *khao đình*; nếu sách nhiễu tiền của thì bồi thường gấp đôi.

530. [Điều 16] - Những kẻ giả trá xưng là thị giám (1), để đòi bậy đồ lễ mừng, tiền quà tết, thì xử tội *biếm* hai tư, và bắt bồi thường gấp đôi, lại bắt điểu đi quanh chợ ba ngày. Người có quan chức cao, thì phải phạt tiền 30 quan, và xử tội kẻ tay sai làm việc ấy.

531. [Điều 17] - Những kẻ giả trá xưng là phụng chỉ nhà vua để bắt người mà lấy tiền hay đồ vật, thì xử tội *liu* đi châu gần. Đòi trưng thu những sản vật của dân Di Liêu(2) thì xử tội *liu* đi châu ngoài và phải bồi thường gấp đôi tang vật. Nếu vì việc công mà đòi lấy thêm tiền của dân, thì xử *biếm* ba tư, và bắt bồi thường gấp đôi; giả xưng là sứ vua sai, để lấy tiền hay đồ vật, thì xử đồ làm *khao đình*; giả xưng là chức sắc đi bắt người, để lấy tiền hay đồ vật, thì xử đồ làm *tượng phường binh*, và phải bồi thường gấp đôi.

532. [Điều 18] - Những kẻ giả xưng là sứ nhà vua cho ra ngoài xem xét mọi việc, để lừa dối các quan ty, làm mê hoặc dân chúng, thì xử tội đồ hay *liu*; không làm mê hoặc dân chúng, thì được giảm tội hai bậc. Người biết sự việc là giả mà đi theo, đều xử nhẹ hơn

(1) *Thị giám* : chức trông coi chợ.

(2) *Di Liêu* : chỉ dân tộc thiểu số.

một bậc. Giả làm người của quan trong triều sai ra, thì nhẹ hơn tội giả làm sứ nhà vua một bậc; giả làm người của các quan lộ, huyện sai đi, thì lại giảm cho một bậc nữa. Các quan ty sở tại biết mà dung túng, thì xử nhẹ hơn người có tội hai bậc; không biết thì được miễn.

533. [Điều 19] - Những kẻ dựng bia, mốc giả để chiếm những ruộng đất công, thì xử tội đồ làm *khao đình*; kẻ phạm tội không có quan chức, thì xử đồ làm *tượng phường binh* và bắt bồi thường tiền hoa lợi ruộng đất gấp ba lần. Người viết, khắc chữ những bia mốc giả ấy, thì xử *biếm* ba tư. Nếu chiếm ruộng đất tư, thì được giảm tội một bậc. Giả làm quan sai chia ruộng đất, lừa lấy tiền của đồ vật của người, thì xử tội đồ làm *chùng diển binh* và bồi thường gấp đôi tang vật.

534. [Điều 20] - Những kẻ làm chức thư, văn tự giả mạo và đổi văn tự cầm làm văn tự bán đứt, thì người chủ và người viết thay đều phải tội đồ làm *tượng phường binh*; người làm chứng xử *biếm* hai tư. Nếu giả mạo mà còn tranh chấp tài sản, thì người chủ và người viết thay phải bồi thường gấp đôi số tài sản tranh chấp, người làm chứng thì phải bồi thường một phần ba.

535. [Điều 21] - Người làm giả những giấy tờ công hay tư (như văn khế, khoán ước, và sổ sách) cùng là

thêm bớt dối trá để lấy tiền lấy thưởng, hay để trốn tránh những việc tịch thu và bồi thường, thì xử tội như tội âm trộm; tội nhẹ thì được giảm.

536. [Điều 22] - Người nhận bậy lương dân làm vợ cả nàng hầu, con cháu, nô tỳ, thì phải tội *biếm* hay *đồ*; lấy thế lực mà tranh, thì thêm tội hai bậc. Nhận bậy nô tỳ của người làm của mình, thì xử nhẹ hơn tội trên một bậc.

537. [Điều 23] - Kẻ phao tin bậy ngoài biên thù có giặc đã để cho dân chúng sợ hãi, thì xử tội chém; thưởng cho người tố cáo tước hai tư.

538. [Điều 24] - Những người bịa đặt ra những diêm lành, diêm tốt thì xử *biếm* một tư. Nếu khi có triệu chứng tai biến hay tường thuy (1), mà quan Đài thiên văn không đem thực sự tâu lên, thì xử tội thêm một bậc.

539. [Điều 25] - Những kẻ xui giục cho người ta không biết mà phạm pháp, hay là người biết phép, mà cứ xui giục họ làm trái phép, cùng là để cho người ta phạm pháp, rồi bắt tay tố cáo, hay là để người khác bắt, hay tố cáo, chủ ý để lấy thưởng, hay vì hiềm khích mà xui giục để cho người ta phạm tội, thì cùng bị xử tội như người phạm pháp.

(1) *Tường thuy* : diêm lành.

540. [Điều 26] - Đánh lừa để lấy ngựa của nhà vua ra cưới thì xử tội *liu*; ngựa chết hay lạc mất, thì phải bồi thường gấp ba lần; người giữ ngựa biết mà để cho lấy cưới, thì xử cùng một tội; không biết được giảm nhẹ tội hai bậc.

541. [Điều 27] - Nói dối là chết để tránh phú dịch (1) xử tội *đồ* làm *tượng phượng bình*, và phạt bồi tiền phú dịch gấp đôi. Nói dối là chết để tránh tội, thì xử nặng hơn một bậc.

542. [Điều 28] - Thấy thuốc chữa bệnh cho người, mà cố ý dằng dai hãm bệnh để lấy tiền, thì phải *biếm* ba tư. Nếu vì oán thù riêng hay là vì người khác thuê mà borce thuốc có vị độc, để cho người bệnh chết, thì bị khép vào tội giết người.

543. [Điều 29] - Cha mẹ chết mà nói dối là còn tang người khác, không để đại tang, thì xử tội *đồ* làm *khao đình*. Nói dối là ông bà cha mẹ hay chồng chết để đi xin tiền, vay tiền, hay có ý để tránh việc gì, thì phải *biếm* ba tư. Nói dối là bác chú thím cô anh em chị em chết, thì phải *biếm* một tư.

544. [Điều 30] - Có kẻ giả ốm, giả bị thương hay chết, mà người khám nghiệm lại đồng tình không xét đúng sự thực, thì chiếu theo việc định lừa dối mà xử

(1) *Phú dịch* : thuế má phu phen.

nhẹ hơn một bậc. Nếu thật có bệnh, bị thương hay chết, mà lại xét nghiệm không đúng sự thực, thì bị xử vào tội cố ý ghép kẻ oan vào tội, mà cho giảm một bậc. Nếu vì có lòng gian để ăn tiền thì lại xử khác.

545. [Điều 31] - Lừa dối để làm cho người ta bị thương hay bị chết, thì xử tội như tội đánh bị thương và làm chết người (như bến sông hiểm, cầu cống, thuyền bè hư nát mà nói dối bảo người ta đi, để đến nỗi người ta chết đuối).

546. [Điều 32] - Kẻ làm chứng không nói thật, người phiên dịch nói sai, hay giả dối (như người dân tộc thiểu số có tội, mà người phiên dịch không dịch đúng những lời họ nói, lại nói sai đi) để cho án xử nặng hay nhẹ, phạt hay tha không đúng tội, thì người làm chứng xử nhẹ hơn người có tội hai bậc, người phiên dịch cùng một tội với người có tội.

547. [Điều 33] - Bê tội tâu việc mà dối trá (dâng sổ sách hay dâng thư cũng vậy) thì xử tội *liu* hay tội chết. (Nghĩa là nói dối vua những việc phi lý, như là việc chỉ con hươu mà nói là con ngựa của Triệu Cao (1) đời nhà Tần). Nếu việc nhẹ, thì xử tội "tâu vua không

(1) *Triệu Cao* : tướng đời Tần, quyền hành lấn át cả vua. Có lần để thử xem các quan có nghe theo mình hay không. Triệu Cao cho người dắt con hươu đi qua rồi chỉ bảo là con ngựa. Các quan đều nói theo là ngựa.

thật". Dối trá quan đại thần, thì xử nhẹ hơn tội trên ba bậc; nói dối quan bản quản thì chiếu theo phẩm mà *luận* tội giảm bớt một bậc.

548. [Điều 34] - Tự tăng chức tước cho mình, một cấp thì xử tội *biếm*; hai cấp đến ba cấp thì xử tội *đồ*; nhiều nữa thì cũng chỉ đến tội *liu*.

549. [Điều 35] - Những người hầu cận nói dối là được sai đi dò xét, thì đều xử tội *đồ* hay tội *liu*.

550. [Điều 36] - Những kẻ giả truyền chiếu chỉ của vua, thì xử tội chém; giả ý chỉ của hoàng hậu, lệnh chỉ của hoàng thái tử, thì xử tội *giáo*; giả truyền tờ giáo của các thân vương, thì phải tội *liu*; giả truyền quân thị (1) của các quan đại thần, thì xử tội *đồ*. Nếu việc giả trá ấy quan hệ đến việc cơ mật, thì đều bị tội chém.

551. [Điều 37] - Những kẻ dùng kế lừa dối các quan ty để lấy tiền của thì sẽ theo tang vật mà *định* tội, xử nhẹ hơn tội ăn hối lộ một bậc.

552. [Điều 38] - Những người không có chức sắc, mà khai gian là có chức sắc, thì xử tội là giả mạo quan chức; xã quan cứ tin sự giả dối mà ghi vào sổ, thì xử nhẹ hơn kẻ giả mạo hai bậc. Quan lộ, quan huyện vô tình không xét, thì xử tội *biếm*.

(1) *Quân thị* : mệnh lệnh do quan đại thần ban phát.

Chương TẠP LUẬT

(Gồm 92 điều)

553. [Điều 1] - Người vô cố mà phóng ngựa chạy trong phố phường, đường ngõ trong kinh thành, hay là trong đám đông người, thì xử phạt 60 *trượng*. Nếu vì thế mà làm bị thương hay chết người, thì xử tội nhẹ hơn tội đánh bị thương hay chết người một bậc; làm bị thương hay chết các súc vật, thì phải đền số tiền theo sự mất giá (ví như con vật đáng 10 phần, nay làm chết giá chỉ còn 2 phần, thì phải đền giá 8 phần; làm bị thương mất giá 1 phần, thì phải đền giá một phần). Nếu vì việc công hay tư cần phải đi gấp mà phóng ngựa chạy, thì không phải tội; vì thế mà làm bị thương hay chết người thì xử theo tội vì lầm lỡ để xảy ra. Nếu vì ngựa sợ hãi lông lên, không thể ghìm được để xảy ra việc làm bị thương, chết người, thì được xử giảm nhẹ hơn tội lầm lỡ hai bậc.

554. [Điều 2] - Bán cung tên vào trong thành, vào nhà quan nhà tư, hoặc bán ở đường cái thì xử phạt 80 *trượng*. Phóng đạn (1) ném gạch đá, thì xử phạt 60 *trượng*. Nếu vì thế mà làm cho người bị thương hay chết, thì xử nhẹ hơn tội đánh người bị thương, chết

(1) *Phóng đạn* : như thổi ống xuy đồng.

một bậc; nếu cố ý bắn vào thành hay vào nhà cho người ta bị thương hay chết, thì xử như tội đánh bị thương và chết người.

555. [Điều 3] - Trong khi đấu võ nghệ lại nhằm vào người mà bắn, làm cho bị thương hay chết, thì xử nhẹ hơn tội đánh bị thương chết người một bậc; nếu vì sai lầm xảy ra, thì chỉ phải khế vào tội lầm lỡ.

556. [Điều 4] - Đặt những bẫy máy hay hố sập [để bắt thú vật] thì xử phạt 80 *trượng*; nếu vì thế mà làm người bị thương hay chết, thì xử nhẹ hơn tội đánh bị thương chết người một bậc. Nếu đã có cấm nêu làm hiệu, thì được giảm tội hai bậc.

Ở những nơi núi cao, đầm rộng và nơi có thú dữ làm hại, thì cho phép đặt bẫy làm hố, nhưng phải cấm nêu làm hiệu; nếu không thì cũng phải phạt 60 *trượng*. Nếu vì thế mà làm người bị thương hay chết, thì xử nhẹ hơn tội đánh bị thương chết người ba bậc.

557. [Điều 5] - Ở trong chợ và chỗ đông người, mà cố ý làm cho người ta sợ hãi đến nỗi rối loạn cả lên, thì xử phạt 80 *trượng*. Nếu vì thế mà làm người bị thương hay chết, thì xử tội nhẹ hơn tội cố ý giết người hay làm bị thương một bậc. Nếu vì thế mà làm cho người ta mất của, thì xử tội *đồng*; còn vì sự lầm lỡ làm kinh động khiến người khác bị thương hay chết, thì xử theo tội lầm lỡ.

558. [Điều 6] - Những quan giám lâm, chủ thủ mà đem của công (súc vật cũng vậy) để mình vay hay cho người ta vay, thì người vay cùng người cho vay, nếu không có giấy má, thì đều bị xử tội như tội ăn trộm; nếu có làm giấy, thì được giảm tội một bậc. Nếu tự mình mượn hay cho người ta mượn, thì người mượn cùng người cho mượn đều xử nhẹ hơn tội trên hai bậc.

559. [Điều 7] - Những đồ vật trong kho tàng, nếu người coi kho không để ý kiểm tra xem xét cùng là cất đặt không đúng phép, phơi phóng không kịp thời, để hư hỏng thì xử tội *biếm* hay *đồ*, và bồi thường gấp đôi số thiệt hại.

560. [Điều 8] - Lãng phí của công (đem của công ra dùng, quá lạm rồi bỏ thừa nhiều) thì xử *biếm*. Nếu cái gì chưa dùng, thì lại nộp vào kho, mà cái gì đã đem ra dùng tán mát không thu lại, thì phải bồi thường gấp đôi như *luật*.

561. [Điều 9] - Về việc thu vào và cấp phát ra, bất cứ thứ gì, nếu quan giữ việc vô cơ mà làm khó dễ không thu nhận hay không phát ra, chậm một ngày thì xử phạt 60 *trượng*; ba ngày thì xử nặng thêm một bậc; quá nửa thì xử tội *biếm*. Người giữ cửa vô cơ mà gây khó dễ, thì cũng phải tội thế. Nếu kẻ đem nộp hay lĩnh phát gây đến sau, mà quan lại không theo thứ tự thu trước phát trước, thì xử tội đánh 50 roi.

562. [Điều 10] - Đồ vật của công đã niêm phong đóng dấu, người coi giữ không xin phép quan ty phụ trách, mà tự tiện mở ra, thì phải tội *trượng*, hay tội *biếm*. Nếu thay đổi hay tổn thất, thì phải khép vào tội lấy trộm của công.

563. [Điều 11] - Những quan giữ việc thu phát của công mà trái *luật* (trái *luật* như là thu vào nhiều mà phát ra ít, đáng phát thứ cũ lại phát thứ mới, đáng nhận thứ tốt lại nhận thứ xấu), thì xử *biếm* một tư, và tính số thừa thiếu ấy bồi thường nộp vào của công; quan chủ ty giấu không phát giác ra, thì xử phạt 50 roi; quá nửa thì xử tội *biếm* hay *phạt*. Người giữ kho bắt người đến lĩnh vật gì làm giấy biên nhận, trong giấy biên nhiều mà phát cho ít, thì xử tội *đồ*, và phải bồi thường như *luật*.

564. [Điều 12] - Người giữ của công mà đánh mất sổ sách, để số mục nhầm lẫn, thì tính số nhầm lẫn mà bắt tội, và bắt bồi thường tùy theo tội nặng nhẹ.

565. [Điều 13] - Đánh mất đồ vật hay ấn tín của quan nha thì người đáng xử tội, đều cho thời hạn 30 ngày để tìm kiếm; nếu không tìm thấy mới đem ra *luận tội*, và bị xử *biếm* hay *bãi chức*; nếu trong thời hạn mà tìm ra được thì không phải tội; người khác tìm được thì người đánh mất phải *biếm* một tư; quá hạn rồi mới tìm được thì *biếm* hai tư.

566. [Điều 14] - Người mở trộm những công văn có niêm phong đóng dấu mà xem thư, thì xử *biếm* hay *bãi chức*; nếu là việc cơ mật thì xử chém; lầm lẫn mà mở ra xem, thì được giảm tội hai bậc; mở lầm mà không xem, thì được giảm tội ba bậc; mở trộm những văn thư của nước ngoài gửi đến cũng xử tội như thế.

567. [Điều 15] - Khi có việc xây dựng gì, đáng trình lên quan trên mà không trình, đáng phải đợi chỉ thị mà không đợi, thì xử *biếm* hai tư. Trù tính tiền vật liệu, và nhân công mà không đúng sự thật, thì xử *biếm* một tư; nếu việc làm mà tốn phí quá, thì phải bồi thường số đã làm tốn phí ấy, nộp vào công khố hay trả cho dân như *luật* định (người tính không đúng, thì người tính phải tội, người xin không đúng thì người xin phải tội).

568. [Điều 16] - Khi có việc xây dựng hay phá hủy gì, mà phòng bị không cẩn thận, để đến nỗi xảy ra chết người, thì xử *biếm* một tư, và chịu tiền mai táng 5 quan; còn thợ thuyền và người chủ ty, thì hình quan sẽ xem xét lỗi vì ai xảy ra mà *định* tội.

569. [Điều 17] - Người trông coi chế tạo những đồ ngự dụng, chưa có giấy của viện nội mật mà đã sai công nhân làm, thì xử phạt 80 *trượng*; sai công nhân

làm việc tư cho mình, thì xử *biếm* hay *đồ*; và phải bồi thường thêm một phần tiền công thuê.

570. [Điều 18] - Những người phải sung làm dân phu hay thợ thuyền mà lần lữa không đến làm việc, thì chậm một ngày phải phạt 50 roi; ba ngày thì xử *tăng* một bậc; nhiều ngày nữa, tội chỉ đến *biếm* ba tư. Các tướng lĩnh và quan chủ ty không trông nom đốc thúc đều xử nhẹ hơn kẻ phạm tội một bậc. Nếu là việc quân khẩn cấp mà phạm lỗi nói trên, thì xử *tăng* thêm tội.

571. [Điều 19] - Những dân phu thợ thuyền đang làm việc mà quan chủ ty giám đương lại sai làm việc riêng, thì bị xử tội *biếm* hay *bãi chức*, và phải trả tiền công thuê nộp vào kho.

572. [Điều 20] - Những phu thợ đang làm việc, những quân lính đang ở trại, hoặc theo quân đội ra đánh giặc, hoặc theo hầu xa giá, hay sai đi việc quan, khi có tật bệnh, mà quan chủ ty không xin cấp thuốc thang cứu chữa, thì xử phạt 40 roi; nếu vì ốm không chữa mà chết, thì xử phạt 80 *trượng*; nếu phu thợ chết ở chỗ làm việc quan, chủ ty không theo *luật* cho đưa về bản quán, thì xử tội *biếm*. *Luật* định các hạng người trên này mà chết, thì quan trông coi phải biên những tiền bạc, quần áo của họ còn lại, cùng thi hài họ giao cho người cùng phủ, huyện, xã đưa về bản

đôi; nếu mà đánh mất thì xử phạt 80 *trượng* và đền theo giá tiền súc vật làm mất.

580. [Điều 28] - Những người tự tiện giết trâu ngựa, thì xử phạt 80 *trượng* và phải nộp tiền giá con trâu ngựa ấy vào công khố. Nếu là ngoại quốc hay là kẻ nô lệ mà phạm lỗi trên, thì người quản giám ngoại kiều và người chủ bị phạt 5 quan tiền. Thấy ai đem thịt ra chợ bán mà người coi chợ và xã quan sở tại không cấm, thì đều xử phạt 80 *trượng*.

581. [Điều 29] - Người thả trâu ngựa cho giày xéo, ăn lúa, dâu của người ta, thì xử phạt 80 *trượng*, và đền sự thiệt hại. Nếu cố ý thả cho giày xéo, phá hại của người ta, thì xử *biếm* một tư và đền gấp đôi sự thiệt hại. Nếu vì trâu ngựa chạy lông lên, không kìm hãm được, thì được miễn tội *trượng*.

582. [Điều 30] - Súc vật và chó có tính hay húc, đá và cắn người mà làm hiệu buộc trông không đúng phép (đúng phép là con vật nào hay húc người, thì phải cắt hai sừng, đá người thì phải buộc hai chân, cắn người thì cắt hai tai), hay có chó hóa dại mà không giết, thì đều xử phạt 60 *trượng*. Nếu vì thế mà làm cho người chết hay bị thương, thì xử theo tội lầm lỡ. Nếu cố ý thả rong làm cho người chết hay bị thương, thì xử nhẹ hơn tội đánh bị thương hay chết người một bậc. Người thuê đến để chữa bệnh cho súc

vật, hay là vô cố trêu ghẹo những vật kia, mà bị thương hay chết, thì người chủ không bị xử tội.

583. [Điều 31] - Quân lính giữ voi trận mà thả voi xông đến nhà hay phá hại cây cối và tre trong vườn người ta, thì xử tội *trượng* hay *biếm*; tướng lĩnh đội ấy phải xử *phạt*. Nếu vì voi lông lên không kìm nổi, đến nổi làm người bị thương hay chết, thì xử nhẹ hơn tội lầm lỡ; nếu là cố ý thả ra, thì xử nhẹ hơn tội giết người hay làm bị thương hai bậc. Nhà nào thấy voi đến phá phách, phải gọi xóm làng đến xem xét, làm chứng, mà trình báo lên quan, chứ không được tự tiện đánh hay đâm voi; nếu trái *luật* này, để voi bị thương thì bị tội *biếm* hay *đồ*, và bồi thường tiền 50 quan; để voi chết, thì bị tội *lưu*, và phải bồi thường tiền 300 quan.

584. [Điều 32] - Những kẻ nhận bầy trâu ngựa thuyền bè của người khác, thì xử phạt 80 *trượng* và phải bồi thường tiền gấp đôi; nếu lại cố ý tranh, thì xử *biếm* một tư và bồi thường như trên. Đánh chết hay đâm chết trâu ngựa của người khác thì xử phạt 70 *trượng*, *biếm* ba tư, và đền tiền gấp đôi; đánh trâu ngựa bị thương thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư; đền tiền tùy theo thương tích nặng nhẹ.

586. [Điều 33] - Trâu của hai nhà đánh nhau, con nào chết thì hai nhà cùng ăn thịt, con nào sống thì hai nhà cùng cày, trái *luật* thì xử phạt 80 *trượng*.

quán; nếu không có người cùng phủ, huyện, xã, thì giao cho quan chức sở tại đảm nhận đưa về làng họ cho chu đáo.

573. [Điều 21] - Những người làm nhà mở vườn mà xâm lấn vào đường quan lộ, thì xử *biếm* một tư; khai khẩn trồng trọt (lấn chiếm) xử phạt 80 *trượng* và bắt sửa lại đường quan lộ như cũ; nếu làm bấn thối đường quan lộ, thì phải phạt 50 roi. Quan chủ ty không ngăn cấm thì bị phạt tiền mười quan; người phường chính phủ trưởng cũng phải phạt đánh roi như thế. Nếu đào hồng đường sá, trồng lấn tre hay cây, cùng là đắp bờ đất đá, làm lấp cả khe hay cống, hay ngăn trở việc đi lại, thì xử phạt 80 *trượng*; tội nặng thì xử *biếm*; cành tre và cành cây vươn ra đường, thì cho chặt lấy.

574. [Điều 22] - Người chiếm cứ những hoa lợi ở núi, rừng, hồ, đập, thì xử phạt 60 *trượng*.

575. [Điều 23] - Những nơi bến đò qua sông, phải làm cầu hay đặt thuyền bè nếu không làm không sắm hoặc tự tiện rời cầu rời bến đi nơi khác, thì quan trông nom ở đây phải phạt 60 *trượng*; làm cho người qua lại phải dừng lại, không đi được, thì phải phạt 80 *trượng*. Nếu vô cớ làm khó dễ để đòi tiền của cũng phải phạt *trượng* như thế, và phải trả lại những tiền đã lấy.

576. [Điều 24] - Những người buôn bán hàng trong chợ, cùng người coi chợ (1) mà không làm theo đúng pháp luật, thì đều xử tội *biếm* hay *đốt*.

577. [Điều 25] - Những người làm việc trong ngự trù (2) và người bếp các nhà quyền thế mà ra chợ ức hiếp lấy không hàng hóa hay là mua rẻ, thì người coi chợ và người trong chợ đều được phép bắt đem nộp quan, để xử phạt vào tội *đốt*; chủ nhà thì phải tội *phạt*. Nếu người coi chợ dung túng không bắt, thì xử tội *trượng* hay tội *biếm* tùy theo nặng nhẹ; nặng quá thì xử tăng thêm tội. Người ngoài bắt được, thì được thưởng tùy theo việc nặng nhẹ. Lấy rau quả của nhà người ta, thì xử tội *trượng* hay tội *biếm*.

578. [Điều 26] - Người chăn nuôi gia súc của công mà giấu giếm hay bán đi, thì khép vào tội trộm cắp của công. Quan khám xét không thực, thì xử *biếm* một tư, và đền một phần ba giá gia súc bị mất.

579. [Điều 27] - Những người nhận của ai gửi súc vật và của cải mà đem dùng hay tiêu đi thì xử phạt 80 *trượng* và đền tiền theo như số tổn thất; nói dối là chết hay mất, thì phải *biếm* một tư, và đền tiền gấp

(1) Nguyên văn chữ Hán : "thị giám".

(2) Ngự trù : bếp nấu ăn của vua.

586. [Điều 34] - Bất được trâu ngựa hay thuyền lạc, không trình quan để đóng dấu chứng nhận và chiếu để yết thị (1) cho người mất của biết mà đến nhận, nếu giữ lấy dùng hay nuôi, thì xử tội *biếm* hay tội *đồ* (nô tỳ nhà người khác cũng vậy). Đã trình quan đóng dấu và để bảng yết thị rồi có người đến nhận, thì đưa đến trình xã, phường quản làm bằng cứ, rồi cho chuộc như *luật* định (*luật* cho phép tiền chuộc mỗi ngày 20 đồng tiền, nô tỳ thì chỉ đến một quan, trâu đến một quan, ngựa một quan năm tiền, thuyền 2 quan, tùy theo lớn nhỏ). Nếu giữ mà không cho chuộc, thì xử phạt 80 *trượng*. Nói dối là chết hay là mất, thì phải phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư, đền tiền gấp đôi. Nếu chết hay là mất mà đã trình phường xã quan đến *thị thực*(2) thì được miễn tội.

587. [Điều 35] - Cho vay nợ hay cầm đồ vật mỗi tháng được lấy tiền lãi mỗi quan là 15 đồng kẽm; dù lâu bao nhiêu năm cũng không được tính quá một gốc một lãi; trái *luật* thì xử *biếm* một tư, mà mất tiền lãi. Nếu tính gồm lãi vào làm gốc, rồi bắt làm văn tự khác, thì xử tội nặng hơn một bậc.

588. [Điều 36] - Mắc nợ mà quá hạn không trả thì xử tội *trượng*, tùy theo nặng nhẹ; nếu cự tuyệt không

(1) *Chiếu để yết thị* : treo bảng báo cho mọi người biết.

(2) *Thị thực* : xác minh là đúng.

chịu trả, thì xử *biếm* hai tư, bồi thường gấp đôi. Quá niên hạn mà không đòi thì mất nợ (hạn định là đối với người trong họ thì 30 năm, người ngoài thì hạn 20 năm).

589. [Điều 37] - Nợ đã trả rồi mà còn cố ý không trả văn tự; hay nói là văn tự đã đánh mất, mà không cấp giấy làm bằng cho người trả nợ, thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư. Đã giao giấy làm bằng rồi mà lại đem văn tự đi đòi nợ lần thứ hai, thì xử phạt 50 roi, *biếm* một tư, và bồi thường gấp đôi số tiền nợ cho người đã trả nợ.

590. [Điều 38] - Người vay nợ trốn mất, thì người đứng bảo lãnh phải trả thay tiền gốc thôi; nếu trong văn tự có nói người nào sẽ trả thay, thì người ấy phải trả như người mắc nợ, trái *luật* thì xử phạt 80 *trượng*; nếu kẻ mắc nợ có con thì được đòi ở con.

591. [Điều 39] - Người đòi nợ không trình quan mà tự ý bắt đồ đạc của cải của người mắc nợ, nếu quá số tiền trong văn tự, thì xử phạt 80 *trượng*; tính những của cải ấy trả cho người có nợ, còn thừa thì trả lại cho người mắc nợ.

592. [Điều 40] - Quan từ cửu phẩm trở lên, nếu mắc nợ nhiều quá, không trả được, thì cho phép tâu xin thanh toán tài sản, trả cho những chủ nợ, tùy theo nhiều ít mà chia. Nếu còn giấu giếm tài sản một

phần nào, thì xử phạt 80 *trượng*. Nếu chủ nợ nào tìm ra được số tài sản giấu ấy, mà xin lấy cho đủ số nợ của mình, thì cũng cho phép.

593. [Điều 41] - Người Kinh không được cho người Man Liêu vay nợ, trái luật thì xử *biếm* hai tư; số tiền cho vay phải sung công.

594. [Điều 42] - Giấu những đồ vật của công từ một quan trở lên, thì xử tội *biếm*; từ 10 quan trở lên, thì xử tội *đồ*; 20 quan trở lên, thì xử tội *lưu*; 50 quan trở lên thì phải *xử tử*. Nếu giấu mà chưa chiếm hẳn làm của mình, thì được giảm tội hai bậc. Những người có công lao, quyền quý và người có tài năng được dự vào *bát nghị*, sẽ được giảm tội.

595. [Điều 43] - Đi thu thuế của dân Man Liêu mà không đến trình người quản giám, thì xử *biếm* một tư; người quản giám giấu việc trái lệ này không tâu, thì phạt tiền; thưởng cho người tố cáo như *luật* định.

596. [Điều 44] - Phá trộm dê làm thiệt hại nhà cửa, lúa má của dân, thì xử tội *đồ* hay tội *lưu*, và bắt đền thiệt hại.

597. [Điều 45] - Đào trộm lăng tẩm các bậc đế vương đời trước (lăng mộ của hoàng hậu, hoàng phi cũng vậy) thì xử tội chém; mộ các bậc danh thần, hiếu tử, nghĩa phu và tiết phụ, thì xử nhẹ hơn tội trên hai bậc.

598. [Điều 46] - Phá hủy những đàn tế lớn (như đàn tế Giao tế Xã) thì xử tội *đồ* làm *khao đình*; phá tường và cửa đàn thì giảm tội một bậc.

599. [Điều 47] - Phá hủy đền thờ các bậc đế vương đời trước, thì xử *đồ* làm *chủng điền binh*; phá hủy bia, voi ngựa đá thì xử nhẹ hơn một bậc; phá hủy đền hay bia của các bậc danh thần, hiếu tử, nghĩa phu, tiết phụ, thì xử phạt 70 *trượng*, *biếm* ba tư; phá nhà thờ hay bia của người ta, thì xử phạt 60 *trượng*, *biếm* hai tư; phá nhà thờ hay bia của quan từ tam phẩm trở lên, thì tăng tội dần lên mỗi phẩm một bậc, và phải nộp tiền tạ tùy theo nặng nhẹ.

600. [Điều 48] - Đền thờ các bậc linh thánh đời trước, nguyên có tượng, mà dám tự ý phá hủy đi, thì xử tội *biếm* hay *đồ*; nguyên không có tượng, không tâu xin phép, mà dám tự ý tạc hay đúc tượng mới, thì cũng phải tội như thế; nếu cố ý làm để lừa dối dân, thì xử tội *lưu*.

601. [Điều 49] - Chặt phá những cây cối và lúa má của người khác thì phải phạt 50 roi, *biếm* một tư, và đền tiền gấp đôi số thiệt hại trả người chủ; nếu là cây cối của công, thì xử tội *biếm* hay *đồ*, và bồi thường như *luật* định.

602. [Điều 50] - Bắt được những đồ vật của công, đánh rơi hay bỏ sót, quá 5 ngày không đem nộp quan,

thì xử *biếm* một tư; bắt được vật quan trọng hay để quá hạn lâu không nộp, thì xử tăng thêm tội.

603. [Điều 51] - Cho người ta thuê thuyền mà cố cãi rằng không cho thuê, để đòi thuyền lại, thì xử *biếm* một tư, và phải bồi thường tiền thuê gấp đôi.

604. [Điều 52] - Bắt được trẻ con lạc đường, thì phải báo quan làm bằng chứng, có người đến nhận, thì được lấy tiền cấp dưỡng (mỗi tháng 5 tiền); trái *luật* không cho người ta nhận, thì xử nhẹ hơn tội quỵến dỗ một bậc.

605. [Điều 53] - Làm sự trái ngược⁽¹⁾ để đến nỗi con của người khác chết, thì xử phạt 80 *trượng*, đền tiền đền mạng 5 quan cho cha mẹ đứa trẻ chết.

606. [Điều 54] - Đào được của chôn trong đất của người khác, thì cho phép được chia với người có đất; nếu giấu đi mà không chia, thì xử phạt 80 *trượng* và phải trả một nửa cho người chủ đất. Nếu đồ vật đó là của công, hay đồ cổ hình dáng khác lạ, mà không đem nộp quan, thì xử tội *biếm*.

607. [Điều 55] - Ngoài đường có thấy người chết, bị thương tích, mà chưa bắt được kẻ giết người, thì làng

(1) *Làm sự trái ngược* : ý nói người bắt được trẻ con bị lạc không trông nom nuôi nấng lại hành hạ, để đói rét khốn khổ mà chết.

xã lân cận phải đi báo quan ty sở tại về khám nghiệm, và phải đem chôn; trái *luật* thì xử tội *trượng* hay tội *biếm*.

608. [Điều 56] - Khiêng thây người chết để vào nhà bỏ không của người ta, thì xử phạt 80 *trượng*.

609. [Điều 57] - Trong các kho tàng đều cấm không được đốt lửa; trái *luật* thì xử tội *biếm* hay tội *đồ*.

610. [Điều 58] - Người thấy lửa bốc cháy, nên đi báo mà không đi báo, nên đến cứu mà không đến cứu, thì xử nhẹ hơn tội đánh cháy hai bậc. Những quan quân canh giữ cung điện, kho tàng và viên giữ tù, đều không được rời khỏi chỗ mà đi cứu lửa; trái *luật* thì xử phạt 80 *trượng*.

611. [Điều 59] - Vì bị trộm cướp, lụt cháy, mà mất văn thư công và sắc mệnh, thì cho phép trình quan ty làm bằng chứng; nếu cố ý làm giả dối thì xử *biếm* hai tư.

612. [Điều 60] - Các quan ty vô cơ mà đi riêng ra những trang ngoài Vân Đồn⁽¹⁾ các trấn cửa quan ải thì xử tội *đồ* hay *lưu*; thưởng cho người tố cáo, tước một tư.

(1) Vân Đồn : tên một cửa biển thuộc huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh ngày nay. Sử sách cũ cho biết, từ đời Lý, Vân Đồn đã là thương cảng lớn của nước ta.

613. [Điều 61] - Những quân lính các trấn ven biên giới, cùng các trang vùng duyên hải mà giấu giếm chở người nước ngoài vào kinh thành, thì xử *biếm* năm tư; không có quan chức thì xử tội *đồ* làm *chủng điền binh*, và phạt tiền 100 quan; thưởng cho người tố cáo một phần ba. Quan trông coi và chủ trang vô tình không biết, thì xử *biếm* một tư.

614. [Điều 62] - Những trang trại ven bờ bể, mà đón tiếp thuyền buôn, ngầm dỡ hộ hàng hóa lên bờ, thì xử *biếm* ba tư, phải phạt gấp ba tang vật để sung công; lấy một phần thưởng cho người tố giác. Người chủ trang trại ấy mất chức giám trang.

615. [Điều 63] - Người ở trang Vân Đồn, chở hàng hóa Trung Quốc lên kinh thành, mà không có giấy của An Phủ ty cấp cho, khi đến bến Triều Đông lại không đến cho Đề bạc ty kiểm soát, đã đem đi bán lén lút, cùng là khi về không có giấy của Đề bạc ty cấp cho; đến chỗ Thông mậu⁽¹⁾ trường lại không đến cho An Phủ ty kiểm soát, mà đã về thẳng trang, thì đều phải *biếm* một tư và phạt tiền 100 quan; thưởng người tố cáo một phần ba [số tiền phạt]. Nếu đem hàng hóa đến các nơi làng mạc bán giấu, thì xử *biếm* ba tư, và phạt tiền 200 quan; thưởng cho người tố cáo cũng một phần ba. An Phủ ty, Đề bạc ty vô tình

(1) *Thông mậu* : buôn bán trao đổi hàng hóa với nước ngoài.

không biết đều phải *biếm* một tư; cố ý dung túng thì *biếm* một tư và *bãi chức*.

616. [Điều 64] - Thuyền bè ngoại quốc đến trang Vân Đồn buôn bán, mà quan Sát hải sứ⁽¹⁾ đi riêng ra ngoài cửa bể kiểm soát trước, thì xử *biếm* một tư. Thuyền buôn ấy muốn đậu lại lâu, thì trang chủ phải làm giấy trình An Phủ ty làm bằng, mới được ở lại; nếu trang chủ không trình mà tự ý cho ở lại, thì xử *biếm* hai tư và phạt tiền 200 quan; thưởng cho người tố cáo một phần ba. Nếu chứa những người ngoại quốc chưa đủ tuổi theo *luật* đã định, thì xử *biếm* một tư; và phạt tiền 50 quan; thưởng cho người tố cáo cũng một phần ba.

617. [Điều 65] - Trong kinh thành mà để xảy ra hỏa hoạn, cháy nhà mình thì xử phạt 80 *trượng*; cháy lan sang nhà người, thì xử phạt 80 *trượng* và bêu trước dân chúng ba ngày, và phạt tiền 10 quan sung công. Ở hương thôn thì được giảm tội một bậc. Ở trong cấm thành nếu cháy lan đến nhà tôn miếu, cung điện và các kho tàng, thì xử tội *lưu*. Cố ý đốt nhà người ta, thì xử như tội ăn cướp. Đàn bà vì ghen tuông mà đốt nhà, thì xử tội như ăn trộm. thưởng cho người bắt được cũng như thưởng người bắt được trộm cướp.

(1) *Quan Sát hải sứ* : quan khám xét các việc ở ngoài bể, khi thuyền bè đi lại khi có việc xảy ra.

618. [Điều 66] - Các quan ở lộ, huyện làm các sổ bạc tịch không trình trước quan đầu hạt mà vượt quyền đem nộp thẳng thì bị xử *biếm* hay *phạt*; nếu để dây dưa quá hạn, hay kiểm điểm không rõ, thì xử tội nặng thêm một bậc. Có ý gian trá, thì lại xử khác. Nếu vì có việc khẩn cấp thì không theo luật này.

619. [Điều 67] - Kỳ hạn phục dịch việc quan, cho phép các quan cai quản quân dân, theo chức vụ của các ty, phụng chiếu chỉ mà y kỳ bắt quân dân làm việc, không được trái kỳ hạn, hoặc tự tiện sai khiến. Cát đặt phiên phải có thứ tự, phiên nào đến lượt thì phải làm việc; không được thay đổi phiên nọ ra phiên kia hoặc tự ý rút quân dân ở chỗ này đưa ra chỗ khác; nếu trái *luật* này, việc nặng thì xử tội *biếm* hay *bãi chức*; việc nhẹ thì xử *phạt*. Nếu vô cố mà tự tiện bắt quân dân phục dịch thì xử tội nặng hơn *luật* thường một bậc.

620. [Điều 68] - Quan chức cùng làm việc một nơi, mà bất hòa với nhau, thì xử tội *phạt* hay tội *biếm*.

621. [Điều 69] - Làm giả những đồ dùng trong cung, hay là các nha dịch, làm mất mát các đồ vật của công, thì xử tội *phạt*, tội *biếm* hay tội *đồ*, và phải đền những đồ tổn thất. Nếu là đồ của trong cung điện, kho tàng, hay đồ quân khí, và thuyền bè, thì xử tội nặng thêm. Làm đồ giả trong dân gian thường

dùng, hay những hàng hóa buôn bán ở các hàng các chợ, thì xử nhẹ hơn tội trên hai bậc; những đồ giả bị tịch thu sung công. Thưởng cho người bắt được kẻ làm giả.

622. [Điều 70] - Những viên quản đội không rèn tập voi ngựa, thì phải phạt 50 roi, *biếm* một tư; chăn nuôi không khéo để voi ngựa chết thì xử tội *đồ* và phải đền tiền, voi đực thì đền 100 quan, voi cái 50 quan, ngựa 20 quan. Nếu voi ngựa ốm mà đã báo cáo, lại dụng tâm cầu khẩn, chữa chạy, thì được miễn tội. Nếu cố ý để cho voi chết, thì phải tội chém (nghĩa là khi cưỡi voi đi đường thấy có hầm hố, cầu cống hư hỏng, qua sông ngòi thấy nước chảy xiết, những chỗ không thể đi qua được, mà cứ cố ý cưỡi đi qua, hay là buộc voi không cho ăn cỏ, cố ý đâm chết voi hay để cho người khác đâm chết). Để ngựa chết thì xử giảm tội ba bậc, để trâu và súc vật khác chết thì xử giảm 5 bậc và phải đền tiền theo thời giá mà tăng hơn *luật* thường hai bậc; nếu không phải là tội cố ý, thì được đền theo *luật* thường.

623. [Điều 71] - Các quan quản dân ở các viện cục, trong khi việc quân khẩn cấp, cũng không được tự tiện lấy hạng *trạo tốt*⁽¹⁾ đi làm việc; nếu trái phép lấy một người trở lên thì xử tội *biếm* hay *bãi chức*; sáu

(1) *Trạo tốt* : phu khiêng kiệu hay cang.

người trở lên thì xử tội *đồ*; mười người trở lên thì xử tội *lưu*; hai mươi người trở lên thì xử *tử*; trong khi bình thời [được lấy trạo tốt] thay phiên làm việc, phải theo số người trong chiếu chỉ đã định, lấy lạm quá số ấy thì xử nhẹ tội hơn khi khẩn cấp hai bậc.

624. [Điều 72] - Các quan quản quân dân ở các viện, cục nếu ai không hết lòng trung thành lại a dua, xu nịnh, giáo giở nhiều mánh khoe, thì bị xử tội *đồ* hay *lưu*; các đồng liêu biết mà không tâu trình, thì bị tội nhẹ hơn tội trên một bậc; kẻ thuộc lại thì tội lại nhẹ hơn một bậc nữa; nếu không biết, thì không xử tội.

625. [Điều 73] - Các quan đại thân và các quan tâu việc, biết có điều bất tiện, hại đến quân dân mà không hết sức giải bày để bỏ điều ấy đi, thì xử tội *biếm* hay *bãi chức*. Nếu a dua trước mặt để thuận ý vua, lúc lui chầu lại nói khác, thì xử *tội đồ* hay *tội lưu*.

626. [Điều 74] - Các quan đại thân, quan hành khiển cùng các quan coi ngục tụng, nếu kẻ tội nhân xét tình đáng thương, nên được vua đặc ân tha cho mà lại tự nhận là ơn của mình, để đòi hối lộ, thì xử *tội đồ*, *tội lưu* hay *tội chết*.

627. [Điều 75] - Những kẻ gây nhiều tội ác (như hung bạo, ngang ngược, trái phép) thì xử *tội đồ* hay *tội lưu*.

628. [Điều 76] - Những kẻ đầu sỏ hàng giặc, thì con cháu đến ba đời đều không được làm quan, người biết mà cứ tiến cử thì bị xử *biếm* hay *đồ*. Chính bản thân kẻ ấy, gian dối giấu giếm cố ý để mưu cầu làm quan, thì sẽ theo sự tình nặng nhẹ mà *định tội*. Nếu người nào lập được công lớn, hay có tài năng, có thể chuộc được tội lỗi của ông cha, thì sẽ xử khác.

629. [Điều 77] - Những con hát, phường chèo tuồng cùng cả con cháu, đều không được đi thi; trái *luật* thì xử *tội biếm* hay *tội đồ*; quan giám ty biết mà không phát giác, thì xử giảm nhẹ một bậc.

630. [Điều 78] - Người bị tội nặng phải tịch thu điền sản, mà người thân thích hay nước ngoài, lại nhận gửi của cải để giấu hộ, thì xử *tội đồ*, và phạt gấp ba lần những của cải giấu hộ để nộp vào kho.

631. [Điều 79] - Quân dân ai phá hoại chùa quán cầu cống, đập vỡ bia kê, dẫn chặt cây cối, tiêu hủy mất cổ tích, thì xử *tội 60 trượng*, *biếm* hai tư, và phải sửa đền lại như những vật cũ đã phá hoại. Các quan ty sở tại được bắt, trình quan trên để trị tội.

632. [Điều 80] - Các quan cai quản quân dân các hạt, vô cớ mà đi đến những làng, xã trong hạt, hay là cho vợ cả vợ lẽ, người nhà đi lại, mượn việc mua bán làm cớ, để quấy nhiễu quân dân, lấy của biếu xén, thì

xử tội *biếm* hay *bãi chức*. Người tố cáo đúng sự thực, thì được thưởng tùy theo việc nặng nhẹ.

633. [Điều 81] - Ở các phủ, huyện và trấn, những đường sá, cầu cống mà là nơi qua lại xung yếu, thì các quan lộ, huyện, trấn, phải bắt dân sở tại sửa sang luôn, nếu để hủy hoại, làm ngăn trở việc đi lại của quân dân, thì bị xử tội *biếm* hay tội *phạt*.

634. [Điều 82] - Những người đi hộ tống⁽¹⁾ các đồ đạc của công (súc vật cũng vậy) mà đánh hư hỏng mất mát, thì xử tội *biếm* hay *đốt*, và bồi thường nguyên giá. Nếu là thứ quân nhu khẩn cấp, thì lại xử tội nặng thêm. Nếu vì gặp lụt, cháy, hay trộm cướp, súc không chống nổi thì được miễn tội.

635. [Điều 83] - Những đường ngõ trong kinh thành (ở hương thôn cũng vậy) nguyên có ngòi rãnh cho nước chảy, mà các quan chức và quân dân sở tại cậy thế chiếm đắp làm hồ ao của mình, để cho nước mưa không chảy thoát, tràn ra làm hại, thì xử tội *biếm* hay *đốt*; nếu làm tổn hại những lúa má, hoa quả của quan, hay của dân, thì phải bồi thường số thiệt hại.

636. [Điều 84] - Các quan cai quản quân dân mà thông đồng làm bậy, tự tiện bắt quân dân ở hạt

(1) Hộ tống : trông nom bảo vệ lúc chuyên chở.

minh, đưa lên phục dịch quan trên để nương tựa mưu cầu, thì xử tội *đốt*; quan trên nghe theo việc làm như thế, thì bị xử tội nhẹ hơn hai bậc và trả tiền công thuê nộp vào kho. Người không nghe theo thì không xử tội.

637. [Điều 85] - Các quan ty say mê tửu sắc, để phương hại đến việc quan, thì xử tội *biếm* hay *bãi chức*. Kẻ phạm dân giả say rượu mà đánh chửi người, thì xử tội nặng hơn tội đánh chửi thường một bậc.

638. [Điều 86] - Các quan cai quản quân dân, cùng những nhà quyền quý mà sách nhiễu vay mượn của cải đồ vật của dân trong hạt, thì khép vào tội làm trái pháp luật, và phải trả lại tài vật cho dân. Nếu lại đem của cải đồ vật của mình cho dân vay mượn, để lấy giá cao hay lãi nặng thì cũng xử tội như thế; những của cải đồ vật ấy phải tịch thu sung công.

639. [Điều 87] - Các quan ty tự tiện lấy của cải đồ vật của quân dân, dùng vào việc riêng, thì xử như tội ăn hối lộ, và phải bồi thường gấp đôi trả cho quân dân. Nếu lấy mà dùng vào việc công mà không có chiếu chỉ của vua thì xử giảm tội hai bậc.

640. [Điều 88] - Những người mặc quần áo lạ lùng quái gở, đàn ông thì xử phạt 80 *trượng*, đàn bà thì xử phạt 50 roi và tịch thu quần áo ấy.

641. [Điều 89] - Các nhà vương công quyền thế, không được nuôi hổ để rèn tập, trái *luật* thì cho phép các quan ty sở tại bắt và tâu lên, quan nhất phẩm thì bị phạt tiền 300 quan, quan nhị phẩm bị phạt tiền 200 quan. Quan sở tại biết mà không tâu, thì bị xử phạt 50 roi, *biếm* một tư.

642. [Điều 90] - Việc không được phép làm mà làm thì việc lớn xử tội *đồ* hay *lưu*, việc nhỏ xử tội *biếm* hay *phạt*.

643. [Điều 91] - Kẻ có tội mà dốt da để xóa những chữ bị thích vì phạm tội thì tăng tội thêm một bậc; người xóa hộ thì bị xử nhẹ hơn tội nhân hai bậc.

644. [Điều 92] - Ngẫu nhiên được của ngon vật lạ, đáng phải dâng vua mà không dâng, thì xử *biếm*, tùy theo sự tình nặng nhẹ.

LỜI NÓI ĐẦU

*

Qua các thư tịch cổ, chúng ta được biết bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta có từ thời Lý, thế kỷ XI.

Trong sách *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (viết tắt là *Toàn Thư*), sử gia Ngô Sĩ Liên viết: "Trước kia, việc kiện tụng trong nước phiền nhiễu, quan lại giữ luật pháp câu nệ luật văn, cốt làm cho khác nghiệt, thậm chí nhiều người bị oan uổng quá đáng. Vua lấy làm thương xót, sai trung thư san định luật lệnh, chám lược cho thích dụng với thời thế, chia ra môn loại, biên thành điều khoản, làm thành sách *Hình Thư* của một triều đại, để cho người xem dễ hiểu. Sách làm xong xuống chiếu ban hành, dân lấy làm tiện. Đến đây, phép xử án được bằng thẳng rõ ràng cho nên mới đổi niên hiệu là Minh Đạo và đúc tiền Minh Đạo" (1). Sử còn ghi rõ, *Hình Thư* được ban hành vào tháng 1 năm Nhâm Ngọ, đời Lý Thái Tông, niên hiệu Cán Ph. Hữ Đạo năm thứ tư (1042). Đáng tiếc là bộ *Hình Thư* này chỉ được nhắc trong sử sách mà thôi.

(1) *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (bản dịch). Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1983, tập I, trang 271 - 272.

Nhưng cũng từ câu viết của sử thần họ Ngô : "quan lại giữ luật pháp câu nệ *luật văn*" mà có giả thuyết cho rằng, trước *Hình Thư* của thời Lý, trong xã hội Việt Nam có thể đã có những luật lệ thành văn rồi. Ngược lên các triều đại trước thời Lý, qua sử sách còn chất lọc được những dữ kiện đáng để lưu ý trong việc tìm hiểu lịch sử pháp luật Việt Nam nói chung, về những sách luật có sớm nhất ở nước ta nói riêng. Ví như, thời Tiền Lê, sử cũ có ghi việc vua Lê Đại Hành "định luật lệnh"; thời Đinh, sau khi dẹp xong loạn sứ quân, Đinh Tiên Hoàng đã biết đặt vạc dầu, nuôi hổ dữ làm hình phạt để lấy uy chế ngự thiên hạ; ở thời Ngô, sau chiến thắng quân Nam Hán, Ngô Vương Quyền đã coi trọng việc "chế định triều nghi"... Và ngược xa hơn nữa, trong sách sử của người phương Bắc - sách *Hậu Hán Thư* - đã viết dòng nhận xét : "luật của người Việt, so sánh với luật Hán hơn mười điều" (1).

Thời đại nhà Trần, với sức mạnh được tỏ rõ qua ba lần đánh thắng quân Nguyên-Mông, nhà nước

(1) Trong sách *Cổ luật Việt Nam lược khảo*, quyển I, Sài Gòn, 1969, trang 61 - 62, tác giả Vũ Văn Mẫu đã trích lại trong sách *Hậu Hán Thư* (bản in tại Thượng Hải Trung Hoa Cục, quyển 54, tờ 8b) đoạn viết : "Mã Viện đi qua xứ nào, liền đặt tỉnh quận huyện, xây thành quách... Có điều trần tâu về luật của người Việt, so sánh với luật Hán hơn mười điều. Rồi ban bố pháp lệnh cũ cho người Việt biết để bó buộc dân Việt. Từ đó về sau, dân Việt phải tuân theo pháp lệnh của Mã Viện".

cũng rất chú trọng đến pháp luật. Lên ngôi được 5 năm, ông vua đầu tiên của triều đại này - Trần Thái Tông - đã ban hành bộ luật mới. Sách *Toàn Thư* chép : mùa Xuân, tháng ba năm Canh Dần, niên hiệu Kiến Trung thứ 5 (1230) "khảo xét các luật lệ của triều trước, soạn thành *Quốc Triều Thông Chế* và sửa đổi hình luật lễ nghi, gồm 20 quyển..." (1). Về bộ luật này, sách *Việt Sử Thông Giám Cương Mục* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép là *Quốc Triều Thông Lễ*; còn sử gia Phan Huy Chú trong *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* cũng gọi là *Quốc Triều Hình Luật*.

Đến năm 1244, lại thấy vua Trần Thái Tông ban lệnh "định các cách thức về luật hình". Rồi đến tháng 8 năm Tân Ty niên hiệu Thiệu Phong thứ nhất (1341), Trần Dụ Tông sai Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn biên soạn bộ *Hoàng Triều Đại Điển* và khảo soạn bộ *Hình Thư* để ban hành.

Cũng như bộ *Hình Thư* thời Lý, các bộ luật thời Trần cho đến nay cũng đều bị thất truyền. Hiểu biết của chúng ta về những bộ luật này chỉ dựa vào những dòng ngắn ngủi chép trong một vài cuốn sách sử xưa. Về luật pháp thời Lý-Trần, sử gia Phan Huy Chú trong sách *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* có nhận xét : "Hình của nhà Lý thì lỗi ở khoan rộng, hình của nhà Trần thì lỗi ở nghiêm khắc". Và cũng chính sử

(1) *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, sách đã dẫn.

gia lỗi lạc này, khi nói về luật pháp thời Lê đã phải khen ngợi : "thật là cái mẫu mực để trị nước, cái khuôn phép để buộc dân"(1).

Quả thực, với bề dài 360 năm tồn tại, triều đại nhà Lê đã để lại những thành tựu đáng kể trên lĩnh vực pháp luật và điển chế. Theo thứ tự thời gian, có thể kể đến các tên sách sau : *Quốc Triều Hình Luật* (hay còn gọi là *Lê Triều Hình Luật*) gồm 6 quyển; *Luật Thu* gồm 6 quyển do Nguyễn Trãi soạn (1440 - 1442); *Quốc Triều Luật, Lệnh* gồm 6 quyển do Phan Phu Tiên soạn (1440 - 1442); *Quốc Triều Thu Khế Thể Thức* (1468 - 1471); *Lê Triều Quan Chế* (1471); *Thiên Nam Dư Hạ Tập* gồm 100 quyển (1483); *Hồng Đức Thiệu Chính Thư* (1470 - 1497); *Sĩ Hoạn Châm Quy* (1470 - 1497); *Quốc Triều Chiếu Lệnh Thiệu Chính* (1619 - 1705); *Quốc Triều Điều Luật, Cảnh Hưng Điều Luật* (1740 - 1786)... Điều đáng nói là trong những bộ sách trên, Trường Viễn Đông Bác Cổ (École Française d'Extrême-Orient) đã có công sưu tầm và lưu giữ được một số bộ, mà hiện nay Viện nghiên cứu Hán Nôm thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia đang bảo quản tại Hà Nội(2).

(1) Phan Huy Chú - *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*. Tập III. Nhà xuất bản Sử học, Hà Nội, 1961, trang 94.

(2) Như các sách : *Thiên Nam Dư Hạ Tập* (ký hiệu A.334), *Hồng Đức Thiệu Chính Thư* (A.330), *Quốc Triều Thu Khế Thể Thức* (A.1947), *Quốc Triều Khâm Tụng Điều Lệ* (A.2755, A.2755 bis), *Quốc Triều Chiếu Lệnh Thiệu Chính* (A.257), *Cảnh Hưng Điều Luật* (A.1945)...

Trong tất cả các bộ sách trên, *Quốc Triều Hình Luật* được coi là bộ luật quan trọng nhất và chính thống nhất của triều Lê. Đó là ý kiến trong giới nghiên cứu lịch sử pháp luật Việt Nam và cũng do vậy mà trong thiên "*Hình Luật Chí*" của bộ sách *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, Phan Huy Chú đã dành vị trí xứng đáng cho việc giới thiệu bộ *Quốc Triều Hình Luật* này (tuy chưa đầy đủ).

Điều đáng nói là *Quốc Triều Hình Luật* cũng chính là bộ luật xưa nhất còn lưu giữ được đầy đủ. Nó nằm trong số những thư tịch cổ hiện được tàng trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội). *Quốc Triều Hình Luật* hiện còn 3 bản in ván khắc mang các ký hiệu : A.341, A.1995, và A.2754. Ngoài ra còn 3 bản của một bộ sách chép tay cũng gồm 6 quyển, mang tên sách là *Lê Triều Hình Luật* (ký hiệu A.2669, A.340 và VHT.31) mà nội dung của nó hoàn toàn có đủ cơ sở để kết luận chính là bản sao lại sách *Quốc Triều Hình Luật* được chép vào các đời sau.

Bản *Quốc Triều Hình Luật* mang ký hiệu A.341 được coi là bản gốc giá trị nhất vì là bản in ván khắc hoàn chỉnh hơn cả. Sách này gồm 6 quyển, in ván khắc trên giấy bản khổ 20cm x 14cm, gồm tổng cộng 129 tờ

đóng chung thành một cuốn, mỗi tờ có 2 trang, mỗi trang có 10 dòng và mỗi dòng tương đương 18 chữ : Sách không thấy ghi tên tác giả, bìa mặt nguyên bản đã mất và được thay bằng một tờ bìa viết 4 chữ Hán *Quốc Triều Hình Luật* bằng nét bút lông, có 3 đồ biểu và mục lục. Ngoài ra sách không thấy có đề tựa, lời bạt hoặc dấu hiệu niên đại soạn thảo, in khắc hoặc những lời chú dẫn khác. Chỉ riêng ở cuối điều 1 chương về *Đấu tụng* (tờ 70b) có chua mấy chữ "Kiến Quang Thuận tam niên lệnh" (tức là lệnh năm Quang Thuận thứ ba, 1462); tờ 71a có chua "Hong Thuận tam niên lệnh (1511) và ở tờ 71b có chua "Quang Thiệu nhị niên lệnh" (1517).

Quốc Triều Hình Luật mở đầu bằng ba đồ biểu quy định về kích thước các hình cụ, tang phục và việc để tang. Bộ luật có 13 chương, cộng lại có 722 điều, phân làm 6 quyển.

Bộ *Quốc Triều Hình Luật* mà hiện tại ta có trong tay chắc chắn là thành tựu chung của toàn bộ nền pháp luật thời Lê với nhiều lần được san định, bổ sung, hoàn chỉnh và in khắc. Tuy nhiên, việc xác định thời điểm khởi thảo bộ luật này cũng như thời điểm tiêu biểu nhất cho sự hoàn chỉnh bộ luật này vẫn đang còn là một vấn đề chưa được khẳng định. Người đầu tiên tiến hành khảo và dịch bộ luật này ra Pháp ngữ là một học giả người Pháp - ông Raymond

Deloustal (1). Căn cứ vào việc phân tích thiên *Hình Luật Chí* (quyển 33 đến 38 sách *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*) và bản chép tay *Lê Triều Hình Luật* đầu tiên do Giám đốc Trường Viễn Đông Bác Cổ phát hiện tại Huế năm 1908, Deloustal cho rằng đây chính là sách *Lê Triều Điều Luật* được in vào năm Cảnh Hưng thứ 38 (1777) mà Phan Huy Chú đã ghi trong thiên *Văn Tịch Chí*. Cùng một quan điểm tương tự, giáo sư Lingat trong một công trình nghiên cứu được công bố tại Paris, năm 1952 cũng cho rằng *Quốc Triều Hình Luật* được ban bố vào năm 1777 (2).

Thạc sĩ luật khoa Vũ Văn Mẫu trong lời tựa cho bản dịch lần đầu tiên ra chữ quốc ngữ bộ luật này, được Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn xuất bản năm 1956 (3) cũng như công trình khảo cứu *Cổ luật học Việt Nam lược khảo* (xuất bản tại Sài Gòn năm 1969) thì cho rằng "bộ luật này được ban bố lần đầu tiên trong khoảng niên hiệu Hồng Đức (1470 - 1497) và phân chắc vào những năm cuối cùng của niên hiệu

(1) R. Deloustal. - *La Justice de l'Ancien Annam. Traduction et Commentaire du Code des Lê* (Nền tư pháp nước Nam cổ xưa. Dịch và chú thích bộ luật nhà Lê. Hà Nội, IDEO, 1911.

(2) Lingat. - *Les régimes matrimoniaux dans le Sud-Est Asiatique* (Các chế độ hôn nhân tại Đông Nam Á). Paris, 1952.

(3) Trường Luật khoa Đại học - *Quốc Triều Hình Luật (Hình Luật Triều Lê)*. Lương Thần Cao Nãi Quang phiên âm, dịch nghĩa, Nguyễn Sĩ Giác nhuận sắc, Vũ Văn Mẫu viết lời tựa. Sài Gòn, Nhà in Nguyễn Văn Cù, 1956.

Hồng Đức, dưới thời Lê Thánh Tông". Lập luận của Vũ Văn Mẫu chủ yếu dựa vào ý kiến của Phan Huy Chú viết về việc ban hành dưới thời Lê bộ *Hồng Đức Hình Luật* và lời đề tựa bộ *Hoàng Việt Luật Lệ* của vua Gia Long đầu triều Nguyễn đánh giá cao *Luật Hồng Đức*. Tương tự như Vũ Văn Mẫu, hiện tại cũng có nhiều người cùng quan điểm muốn gắn bộ luật tiêu biểu nhất của thời Lê với niên hiệu Hồng Đức và tên tuổi ông vua nổi tiếng Lê Thánh Tông, với cách gọi giản lược là *Luật Hồng Đức*.

Tuy nhiên, vẫn có thể đưa ra giả thuyết rằng *Quốc Triều Hình Luật* đã được khởi thảo từ sớm hơn, thậm chí từ ngay năm đầu của triều Lê. Sách *Toàn Thư* có đoạn : năm Kỷ Tỵ niên hiệu Thái Hòa thứ 7 (1449), "bổ sung mới vào hình luật chương điển sản gồm 14 điều. Trước kia Thái Tổ định thực hiện phép quân điển, cho nên lược bỏ chương điển sản. Đến đây lại bổ sung vào" (1). Ta đều biết, phép quân điển được vua Lê Thái Tổ ban hành vào tháng 2 năm Kỷ Dậu, tức năm Thuận Thiên thứ 2 (1429), do vậy câu trích trong sử cũ cho phép ta nghĩ rằng, từ năm 1428, tức là ngay sau khi lên ngôi, Lê Thái Tổ đã có bộ luật đầu tiên của triều đại mình. Và cũng trong bộ sử này có ghi nhận sự kiện : tháng Giêng năm Mậu Thân (1428),

(1) *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, sách đã dẫn, tập II, các trang 292, 296, 380.

Lê Thái Tổ "hạ lệnh cho các tướng hiệu và các quan rằng : Từ xưa tới nay trị nước phải có pháp luật, không có pháp luật thì sẽ loạn. Cho nên học tập đời xưa, đặt ra pháp luật là để dạy các tướng hiệu, quan lại, dưới đến dân chúng trăm họ biết thế nào là thiện, là ác, điều luật thì làm, điều chẳng lành thì tránh, chớ để đến nỗi phạm pháp" (1). Bốn tháng sau sự kiện trên, ngày 12 tháng 5 (1428) lại thấy có ghi việc "định luật lệnh kiện tụng" (2)...

Như vậy, bộ luật của triều Lê đã được chính người anh hùng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và cuộc kháng chiến chống Minh ban hành ngay từ những ngày đầu của triều đại mình và bộ luật này không ngừng được các triều vua kế tiếp bổ sung, hoàn chỉnh dần, trong đó chắc chắn là có những đóng góp to lớn của ông vua nổi tiếng văn hiến Lê Thánh Tông và niên hiệu Hồng Đức rực rỡ của ông. Và cũng chắc chắn là khi soạn bộ luật đầu tiên của triều đại mình, Lê Thái Tổ cũng đã kế thừa các bộ luật tiền bối. Sự trùng hợp giữa bộ luật thời Trần và thời Lê cùng mang tên gọi *Quốc Triều Hình Luật* mà Phan Huy Chú đã nói tới, phần nào cũng chứa đựng ý nghĩa của sự kế thừa ấy. Ngoài ra, chúng ta có thể nghĩ tới mối liên hệ kế thừa giữa *Quốc Triều Hình Luật* với một số bộ sách được nhắc

(1) , (2) *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, sách đã dẫn, tập II, các trang 292, 296, 380.

tới nhưng nay cũng đã thất truyền như *Luật Thu* (6 quyển) của Nguyễn Trãi và *Quốc Triều Luật Lệnh* của Phan Phu Tiên (6 quyển), cả hai đều được làm vào khoảng thời gian từ 1440 - 1442.

Cũng chính vì thế, khi dịch ra quốc ngữ trong lần xuất bản này, chúng tôi vẫn giữ nguyên tên sách là *Quốc Triều Hình Luật* kèm theo lời chú *Luật Hình Triều Lê* mà không gọi là *Luật Hồng Đức*.

Quốc Triều Hình Luật là một thành tựu có giá trị đặc biệt trong lịch sử pháp luật Việt Nam. Nó không chỉ là đỉnh cao so với những thành tựu pháp luật của các triều đại trước đó, mà còn đối với cả bộ luật được biên soạn vào đầu thế kỷ XIX : *Hoàng Việt Luật Lệ* do Gia Long ban hành năm 1812.

Các nhà nghiên cứu lịch sử pháp luật Việt Nam đều dễ dàng nhất trí trong sự đánh giá so sánh giữa hai bộ luật này. Ở đầu thế kỷ, Deloustal khi giới thiệu về nền pháp luật của nước Nam cổ xưa đã dịch sang Pháp ngữ bộ luật thời Lê và đánh giá cao sự sáng tạo mang đậm nét tính cách Việt Nam của luật pháp thời Lê, mặc dầu trong bộ luật này những dấu ấn ảnh hưởng của pháp luật và triết học Trung Hoa là điều không tránh khỏi. Nhưng, với *Hoàng Việt Luật Lệ* của nhà Nguyễn thì chỉ là sự sao chép gần như nguyên vẹn bộ luật của triều Mãn Thanh Trung Hoa. Vũ Văn Mẫu khi khảo về cổ luật Việt Nam cũng

đi tới kết luận : "Bộ luật Gia Long mất hết cả tính một nền pháp chế Việt Nam... Bao nhiêu sự tân kỳ mới lạ trong bộ luật triều Lê không còn lưu lại một chút dấu tích nào trong bộ luật nhà Nguyễn" (1).

Những nét đặc sắc trong bộ luật triều Lê xin để bạn đọc cảm nhận trực tiếp từ bản dịch *Quốc Triều Hình Luật* này, từ kết cấu toàn cục của bộ luật, tới nội dung chi tiết các điều luật. Chắc chắn rằng, bộ *Quốc Triều Hình Luật* cũng như nền pháp luật thời Lê đã từng là và sẽ còn là một đề tài hấp dẫn và bổ ích đối với giới nghiên cứu lịch sử và pháp luật nước ta cũng như trên thế giới. Gần đây nhất, bộ luật này đã được dịch sang Anh ngữ trong khuôn khổ của Chương trình nghiên cứu luật Á Đông (East Asian Legal Studies Program) của Trường Đại học Luật khoa Havard nổi tiếng (Mỹ). Đây không chỉ là công trình dịch thuật giúp những người sử dụng Anh ngữ có thể tiếp xúc với một văn bản luật học có giá trị không chỉ của Việt Nam mà còn của lịch sử khu vực Đông Á. Bên cạnh phần dịch thuật do Trần Văn Liêm thực hiện còn có phần khảo cứu giá trị của hai tác giả là Nguyễn Ngọc Huy và Tạ Văn Tài. Bằng phương pháp so sánh, các nhà khảo cứu đã nêu bật được những nét đặc sắc của bộ luật thời Lê cũng như trình độ văn minh mà dân tộc Việt Nam đã đạt được vào

(1) Vũ Văn Mẫu - sách đã dẫn.

thế kỷ XV - XVIII trong mối tương quan với các quốc gia lân cận khác của nền văn minh Đông Á như Trung Hoa, Nhật Bản và Triều Tiên cùng chịu ảnh hưởng của Nho giáo. Những ý tưởng ấy đã được Chủ nhiệm khoa luật Á Đông của Trường Đại học Luật khoa Havard - ông Oliver Oldman - xác nhận trong sự đánh giá : "... Chúng ta cũng thấy trong nhiều thế kỷ đã qua sự cố gắng của nước Việt Nam thời Lê, một sự nỗ lực thường xuyên đối với việc xây dựng một nhà nước dân tộc mạnh và sự bảo hộ cho những quyền tư hữu hợp pháp bởi hệ thống luật pháp tiến bộ với nhiều sự tương đương về chức năng so với những quan niệm pháp luật phương Tây cận đại" (1).

Một bộ luật có giá trị như vậy xứng đáng được coi là một trong những thành tựu tiêu biểu của nền văn hiến nước ta và đáng được giới thiệu rộng rãi không chỉ đối với những người làm luật, làm sử mà với tất cả những ai quan tâm đến nền văn hóa, văn minh của dân tộc Việt Nam. Từ đầu thế kỷ này, *Quốc Triều Hình Luật* đã được khảo và dịch sang Pháp ngữ và sau đó ngót một nửa thế kỷ, bộ luật này mới được dịch ra chữ quốc ngữ lần đầu tiên nhằm phục vụ giới

(1) Nguyễn Ngọc Huy, Tạ Văn Tài và Trần Văn Liêm (dịch): - *The Lê Code, Law in traditional Viet Nam, A comparative Sino - Vietnamese Legal Study with Historical - Juridical Analysis and Annotations*. 3 tome. Ohio University Press Athens, Ohio London, 1987. Trang trích dẫn VIII tập I.

giảng dạy và nghiên cứu của Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn. Bản dịch này do các Lương Thần Cao Nãi Quang phiên âm dịch nghĩa, Nguyễn Sĩ Giác nhuận sắc và Vũ Văn Mẫu viết khảo tựa. Trong hoàn cảnh các văn bản gốc của bộ luật này được lưu trữ tại Hà Nội, nên các dịch giả ở Sài Gòn phải dựa vào bản chụp của Trường Viễn Đông Bác Cổ (bản ký hiệu A.341). Ở Hà Nội, việc giới thiệu bộ luật này bằng chữ quốc ngữ được thực hiện qua bản dịch thiên *Hình Luật Chí* của sách *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* do Viện Sử học xuất bản năm 1961 và chúng ta biết rằng so với bộ *Quốc Triều Hình Luật*, phần công bố của Phan Huy Chú còn thiếu tới 143 điều.

Do vậy, việc có một bản dịch hoàn chỉnh hơn những công trình đã công bố trước đây nay trở nên cần thiết. Một bản dịch mới có kế thừa những người đi trước đã làm, đồng thời khai thác thêm những điều kiện thuận lợi hơn nhờ có thể trực tiếp sử dụng tất cả những văn bản hiện lưu trữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm kết hợp với việc sử dụng ngôn ngữ và phong cách diễn đạt gần gũi hơn với thế hệ người đọc ngày hôm nay, chắc chắn là hữu ích.

Với chủ trương đẩy mạnh hơn nữa việc công bố những tư liệu lịch sử trong đó có việc dịch và xuất bản những thư tịch cổ có giá trị nhằm giới thiệu với đông đảo bạn đọc những di sản quý báu của nền văn hóa dân tộc, Viện Sử học Việt Nam cho ra mắt một

bản dịch mới bộ *Quốc Triều Hình Luật*. Công việc này được giao cho một nhóm các nhà chuyên môn của Viện Sử học với sự cộng tác của các chuyên viên Viện Nghiên cứu Hán Nôm thực hiện.

Bản dịch lần này dựa vào các văn bản gốc mang tên *Quốc Triều Hình Luật* và *Lê Triều Hình Luật* được lưu trữ tại Viện nghiên cứu Hán Nôm (vốn là bộ sưu tập của Trương Viễn Đông Bác Cổ) và lấy bản in ký hiệu A.341 làm thiện bản. Trong khi dịch, chúng tôi có tham khảo và kế thừa những dịch giả trước, đồng thời cố gắng đến mức cao nhất hoàn chỉnh chất lượng bản dịch trên cả hai mặt : nội dung và hình thức, bảo đảm tính chân xác về nội dung và dễ hiểu trong cách diễn đạt đối với bạn đọc ngày nay, khắc phục những chỗ dịch sai, dịch thiếu hoặc chưa rõ nghĩa của các bản dịch trước. Trong nguyên bản, các bản in và bản chép tay có một số trang bị rách nát hoặc ghi chép không đầy đủ, chúng tôi căn cứ vào các tài liệu có liên quan để thận trọng bổ sung cho hoàn chỉnh.

Cũng xin lưu ý bạn đọc, bộ *Quốc Triều Hình Luật* được chia thành 6 quyển, mỗi quyển ghi chép nhiều chương (có 5 quyển mỗi quyển có 2 chương, riêng quyển 3 có 3 chương) và trong mỗi chương có nhiều điều luật nhưng không đánh số thứ tự mà chỉ sắp xếp lần lượt mỗi điều được mở đầu bằng một chữ "chư" và

ở đầu mỗi chương có nói rõ con số cộng chung số điều luật trong chương. Để người đọc ngày nay dễ theo dõi, nhất là đối với loại văn bản có tính cách pháp quy như *Quốc Triều Hình Luật*, khi in bản dịch này chúng tôi có đánh số thứ tự liên tục 722 điều luật đặt ngay trước điều và số thứ tự liên tục các điều luật trong mỗi chương được đặt trong móc vuông, đồng thời những thuật ngữ pháp luật chuyên dùng thời cổ được in bằng chữ nghiêng. Tất cả những cái đó nhằm tỏ rõ cách xử lý nằm ngoài văn bản của người dịch và xuất bản bản dịch *Quốc Triều Hình Luật* lần này. Ở cuối sách, thay vì một bản sách dẫn (index) thường thấy ở các loại sách khảo cứu khoa học, chúng tôi lập một mục lục tóm tắt nội dung của 722 điều của bộ luật, đó cũng là cách làm của những người đi trước mà chúng tôi thấy cần học tập để giúp ích bạn đọc khi sử dụng và tra cứu.

Cuối cùng, chúng tôi cho rằng, dù đã hết sức cố gắng, nhưng bản dịch lần này chắc vẫn còn những sai sót ngoài ý muốn, mong bạn đọc xa gần chỉ giáo. Và những điều đạt được ở bản dịch trong lần xuất bản này, ngoài những đóng góp của chúng tôi còn có cả công lao của những người đã đi trước.

Viện Sử học Việt Nam muốn thông qua cuốn sách mà các bạn đang đọc - bản dịch *Quốc Triều Hình Luật* - thể hiện sự trân trọng của các thế hệ người Việt Nam đối với những di sản văn hóa quý báu của

ông cha để lại, đồng thời kế thừa truyền thống tốt đẹp của người xưa vào sự nghiệp xây dựng đất nước hôm nay, trong đó có việc xây dựng nền pháp luật tốt đẹp của một Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tháng 10 năm 1995
VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM

QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT

QUYỂN VI

Chương
BỘ VONG
(Bắt tội phạm chạy trốn)
(Gồm 13 điều)

645. [Điều 1] - Tướng súy phụng mệnh đi bắt những tội nhân bỏ trốn (kẻ đã phải tù hay chưa phải tù cũng vậy) mà dùng đường không đi ngay, thì xử tội *biếm* hay tội *đồ*. Đi đường gặp kẻ tội nhân mà rụt rè không bắt, thì xử nhẹ hơn tội nhân hai bậc. Không phải là tướng súy, mà chỉ là người tạm thời sai đi bắt, nếu phạm lỗi trên, thì xử nhẹ hơn tướng súy một bậc. Nếu trong hạn 30 ngày, có thể bắt được một nửa số tội nhân, hay không được một nửa, nhưng bắt được là kẻ tội phạm quan trọng, thì được miễn tội. Một người bắt được, thì các người khác cũng được miễn tội. Nếu tội nhân đã chết hay tự ra thú hết, thì cũng miễn tội cho người đi bắt. Nếu tội nhân chưa chết hay chưa ra thú hết thì căn cứ vào đó mà *định* tội. Ngoài hạn 30 ngày, nếu việc phạm lỗi trên chưa tâu lên để xét xử, mà người đi bắt tự mình lại bắt hay giết được tội

nhân, thì sẽ được giảm tội ba bậc. Trong trường hợp nói trên, nếu là do người khác bắt được, cùng là các tội nhân đã chết, hay tự ra thú cả, thì người phụng mệnh đi bắt đều được giảm tội hai bậc.

646. [Điều 2] - Đi bắt tội nhân mà tội nhân chống cự bị người đi bắt đánh chết, hay là vì tội nhân bỏ chạy, đuổi mà đánh chết, hay là tội nhân cùng quần quá mà tự sát, thì người đi bắt đều được miễn tội. Đã bắt được tội nhân rồi mà còn đánh chết, thì xử nhẹ hơn tội đánh nhau chết bốn bậc; dùng đồ nhọn sắc mà đánh chết chỉ giảm một bậc. Tội nhân vốn phạm tội chết mà [người đi bắt] đánh chết, thì xử tội *biếm* một tư. Tội nhân chống cự đánh người đến bắt, thì xử nặng hơn tội trước một bậc; đánh bị thương thì xử nặng hơn tội đánh nhau bị thương hai bậc; đánh chết thì xử chém. Nếu người ngoài giúp kẻ tội nhân chống cự người đến bắt, mà người đến bắt đánh chết ngay tại chỗ thì không bị xử tội.

647. [Điều 3] - Đuổi bắt kẻ tội nhân, sức không bắt nổi, kêu người đi đường giúp sức, người đi đường có thể giúp được mà không giúp, thì bị xử *biếm* một tư; thế không giúp được, thì được miễn.

648. [Điều 4] - Đuổi bắt tội nhân, mà có người biết lộ việc ra, để tội nhân trốn thoát, thì người tiết lộ bị tội nhẹ hơn tội nhân một bậc; nếu chưa xử

án, mà người tiết lộ lại bắt được tội nhân, thì được trừ tội.

649. [Điều 5] - Thấy có người bị đánh từ bị thương què gãy trở lên, cùng là thấy quân trộm cướp hay kẻ cường gian, thì những người láng giềng đều được bắt đem nộp quan. Còn những kẻ phạm tội khác, nếu không trình quan mà đã bắt trói ngay, thì phải phạt 80 *trượng*; nếu đánh bị thương hay chết, thì phải khép vào tội cố ý sát thương; nếu kẻ phạm đáng tội chết, bắt mà đánh chết, thì người giết bị xử tội *biếm*.

650. [Điều 6] - Những tù nhân bị *lưu* hay *đồ*, ở nơi *lưu* hay nơi *đồ* chưa đến hạn tha, mà đã bỏ trốn, thì đều phải tội chém; người coi giữ cố ý để mất tù *lưu*, *đồ*, thì bị xử nhẹ hơn đi trốn ba bậc; quan ty giám đương bị xử tội *biếm* hay *phạt*; cố ý thả cho tù đi trốn, thì xử cùng một tội; nếu lại tự bắt được, thì được trừ tội. Kẻ tù phạm trốn đến làng xã nào, thì xã quan nơi ấy phải bắt trói đem nộp quan; nếu dung túng giấu giếm, thì xử tội nhẹ hơn kẻ tù trốn ấy một bậc.

651. [Điều 7] - Người trông coi tù, sơ ý mà để mất tù, thì bị *biếm* một tư; cho hạn 100 ngày để đi bắt; bắt không được thì bị tội nhẹ hơn tù trốn hai bậc; và nếu tên tù ấy có phải đến tang vật, thì phải đền thay; nếu trong hạn mà bắt được hay là tù tự ra thú, hay là tù đã chết, thì được trừ tội; nhưng nếu tù chết thì

phải đền tang vật thay. Người khác bắt được tù, thì người trông coi tù bị *biếm* một tư; và phạt tiền để thưởng người bắt được như *luật định*. Quá hạn mà bắt được, thì được giảm tội hai bậc. Cố ý thả cho tù trốn, thì không cho hạn đi bắt, mà bắt phải tội ngay, cho giảm hơn tội tù trốn một bậc. Ngục quan vô tình không biết, bị phạt tiền 30 quan; ngục lại bị *biếm* một tư; nếu biết mà lại dung túng, thì xử nặng tội một bậc.

652. [Điều 8] - Những tù bị giam chống cự ngục quan (1), ngục lại mà chạy trốn, thì xử nặng hơn tội cũ một bậc; chống cự mà đánh người bị thương, thì xử nặng hơn hai bậc; đánh chết người thì xử chém.

653. [Điều 9] - Những người trốn ra nước ngoài, thì xử như tội phản nghịch; vợ con diên sản phải tịch thu sung công.

654. [Điều 10] - Biết là kẻ có tội, mà còn giấu giếm và chỉ bảo đường lối, cấp áo quần lương thực cho tội nhân đi trốn, thì bị xử nhẹ hơn tội nhân một bậc.

655. [Điều 11] - Định phu thợ thuyền đương phục dịch mà bỏ trốn, một ngày phạt 30 roi; 10 ngày tăng thêm tội một bậc, nhiều ngày nữa thì tội cũng chỉ đến *đồ* làm *khao đình*. Người chủ ty sơ ý, thì mất một

(1) *Ngục quan* : quan coi ngục xử kiện. *Ngục lại* : lính coi ngục.

người, bị phạt 30 roi; năm người thì thêm một bậc; nhiều người nữa, tội cũng chỉ đến *biếm* hai tư; nếu cố ý thả cho trốn thì *biếm* ba tư và phải nộp tiền công dịch (1) như *luật*.

656. [Điều 12] - Người ở đợ hay làm thuê mà bỏ trốn, thì phải tính tiền công những ngày trốn trả lại chủ theo như *luật*; (theo luật thì tiền đợ hay tiền thuê từ 10 quan đến 20 quan, mỗi ngày phải trả 17 đồng kẽm; từ 21 quan đến 50 quan, thì mỗi ngày 23 đồng; từ 60 quan đến 100 quan, thì mỗi ngày 35 đồng, từ 100 quan trở lên mà nhiều ngày tiền công quá nhiều thì tính theo lệ lãi không được quá gốc); nếu trái *luật* mà đòi thêm nhiều, thì xử phạt 80 *trượng* và mất số tiền công.

657. [Điều 13] - Trong các huyện xã (thôn trang cũng vậy) mà chứa chấp những kẻ trốn tránh, du dăng ở nơi khác đến, một người, thì xã quan bị tội *biếm*; 3 người thì bị tội *đồ*, 6 người đến 10 người, thì bị tội *lưu*; 15 người trở lên thì bị tội cũng chỉ đến *lưu* đi châu xa; quan lộ, huyện thì bị xử tội *biếm* hay *bãi chức*; những kẻ du dăng trốn tránh ấy sẽ xử *đồ* làm *tượng phường binh*; bắt giải về bản quán và phải nộp tiền khóa dịch như *luật định*, sung vào của công.

(1) *Tiền công dịch* : tiền đóng góp phu phen tạp dịch.

Chương
ĐOÁN NGỤC
(Xử án)

(Gồm 65 điều)

658. [Điều 1] - Những tù bị giam kẻ nào đáng giam mà không giam, đáng gông cùm mà không gông cùm, hay cho bỏ cùm, nếu là tù phạm tội *biếm* thì [người coi tù] bị phạt 60 *trượng*; nếu là kẻ phạm tội *đổ* trở lên, thì sẽ xử tăng dần một bậc, nếu thay đổi chỗ giam thì xử giảm một bậc. Những tù phạm không đáng giam mà giam, không đáng gông cùm mà gông cùm, thì [người coi tù] bị phạt 70 *trượng*.

659. [Điều 2] - Những tù nhân bị giam, không chịu giam cầm trong ngục, tự ý cầm cố ở nơi khác, thì bị xử tội *biếm* ba tư; ngục lại phải tội *biếm* một tư; ngục quan phải phạt tiền 20 quan, để thưởng cho người cáo giác. Các tướng súy bắt được tội nhân mà không tâu ngay để giam vào ngục, thì bị *phạt*; nếu đem giam ở nơi khác, thì xử tội *biếm* một tư. Nếu để tù nhân trốn mất, thì khép vào tội đánh mất tù.

660. [Điều 3] - Những người bị kiện xét ra là có tội phải gông cùm, thì quan hình ngục (1) phải đến nơi

(1) *Quan hình ngục* : hình quan và ngục quan, gọi chung các quan phụ trách việc xét xử án.

ngục thất (1) cùng bàn bạc với viên coi ngục sở tại, bắt tù nhân đeo gông cùm ở nhà giam cho đúng phép. Nếu tù nhân đã đeo gông cùm mà viên coi ngục để sống cho trốn thoát, thì chỉ viên ấy phải chịu tội. Nếu quan bản hạt và quan hình ngục không thân đến kiểm tra [để tù nhân trốn thoát] thì bị tội nhẹ hơn tù nhân một bậc hay hai bậc; viên coi ngục được giảm một bậc nữa.

661. [Điều 4] - Người nào đưa cho tù nhân lưỡi nhọn hoặc là vật gì khác, có thể dùng để tự sát, hay là để giải thoát mà trốn, thì xử *biếm* hai tư. Nếu tù nhân nhờ có vật ấy mà trốn thoát, cũng là tự làm bị thương hay làm người bị thương, thì kẻ cho đồ vật nói trên, bị xử *đổ* làm *khao đình*; nếu tù tự sát hay giết người, thì kẻ cho kia bị xử *đổ* làm *tượng phường binh*. Nếu tù nhân vốn là kẻ phạm từ tội *lưu* trở lên, nhân thế mà trốn thoát, dù không ai chết và bị thương, thì kẻ cho cũng bị tội *đổ* làm *tượng phường binh*. Trong khi việc xảy ra chưa xét xử, mà kẻ cho vật nhọn lại tự mình bắt được tù trốn, hay tù nhân ấy lại ra thú hoặc đã chết, thì đều được giảm tội một bậc (nếu tù nhân tự sát, hay trốn thoát đều không được giảm tội). Nếu kẻ cho những thứ nói trên, là con cháu đối với ông bà, cha mẹ, hoặc là nô tỳ đối với chủ, thì bị tội đều được giảm hai bậc.

(1) *Ngục thất* : nhà tù.

662. [Điều 5] - Tù nhân phải *tử tội*, đã thành án mà họ hàng thân thích theo lời tù nhân khiến thuê người giết y đi, hay chính những người ấy giết [để tránh phải chịu *tử hình*] thì kẻ thuê và kẻ hạ thủ, đều phải khép vào *tử tội* mà giảm cho hai bậc. Nếu không phải do tội nhân nhờ đi thuê, hay là lúc tội nhân chưa hết hy vọng để gỡ tội, mà giết tội nhân, thì các người liên can vào việc giết, đều phải khép vào tội giết người.

663. [Điều 6] - Nếu tù nhân phạm tội nặng, bị thương cần xét nghiệm, bị bệnh cần cấp thuốc men thức ăn mà không trình lên để xin cấp; những tù nhân phạm tội nhẹ, đáng cho người thân thuộc bảo lãnh mà không cho, thì [người coi tù] đều bị phạt 80 *trượng*; nếu vì cơ ấy mà bị chết thì xử *biếm* hai tư.

664. [Điều 7] - Viên coi ngục nhận tài vật của tù nhân mà xui bảo thay đổi lời *cung*, hay ngấm bảo lời lẽ, để thêm bớt tội, thì khép vào tội làm trái pháp luật.

665. [Điều 8] - Những người đáng được nghị xét giảm tội, như 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, hay bị phế tật, nếu phạm tội thì không được tra tấn, chỉ căn cứ vào lời khai của những người làm chứng mà *định* tội; nếu [quan hình ngục] làm trái điều này, thì coi như phạm tội cố ý buộc tội người. Trong *luật* có điều

được, phép ẩn giấu cho nhau, như người 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống, và người bệnh nặng thì không được gọi ra làm chứng, nếu trái *luật* này, thì bị *biếm* một tư.

666. [Điều 9] - Khi lấy *khẩu cung*, phải xét kỹ theo lời *cung xưng* đầu tiên của người tù khai về kẻ đồng bọn, nếu cần bắt những người bị *xưng* ra, thì phải làm tờ tâu lên xin bắt mới được bắt. Nếu dùng lời *phản cung* của tù nhân khai thêm người khác, mà quan tra án cũng nghe theo, thì sẽ bị *phạt*. Nếu chưa cho phép, mà quan tra án đã sai bắt những kẻ bị *cung xưng* thì xử tội như *luật* đã định. Nếu người tù *xưng* bậy cho người vô tội, thì bị xử thêm tội là vu cáo.

667. [Điều 10] - Khi lấy *khẩu cung* người phạm tội, quan tra án phải xem xét kỹ, tìm ra sự thực, để cho kẻ phạm tội phải nhận tội; không được hỏi quá rộng cả đến người ngoài để tìm chứng cứ bậy; nếu trái điều này thì xử tội *phạt*. Nhưng nếu xét hỏi việc đánh nhau, cần phải nhiều người làm chứng, thì được phép tâu lên xin đòi ra để hỏi, nếu tự tiện sai bắt, thì cũng bị *phạt*.

668. [Điều 11] - Các hình quan tra hỏi tù phạm, trước hết theo sự tình mà thẩm xét lời lẽ của tù khai; nếu xét đi xét lại, còn chưa quyết định được tội, cần

phải tra hỏi nữa, thì phải lập hội đồng các quan án, rồi mới tra khảo, trái *luật* này, thì xử phạt 60 *trượng*. Nếu *tang chứng* đã rõ ràng, tình lý không còn đáng ngờ nữa thì dù kẻ phạm không nhận tội, cũng cứ chiếu tình trạng mà *định án*.

669. [Điều 12] - Tra khảo tù phạm không được quá ba lần; (như tra khảo một lần chưa xong, giao sang ty hình khác; lại phải tra khảo nữa, thì cứ tính ra, tù nhân chỉ phải tra khảo ba lần là cùng); đánh bằng *trượng* không được quá số 100; trái *luật* này thì [quan tra án] bị phạt tiền 100 quan; nếu vì thế mà tù nhân bị chết, thì phải khép vào tội *cố sát*. Nếu tù nhân bị bệnh ung nhọt không đợi cho y khỏi mà tra khảo, thì xử tội *biếm*; nếu trong lúc ấy mà cho thi hành tội *trượng*, thì xử phạt tiền 30 quan; vì thế mà kẻ bị tội chết, thì bị *biếm* hai tư. Nếu theo đúng phép đánh bằng roi hay *trượng*, không may xảy ra để kẻ phạm tội bị chết, thì không phải lỗi.

670. [Điều 13] - Các quan xét án, phải theo tờ cáo trạng mà xét hỏi, nếu ra ngoài tờ cáo trạng, tìm việc khác để buộc tội người, thì xử là *cố ý bắt tội người*. Xét hỏi việc phản nghịch, thì không theo *điều luật* này.

671. [Điều 14] - Những quan xét án, dùng dằng để việc quá kỳ hạn không xét xử, thì bị tội theo *luật* đã

định (kỳ hạn là việc trộm cướp thì xét trong ba tháng, việc hủy báng (1) trong bốn tháng, việc diên thổ trong ba tháng, việc hộ hôn (2), việc trái *luật* lật vật, việc đánh chửi nhau, cùng việc tạp tụng, thì hai tháng; các việc này đều lấy ngày bắt *bị cáo* đến hầu kiện làm ngày đầu. *Luật định* là để việc quá kỳ hạn đến một tháng, thì xử tội *biếm*; quá ba tháng thì xử tội *bãi chức*; quá năm tháng thì xử tội *đồ*). Nếu *nguyên cáo* không đến hầu kiện, quá một tháng rồi, thì tâu lên xin bỏ việc ấy không xét nữa. Nếu người *bị cáo* đã có trát đòi, mà quá một tháng, trốn tránh không đến hầu kiện để trả lời việc bị kiện, thì quan án cứ khép vào tội, theo như đơn *nguyên cáo*. Nếu người *bị cáo* đã đến hầu kiện mà phân trần, mà *nguyên cáo* lại trốn tránh quá hai mươi ngày không đến hầu kiện, thì quan án khép y vào tội vu cáo, và cho nã bắt để *trị tội* (nếu có việc đi xa, trở về không kịp, thì cho phép trần tấu lên, xin xử lại).

672. [Điều 15] - Nhân dân trong lộ, trong huyện có việc tranh kiện nhau, việc rất nhỏ, đến kiện ở xã quan; việc nhỏ đến kiện ở lộ quan; việc trung bình đến kiện ở quan phủ; các quan kể trên phải xét xử cho công bằng đúng pháp luật; còn việc lớn thì phải đến kinh. Nếu xã quan xử đoán không hợp lẽ thì kêu

(1) *Hủy báng* : gièm pha, chê bai, nói xấu.

(2) *Hộ hôn* : hôn nhân và gia đình.

đến quan huyện; quan huyện xử đoán không hợp lẽ thì kêu đến quan lộ; quan lộ xử đoán không hợp lẽ thì mới đến kinh tâu bày. Nếu trái *luật* này thì xử tội *trượng* hoặc tội *biếm*. Tố cáo những việc mưu phản nghịch thì không theo *luật* này.

673. [Điều 16] - Các quan ty trong kinh và ngoài trấn khi *khám* việc ngục tụng phải thân hành khám xét, không được sai thuộc lại khám xét. Nếu đòi bắt người bị kiện, phải sai áp ngục giám⁽¹⁾ công sai giám⁽²⁾, không được đặt ra ngạch phụ mà sai khiến. Nếu trái *luật* này, thì quan kiểm sát được phép tâu lên, quan ty sở tại sẽ bị tội *biếm* hay tội *phạt*; ngục lại bị xử *biếm* hai tư. Nếu giám ngục hay ngục lại sách nhiễu tiền tài, hành hạ kẻ bị kiện, lại bảo là tục lệ xưa nay vẫn thế, thì đều bị tội hơn *luật* thường một bậc. Quan ty sở tại không biết răn đe, đem việc những nhiễu ấy tâu lên, thì đều xử tội *phạt*. Nếu ở trấn ngoài có ai trình *cáo trạng*, quan ty sở tại phải xét kỹ sự tình, cùng là nhân danh quan chức mà đòi hỏi. Những thuộc lại không được để chậm trễ hay dìm *cáo trạng* ấy đi, tự tiện xúi bả [kẻ trình *cáo trạng*], hay là trả lại *cáo trạng* không đem trình quan trên,

(1) *Áp ngục giám* : người giữ việc áp giải người bị kiện và người phạm tội.

(2) *Công sai giám* : người được sai đi bắt hoặc giải người phạm tội, cùng làm các việc quan khác.

cùng là tự mình định đoạt; nếu trái *luật* này, thì quan sở tại phải tâu lên để khép kẻ trái phép vào tội xúi giục người đi kiện. Nếu quan ty sở tại vô tình không biết, thì xử tội *biếm* hay tội *phạt*.

674. [Điều 17] - Các ngục quan xét án thấy việc có liên quan đến quan chức hay nhà quyền thế, nhưng chiếu *luật* đáng xử tội, mà che chở, không khép vào tội, thì sẽ xử tội như kẻ phạm tội kia mà cho giảm hai bậc. Nếu ngục quan đã theo tội trạng mà kết án bắt tội, hình quan lại tư vị che chở để cho kẻ phạm pháp khỏi phải chịu tội, thì việc này không bắt lỗi ngục quan, mà bắt tội hình quan. Nếu các quan chức quyền quý đều đã bị ghi rõ vào trong tờ *cáo trạng*, mà lại được che chở thiên vị cho khỏi tội, thì tội lại tăng thêm một bậc.

675. [Điều 18] - Các quan sảnh, quan viện xét xử việc hình ngục, cứ những tội *biếm*, tội *trượng*, tội *đồ* không thích chữ được phép tâu lên để định đoạt. Còn từ tội *đồ* (thích chữ) trở lên, thì phải do Thẩm hình viện chuẩn định theo như *luật*. Nếu trái *luật* thì xử *phạt*. Nếu việc đã tâu lên trên xét định rồi, mà vô cớ còn để chậm không thi hành án ấy, cũng xử *phạt*.

676. [Điều 19] - Những ngày đầu mùa xuân, ngày quốc kỵ, ngày trai giới làm lễ lớn mà [hình quan] tâu lên xin thi hành án *tử hình* thì bị *biếm* một tư.

677. [Điều 20] - Các quan xét việc hình ngục, việc nào phải để *đổi chết* kỳ sau, mà lại trì trệ lâu ngày, không bắt hai bên *đổi chết* thì bị xử *phạt*, ngục lại bị xử *phạt* 80 *trượng*.

678. [Điều 21] - Truy thu số tiền bồi thường, trước nhận phần về quan ty hay thuộc lại, mà không trả cho người được bồi thường, thì xử *biếm* một tư. Nếu người đi đòi để quá sáu tháng mà không truy thu hay giao trả cho người được bồi thường, hoặc thu rồi mà bớt xén, tiêu pha, thì *biếm* hai tư. Việc nặng thì tăng tội. Quan ty sở tại không biết, thì xử *phạt*.

679. [Điều 22] - Nếu xử tội không đúng phép, thì xử tội *xuy* đánh 30 roi (luật định đánh vào mông tội nhân, cứ 10 roi thì phải ngừng một lần). Nếu vì quá số này, để lỡ ra tội nhân bị chết, thì xử *biếm* một tư. Nếu dùng *trượng* hay roi mà to nhỏ, dài ngắn không đúng phép, thì quan giám đương bị xử tội *trượng* hay tội *phạt*; nếu việc sai quá thì xử *biếm*.

680. [Điều 23] - Đàn bà phải tội *tử hình* trở xuống, nếu đang có thai, thì phải để sinh đẻ sau một trăm ngày, mới đem *hành hình*. Nếu chưa sinh mà đem *hành hình*, thì ngục quan bị xử *biếm* hai tư; ngục lại bị tội *đồ* làm *bản cục đình*. Dù đã sinh rồi, nhưng chưa đủ hạn 100 ngày mà *hành hình*, thì ngục quan và ngục lại đều bị tội nhẹ hơn tội trên hai bậc. Nếu đã đủ 100 ngày mà không đem *hành hình*, thì ngục

quan và ngục lại bị tội *biếm* hay tội *phạt*. Nếu khi chưa sinh mà thi hành tội *xuy*, thì ngục quan bị *phạt* tiền 20 quan, ngục lại bị tội 80 *trượng*. Nếu vì đánh roi để xảy ra trọng thương hay bị chết, thì khép vào tội *lâm lỡ* giết người hay *lâm* bị thương. Sau khi sinh đẻ chưa đủ 100 ngày, mà đem thi hành *xuy* hình, thì chiếu theo tội lúc chưa sinh mà giám cho một bậc.

681. [Điều 24] - Những việc do triều vua trước đã định đoạt (nghĩa là về thời các vua trước bản triều) mà lại đem thay đổi khác đi, thì xử *biếm* hai tư. Các quan ty nhận việc đó rồi mà xử lại, thì xử *phạt*; nếu việc nặng thì xử *biếm*.

682. [Điều 25] - Những quan giám lâm, nhân việc công cầm gậy đánh chết người hay dọa nạt bức tử người ta, thì khép vào tội *lâm lỡ* giết người. Nếu lấy gậy lớn hay dùng tay chân đánh người bị thương đến què gẫy, thì bị tội nhẹ hơn tội đánh nhau bị thương hai bậc. Nếu cầm mũi nhọn sắc thì xử theo tội đánh nhau giết người hay *lâm* bị thương.

683. [Điều 26] - Các quan xử án, trong các bản án, chỗ *luận tội* phải dẫn đủ chính văn và cách thức của *luật lệnh*; làm trái thì xử *phạt*. Tự ý mình xét xử, thì bị *biếm* một tư. Nếu có thêm bớt thì xử theo luật thêm bớt tội người.

684. [Điều 27] - Các quan xử án, việc phải tâu lên mà không tâu, việc phải dợt trả lời mà không dợt, lại tự tiện phân xử ngay, thì xử biếm.

685. [Điều 28] - Những chế sắc [của vua] *luận tội* gì, chỉ là xét xử nhất thời, chứ không phải là sắc lệnh vĩnh viễn, thì không được viện dẫn sắc lệnh ấy mà xử đoán việc sau. Nếu ai viện ra xét xử không đúng thì khép vào tội cố ý làm sai *luật*.

686. [Điều 29] - Các ngục quan ngục lại khi xét án mà cố ý thêm bớt tội cho người, nếu là việc tha hãn kẻ có tội, hay phạt kẻ vô tội, thì sẽ bị khép vào tội đã tha hay đã buộc (nghĩa là : vốn là kẻ vô tội, mà cố buộc vào tội, vốn là kẻ có tội, mà cố gỡ mà tha bổng). Nếu cố tăng tội nhẹ thành nặng, gỡ tội nặng ra nhẹ, thì lấy sự thêm bớt nặng nhẹ ấy mà khép tội quan xét xử. Nếu khép bậy vào tội chết, thì quan xét xử phải đày đi châu xa. (Nghĩa là : tội đáng phải *biếm* một tư, lại xử tăng là *biếm* hai tư, thế là nhẹ làm ra nặng, thì bị *luận tội* theo một tư đã tăng; nếu là tội đáng *biếm* ba tư mà lại xử giảm xuống *biếm* một tư, thế là xử giảm tội nặng xuống tội nhẹ, thì bị *luận tội* theo giảm nhẹ hai tư; ngoài ra xử tội nặng nhẹ không đúng, đều theo trên mà khép tội quan xử án. Nếu đem tội nhẹ buộc vào tội nặng, mà tăng đến tội *đồ*, thì lần lượt theo các bậc tội *đồ*, mà khép tội quan xử án, mỗi một bậc tội *đồ* phải chịu tội *biếm* một tư. Nếu tội nhẹ

lại xử nặng vào tội *lưu*, thì quan án sẽ bị khép vào tội *đồ*. Nếu tội nhẹ hơn, xử vào tội chết, mà kẻ bị tội oan bị *hành hình* rồi thì quan án sẽ bị tội *lưu* đi châu xa. Nếu xét tội nặng thành tội nhẹ thì cũng bị *luận tội* như thế). Nếu xét tội kẻ phạm vì lầm lẫn mà thêm bớt tội người, thì bị tội trên nhưng được giảm hai bậc. (Ý nói quan án chỉ ngu tối hay lầm lẫn không vì ăn hối lộ hay có điều ân oán mà xử bất công. Nếu đổi nhẹ thành nặng, đổi nặng thành nhẹ thì vẫn chiếu như trên mà *luận tội*). Ngục lại lầm lỗi về kiểm xét thì bắt tội ngục lại. Ngục quan lầm lỗi trong sự tra hỏi thì bắt tội ngục quan. Hình quan xử án không đúng *luật*, thì bắt tội hình quan. Quan tri từ tụng⁽¹⁾ xét hỏi lại không cẩn thận thì quan ấy chịu tội; dù là trường hợp vô tình không biết, cũng phải khép vào tội cố ý làm sai việc; nhưng đều được giảm tội một bậc. Nếu tội nhân chưa *hành hình*, chưa được tha hay tha rồi mà bắt lại được, hay là tội nhân *tự sát*, thì các quan nói trên được giảm tội một bậc. (Nghĩa là cố ý hoặc lầm lỡ khép tội người mà án chưa thi hành hay cố ý hoặc lầm lỡ tha tội người mà chưa tha hay đã tha lại bắt về, hoặc tù nhân tự tử, thì xử theo tội cố ý hay lầm lỡ thêm bớt tội cho người mà giảm một bậc). Nếu ngục quan hay hình quan xử án không sai lầm và còn tâu lên, sau lại đem việc ấy tâu lên lần nữa, thì người tâu xin bị xử

(1) *Tri từ tụng* : chức quan ở Chính đường phụ trách việc xét lại các viện hình án kiện tụng.

biếm một tư; nếu là việc nặng thì tăng thêm tội một bậc; bắt nộp tiền tạ 30 quan (ngục quan 20 quan, ngục lại 10 quan). Nếu tâu lần thứ hai, có nói đến hình quan, thì tiền tạ 30 quan, nói đến quan tri tù tụng thì tiền tạ 50 quan.

687. [Điều 30] - Những người có tờ trạng kêu oan, được bày tỏ khi hỏi kiện. Nếu việc đã xét xử được tâu lên, mà còn đệ lên tờ kêu oan, thì xử 30 roi; nhưng được đổi chất.

688. [Điều 31] - Án đã tâu lên xin xét lại, thì cho sang ty khác xét xử. Nếu để quá hạn không trình để xét xử (thời hạn cho phép việc kiện lớn là hai tháng, việc kiện nhỏ là một tháng), thì ngục quan bị phạt tiền 30 quan, ngục lại bị *biếm* một tư. Nếu người tâu xin xét lại, không đến hầu kiện, thì việc ấy sẽ tâu lên xin bỏ việc đó.

689. [Điều 32] - Những người đi kiện hay bị kiện xin tránh ngục quan, thì giao cho các quan Viện Thẩm hình hội đồng xét hỏi; nếu xét thấy sự lý đáng cho tránh ngục quan ấy, mới được phép giao sang ty khác xét xử. Nếu bản ty vì tình ý riêng mà cố giữ việc để xét, thì xử *phạt* hay *biếm*; ngục lại cũng bị tội như thế.

690. [Điều 33] - Gặp ân xá mà tội nhân không phạm tội ác nghịch, thì đều được xá theo chiếu chỉ lúc

ấy. Quan giám đương coi nơi tù đầy nghe có chiếu chỉ ân xá; không đợi giấy báo đã tự tiện thả, thì khép vào tội thả tù, giam một bậc. Nếu đã nhận giấy báo mà còn giam giữ đến quá hạn thì xử *biếm* một tư và *bãi chức*.

691. [Điều 34] - Những án xét vào tội nhẹ, nhưng tình lý đáng ngờ, thì giao cho quan Viện Thẩm hình hội đồng bàn xét, hỏi tội nhân cho đến lúc nhận tội; nếu tội nhân không chịu nhận tội thì cho phép được bào chữa rồi phải xét lại kỹ càng. Nếu trái *luật* ngục quan phải phạt tiền 20 quan. Nếu án đã giao Viện Thẩm hình, mà không xét kỹ, thì cũng xử tội như thế.

692. [Điều 35] - Những quan chức cao (nghĩa là những người được *ngộ thân* và quan tại chức từ ngũ phẩm trở lên, tãn quan từ tứ phẩm trở lên, người có tước hàm tam phẩm trở lên) phạm tội gì đã thành án, mà ngục quan không tâu lên xin bắt để trên xử đoán, thì xử *phạt* tiền 20 quan, ngục lại bị xử 80 *trượng*. Nếu người phạm pháp bị đau ốm đã xin tâu khám nghiệm, thì không theo *luật* này. Nếu phải tâu xin bắt mà không tâu xin tự tiện bắt giam, thì cũng xử như trên.

693. [Điều 36] - Những người đáng bắt làm nô tỳ của nhà nước mà lại tha; hoặc những người không đáng bắt mà lại bắt, thì đều xử theo tội thêm bớt tội cho người.

694. [Điều 37] - Các hình ngục quan xử án, có những việc phải bắt bồi thường sung công và tịch thu điền sản, mà không bắt bồi thường, hay không tịch thu, thì khép vào tội giấu giếm, được giảm hai bậc. Việc không đáng bắt bồi thường, không đáng sung công, mà lại xử bắt bồi thường sung công, bắt tịch thu, cùng là những việc nên bắt bồi thường cho người này, lại xử cho người kia được, người kia nên được, lại xử cho người này, thì đều xử *phạt* hay *biếm*. Nếu [hình ngục quan] vì tình ý riêng mà xử diên đảo như thế, thì xử tội nặng trên một bậc. Nếu đã bắt bồi thường sung công, đã tịch thu điền sản, mà không làm đủ giấy tờ, để giao các thứ ấy cho Ty tàng khố thì [hình ngục quan] phải phạt tiền 30 quan, ngục lại phải *biếm* một tư. Nếu đem số điền sản ấy làm của riêng, thì bị khép vào tội ăn trộm. Nếu ngục lại cố giữ ấn dấu công không trình quan sảnh để cất vào hòm công, hay đánh mất, thì đều xử theo tội cố giữ sổ sách có chữ phê.

695. [Điều 38] - Những người bị tội *đồ* hay tội *lưu*, phải gửi đến chỗ bị lưu đày, mà ty ở bộ lại để chậm không giải đi thì bị phạt tiền 20 quan; nếu vì thế mà tù nhân trốn, thì tùy theo nặng nhẹ mà định tội; viên coi tù phải tội chiếu theo luật để mất tù. Trong khi bắt đi đày, mà không xiềng xích và bỏ cũi thì quan ty ở bộ lại và quan giám đương đều bị xử *biếm* một tư;

quan giám đương ở nơi lưu đày thấy không xiềng và bỏ cũi mà cứ nhận thì bị xử tội như thế. Nếu xiềng xích không đúng phép, thì đều bị tội giảm nhẹ hơn tội trên một bậc.

696. [Điều 39] - Những án xử các tội chết, *lưu*, *đồ* hay *biếm* tâu lên được chuẩn định rồi, trong ba ngày sau mà quan sảnh quan viện và ngục quan không giao qua ty Chưởng tịch⁽¹⁾ để ghi vào sổ, và giảm bớt hay tước bỏ phẩm trật đã bị *biếm* đi, thì đều bị *phạt* tiền 30 quan; thuộc lại phụ trách việc này, bị *biếm* một tư. Nếu ty Chưởng tịch đã nhận được án văn nói trên trong ba ngày không ghi vào sổ, thì bị phạt tiền như trên.

697. [Điều 40] - Những tang vật bị tịch thu, để quá hạn không tịch thu (hạn là : tang vật trị giá từ 1000 quan trở lên, thì hạn phải tịch thu là năm tháng; từ 500 quan trở lên, hạn ba tháng; từ 100 quan trở lên, hạn một tháng rưỡi; từ 90 quan trở xuống, hạn một tháng), thì thuộc lại coi việc bị xử phạt 80 *trượng*. Nếu quá hạn lâu thì phải tội *biếm* một tư. Nếu tội nhân nghèo khó quá không sao nộp được, thì thuộc lại được phép trình bản ty để tâu lên vua định đoạt. Các quan bị tội *bãi chức* hay *cách chức*, phải thu bằng sắc, thì tùy theo đường sá xa gần mà thi hành, nếu để

(1) Ty Chưởng tịch : nha môn coi giữ giấy tờ sổ sách về tư pháp.

quá ba ngày mà không thi hành, thì ngục quan bị phạt tiền 5 quan, ngục lại bị phạt 30 roi; để chậm nữa thì cứ 5 ngày lại tăng tội một bậc, tội chỉ đến phạt tiền 20 quan, và phạt 80 *trượng*.

698. [Điều 41] - Quan lộ nhận đơn kêu oan bậy, thì xử *biếm* một tư và phạt tiền 5 quan, để thưởng người tố cáo. Lỗi nặng thì *bãi chức*. Các quan Thẩm hình viện nhân việc đến nha quan huyện, quan lộ, mà nhận đơn thân oan bậy, thì cũng xử tội như thế.

699. [Điều 42] - Quan coi các thuộc lại ở sảnh hay ở viện, nhận đơn kiện mà không chuyển giao ngục quan, lại thông đồng với ngục lại nhận đơn thì đều bị xử *biếm* ba tư. Những đơn kiện ở lộ, huyện ngoài, không có chữ ký quan bản ty mà ngục lại bắt bậy thì cũng xử tội như thế.

700. [Điều 43] - Ngục lại thêm bớt vào đơn kiện hay tờ khai, thì xử *đồ* làm *tượng phượng bình*. Nếu tự tiện tâu hộ việc thì xử *biếm* hai tư.

701. [Điều 44] - Ngục lại viết trát đi đòi kẻ bị kiện, đã ghi họ tên người sai đi đòi mà lại giao cho người khác, thì xử *biếm* ba tư.

702. [Điều 45] - Ngục giám đi bắt người bị kiện, thì đến quan huyện, quan lộ sở tại trình trát để họ bắt giải giao cho mình. Nếu người bị bắt đã trốn đi

không ở đó, thì quan huyện, quan xã liên danh làm tờ cam kết rằng người ấy đã trốn không ở đó, sau này thấy trở về, sẽ bắt giải ngay, không dám ẩn giấu. Ngục giám đem tờ cam kết về trình ngục quan, để tùy liệu xét xử. Làm trái *luật*, quan huyện, quan xã bị xử tội *biếm* hoặc tội *đồ*; ngục quan và ngục giám đều bị xử tùy theo nặng nhẹ. Nếu cố ý dung túng kẻ can tội nặng, thì đều bị xử như việc để các tù nhân nặng tội trốn mất.

703. [Điều 46] - Ngục giám đi bắt người Man Liêu bị kiện, mà không trình quan quản giám người Man Liêu, thì xử *biếm* một tư; trong trường hợp ấy, kẻ phạm tội có đánh chửi ngục giám cũng không được xét. Nếu viên quản giám nói dối là dân Man Liêu chống cự, không sai bắt kẻ bị kiện thì cách chức quan giám.

704. [Điều 47] - Ngục giám, ngục lại đi bắt phạm nhân, mà lấy tiền của người ta, việc nhẹ thì *biếm* ba tư, việc nặng thì *đồ* làm *khao đình*; nếu đòi lấy tiền nhiều quá đến nỗi người ta phải khánh kiệt tài sản, thì *đồ* làm *chủng điền bình*; để đến nỗi cả xã ấy bị phá sản, thì xử tội *lưu* hay tội chết; và bắt bồi thường gấp đôi số những nhiều. Nếu không có trát nã đóng dấu của bản ty, mà tự tiện bắt người, thì xử *biếm* hai tư; nếu bắt người vô tội, thì xử *biếm* ba tư; lại lấy tiền của hay đồ vật, để đến nỗi người ta bị phá sản, thì tội

lại nặng hơn tội có trát đi bắt mà sách nhiễu hai bậc nữa. Nếu trong trát truy nã, đã kê rõ tên họ người bị bắt, ngoài ra lại bắt bừa người khác, cùng là sách nhiễu tài vật, để đến nỗi người ta bị phá sản, thì cũng bị xử tội như thế. Ngục lại viết trát truy nã, kê tên không đúng phép, thì bị *đồ* làm *khao đình*; ngục quan vô tình không xem xét đến, thì bị *phạt*; cố ý dung túng thì bị tội *trượng* hay tội *biếm*. Quan giám ngục cố ý dung túng, hay cũng chia tiền sách nhiễu thì cũng bị *biếm*, và bồi thường một phần ba số sách nhiễu. Nếu cả xã bị phá hoại mà xã quan không trình cáo, thì bị xử theo tội biết mà không cáo.

705. [Điều 48] - Ngục lại thu riêng tiền tang vật, thì ngục quan cũng liên can bị lỗi xử tùy theo việc nặng nhẹ. Việc nặng thì quan kiểm sát cũng bị xử *phạt*.

706. [Điều 49] - Khi ngục quan xét án, ngục lại vì kê đương sự mà sửa đổi đơn từ, hoặc viết hộ tờ *cung khai*, thêm bớt tình tiết, để *định tội* không đúng lẽ thì ngục lại cũng bị tội như phạm nhân. Nếu phạm nhân quả thật không biết chữ, thì cho phép được nhờ người thân thích, không liên can gì viết thay; nếu không có ai là thân thích thì mới cho phép nhờ thuộc lại khác ở bản ty viết hộ.

707. [Điều 50] - Ngục giám vô cố hành hạ đánh đập tù nhân bị thương, thì xử tội theo luật đánh

người bị thương. Nếu bớt xén áo quần và cơm, đồ ăn, thì chiếu số ăn bớt mà khép vào tội ăn trộm. Nếu vì sự đánh đập và ăn bớt, đến nỗi tù phạm bị chết, thì bị khép vào tội *đồ* hay tội *lưu*. Ngục quan và giám ngục quan biết mà không phát giác thì cũng bị tội trên, nhưng được giảm một bậc.

708. [Điều 51] - Nếu xét những tội có điều nghi ngờ, thì cứ chiếu theo tội đó mà cho giảm.

709. [Điều 52] - Khi xử án ngục quan tra hỏi không phải chỗ xử kiện, người đợi tra hỏi ngồi đứng không đúng phép, đều xử *phạt*. (Đúng phép là : đàn bà con gái trong họ vua, các bậc Vương Công từ tam phẩm trở lên, được cho người đi hầu kiện thay; từ tứ phẩm đến lục phẩm, thì đến hầu kiện đứng ở chỗ xử án; dưới nữa đều phải ngồi xuống đất; mệnh phụ và nữ quan cũng theo như thế. Nếu là cung nhân thì cho phép người nhà đến hầu kiện thay; cha mẹ các cung tần, thì được đứng ở nơi xử kiện. Đàn ông trong họ vua từ nhất phẩm đến nhị phẩm, thì ngồi ở nơi xử kiện, nhất phẩm thì ngồi trên cái giường đen cao ba tấc hay hai tấc, quan nhị phẩm thì ngồi trên cái giường tre; tam phẩm thì phải đứng; dưới nữa phải ngồi xuống đất. Nếu các quan chức vì việc công trong sở mình mà đến hầu kiện, tuy rằng phẩm trật còn thấp chưa đúng lệ, cũng cho đứng).

710. [Điều 53] - Người phạm tội, sau khi xét hỏi đích thực, đã có án xử nhất định, mà cố cưỡng không chịu hình phạt, thì chiếu theo tội cũ mà tăng thêm một bậc nữa.

711. [Điều 54] - Ngục quan và ngục lại dung túng cho những người kiện tụng đi lại nhà riêng mình để xúi bảo lời lẽ làm đảo điên trái phải, thì đều bị tội theo như tội trong việc kiện mà xử giảm một bậc (nếu người kiện có việc thì chỉ cho đến sảnh đường hay gặp ở đường mà kêu), nếu nhân vì việc ấy mà ăn hối lộ, thì phải khép vào tội làm trái pháp luật tùy theo việc nặng nhẹ mà *định tội*.

712. [Điều 55] - Những ngục quan và ngục lại xét hỏi quên quán và chức tước của người bị kiện có chỗ không được minh bạch, và hình quan khi xử án trong án có chỗ viết sai lầm, sau khi làm án năm ngày, nếu tự mình biết mà *cải chính*, thì không phải lỗi; ngoài hạn 5 ngày mới *cải chính*, thì không được.

713. [Điều 56] - Những quan chức giữ về việc hình ngục, khi xét việc đã xác định tội danh rồi, đến khi kết án, hoặc vì sự mừng giận xử không đúng, nếu cứ thuận theo không chịu biện luận, thì đều xử *biếm* hay *phạt*. Nếu kết tội đã đúng mà lại vì tình ý riêng có ý thêm bớt thì xử *đỗ* hay *lưu*.

714. [Điều 57] - Những người làm chứng trong việc kiện tụng nếu xét ra ngày thường đôi bên kiện tụng là người thân tình hay có thù oán, thì không cho phép ra làm chứng. Nếu những người ấy giấu giếm ra làm chứng, thì bị khép vào tội không nói đúng sự thực. Hình quan ngục quan biết mà dung túng việc đó đều bị tội.

715. [Điều 58] - Người đi bắt kẻ tội phạm, viên giám ngục coi giữ tội phạm, các hình quan, ngục quan và ngục lại, vì thù oán riêng mà xúi giục tội nhân vu tội cho người lương thiện, thì đều bị khép tội vu cáo. Nếu tội nhân nghe theo lời xúi giục mà khai man để lương dân bị tội oan, thì sẽ chiếu theo tội cũ mà tăng một bậc nữa. Nếu tội nhân vì bị tra tấn, bị uy hiếp mà *cung khai* bậy, thì không bị tội.

716. [Điều 59] - Ngục lại bỏ sót lời *cung* của người đi kiện hay người bị tội, thì xử tội *đỗ*; nếu cố ý thay đổi [lời *cung xưng*] thì xử tội *lưu*.

717. [Điều 60] - Ngục giám và ngục lại đòi tiền dẫu đèn và tiền bút giấy quá số quy định (việc kiện lớn một quan, việc kiện nhỏ năm tiền), nếu lấy quá từ năm tiền trở lên xử 50 roi, *biếm* một tư; từ một quan trở lên, thì xử *biếm* hai tư; nếu quá nữa thì xử tăng tội; và phải trả lại tiền lạm thu cho người nộp tiền.

718. [Điều 61] - Người cáo giác việc công, không được hòa hưu ⁽¹⁾ với người bị cáo. Nếu hình quan và ngục quan nghe theo thì xử 50 roi, *biếm* một tư. Nếu vì tình riêng hay nhận hối lộ thì khép vào tội làm trái pháp luật.

719. [Điều 62] - Các quan tra xét việc hình ngục án từ đã xong mà cố ý để chậm trễ không tâu lên xin định án; nếu để chậm mười ngày bị xử *biếm* một tư, thêm mười ngày lại xử tăng thêm một bậc. Nếu việc tâu lên định án rồi, mà để chậm không tống đạt bản án cũng bị khép tội như trên; nếu vì sự chậm trễ mà để đến nỗi phạm nhân phải chết, thì xử tăng thêm một bậc nữa. Nếu vì truy thu tang vật chưa hết, thì không dùng *luật* này.

720. [Điều 63] - Ngày quyết tụng ⁽²⁾, quan đại thần và các quan xét án đều phải hội đồng lại xét hỏi kỹ càng cho rõ sự phải trái, cốt để mọi người đều yên lòng. Nếu có điều chưa rõ phải thẩm xét lại, không được cố chấp ý riêng mình, bắt mọi người phải theo, bày ra lý này lý khác để có người mắc oan. *Luật* này cũng không cho phép những quan phụ thẩm ⁽³⁾ lúc đồng đủ mọi người không hết bốn phạm tranh biện về

(1) *Hòa hưu* : nghĩa ở văn bản đây là điều định riêng với kẻ bị cáo giác vi phạm việc công, để thôi không phát giác nữa, hoặc đã đệ đơn phát giác lại xin rút đơn.

(2) Ngày xử lại một vụ kiện lớn tại kinh đô.

(3) *Quan phụ thẩm* : thẩm phán giúp việc.

sau lại có câu nghị luận khác. Ai trái *luật* này đều tùy theo nặng nhẹ mà xử tội thêm bớt tội người.

721. [Điều 64] - Sau khi quan đại thần định rõ tội danh, quan hình ngục phải đem lẽ đúng sai cùng tội danh đã định báo cho kẻ bị tội biết, để người ấy phục tội; nếu chưa phục tội thì xét hỏi nữa. Nếu sự thực chưa xét ra và lý lẽ chưa rõ hẳn, mà cố khép vào tội, thì quan hình ngục bị xử theo luật cố ý khép tội người tùy việc nặng nhẹ. Nếu tình đã đạt, lý đã rõ, mà kẻ bị tội còn chưa phục tội, thì chiếu theo tội cũ mà tăng thêm một bậc nữa.

722. [Điều 65] - Hình quan định tội danh, chiếu trong luật đã có chính điều, lại tự ý thêm bớt bậy, hay viện dẫn điều khác, để tùy ý xử nặng nhẹ, thì bị xử nặng hơn tội thêm bớt tội người một bậc.

BẢNG TÓM TẮT

CHƯƠNG - ĐIỀU

- ĐỒ GIẢI 5 HẠNG ĐỂ TANG
- BIỂU ĐỒ ĐỂ TANG 9 BẬC HỌ NỘI
- ĐỒ HÌNH CỤ
- QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT MỤC LỤC

1. CHƯƠNG DANH LỆ

- Điều 1 : Năm hình phạt
- Điều 2 : Mười tội ác
- Điều 3 : Tám điều xét nghị giảm tội
- Điều 4 : Xử người *bát nghị* phạm tội
- Điều 5 : Xử họ của bà phi
- Điều 6 : Miễn tội cho người nghị thân
- Điều 7 : Xử vợ quan lại
- Điều 8 : Tội phạm được hưởng nhiều luật miễn giảm
- Điều 9 : Xử thích chữ vào mặt
- Điều 10 : Miễn lao dịch cho cụ thân công huân phạm tội
- Điều 11 : Phạm tội ác nghịch không được ân xá
- Điều 12 : Giảm tội cho con cháu công thần
- Điều 13 : Lệ tập ẩm đối với con quan lại nghĩ hưu

Điều 14 : Quan lại phạm tội do sơ xuất, sau mới phát hiện

Điều 15 : Tội nhân bị *đỗ, lưu* giữa đường gặp dịp ân xá

Điều 16 : Tội nhân cao tuổi hoặc vị thành niên cho chuộc tội bằng tiền

Điều 17 : Lúc phạm tội còn trẻ, chưa tàn tật

Điều 18 : Tự thú được giảm tội

Điều 19 : Lấy trộm của sau lại tự thú với người có của

Điều 20 : Miễn tội cho kẻ tự biết lỗi lầm

Điều 21 : Tiền chuộc tội đánh *trượng*

Điều 22 : Tiền chuộc tội *biếm, đố, lưu*

Điều 23 : Tiền thuê phu dịch

Điều 24 : Tiền chuộc tội thích chữ vào mặt

Điều 25 : Khen thưởng người tố cáo tội ác

Điều 26 : Xử phạt tiền theo 3 bậc

Điều 27 : *Biếm* tước theo 5 tư

Điều 28 : Tiền bồi thường tang vật

Điều 29 : Tiền đền mạng

Điều 30 : Hoàn trả lại các vật mua bán

Điều 31 : Tiền tạ lỗi theo luật

Điều 32 : Tiền tẩy thích chữ

Điều 33 : Tiền trai lễ thất tuần

Điều 34 : Hạn định về việc phúc tấu

Điều 35 : Xét xử *thủ phạm, tông phạm*

Điều 36 : Kẻ phạm tội trốn tránh

Điều 37 : Phạm liền hai tội trở lên

- Điều 38 : Con cháu chịu hình phạt thay cho ông bà
 Điều 39 : Người thân che giấu, thì không bắt tội
 Điều 40 : Người miễn thượng du phạm tội
 Điều 41 : Định tội không có điều luật chính đáng
 Điều 42 : Cách thức chịu tang họ hàng
 Điều 43 : Quan giám lâm, chủ thủ có chức phận gì
 Điều 44 : Cách tính ngày tháng năm để tính công
 Điều 45 : Đạo sĩ, nữ quan, thầy giáo, học trò có tương can
 Điều 46 : Xử tội đánh *trượng*
 Điều 47 : Phạm tội do sơ xuất hay là cố ý
 Điều 48 : Xét giảm tội *biếm, lưu, đày*
 Điều 49 : Định tội thêm bớt tùy tiện

2. CHƯƠNG VỆ CẤM

- Điều 50 : Tự tiện vào thái miếu
 Điều 51 : Tự tiện vào hoàng thành
 Điều 52 : Trèo qua tường điện vua
 Điều 53 : Quân túc vệ lấy người thay thế
 Điều 54 : Ngủ đêm tại cung điện không đúng phận sự
 Điều 55 : Làm việc trong cung hết giờ không chịu ra
 Điều 56 : Các quan vào chầu vua
 Điều 57 : Không tránh đường khi xe vua đi qua
 Điều 58 : Vào cung cấm không được đàn hát bữa bái
 Điều 59 : Trèo lên cao nhìn vào cung vua

- Điều 60 : Ở lại cung mà không có tên trong sổ
 Điều 61 : Tự tiện nói chuyện và đưa đồ vật cho cung tần
 Điều 62 : Ban đêm trẻ nãi khóa cửa hoàng thành
 Điều 63 : Không được ra vào cung cấm lúc đêm tối
 Điều 64 : Bắn cung nỏ vào trong cung
 Điều 65 : Đường đột đến gần xa giá
 Điều 66 : Quân túc vệ canh phòng không đúng phép
 Điều 67 : Lĩnh tuần phòng không đúng giờ giấc
 Điều 68 : Quy định đi lại ban đêm trong kinh thành
 Điều 69 : Đánh trống làm ồn ban đêm bị phạt
 Điều 70 : Bắn cung vào miếu xã, vườn cấm
 Điều 71 : Trốn qua cửa quan biên giới
 Điều 72 : Người giữ cửa quan không làm tròn phận sự
 Điều 73 : Mượn người khác giữ cửa quan thay
 Điều 74 : Bán ruộng đất cho người nước ngoài
 Điều 75 : Bán binh khí cho người nước ngoài
 Điều 76 : Bán mắm muối, vật cấm cho người nước ngoài
 Điều 77 : Kiểm soát cửa sông
 Điều 78 : Cấm chế tạo, tàng trữ binh khí
 Điều 79 : Sứ thần đi ra nước ngoài
 Điều 80 : Quan chức vào triều không đội khăn áo
 Điều 81 : Không được mở cửa hàng trong hoàng thành
 Điều 82 : Vào hoàng thành phải xuống ngựa
 Điều 83 : Quan cận thần không được giao du với bên ngoài

Điều 84 : Quan chủ ty phải lo sửa cầu cống đường sá

Điều 85 : Cấm chặt cây đào đất ở lăng tẩm

Điều 86 : Cấm kiếm củi cắt cỏ ở lăng tẩm

Điều 87 : Xử tội kẻ gây hỏa hoạn ở lăng tẩm

Điều 88 : Cấm dẫn cây ở quan ải

Điều 89 : Cấm tiến hành tang lễ 1 tháng trước sau dịp hoàng đế lên ngôi

Điều 90 : Cấm làm đàn chay và chùa chiền trong hoàng cung

Điều 91 : Đánh, cãi nhau trong hoàng thành

Điều 92 : Giữ cửa thành không làm tròn phận sự

Điều 93 : Lính tuần tự tiện tha kẻ phạm tội

Điều 94 : Quy chế mở cửa hoàng thành đón xa giá

Điều 95 : Đùa cợt ngạo mạn trong cung cấm

Điều 96 : Quân canh gác không nghiêm

3. CHƯƠNG VI CHẾ

Điều 97 : Tự tiện đặt thêm quan chức

Điều 98 : Quy chế thi cử đối với quan chủ khảo

Điều 99 : Sĩ tử nhờ người viết hộ văn bài

Điều 100 : Quan lại vắng mặt phiên châu không có lý do

Điều 101 : Quan giám thí không nghiêm

Điều 102 : Quan hầu cận nhà vua về sớm hoặc đến muộn

Điều 103 : Cấm uống máu ăn thề

Điều 104 : Cung cấp lễ vật tế tự không đầy đủ

Điều 105 : Ngày đại lễ tổ chức không chu đáo

Điều 106 : Quan tham dự tế lễ phải lo làm đúng chức phận

Điều 107 : Vắng mặt trong ngày lễ lớn

Điều 108 : Sai lầm thất thố trong ngày lễ hội

Điều 109 : Cấm người có đại tang dự lễ cát hưởng

Điều 110 : Lệ bốc thuốc cho vua

Điều 111 : Lệ dâng đồ ăn cho vua

Điều 112 : Lệ làm thuyền dâng vua

Điều 113 : Bảo quản xe kiệu của nhà vua

Điều 114 : Tự tiện dùng xe kiệu của nhà vua

Điều 115 : Tự tiện đưa thuốc vào sở ngự thiện

Điều 116 : Tiết lộ quân cơ đại sự

Điều 117 : Tàng trữ sách cấm

Điều 118 : Vẽ và cất giấu chân dung vua và hoàng hậu

Điều 119 : Chiếu chế biểu ban phát không kịp thời

Điều 120 : Quan chức đi công cán về tâu trình không đúng thực

Điều 121 : Chậm trễ việc công

Điều 122 : Thi hành sắc lệnh không nghiêm

Điều 123 : Soạn thảo chiếu chế có lầm lẫn

Điều 124 : Tự tiện sửa chữa chỗ sai lầm trong chiếu thư

Điều 125 : Phạm húy khi dâng thư

Điều 126 : Xung hô không đúng chức phận

Điều 127 : Có ý chê bai triều vua trước

- Điều 128 :** Chồng lại nhà chức trách đang thi hành công vụ
- Điều 129 :** Nhân viên ở nha sở đứng ngồi không đúng quy định
- Điều 130 :** Giấu tang ông bà cha mẹ
- Điều 131 :** Đàn hát khi ông bà cha mẹ bị tội tử hình
- Điều 132 :** Chỉ trích vua quá nặng lời
- Điều 133 :** Viết thư nhục danh
- Điều 134 :** Thuê người thay mình đi áp giải phạm nhân
- Điều 135 :** Cấm dựng bia và lập sinh từ
- Điều 136 :** Kẻ ngang ngược không tuân giáo hóa
- Điều 137 :** Cầu cạnh quan chủ ty trái luật
- Điều 138 :** Quan lại ăn hối lộ
- Điều 139 :** Ý thế người có quyền để cầu cạnh
- Điều 140 :** Xử tội kẻ đi hối lộ
- Điều 141 :** Cấm sách nhiễu tang chủ
- Điều 142 :** Tế lễ không được lạm dụng nghi thức
- Điều 143 :** Dây kéo thuyền không được dùng đồ ngự dụng
- Điều 144 :** Cấm đàn hát khi vua ốm đau
- Điều 145 :** Cấm đám ma đi qua cửa hoàng thành
- Điều 146 :** Lễ tập ẩm cho con các quan
- Điều 147 :** Xung hô với tế tướng vương hầu không đúng mức
- Điều 148 :** Xưng hô đàn bà bằng danh hiệu tôn quý
- Điều 149 :** Tự tiện xé tờ cáo thị

- Điều 150 :** Quan lại chậm trễ trong việc duyệt sổ dinh
- Điều 151 :** Quan lại duyệt sổ hộ khẩu sai lầm
- Điều 152 :** Tự tiện chuyển quan dưới quyền
- Điều 153 :** Tự tiện nhận tờ tâu và cáo trạng
- Điều 154 :** Tự tiện tâu trình khi chưa đối chiếu kỹ càng
- Điều 155 :** Làm công văn giấy tờ không xét rõ gốc gác lai lịch của đương sự
- Điều 156 :** Hình quan xét xử chậm trễ
- Điều 157 :** Quan chủ ty không phát giác thuộc viên phạm tội
- Điều 158 :** Quan chương tịch ghi chép sai thể thức
- Điều 159 :** Thuộc viên ở sở ghi chép không đầy đủ
- Điều 160 :** Quan chương tịch chép sổ không nghiêm
- Điều 161 :** Nhà lại giữ sổ sách để chậm trễ
- Điều 162 :** Quan phiên trấn tự tiện bắt giữ người
- Điều 163 :** Quan phiên trấn sách nhiễu của dân
- Điều 164 :** Quan cai quản dân Man Liêu tự ý bắt người
- Điều 165 :** Quan giám nô tự tiện thích chữ vào mặt nô tỳ
- Điều 166 :** Quan quản giám tự tiện sai khiến dân đinh
- Điều 167 :** Quan quản giám tự tiện sai khiến gia thuộc của người khác
- Điều 168 :** Quan lại tự tiện thích chữ vào dân đinh
- Điều 169 :** Tướng hiệu bổ sung lính tráng không đúng luật
- Điều 170 :** Tuyển chọn quân lính không đúng quy định
- Điều 171 :** Phiên chế lính đã bị thải hồi

- Điều 172 : Quan lại cầu cạnh việc quân sự
Điều 173 : Đuổi bắt kẻ phạm tội
Điều 174 : Đề cử không được người tài
Điều 175 : Hủy bỏ tiền đồng
Điều 176 : Thu thuế ở các làng xã
Điều 177 : Giao thóc lúa chậm trễ
Điều 178 : Không cho tu sửa đền đài miếu mạo
Điều 179 : Phần thuế ruộng của các phi tần đã chết
Điều 180 : Quan lệnh thừa làm lịch sai
Điều 181 : Đắp đê chống lụt
Điều 182 : Canh phòng đê không nghiêm cẩn
Điều 183 : Quan lại đo ruộng không chuẩn xác
Điều 184 : Quan trông coi phu dịch lại giấu sổ đinh, sách nhiều tiền của
Điều 185 : Quan lại làm công vụ lại sách nhiễu dân
Điều 186 : Người coi chợ sách nhiễu dân
Điều 187 : Mua bán dùng cân đo không đúng tiêu chuẩn
Điều 188 : Tự tập đánh cờ bạc
Điều 189 : Đánh cờ tương ăn tiền cũng bị xử tội
Điều 190 : Thợ làm cân đo không đúng tiêu chuẩn
Điều 191 : Làm hàng giả, hàng kém phẩm chất
Điều 192 : Người có chức trách tự tiện tha kẻ làm hàng giả
Điều 193 : Đòi lương cao hơn chức phận
Điều 194 : Quan lại phải ghi rõ ngày tháng vào sổ sách
Điều 195 : Cố ý giữ sổ lâu không chịu đệ trình

- Điều 196 : Viết tên quan đồng僚 không đủ
Điều 197 : Quan điều tra phải đúng thực, không được làm lẫn
Điều 198 : Không tiêu tiền đồng sút mẻ
Điều 199 : Quan lại sao nhãng việc công
Điều 200 : Coi giữ chiến thuyền không tròn phận sự
Điều 201 : Cố ý làm trái chiếu chỉ
Điều 202 : Viết sắc lệnh ban tước lại cố ý tăng thêm phẩm trật
Điều 203 : Đem bán vật dụng chuyên dùng trong cung
Điều 204 : Quan lại giao du hợp bè đảng
Điều 205 : Thợ làm đồ dùng trong cung dối trá
Điều 206 : Quan thu thuế không theo ngạch định
Điều 207 : Quan trông nom binh dân trong cung tự tiện sử dụng quân dân
Điều 208 : Các quan kết giao với người trong cung
Điều 209 : Đi qua cửa thái miếu mà không xuống kiệu
Điều 210 : Mượn tiếng thân thích với quan lại để cậy quyền thế
Điều 211 : Nhận tờ tấu không chịu tâu lên vua
Điều 212 : Dâng mật thư, lại tiết lộ ra ngoài
Điều 213 : Màu sắc mũ áo của quan lại không đúng quy định
Điều 214 : Mượn con cháu người khác để tập ẩm
Điều 215 : Khắc in sách Phật Lão

- Điều 216 :** Nói năng bừa bãi tỏ ý bất kính đối với vua
- Điều 217 :** Quan chức từ lục phẩm trở lên làm trái phép tắc
- Điều 218 :** Quan lại ghi chép thuộc viên không đúng thực
- Điều 219 :** Để lộ tin chiếu chỉ trước khi triều đình ban bố
- Điều 220 :** Coi thường chiếu lệnh của nhà vua
- Điều 221 :** Đi sứ nước ngoài chỉ lo buôn bán
- Điều 222 :** Cáo ốm để trốn việc
- Điều 223 :** Quan chức ở ngoài trấn không ở trong dinh thự
- Điều 224 :** Chuyên chở vật công lại kèm vật riêng để buôn bán
- Điều 225 :** Để chậm trễ công văn giấy tờ
- Điều 226 :** Hạn mức đất vườn cho các quan
- Điều 227 :** Đóng dấu không hoàn thành chức phận
- Điều 228 :** Quan giám chương không bắt bọn phạm tội làm việc
- Điều 229 :** Quy định đón tiếp sắc chỉ của triều đình
- Điều 230 :** Đón đường cướp tờ tấu
- Điều 231 :** Khinh thường đồ vật tiến vua
- Điều 232 :** Quan sai để làm lỡ việc công
- Điều 233 :** Quan đại thần có chiếu chỉ vua mà không đến
- Điều 234 :** Quan giữ việc quân ở trấn, lộ liên kết với nhau âm mưu làm phản
- Điều 235 :** Các quan ở sảnh viện phê vào sổ không đúng thể thức

- Điều 236 :** Tâu việc hay dâng thư mà tiền hậu bất nhất
- Điều 237 :** Các quan mắc lỗi lầm, không chịu nhận lỗi
- Điều 238 :** Lạm dụng nô tỳ
- Điều 239 :** Họa ở công đường mà nói năng bừa bãi
- Điều 240 :** Quan lại không làm việc ở công đường, tự tiện làm ở nhà

4. CHƯƠNG QUÂN CHÍNH

- Điều 241 :** Tướng hiệu không lo dạy bảo binh lính
- Điều 242 :** Điều động quân đội không đúng hạn định
- Điều 243 :** Quan giữ ải bị tập kích bất ngờ
- Điều 244 :** Tướng hiệu không chống nổi giặc
- Điều 245 :** Quân lính lâm trận không theo phép
- Điều 246 :** Tranh cướp chiến lợi phẩm, bỏ giặc chạy thoát
- Điều 247 :** Tướng hiệu tiết lộ quân cơ
- Điều 248 :** Giả mạo giấy tờ của chủ tướng
- Điều 249 :** Quân tiếp viện không ứng cứu kịp thời
- Điều 250 :** Làm chuyện bói toán để nản lòng quân
- Điều 251 :** Đội quân bị giặc bắt mất chủ tướng
- Điều 252 :** Lâm trận trái lệnh chủ tướng
- Điều 253 :** Người giữ kho tàng, lại bán trộm vũ khí
- Điều 254 :** Các quan tự tiện điều động quân mã
- Điều 255 :** Khi đi đánh dẹp, để lộ tin tức
- Điều 256 :** Tướng hiệu thua trận
- Điều 257 :** Tướng hiệu không lo huấn luyện binh sĩ

- Điều 258** : Dối trá để trốn tránh việc quân
Điều 259 : Tương hiệu chỉ lo làm lễ, để lỡ việc quân
Điều 260 : Quân lính mượn người đi thay
Điều 261 : Tương hiệu tự tiện cho lính về nhà
Điều 262 : Chuyển vận binh khí để lỡ hạn định
Điều 263 : Quân lính đào ngũ
Điều 264 : Quân lính đang hành quân bỏ trốn
Điều 265 : Lính thú ở đồn, chưa hết hạn đã trốn
Điều 266 : Thế lệ cấp phát giấy quân dịch
Điều 267 : Trông coi kho vũ khí để binh khí thiếu hụt
Điều 268 : Không cho thay phiên đồn trú kịp thời
Điều 269 : Quân lính bỏ thiếu phiên ứng dịch
Điều 270 : Vận lương sai kỳ hạn
Điều 271 : Quân tính giả chết để trốn quân dịch
Điều 272 : Tương hiệu không chăm sóc lính ốm
Điều 273 : Quan lại mượn lễ cầu phúc để lừa dân
Điều 274 : Quân thị vệ mang binh trượng, bài đao không đúng số hiệu
Điều 275 : Quan lại không có chiếu chỉ lại tự tiện điều động quân dân
Điều 276 : Thiếu tướng chỉ huy phải trình báo
Điều 277 : Khi truyền tin khẩn cấp, các nha lại sở tại phải tạo điều kiện thuận lợi
Điều 278 : Giữ quan ả khám xét không cẩn thận, để lộ tin tức ra ngoài

- Điều 279** : Do thân tình lại thả tù binh
Điều 280 : Dùng quân nhu vào việc riêng tư
Điều 281 : Tự tiện miễn quân dịch cho người khỏe, bắt người yếu đi thay
Điều 282 : Cướp bóc của dân đã theo mình rồi
Điều 283 : Khi duyệt quân lại vắng mặt

5. CHƯƠNG HỘ HÔN

- Điều 284** : Quan lại ở trấn lộ không chăm nom dân để dân phiêu tán, giặc cướp nổi dậy
Điều 285 : Xã quan khai lậu hộ khẩu
Điều 286 : Thay đổi tên họ trốn sang địa phương khác để tránh việc quan
Điều 287 : Nha lại ở sảnh viện khai hộ tịch thêm bớt
Điều 288 : Sư tăng và đạo sĩ phải có độ điệp
Điều 289 : Làm chùa quán đúc tượng riêng tư
Điều 290 : Nuôi con người khác giả làm con mình để khai gian vào hàng chức sắc
Điều 291 : Nô tỳ đã có giấy cho về làm lương dân, lại cưỡng ép làm tôi tớ
Điều 292 : Kẻ dưới tự tiện tiêu tiền của của bậc tôn trưởng
Điều 293 : Người lạ đến nghỉ trọ tại thôn xóm, thì phải trình báo
Điều 294 : Thôn phường phải giúp đỡ kẻ đau ốm không nơi nương tựa, phải chôn cất cho người chết đường

Điều 295 : Phải chăm sóc người cô quả, tàn tật không nơi nương tựa

Điều 296 : Đầy tớ nhà quyền quý làm hại dân mà xã quan bỏ qua không trình báo

Điều 297 : Đàn ông hiếu hữu, đàn bà trinh liệt không tâu lên khen thưởng kịp thời

Điều 298 : Không được chứa chấp quân dân các lộ khác đến trốn tránh

Điều 299 : Quan lại giấu giếm cho dân đinh không phải đóng thuế và sai dịch

Điều 300 : Quan ty cùng tướng hiệu tự tiện thu tiền của dân làm lễ vật dâng lên vua

Điều 301 : Chùa quán và nhà dân có sư tăng đạo sĩ đến trú ngụ đều phải trình báo

Điều 302 : Môn thuộc của vương công hay công chúa không được bắt dân làm đầy tớ

Điều 303 : Con cháu không được hưởng lệ tập ấm, lại tự tiện sai khiến dân đinh

Điều 304 : Quan lại cai quản dân đinh lại làm việc càn bậy

Điều 305 : Tự thiến mình hay thiến cho người cũng đều bị xử tội

Điều 306 : Giấu giếm và đem bán nô tỳ của nhà nước

Điều 307 : Giấu giếm nô tỳ của nhà nước là vợ con của bọn phản nghịch

Điều 308 : Chồng bỏ lửng vợ 5 tháng, thì coi như mất vợ

Điều 309 : Lấy nàng hầu làm vợ thì xử phạt

Điều 310 : Vợ cả vợ lẽ phạm tội thất xuất mà bỏ qua

Điều 311 : Khai dân đinh vào hàng chức sắc

Điều 312 : Bắt người đem cầm bán

Điều 313 : Con gái và trẻ mồ côi tự bán mình

Điều 314 : Cưới xin không lo đủ sinh lễ

Điều 315 : Đã nhận đồ sinh lễ rồi lại thôi không gả con nữa

Điều 316 : Quan lại ở trấn ngoài không được lấy con gái ở trấn hạt mình cai quản

Điều 317 : Đang có đại tang mà lại tổ chức cưới xin

Điều 318 : Ông bà cha mẹ đang bị tù tội mà lại tổ chức cưới xin

Điều 319 : Bọn vô lại lấy người thân thích như cô, dì, chị em gái... làm vợ

Điều 320 : Ép gả đàn bà góa đi bước nữa

Điều 321 : Vợ cả vợ lẽ tự ý bỏ nhà chồng

Điều 322 : Con gái thấy chồng chưa cưới có ác tật, có thể kêu lên quan mà trả đồ sinh lễ

Điều 323 : Quan lại lấy con hát làm vợ

Điều 324 : Học trò mà lấy vợ của thầy học đã chết. Anh em lấy vợ của em hoặc anh đã chết

Điều 325 : Quan thu thuế bắt sai dịch quá phép, thu thuế quá hạn định

Điều 326 : Quan thu thuế nộp thuế chậm kỳ hạn

Điều 327 : Quan thu thuế chậm nộp thuế và các đồ vật tịch thu được

Điều 328 : Quan lại trình sổ khai lính không cụ thể từng xã, ăn tiền mờ ám

Điều 329 : Các phường trong kinh cắt lính tuần không đúng phép

Điều 330 : Quan lại lạm dụng hoành nhân

Điều 331 : Tỳ thiếp vốn của vua ban cho lại lấn át chông

Điều 332 : Kẻ giả xưng là bồ tát, đồng cốt để lèo bịp dân

Điều 333 : Hứa gả rồi lại không gả, con rể lằng mạ cha mẹ vợ

Điều 334 : Quan lại ở biên trấn kết thông gia với tù trưởng ở vùng đó

Điều 335 : Dụ dỗ đem nô tỳ của nhà nước chạy trốn

Điều 336 : Tội tở nhà công hầu ý thế chiếm ruộng đất, cưỡng bức con gái

Điều 337 : Nhà quyền thế dung nạp bọn vô lại không có hộ khẩu

Điều 338 : Nhà quyền thế ức hiếp lấy con gái lương dân

Điều 339 : Mỗi lái đàn bà có tội đang trốn tránh làm vợ người khác

Điều 340 : Không phải ngành chính mà tranh chấp quyền làm phụ đạo

Điều 341 : Nô tỳ của nhà nước cấp cho, nếu là vợ con kẻ phản nghịch thì không được đem bán

6. CHƯƠNG ĐIỂN SÀN

Điều 342 : Bán ruộng đất của công cấp cho

Điều 343 : Chiếm ruộng đất công quá hạn định

Điều 344 : Nhận bữa ruộng đất của người khác

Điều 345 : Giấu số ruộng đất đầm ao của công

Điều 346 : Cấy ruộng công quá kỳ hạn không nộp thóc

Điều 347 : Quy chế chia ruộng công cho dân địa phương, và thu lại khi cần thiết

Điều 348 : Chứa đất lập trang trại chứa chấp dân trốn tránh

Điều 349 : Quan lại không tuân trình thiên tai ở địa phương mình cai quản

Điều 350 : Số ruộng hoang không chia cho dân khai khẩn

Điều 351 : Thu thuế thóc lúa mà giấu bớt không đúng sự thật

Điều 352 : Đầm ao, đất công cho phép dân sử dụng và nộp thuế đúng hạn định

Điều 353 : Ruộng đất công bị dân chiếm đã lâu

Điều 354 : Tranh giành nhà đất không đúng chức phận

Điều 355 : Hà hiếp bức hại để mua ruộng của người khác

Điều 356 : Tá điền cấy rẽ mà trở mặt tranh cướp

Điều 357 : Xâm lấn bờ cõi ruộng đất, nhổ bỏ giới mốc

Điều 358 : Chặt cây trong khu mộ địa của người khác

Điều 359 : Cấy trộm vào đất phần mộ của người khác, chôn cất trộm vào ruộng của người khác

Điều 360 : Ruộng đất đang tranh chấp, mà đánh người để gạt lấy lúa má

Điều 361 : Cấy rẽ ruộng công hay tư, không báo cho chủ mà tự tiện đến gặt

Điều 362 : Quy định phân xử tạm thời về số lúa trên ruộng đất đang tranh chấp

Điều 363 : Mua nô tỳ không đệ trình văn tự

- Điều 364 :** Nô tỳ ương ngạch đòi trở về làm dân thường
- Điều 365 :** Tự tiện thích chữ vào con cái người khác, bán dân đinh làm nô tỳ
- Điều 366 :** Người không biết chữ muốn viết chúc thư văn khế phải nhờ xã quan viết thay và chứng kiến
- Điều 367 :** Quan lại địa phương phải trông nom sản vật ở địa phương của mình
- Điều 368 :** Khai trình số ruộng đất ao đầm để thu thuế không đúng sự thực
- Điều 369 :** Các sản vật sử dụng cho quốc phòng cần phải tâu trình lên
- Điều 370 :** Chiếm đoạt đất đai của lương dân
- Điều 371 :** Phải có kế hoạch săn bắt ác thú ở địa hạt
- Điều 372 :** Quan lại lạm dụng quyền chức chiếm đoạt ruộng đất của công, nuôi nô tỳ quá hạn định
- Điều 373 :** Cấy đất công mà khai gian là cấy đất của quan nha
- Điều 374 :** Quy định chia điền sản cho người thừa kế và các con
- Điều 375 :** Chia nhau điền sản không có chúc thư để lại
- Điều 376 :** Vợ chồng đã có con, nếu một người chết trước thì số điền sản thuộc về người còn sống
- Điều 377 :** Chồng chết, con còn nhỏ, vợ cải giá mà bán điền sản của con
- Điều 378 :** Cha mẹ còn sống mà bán trộm điền sản

- Điều 379 :** Người trưởng họ tự tiện bán ruộng của đứa cháu mồ côi
- Điều 380 :** Con nuôi có giấy ghi nhận thì được phân chia điền sản
- Điều 381 :** Con nuôi nhà họ khác rồi, không được về nhà tranh đất với anh em ruột
- Điều 382 :** Bán trộm ruộng đất của người khác
- Điều 383 :** Ruộng đất cầm cố chưa chuộc lại đã đem bán cho người khác
- Điều 384 :** Ruộng đất cầm cố muốn chuộc không được chuộc, không muốn chuộc cứ ép phải chuộc
- Điều 385 :** Tranh chấp ruộng đất mà mượn người làm chứng gian dối
- Điều 386 :** Nô tỳ bán trộm ruộng đất của chủ
- Điều 387 :** Con trai con gái đến tuổi lao động không chịu cấy cấy lại để ruộng đất cho người khác cấy cấy
- Điều 388 :** Cha mẹ chết không có chúc thư mà anh chị em tự ý chia nhau đất đai
- Điều 389 :** Lập người phụng sự hương hỏa phải coi trọng dòng đích
- Điều 390 :** Cha mẹ liệu tuổi tác mà làm chúc thư, trưởng họ phải theo chúc thư mà phân xử
- Điều 391 :** Không có con trai thì dùng con gái trưởng trông nom ruộng hương hỏa
- Điều 392 :** Ruộng hương hỏa giao cho con thứ, nếu con trưởng không đủ tư cách

- Điều 393 :** Ruộng hương hỏa giao cho con trai, không kể con vợ cả vợ lẽ
- Điều 394 :** Quyền tạm giữ ruộng hương hỏa khi dòng đích đi vắng
- Điều 395 :** Ruộng hương hỏa giao cho con trai, cháu trai, nếu không có thì giao cho cháu gái ngành trưởng
- Điều 396 :** Hướng dẫn cách chia hương hỏa một trường hợp cụ thể
- Điều 397 :** Hướng dẫn cách chia hương hỏa một trường hợp cụ thể khác
- Điều 398 :** Quyền hưởng hương hỏa họ trong 4 đời vẫn thuộc về cháu trai
- Điều 399 :** Không chia ruộng hương hỏa của cụ cao tổ 5 đời
- Điều 400 :** Cấm bán ruộng hương hỏa

7. CHƯƠNG THÔNG GIAN

- Điều 401 :** Gian dâm với vợ cả vợ lẽ người khác
- Điều 402 :** Quyến rũ con gái chưa có chồng
- Điều 403 :** Cưỡng dâm
- Điều 404 :** Gian dâm với cháu gái nhỏ từ 12 tuổi trở xuống
- Điều 405 :** Thông dâm với vợ người khác
- Điều 406 :** Gian dâm với vợ kế nàng hầu của ông, cha hoặc với mẹ nuôi, mẹ kế, bác, thím, cô, dì.
- Điều 407 :** Đày tớ gian dâm với vợ, con gái, con dâu của chủ
- Điều 408 :** Gian dâm trong cung cấm

- Điều 409 :** Ngục quan ngục lại gian dâm với đương sự
- Điều 410 :** Đã bắt được gian phu còn đánh chết

8. CHƯƠNG ĐẠO TẮC

- Điều 411 :** Mưu mô làm việc đại nghịch
- Điều 412 :** Mưu mô theo giặc phản nước
- Điều 413 :** Làm sách tà thuật hay nói điều quái gỡ
- Điều 414 :** Bịa đặt thuật số bói toán để mưu phản loạn
- Điều 415 :** Chủ mưu giết người
- Điều 416 :** Chủ mưu giết bậc tôn trưởng hay ông bà cha mẹ
- Điều 417 :** Nô tỳ mưu mô giết chủ
- Điều 418 :** Bày mưu giết sứ giả của vua
- Điều 419 :** Hòa giải với kẻ giết hại ông bà cha mẹ chồng
- Điều 420 :** Giết hại 3 người trong một gia đình
- Điều 421 :** Dùng thuốc độc hại người hay bán thuốc độc
- Điều 422 :** Giết hại người khác bằng các thủ đoạn dã man
- Điều 423 :** Dùng tà thuật bùa chú để hại người
- Điều 424 :** Nuôi dạy con vật độc để hại người khác
- Điều 425 :** Tự tiện giết kẻ sát nhân
- Điều 426 :** Cướp của giết người
- Điều 427 :** Tổ chức cướp tù phạm
- Điều 428 :** Ăn cướp rồi lại hiếp dâm
- Điều 429 :** Các loại ăn trộm
- Điều 430 :** Lấy trộm ấn tín của vua và đồ ngự dụng

- Điều 431 : Lấy trộm đồ thờ ở lăng miếu
Điều 432 : Lấy trộm đồ thờ ở đền chùa
Điều 433 : Lấy trộm và phá hủy tượng thần phật
Điều 434 : Quân túc vệ lấy trộm của nhau trong cung
Điều 435 : Nhân lúc có lụt cháy trộm cướp mà bức hại cướp đoạt của người khác
Điều 436 : Dọa nạt người để cướp của đoạt của cải
Điều 437 : Quan lại tự tiện lấy của trong kho
Điều 438 : Lấy trộm đồ vật của sứ thần nước ngoài
Điều 439 : Ăn trộm của cải của người họ hàng thân thích cùng chung sống
Điều 440 : Con cháu dắt trộm về nhà
Điều 441 : Đầy tớ ăn trộm của chủ
Điều 442 : Đào trộm mả của người khác để lấy của
Điều 443 : Đào mả thấy tử thi, hun chuột bữa bãi làm hư hỏng phần mộ
Điều 444 : Lấy trộm trâu ngựa thuyền bè
Điều 445 : Đánh trộm cá ở ao nhà người khác
Điều 446 : Bắt trộm gà lợn, xúc trộm lúa má
Điều 447 : Quân lính được tuyển dụng, oán hận nhà chức trách mà phá hoại gia sản của họ
Điều 448 : Ăn trộm văn tự cầm cố
Điều 449 : Bỏ tiền mua đồ vật của công
Điều 450 : Ban đêm vô cơ vào nhà người khác
Điều 451 : Người Man Liêu cướp bóc giết hại lẫn nhau

- Điều 452 : Người Man Liêu cướp bóc dân chúng ở biên giới
Điều 453 : Bắt người đem bán làm nô tỳ, giết người cướp của
Điều 454 : Kẻ đồng mưu với bọn ăn cướp
Điều 455 : Vương công thế gia chứa chấp bọn trộm cướp
Điều 456 : Đầy tớ đi ăn trộm ăn cướp mà chủ không trình báo
Điều 457 : Con cái ở chung với cha mẹ mà trộm cướp thì bắt tội cha mẹ
Điều 458 : Có trộm cướp mà quan sở tại không đến ứng cứu
Điều 459 : Bắt được kẻ cướp lại tự tiện thả ra
Điều 460 : Nhận đồ vật của kẻ trộm
Điều 461 : Quan sẵn bắt cướp ý thế vu cáo cho người khác
Điều 462 : Bắt được trộm cướp, tự tiện lấy đồ vật đem đi không trả lại cho người mất của
Điều 463 : Bọn gian phi xảo trá ở hương thôn
Điều 464 : Dân đinh chưa lên lão đã tự xưng là cư sĩ rồi tụ hội làm bậy

9. CHƯƠNG ĐẤU TỤNG

- Điều 465 : Đánh người bằng chân tay không, hay bằng gậy gộc
Điều 466 : Các hạng thương tích do đánh người gây ra
Điều 467 : Cố ý đánh chết người
Điều 468 : Quy định thời gian nuôi dưỡng kẻ bị thương do đánh nhau

- Điều 469 : Đồng mưu đánh người bị thương
Điều 470 : Cây thế bắt trói người bữa bãi
Điều 471 : Đôi bên đánh nhau cùng bị thương
Điều 472 : Kẻ dưới đánh quan lại, quan lại đánh lẫn nhau
Điều 473 : Kẻ dưới mắng nhiếc quan lại, quan lại mắng nhiếc nhau
Điều 474 : Đánh người trong hoàng tộc
Điều 475 : Chửi đánh ông bà cha mẹ
Điều 476 : Vợ chửi đánh ông bà cha mẹ chồng
Điều 477 : Đánh cha mẹ họ hàng bên vợ, anh chị em rể
Điều 478 : Đánh họ hàng nội ngoại các thứ bậc...
Điều 479 : Đánh kế phụ, vợ con chồng trước...
Điều 480 : Nô tỳ đánh chủ nhà...
Điều 481 : Vợ đánh chồng, vợ lẽ đánh vợ cả...
Điều 482 : Chồng đánh vợ, vợ cả đánh vợ lẽ
Điều 483 : Vợ đánh họ hàng nhà chồng, bậc tôn trưởng đánh vợ kẻ dưới
Điều 484 : Chị dâu đánh em chồng
Điều 485 : Ông bà cha mẹ bị đánh, con cháu ra đánh trả lại
Điều 486 : Nô tỳ đánh chủ cũ
Điều 487 : Đánh sứ giả nhà vua
Điều 488 : Quan giúp việc đánh quan trưởng
Điều 489 : Học trò đánh thầy học
Điều 490 : Chủ nô đánh chết nô tỳ
Điều 491 : Đánh mắng sứ giả nước ngoài

- Điều 492 : Đánh lại ngục quan
Điều 493 : Đánh lại người thi hành công vụ
Điều 494 : Quan giám lâm đánh chết phu dịch
Điều 495 : Sứ giả đánh chửi nhau làm nhục quốc thể
Điều 496 : Chửi bới vợ quan đang tại chức
Điều 497 : Khi đánh nhau đánh lẫn phải người xung quanh
Điều 498 : Do chơi đùa làm bị thương hay chết người khác
Điều 499 : Do làm lỡ làm người khác bị thương hay chết
Điều 500 : Biết được có mưu đại nghịch mà không tố cáo
Điều 501 : Vu cáo người khác có mưu đại nghịch
Điều 502 : Vu cáo cho người khác không đúng sự thực
Điều 503 : Vu cáo cho bậc tôn trưởng, họ hàng cha mẹ chồng
Điều 504 : Con cháu tố cáo ông bà cha mẹ, nô tỳ tố cáo chủ
Điều 505 : Tố cáo các quan tại chức
Điều 506 : Con cháu ngang ngạnh bị ông bà cha mẹ trình quan
Điều 507 : Kẻ đang có án sự không có quyền tố cáo
Điều 508 : Tố cáo người khác thì phải ghi đích thực, không được nói là còn ngờ
Điều 509 : Làm đơn kiện cáo phải báo quan ty
Điều 510 : Làm đơn kiện người mà tiền hậu bất nhất
Điều 511 : Con cháu kiện ông bà. Đôi bên thông gia kiện nhau

Điều 512 : Anh em ruột tranh giành kiện tụng

Điều 513 : Xui giục người kiện tụng, làm hồ đơn kiện cáo

Điều 514 : Đã xét xử xong, còn cố tranh chấp kiện cáo

10. CHƯƠNG TRÁ NGỰ

Điều 515 : Làm giả ấn của thái thượng hoàng, ấn của hoàng đế

Điều 516 : Làm giả ấn các sảnh viện

Điều 517 : Dùng ấn giả đóng vào sổ sách, sắc mệnh, văn bằng

Điều 518 : Làm giả môn phù, binh phù để đi lại

Điều 519 : Làm giả chiếu chế của triều đình

Điều 520 : Dâng thư đối trá không đúng thực

Điều 521 : Làm giả hay thêm bột vào công văn

Điều 521 : Đúc trộm tiền đồng

Điều 523 : Làm vàng bạc giả

Điều 524 : Tương hiệu tâu số lính không đúng thực

Điều 525 : Quân dân cố ý tạo ra thương tật để tránh quân dịch

Điều 526 : Khai man vào họ tôn thất nhà vua

Điều 527 : Giả mạo là quan tait chức

Điều 528 : Giả mạo tập ấm

Điều 529 : Giả mạo quan quản giám các công trường

Điều 530 : Giả mạo làm quan coi chợ

Điều 531 : Giả mạo vâng chỉ của vua đi bắt người

Điều 532 : Giả mạo là sứ giả của vua để đi xem xét công việc

Điều 533 : Tự tiện dựng bia đặt mốc để lấn chiếm đất

Điều 534 : Giả mạo làm chúc thư, văn tự

Điều 535 : Giả mạo công văn giấy tờ

Điều 536 : Nhận bậy lương dân là vợ con, nô tỳ

Điều 537 : Phao tin đồn nhảm ở biên thùy có giặc

Điều 538 : Bịa đặt ra diềm lành dữ

Điều 539 : Xúi giục người khác phạm pháp

Điều 540 : Sử dụng trộm ngựa của vua

Điều 541 : Giả chết để tránh phu thuế

Điều 542 : Thầy thuốc chữa bệnh cố ý dằng dai để kiếm tiền

Điều 543 : Không để đại tang cha mẹ

Điều 544 : Thầy thuốc đồng tình với kẻ giả ốm, giả chết

Điều 545 : Đối trá khiến người khác bị thương

Điều 546 : Làm chứng không nói rõ sự thực, phiên dịch sai ý

Điều 547 : Bề tôi tâu việc đối trá

Điều 548 : Tự tăng chức tước cho mình

Điều 549 : Kẻ hầu cận nói dối là được cử đi dò xét

Điều 550 : Giả truyền chiếu chỉ của vua, lệnh chỉ của thái tử

Điều 551 : Dùng kế lừa dối quan ty lấy tiền

Điều 552 : Khai gian là có chức sắc

11. CHƯƠNG TẬP LUẬT

Điều 553 : Phóng ngựa nghênh ngang trong kinh thành

Điều 554 : Bắn cung tên, phóng đạn vào thành

Điều 555 : Thi đấu võ nghệ lại bắn vào người

Điều 556 : Đặt cạm bẫy

Điều 557 : Gây rối loạn trong chợ làm người ta sợ hãi

Điều 558 : Quan giám lâm tự tiện vay của công

Điều 559 : Người coi kho làm hư hỏng đồ vật

Điều 560 : Lãng phí của công

Điều 561 : Gây khó dễ cho việc thu chi

Điều 562 : Người trông coi tự tiện sử dụng đồ vật công đã niêm phong đóng dấu

Điều 563 : Quan thu phát của công mà làm trái luật

Điều 564 : Người giữ của công để mất sổ sách, làm nhầm thứ mục

Điều 565 : Đánh mất đồ vật hay ấn tín của quan nha

Điều 566 : Xem trộm công văn giấy tờ có dấu niêm phong

Điều 567 : Những việc xây dựng lớn không trình báo quan trên

Điều 568 : Xây dựng không phòng hộ kỹ càng để xảy tai nạn chết người

Điều 569 : Chế tạo đồ ngự dụng chưa có chỉ báo đã làm

Điều 570 : Dân phu thợ thuyền lần khăn không đến làm

Điều 571 : Quan lại bắt dân phu làm việc riêng cho mình

Điều 572 : Dân phu binh lính đang thi hành công vụ bị đau ốm, không được quan chủ ty trông coi

Điều 573 : Làm nhà mở vườn xâm lấn đường quan lộ

Điều 574 : Chiếm cứ núi rừng ao đầm của công chiếm hoa lợi

Điều 575 : Tự tiện dời cầu đổi bến

Điều 576 : Buôn bán trong chợ, người coi chợ không tuân theo lệ định

Điều 577 : Làm việc trong bếp nhà vua hay trong bếp các quan đại thần lại ý thể mua rẻ

Điều 578 : Nuôi súc vật của công mà giấu hay bán đi

Điều 579 : Nhận giữ súc vật và của cải của người khác mà tự tiện tiêu dùng

Điều 580 : Tự tiện giết trâu ngựa

Điều 581 : Thả trâu ngựa phá hoại hoa màu của dân

Điều 582 : Súc vật húc đá gây thương tổn cho người khác

Điều 583 : Lính quân tượng để voi phá phách dân cư

Điều 584 : Nhận bừa trâu ngựa thuyền bè của người khác là của mình

Điều 585 : Trâu hai nhà đánh nhau, con sống để cày chung, con chết giết thịt ăn chung

Điều 586 : Bắt được trâu ngựa hay thuyền lạc không trình quan

Điều 587 : Tỷ lệ lấy lãi tiền cho vay

Điều 588 : Nợ quá hạn không trả

Điều 589 : Đã trả xong nợ mà cố ý không trao lại văn tự

- Điều 590 :** Con nợ bỏ trốn nhờ người bảo lãnh chịu thay
- Điều 591 :** Không trình quan trên mà tự ý tịch thu đồ vật của con nợ
- Điều 592 :** Quan lại mắc nợ dùng tài sản thay thế
- Điều 593 :** Cấm người Kinh không được cho người Man Liêu vay tiền
- Điều 594 :** Giấu giếm đồ vật của công
- Điều 595 :** Tùỵ tiện thu thuế của dân Man Liêu
- Điều 596 :** Phá trộm đê điều làm tổn hại tài sản chung
- Điều 597 :** Đào trộm lăng tẩm của các đế vương
- Điều 598 :** Phá hủy đàn tế lớn của nhà nước
- Điều 599 :** Phá hủy đền thờ của các đế vương
- Điều 600 :** Tự ý phá tượng ở các đền thờ
- Điều 601 :** Chặt phá cây cối và lúa má của người khác
- Điều 602 :** Bắt được của công phải đem nộp quan trên
- Điều 603 :** Cho thuê thuyền lại cái là không cho thuê
- Điều 604 :** Bắt được trẻ lạc phải báo quan
- Điều 605 :** Không trông nom tử tế để đứa trẻ lạc bị chết
- Điều 606 :** Đào được của chôn dưới đất nhà người khác
- Điều 607 :** Có người chết đường, dân sở tại phải chôn cất
- Điều 608 :** Vứt xác người vào nhà người khác
- Điều 609 :** Cấm đốt lửa trong kho tàng
- Điều 610 :** Thấy đám cháy mà không đi báo hay không ứng cứu kịp thời

- Điều 611 :** Do gặp thiên tai hoặc giặc cướp mà mất công văn giấy tờ thì phải trình báo
- Điều 612 :** Các quan ty tự tiện đi ra cửa biển Văn Đồn
- Điều 613 :** Quân lính biên giới giấu giếm người nước ngoài
- Điều 614 :** Các trang trại ven biển tự tiện đón tiếp thuyền buôn
- Điều 615 :** Người trong Văn Đồn chở hàng lậu
- Điều 616 :** Quan ty tự tiện đi riêng ra biển kiểm soát thuyền buôn của nước ngoài
- Điều 617 :** Để xảy ra hỏa hoạn trong kinh thành
- Điều 618 :** Làm sổ bạ tịch phải bẩm trình quan đầu hạt
- Điều 619 :** Bắt quân dân phục dịch việc quan phải tuân theo kỳ hạn
- Điều 620 :** Quan chức cùng làm một chỗ mà bất hòa
- Điều 621 :** Làm giả đồ dùng trong cung, hay nha dịch làm mất vật dụng của công
- Điều 622 :** Quân đội không rèn tập voi ngựa tốt
- Điều 623 :** Quan lại không được tự tiện điều động trạm tốt làm việc, kể cả khi có việc quân khẩn cấp
- Điều 624 :** Quan lại ở các viện cục nếu ai không trung thành
- Điều 625 :** Các quan đại thần nếu biết việc có hại mà không giải bày can ngăn, lại a dua vâng theo
- Điều 626 :** Tội nhận đáng được tha, các quan đại thần lại nói dối là do mình xin cho để đòi hối lộ

Điều 627 : Kẻ gây nhiều tội ác

Điều 628 : Kẻ đầu sỏ hàng giặc

Điều 629 : Con cháu bọn con hát, phường chèo không được đi thi

Điều 630 : Nhận của cải che giấu cho kẻ bị tội

Điều 631 : Phá hoại chùa quán cầu cống, bia kê

Điều 632 : Quan lại tự tiện xuống các làng xã sách nhiễu nhân dân

Điều 633 : Quan lại phải chăm lo sửa sang đường sá cầu cống

Điều 634 : Người đi hộ tống để thiệt hại đồ dùng vật dụng của công

Điều 635 : Ngồi rảnh trong kinh thành hay làng quê phải khơi thông

Điều 636 : Quan lại tự tiện bắt dân trong hạt phục dịch

Điều 637 : Quan lại say mê tửu sắc làm hại việc quan

Điều 638 : Quan lại vay mượn của dân, hay cho dân vay để lấy lãi cao

Điều 639 : Quan lại tự tiện lấy của dân để làm việc riêng

Điều 640 : Ăn mặc lối lăng quái gở

Điều 641 : Các vương công quyền thế không được nuôi hổ

Điều 642 : Làm những việc không được phép

Điều 643 : Phạm nhân đốt da để xóa chữ bi thích

Điều 644 : Có của ngon vật lạ mà không dâng vua

12. CHƯƠNG BỘ VONG

Điều 645 : Tướng lĩnh đi bắt kẻ trốn chạy mà không hoàn thành nhiệm vụ

Điều 646 : Tội nhân bỏ trốn bị người đi bắt đánh chết hay tự sát

Điều 647 : Không giúp sức đuổi bắt tội phạm

Điều 648 : Để lộ việc truy bắt tội phạm

Điều 649 : Bắt quả tang kẻ hành hung thì có quyền trói nộp lên trên

Điều 650 : Tù nhân đang thi hành án mà bỏ trốn thì xử nặng hơn

Điều 651 : Người coi tù để tù nhân trốn thoát

Điều 652 : Kẻ bị tù giam chống lại ngục quan để chạy trốn

Điều 653 : Người trốn ra nước ngoài xử như tội phản nghịch

Điều 654 : Che giấu cho kẻ có tội

Điều 655 : Phu thợ đang phục dịch mà bỏ trốn

Điều 656 : Người ở đợ làm thuê bỏ trốn

Điều 657 : Thôn xã làng ấp chứa chấp kẻ bỏ trốn

13. CHƯƠNG ĐOÁN NGỤC

Điều 658 : Tù phạm đối xử không đúng quy định

Điều 659 : Tự tiện giam tội nhân ở nơi không đúng quy định

Điều 660 : Quan hình ngục phải đến ngục thất kiểm soát

Điều 661 : Đưa cho tù nhân dao hay vật nhọn

- Điều 662 :** Kẻ tử tù nhờ người quen thuộc thân thích giết người trả thù
- Điều 663 :** Chăm sóc tù nhân các hạng không đúng quy định
- Điều 664 :** Cai ngục nhận của dút lót mà mách bảo lời cung
- Điều 665 :** Tù phạm cao tuổi hoặc vị thành niên thì không được tra tấn
- Điều 666 :** Cách thức lấy khẩu cung và lời phản cung
- Điều 667 :** Lấy khẩu cung không cần thiết phải tìm chứng cứ quá rộng
- Điều 668 :** Hỏi cung phải thấu đạt tình lý, cần thiết tra hỏi nhiều lần
- Điều 669 :** Tra khảo tội phạm không được quá 3 lần
- Điều 670 :** Xử án phải dựa theo lời cáo trạng
- Điều 671 :** Quan xử án chậm trễ không đúng kỳ hạn. Kẻ phạm tội không đến hầu kiện
- Điều 672 :** Quyền hạn xử kiện của các cấp
- Điều 673 :** Khi khám xét, quan ty coi ngục tụng phải đích thân xem xét. Bắt người phải có lính đúng ngạch
- Điều 674 :** Quan xử án thiên vị bao che cho người quyền quý phạm tội
- Điều 675 :** Phân cấp xét xử cho các quan ở các cấp
- Điều 676 :** Ngày tết nguyên đán, ngày quốc kỵ mà xử án tử hình
- Điều 677 :** Khi cần đổi chất không cho đổi chất

- Điều 678 :** Tiền bồi thường không trao cho người được bồi thường
- Điều 679 :** Xử tội không đúng luật quy định
- Điều 680 :** Đàn bà bị tội đang có thai, thì để sinh nở xong mới thi hành án
- Điều 681 :** Thay đổi lệ định của triều trước
- Điều 682 :** Quan giám lâm đánh chết hoặc bức tử người tù
- Điều 683 :** Khi luận tội phải dẫn đủ chính văn
- Điều 684 :** Việc phải tâu lên mà không tâu, phải đợi mà không đợi
- Điều 685 :** Không được cứng nhắc viện dẫn sắc chế của vua
- Điều 686 :** Xét án cố ý thêm bớt tội cho người ta
- Điều 687 :** Có tờ kêu oan được phép trình bày
- Điều 688 :** Án xin xét lại thì đưa sang ty khác xét xử
- Điều 689 :** Xin né tránh ngục quan nào đó thì chuyển cho Thẩm hình viện xem xét
- Điều 690 :** Gặp dịp ân xá thì theo chiếu chỉ mà ân xá
- Điều 691 :** Án xét tội nhẹ, tình lý đáng ngờ thì giao cho Thẩm hình viện xem xét lại
- Điều 692 :** Quan lại cao cấp đã thành án, mà ngục quan không tâu lên vua
- Điều 693 :** Những người đáng bắt làm nô tỳ lại tha cho
- Điều 694 :** Hình quan ngục quan xử án không đúng luật quy định
- Điều 695 :** Áp giải tù nhân chậm trễ để tù nhân trốn mất

Điều 697 : Tang vật bị tịch thu

Điều 698 : Quan ở lộ phủ nhận đơn kiện bừa bãi

Điều 699 : Quan sảnh viện nhận đơn kiện không trình sang ngục quan

Điều 700 : Ngục lại thêm bớt vào đơn kiện, hay tự tiện tâu hộ

Điều 701 : Tự tiện thay đổi người mang trát đi bắt tù

Điều 702 : Bắt người bị kiện phải thông qua huyện lộ sở

Điều 703 : Bắt người Man Liêu phạm tội phải trình quan trông coi dân Man Liêu

Điều 704 : Bắt phạm nhân lại lấy tiền của phạm nhân

Điều 705 : Thu cất tang vật làm của riêng

Điều 706 : Ngục lại viết hộ đơn từ, hướng dẫn lời cung kh

Điều 707 : Vô cớ hành hạ đánh đập tù nhân

Điều 708 : Nếu thấy nghi ngờ thì giảm tội

Điều 709 : Xử án không đúng nơi quy định

Điều 710 : Cường lại không nhận bản án

Điều 711 : Dung túng, xúi giục kiện tụng

Điều 712 : Xét xử có chỗ không minh bạch

Điều 713 : Tội danh đã rõ ràng lại xử kiện không đúng

Điều 714 : Tư cách của người làm chứng

Điều 715 : Xúi giục tội nhân vu cáo cho dân lương thiện khác

Điều 719 : Xét án đã xong trình lên

Điều 720 : Ngày quyết án các quan phải hội đồng xem xét kỹ càng

Điều 721 : Định rõ tội danh phải báo ngày cho tội nhân biết để phục tội

Điều 722 : Hình quan tự ý thêm bớt tội danh đã có trong luật

33

260

299

297

MỤC LỤC

* Lời Nhà xuất bản

* Lời nói đầu

LUẬT HÌNH TRIỀU LÊ QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT

- ĐỒ GIẢI 5 HẠNG ĐỂ TANG
- BIỂU ĐỒ ĐỂ TANG 9 BẬC HỌ NỘI
- ĐỒ HÌNH CỤ
- QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT MỤC LỤC

QUYỂN I

Chương Danh lệ (Tên gọi luật lệ)

Chương Vệ cấm (Canh giữ bảo vệ)

QUYỂN II

Chương Vi chế (Làm trái pháp luật)

Chương Quân chính

QUYỂN III

Chương Hộ hôn (Hôn nhân gia đình)

Chương Di sản

Chương Thống gian

QUYỂN IV

Chương Đạo tặc (Trộm cướp) 160

Chương Đấu tụng (Đánh nhau kiện cáo) 177

QUYỂN V

Chương Trá ngục (Gian dối) 196

Chương Tạt luật 206

QUYỂN VI

Chương Bộ vong (Bắt tội phạm chạy trốn) 231

Chương Đoán ngục (Xử án) 236

BẢNG TÓM TẮT CHƯƠNG - ĐIỀU 260

Trang

5

7

24

24

28

29

30

48

65

106

119

136

157